

**TÌNH ĐỘ ĐẠI KINH  
GIẢI DIỄN NGHĨA**

QUYỂN 7





**Chủ giảng: LÃO PHÁP SƯ TỊNH KHÔNG**

**\*\*\*\*\***

*Trưởng ban biên dịch:*

**TK. Thích Đồng Bổn**



# **TỊNH ĐỘ ĐẠI KINH GIẢI DIỄN NGHĨA**

淨土大經解演義

**QUYỂN 7**

*(Tập 61 – 70)*

**NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC**



# **TỊNH ĐỘ ĐẠI KINH GIẢI DIỄN NGHĨA**



**TẬP 61**



**Giảng ngày: 18 tháng 6 năm 2010**  
**Phật Đà Giáo Dục Hiệp Hội- HongKong**  
**Chuyển ngữ: Tử Hà Biên tập: Bình Minh**



**C**hur vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời xem tiếp *Đại thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải*, trang 58, dòng thứ 8.

*“Đệ thập: Chủ bạn viên minh cụ đức môn. Hoành thụ vạn pháp thành vi Nhất đại duyên khởi, pháp pháp giao triệt, cố tùy cử nhất pháp, kỳ tha nhất thiết pháp tức bạn chi nhi duyên khởi, diệt tức cử nhất pháp vi chủ, tắc kỳ tha nhất thiết pháp giai vi bạn, nhi phó ư thủ nhất pháp cánh dĩ tha pháp vi chủ, tức dư pháp thành bạn nhi tận tập chi. Cố nhất pháp viên mãn nhất thiết pháp chi công đức, thị danh viên mãn cụ đức”* (Mười, Môn Chủ - Bạn viên minh cụ đức. Ngang-dọc vạn pháp thành là duyên khởi của một đại, pháp pháp thấu triệt nhau, nên tùy đưa ra một pháp, thì hết thấy pháp khác là bạn cùng duyên khởi, cũng tức là đưa ra một pháp làm Chủ, thì hết thấy pháp khác là Bạn, rồi lại giao cho một pháp khác lấy pháp đó làm Chủ, tức các pháp khác còn lại làm Bạn, cứ thế cho đến hết thấy pháp. Vì thế, một pháp viên mãn công đức của hết thấy pháp. Đó gọi là viên mãn cụ đức).

Đây là môn cuối cùng của Thập Huyền, giống như những bài văn, thường môn đầu tiên là tổng cương, môn cuối cùng là tổng kết, đều rất quan trọng, nhất là môn tổng kết này vô cùng thù thắng. Thế nào là chủ? Thế nào là bạn? Thế nào gọi là viên mãn cụ đức? Trong đoạn này đều giải thích rõ.

*“Hoành thụ vạn pháp”*, 8 môn trước nói về hoành, môn thứ 9 nói về thụ. Hoành là gì? Hoành là nói về không gian, hoành biến mười phương. Thụ là nói về thời gian, quá khứ, hiện tại, vị lai; thụ cùng tam tế, nghĩa là bao gồm hết cả vũ trụ, không cái gì lọt ra ngoài. Pháp của thế gian và xuất thế gian không rời thời gian và không gian. Trong Phật pháp gọi là hoành thụ. Muôn sự muôn vật trong thời gian và không gian gọi là vạn pháp, chúng ta cũng ở trong đó. Chẳng riêng con người ở trong đó, tất cả động vật ở trong đó, hoa cỏ cây cối ở trong đó, sơn hà đại địa ở trong đó. Vô lượng tinh cầu, tinh hệ đều ở trong đó. Bất đồng không gian duy thứ cũng ở trong đó.

Trước đây nói, tương dung tương tức, trùng trùng vô tận, đó là gì? Là tự tính! Trong kinh, đức Phật thường nói, tự tính *“pháp nhĩ như thị”* (pháp này vốn là như vậy). Không phải do con người làm, nên không phải sáng tạo ra, bởi Tính đức vốn là như vậy. Trong giáo pháp Đại thừa, đức Phật thường dùng một câu để miêu tả, gọi là bất khả tư nghị. Quý vị không thể suy nghĩ, chắc chắn suy nghĩ không tới, nếu quý vị suy nghĩ, càng nghĩ càng phức tạp. Vì sao? Vì nghĩ chính là thức thứ 6. Công năng của thức thứ 6 là năng biến, vạn pháp là sở biến, càng nghĩ nó biến hóa càng nhiều, cho nên không thể suy nghĩ.

Nghị có nghĩa là gì? Là nghị luận. Bất khả tư nghị là nói không được, không cách nào nói được. Bất khả tư nghị là

chân thật, nếu con người thật sự buông bỏ ý niệm, không suy nghĩ, không nói nữa. Lúc đó, chân tướng liền hiện tiền. Chỉ cần quý vị không suy nghĩ, không nói nữa, thì quý vị sẽ đại triệt đại ngộ.

Tính, Tướng, Lý, Sự, Nhân, Quả trong vũ trụ, đều ở trước mặt, quý vị hiểu được hết. Đạo lý gì vậy? Chắc quý vị đã hiểu, chúng ta học ở trong giảng đường nhiều năm như thế, quý vị không suy nghĩ điều gì, không nói điều gì, chẳng phải đã buông bỏ hết vọng tưởng, phân biệt, chấp trước rồi sao? Buông bỏ hết chẳng phải thành Phật rồi sao? Như thế quý vị sẽ thật sự nhập cảnh giới Hoa Nghiêm. Không nhập được, vì chúng ta vẫn còn tưởng, vẫn còn thảo luận, nghị luận, như thế không được đâu. Chỉ cần quý vị có tưởng, quý vị vẫn đang nghị luận, nói thiệt, đứng bên lề cũng không có phần.

Trong kinh *Hoa Nghiêm*, kinh *Hoa Nghiêm* là đại học Phật giáo. Trường học này là một ngôi trường viên mãn, từ tiểu học đến đại học, tiểu học lớp Một là Bồ tát Sơ Tín vị trong Thập Tín. Sơ Tín là Bồ tát tiểu học lớp Một, chúng ta vào đó được chăng? Không được. Vì sao? Vì điều kiện vào đó là phải buông bỏ tâm thô nhất. Phiền não thô nhất là kiến hoặc.

Trong tam giới: Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới, phải buông bỏ quan niệm sai lầm trong tam giới. Quan niệm sai lầm có rất nhiều, đức Phật quy nạp thành 88 phẩm. Phẩm nghĩa là

loại, chia thành 88 loại. Trong quá trình dạy học, đức Phật Thích Ca Mâu Ni dùng phương tiện thiện xảo, quy nạp 88 loại này thành 5 loại, như vậy dễ học, tiện lợi cho hàng sơ cơ.

Thứ nhất trong 5 loại là thân kiến. Lục đạo phàm phu chúng ta coi thân này là của ta. Đức Phật nói đây là điều thứ nhất trong kiến giải sai lầm. Thân là gì? Thân không phải là mình. Không phải là ta, vậy là gì? Thân là cái ta có, chứ không phải ta. Giống như quần áo, quần áo không phải ta, quần áo là cái ta có.

Quý vị nghĩ xem, chẳng những chúng ta nhìn sai, mà trong lục đạo, cõi Trời Dục giới, cõi Trời Sắc giới, cõi Trời Vô sắc giới, đều sai lầm, đều chấp thân này là ta. Cõi Trời Vô sắc giới thông minh hơn chúng ta. Vì sao? Bởi họ không có thân. Không có thân, nhưng họ chấp linh hồn là ta, vẫn là sai lầm! Linh hồn không phải là ta. Cái gì là ta? Linh tính mới là ta! Linh hồn không phải là mình. Vì sao? Vì linh hồn là giả không có thật. Sao gọi là giả? Bởi nó biến, nó có sinh diệt. Chân ngã bất sinh bất diệt. Có chăng? Có! Ở đâu? Ở ngay thân này.

Bộ phận nào trên thân? Kinh *Lăng Nghiêm* nói rất hay: Vua Ba Tư Nặc cũng không biết chân tướng sự thật này, thỉnh giáo với đức Phật Thích Ca Mâu Ni. Đức Phật nói cho vua biết chân tướng sự thật. Đức Phật có rất nhiều phương tiện, vua Ba Tư Nặc bằng tuổi với đức Phật Thích Ca Mâu

Ni. Đức Phật nói với vua về chân ngã. Chân ngã ở đâu? Đức Phật hỏi vua: Lần thứ nhất ông thấy sông Hằng, năm ấy bao nhiêu tuổi? Vua trả lời: Năm lên 3 tuổi, mẫu thân dẫn con đi ngang qua sông Hằng. Đây là lần đầu tiên con thấy sông Hằng. Đức Phật hỏi: Năm 3 tuổi, ông thấy sông Hằng, cái thấy thấy sông Hằng đó, và năm 13 tuổi, ông thấy sông Hằng, có khác biệt chăng? Không, không có khác biệt. Năm 23 tuổi thì sao? Cũng không khác biệt, con thấy rất rõ mà, lên 3 tuổi thấy như vậy, 13 tuổi thấy vẫn như vậy. Đức Phật hỏi, năm nay, ông bao nhiêu tuổi? Năm nay, con 62 tuổi.

Đức Phật nói, bây giờ ông thấy sông Hằng, và ngày xưa ông thấy sông Hằng có khác chăng? Không khác, thấy không khác. Đức Phật nói, năm nay ông 62 tuổi, so với 10 năm về trước, thân ông thế nào? Thân con không tốt, nó già suy rồi. So với 20 năm về trước thì sao? Lại càng già hơn. Đức Phật nói với vua: Ông xem thân của ông có già, nhưng cái thấy không già. Thân có biến hóa, mỗi ngày đều lão hóa, nhưng cái thấy của ông không già. Đức Phật nói tiếp: Có già là giả, không già là chân. Vua Ba Tư Nặc cũng là người thông minh, nên đã hiểu được.

Có biến là có sinh diệt. Thân này có sinh diệt. Tính thấy không diệt, không lão hóa, bất sinh bất diệt. Quý vị nói cặp mắt của tôi lão hóa. Cái đó không tính, đó là do cơ khí của quý vị có vấn đề, đeo mắt kính vào chẳng phải lại thấy rõ đó sao? Vì thế, đức Phật hỏi là hỏi tính thấy, cái mà quý vị thấy

được đó. Nói cách khác, cái quý vị nghe được, nghe được là tính nghe.

Căn tính lục căn là chân. Thân này diệt rồi, có sinh diệt diệt rồi, nhưng linh tính bất diệt, cái này mới thật là quý vị. Sao quý vị lại chấp thân này là mình? Sao có thể chấp nhãn; nhĩ, tỷ, thiệt, thân là mình được? Tự tính ở mắt gọi là thấy, tính thấy, ở tai gọi là tính nghe, ở lưỡi gọi là tính vị, lưỡi nếm vị, ở thân, thân là tiếp xúc. Căn tính lục căn, đức Phật thường nói phóng quang động địa. Đó là gì? Là tự tính quý vị. Căn tính lục căn là tự tính của chúng ta. Khi mê gọi là linh hồn, khi giác ngộ nó chính là tự tính. Khi mê rất đáng thương, không ra khỏi luân hồi lục đạo. Đó là gì? Vì chấp cái đó là mình, mê hoặc điên đảo. Khi ngộ rồi, giác mà không mê, không còn trong lục đạo, siêu việt lục đạo.

Do đó, trong pháp giới Tứ thánh gọi là linh tính, chứ không phải linh hồn. Tuy chưa thật sự giác ngộ, nhưng đã giác ngộ được một phần nào đó. Họ đã buông bỏ, A La Hán buông bỏ chấp trước, không còn chấp trước nên thành Chính Giác. Chính Giác là linh tính, chứ không gọi là linh hồn. Phàm phu lục đạo không giác. Không giác nên mới gọi là linh hồn. Kỳ thật hồn không linh, nó rất hồ đồ, đâu có linh! Mê hồn, đây là sự thật.

Khổng Lão Phu tử nói rất hay, phải chăng ông ấy biết được chân tướng? Ông ấy không nói rõ, chúng ta cũng đoán

chẳng ra. Trong *Dịch Hệ Từ Truyện*, bộ phận đó là trước tác của Khổng Tử, trong đó nói về một mẩu chuyện mang tên *Du Hồn*. “*Tinh khí vi vật, du hồn vi biến*” (Tinh khí là vật, du hồn là biến). Đầu thai trong lục đạo là gì? Là du hồn. Nói rất hay. Đạo Phật gọi là thần thức. A Lại Da đến đó đầu thai. Tiên lai hậu khứ làm chủ, nghĩa là nói về thần thức. Vì tốc độ của nó quá nhanh, tính nó không định, cho nên đúng là du hồn. Tốc độ rất nhanh, đi khắp nơi, không ổn định, cho nên Phu Tử gọi nó là du hồn. Phu Tử nói: “*Tinh khí vi vật*”, là vật chất, nói hay quá!

Các nhà khoa học lượng tử ngày nay nói vật chất là gì? Vật chất là tâm niệm, cũng gọi là tâm thức, tích lũy liên tục sinh ra huyền tượng là vật chất. Phu Tử nói “*Tinh khí vi vật*”. Tinh là chuyển tượng của A Lại Da, là kiến phần của A Lại Da; khí là nghiệp tượng của A Lại Da. Khí là trường, giới khoa học ngày nay gọi khí là trường, nghĩa là một hiện tượng dao động, ngày nay gọi là năng lượng. Khí là năng lượng, tinh là thông tin. Hai thứ này hợp lại thành hiện tượng vật chất. Bồ tát Di Lặc nói: “*Niệm niệm thành hình, hình giai hữu thức*”. Thức ở đây là tinh, tinh hoa. Năng lượng là khí.

Chúng ta cảm nhận như thế, càng thấy càng rõ ràng, Phu Tử đúng là hóa thân của chư Phật, Bồ tát, không đơn giản đâu. Sao ông ấy nói ra được những điều như vậy? Chúng ta đọc kinh bao nhiêu năm rồi, mà cũng chưa ngộ ra được. Nhưng ngày nay từ Phật pháp, từ trong lượng tử lực học,

chúng ta thấy có lý, không tệ tí nào, thế mới hiểu được đây là tam tế tướng của A Lại Da.

Đạo gia nói về tinh, khí, thần. Nếu đứng về mặt tinh, khí, thần mà nói, 3 từ này, từ nào thuộc về năng lượng? Từ nào thuộc về vật chất? Từ nào thuộc về thông tin? Đều có thể phối hợp được. Đạo Phật nói là tam tế tướng của A Lại Da, tam tế tướng là chủ tạo vật. Ta từ đâu đến? Ta từ tam tế tướng biến hiện ra. Bản thể của ta là gì? Là tự tính, là Tính đức. Vì sao có ta? Vì chấp trước thức thứ 7. Thức thứ 7 là Mạt Na, là ý căn. Chấp trước kiên cố, cho rằng Mạt Na là ta nên chấp trước không buông, cho nên gọi nó là thần thức. Vì có chấp trước, nên “tứ đại phiền não thường tương tùy”. Tứ đại phiền não, đầu tiên là chấp ngã. Chấp trước cái đó là ta, nên khởi lên tham, sân, si. Ngã ái là tham, ngã mạn là sân, thứ ba là ngã si.

Vì thế, gọi tham, sân, si là căn bản phiền não. Từ đâu mà có? Niệm đầu tiên mê là nó khởi lên ngay, theo ta khởi lên. Điều này cần nên biết. Nếu cái ta đoạn rồi, biết được cái đó chẳng phải ta, chẳng những thân không phải là ta, thần thức cũng không phải là ta.

Vấn đề được giải quyết rồi, giải quyết cái gì? Đoạn được tham, sân, si. Chỉ cần đoạn tham, sân, si là chứng được Chính Giác. Tuy địa vị Chính Giác không cao, chỉ là bậc A La Hán. Trong Vô Thượng Chính Đẳng Chính Giác, quý vị

đã chứng được Chính Giác rồi. Chứng Chính Giác thì không còn lục đạo nữa, miên viễn thoát ly lục đạo luân hồi, lục đạo không còn nữa. Lục đạo do chấp trước biến hiện ra. Có chấp trước là có lục đạo. Không còn chấp trước là không có lục đạo. Lục đạo không còn, nhưng còn phân biệt, còn phân biệt, chưa đoạn phân biệt, vẫn còn khởi tâm động niệm, đó là gì? Pháp giới Tứ thánh, là Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ tát, Phật trong mười pháp giới, vẫn còn huyễn tướng này tồn tại. Nó cũng không có thật. *“Phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng”* (Phàm những gì có tướng đều là hư vọng), nó không có thật.

Trong Đại thừa giáo gọi những người đó là phàm phu, gọi lục đạo là nội phàm, gọi pháp giới Tứ thánh là ngoại phàm, nghĩa là phàm phu ngoài lục đạo, không phải hàng thánh nhân. Hàng thánh nhân phải như thế nào? Phải minh tâm kiến tính mới là thánh nhân. Vì thế, tiêu chuẩn thánh nhân trong giáo pháp Đại thừa rất cao, phải là người phá một phẩm vô minh, chứng một phần pháp thân, thật sự minh tâm kiến tính, kiến tính thành Phật, đó mới là thánh nhân.

Kinh *Hoa Nghiêm* nói Bồ tát Sơ Trụ, từ Sơ Trụ đến Đẳng Giác, có 41 cấp bậc. 41 cấp bậc này gọi là nhân địa. Vì sao? Vì chưa đoạn tập khí phiền não vô thỉ vô minh. Đoạn tập khí rồi là quả vị cứu cánh, gọi là Diệu Giác. Quả vị Diệu Giác không ở cõi Thật Báo, vậy ở đâu? Ở cõi Thường Tịch Quang. Tịnh Tông gọi là Thường Tịch Quang. Thường Tịch Quang là

tự tính, hoàn toàn trở về tự tính một cách viên mãn. Những đạo lý, những sự việc này chẳng thể không biết.

Đức Phật từ bi dạy chúng ta điều gì? Dạy chúng ta trở về tự tính. Trở về cách nào? Nếu quý vị là hàng lợi căn, chỉ cần một câu là giải quyết xong, nghĩa là buông bỏ khởi tâm động niệm, phân biệt, chấp trước, quý vị sẽ chứng được Bồ tát Sơ Trụ của Viên Giáo, như thế là thành công rồi, sinh về Thật Báo Trang Nghiêm Độ. Ở đây nói về Thập Huyền Môn, đó là cảnh giới của quý vị. Quý vị đã chứng nhập Thập Huyền Môn. Đây không phải giải ngộ mà là chứng ngộ. Nhập Thập Huyền Môn là nhập cảnh giới Hoa Nghiêm, cũng có nghĩa là Thật Báo Trang Nghiêm Độ của đức Phật Tỳ Lô Giá Na, là thế giới Hoa Tạng. Nhập thế giới Hoa Tạng là nhập thế giới Cực Lạc. Vì sao? Quý vị đến đó chắc chắn gặp Bồ tát Văn Thù và Phổ Hiền. Hai vị đại Bồ tát này là lớp trưởng dẫn đầu, dẫn quý vị đến thế giới Cực Lạc, thăm đức Phật A Di Đà. Như thế là thành công rồi.

Do đó, bất khả tư, bất khả nghị. Câu bất khả tư nghị quá hay. Chúng ta không thể khai ngộ, nguyên nhân vì sao? Vì chúng ta dùng đầu óc này để suy nghĩ. Hổng việc rồi! Càng nghĩ càng sai lầm! Đạo lý đức Phật nói quý vị suy nghĩ được chăng? Từ trong tự tính lưu xuất ra. Tự tính không thông qua ý thức. Ngày nay, chúng ta dùng ý thức để hiểu nghĩa kinh, hoàn toàn giải sai hết, vấn đề là ở chỗ này.

Trong tông môn, người thật sự khai ngộ, cầu thầy ấn chứng cho họ, thầy có giảng cho họ chăng? Không! Học trò đoạn hết khởi tâm động niệm, phân biệt, chấp trước, vừa nghĩ chẳng phải lại khởi lên hết sao? Không thể nói, vừa nói nó cũng khởi lên. Vì vậy, trong Tông môn thì thông thường là ám chỉ, lấy tâm ấn tâm. Tâm tôi biết, tâm quý vị biết, được rồi, vấn đề đã được giải quyết. Đó gọi là lấy tâm ấn tâm. Tuyệt đối không ở chỗ ngôn ngữ văn tự, không liên quan gì đến ngôn ngữ văn tự. Nhất ngộ nhất thiết ngộ, thông hết! Chẳng những làu thông kinh điển mà đức Phật Thích Ca Mâu Ni nói trong suốt 49 năm, mà tất cả pháp của thế gian và xuất thế gian cũng đều thông hết. Vì sao? Vì nó do tự tính biến ra. Quý vị thấy tính rồi, sao có thể không biết được.

Từ đó cho thấy, buông bỏ quan trọng biết bao. Không chịu buông bỏ, từ từ thôi, đến khi nào quý vị mới thấy được tính đây? Khi nào buông bỏ là khi đó thấy tính. Đời này không chịu buông bỏ, thì đời sau tính tiếp. Hiểu được đạo lý này, khẳng định đạo lý này, tin tưởng đạo lý này, không buông bỏ được sao? Bảo quý vị buông bỏ, vì tất cả đều là phiền não. Khởi tâm động niệm là Vô Minh phiền não, phân biệt là Trần Sa phiền não, chấp trước là Kiến Tư phiền não, tổng danh xưng gọi là phiền não. Vừa khởi tâm suy nghĩ là phiền não sinh. Vừa mở miệng nói chuyện là phiền não sinh.

Những điều này đứng ở chỗ viên minh cụ đức môn mà nói, vì lúc trước quý vị đã học rất nhiều rồi. Nghe rồi không

cảm thấy kỳ lạ, có thể tin. Tuy chưa buông bỏ được, nhưng tin tưởng, từ từ lãnh hội, cho nên học Phật, không thể dùng tưởng, không thể dùng nói. Dùng cái gì? Dùng sự huân tập không ngừng. Bây giờ mình chưa làm được, phải làm sao? Nghe nhiều, nghe hết lần này đến lần khác.

Ngày xưa, chắc chắn rất khó khăn, ngày nay dễ dàng hơn nhiều. Ngày nay, khoa học kỹ thuật phát triển, có máy thu âm, thu hình, khi học thu âm lại, nghe lại lần này đến lần khác. Thật sự muốn khế nhập cảnh giới, thì nhất định phải hiểu ý nghĩa câu nói của người xưa: *“Nhất môn thâm nhập, trường thời huân tu”*. Một đời thật sự muốn khế nhập cảnh giới, học một bộ kinh thôi, tuyệt đối không đổi bộ kinh thứ hai, nghe hết lần này đến lần khác. Người xưa nói: *“Độc thư thiên biến, kỳ nghĩa tự kiến”* (Độc sách ngàn lần, nghĩa nó tự hiểu) là khai ngộ rồi. Một bộ kinh thật sự nghe được một ngàn lần, người lợi căn chắc chắn sẽ khai ngộ, người độn căn thì chưa được.

Người xưa đưa ra điển hình cho ta thấy: Trong *Pháp Bảo Đàn Kinh* có Pháp Đạt thiền sư, đọc kinh *Pháp Hoa* 3.000 lần mà chưa khai ngộ. Đến Tào Khê lễ bái Lục Tổ. Lục Tổ nói với thiền sư, lập tức thiền sư khai ngộ. Chúng ta nghe những lời Lục Tổ dạy mà không khai ngộ, nhưng thiền sư nghe rồi bèn khai ngộ. Nguyên nhân gì? Vì thiền sư có nền tảng đọc 3.000 lần bộ kinh *Pháp Hoa*, cũng có nghĩa là thiền sư đã đạt đến bờ khai ngộ rồi, còn thiếu một tí nữa thôi. Đến Tào Khê, Lục

Tổ điểm một cái bèn khai ngộ ngay. Đạo lý là như vậy. Điển hình của người xưa có rất nhiều, chúng ta nghe nhiều và thấy cũng rất nhiều, nhưng sao ta không giác ngộ? Nếu như nghe rồi mà bắt chước làm theo, thì sẽ thành công thôi.

Những điều chúng ta thấy, nghe trong thời cận đại, những người niệm Phật vãng sinh Tịnh độ, khi qua đời hiện ra tướng tốt, người thì ngồi vãng sinh, người thì đứng vãng sinh, quý vị quan sát kỹ xem, họ đều là nhất môn thâm nhập một bộ kinh, một câu Phật hiệu. Rất đơn giản, đâu có phiền phức? Thật sự thành công rồi, về thế giới Tây Phương Cực Lạc, dễ dàng minh tâm kiến tính. Vì sao? Vẫn là nhất môn thâm nhập, trường thời huân tu.

Về thế giới Tây Phương Cực Lạc sự lợi ích đó rất lớn. Phàm Thánh Đồng Cư Độ hạ hạ phẩm vãng sinh, đều là Bồ tát A Duy Việt Trí, điều đó thật đáng nể. Bồ tát A Duy Việt Trí có năng lực phân thân, phân ra vô lượng vô biên thân. Hàng ngày ngoài việc nghe đức Phật A Di Đà nói pháp, muốn nghe pháp gì có pháp đó, nghe được pháp đó. Chúng ta đoán thử xem, họ muốn nghe pháp gì? Chắc chắn họ muốn nghe những bộ kinh mà bình thường họ đã học qua, tuyệt đối họ không học rộng nghe nhiều.

Chúng ta có thể tưởng tượng ra, học rộng nghe nhiều là loạn tạp mất. Vì thế, chỗ này nhất định phải hiểu, đức Phật Thích Ca Mâu Ni giảng nhiều kinh, thuyết nhiều pháp môn,

là vì tất cả chúng sinh, chứ không phải vì mình. Trong tất cả chúng sinh, những người biết học, các vị Đại sư khảo học trò, họ biết chăng? Câu này hỏi hay quá, biết chăng? Người biết, họ bèn học một bộ. Người không biết, học rất nhiều, học rộng nghe nhiều. Đây là sai lầm lớn. Một môn thông rồi, tất cả kinh đều thông. Một môn là thấy tính.

Đại sư Huệ Năng không biết chữ, Ngài khai ngộ năm 24 tuổi, chỉ nghe được một bộ kinh *Kim Cương*. Bản thân Ngài không biết chữ, cũng không biết đọc, nghe người ta đọc mấy câu, Ngài bèn học mấy câu đó, càng đọc càng thấy có vị, nếm được pháp vị rồi. Nửa đêm, Ngũ Tổ giảng đại ý kinh *Kim Cương* cho Ngài. Chúng ta phỏng đoán nhiều lắm là 2 giờ đồng hồ. Giảng đến câu: “*Ứng vô sở trụ nhi sinh kỳ tâm*”, Ngài liền đại triệt đại ngộ. Ngài bèn báo cáo chỗ sở đắc của mình với Ngũ Tổ. Tự tính như thế nào? Ngài nói lên 5 câu, tổng cộng 20 từ: “*Vốn tự thanh tịnh. Vốn không sinh diệt. Vốn tự đầy đủ. Vốn không dao động. Năng sinh vạn pháp*”. Lập tức Ngũ Tổ đem y bát truyền cho Ngài, bảo Ngài phải đi ngay. Biểu diễn cho chúng ta xem đây. Ngài có cần học kinh giáo chăng? Không cần. Đến giữa đường, gặp Tỷ khiêu ni Vô Tận Tạng. Tỷ khiêu ni Vô Tận Tạng này cũng rất giỏi, cô ấy thụ trì kinh *Đại Niết Bàn*.

Chúng ta biết phân lượng của kinh *Đại Niết Bàn* rất lớn, có 2 bản, một bản 36 quyển, một bản 40 quyển. Cô ấy đọc nhiều năm, đọc rất thông thuộc, đọc tụng hàng ngày. Khi Đại

sư Huệ Năng đi lẫn trốn, gặp vị Tỷ khiêu ni này, nghe cô ấy đọc kinh, đọc xong rồi, vị Tỷ khiêu ni này gom lại cất đi. Đại sư Huệ Năng nói với cô ấy: Cô đọc bộ kinh này trong đây nói gì? Đại sư nói ý nghĩa trong kinh cho cô ấy nghe, cô nghe rồi rất hoan hỷ. Càng nghe càng hoan hỷ, đem bộ kinh ra thỉnh giáo với Ngài. Ngài nói, tôi không biết chữ. Cô ấy nói, Ngài không biết chữ sao hiểu được? Ngài nói cái này không liên quan đến việc biết chữ hay không biết chữ.

Một đời Đại sư Huệ Năng độ được 43 người. Trong số học trò của Ngài có 43 người đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tính. Tỷ khiêu ni Vô Tận Tạng là người đầu tiên, người nữ đầu tiên được Ngài khai ngộ. Khi đó, Lục Tổ mới 24 tuổi. Sau khi Ngài khai ngộ rồi bèn đi giúp cho người khác. Ngài giỏi quá! Nếu quý vị hỏi vì sao vậy? Tự tính pháp nhĩ như thị, chỉ cần quý vị kiến tính, vấn đề sẽ được giải quyết. Điều kiện kiến tính là phải buông bỏ. Buông bỏ từ đâu? Từ chỗ khởi tâm động niệm, nghĩa là không khởi tâm, không động niệm. Lục căn tiếp xúc với cảnh giới lục trần, không khởi tâm động niệm mới được, khởi tâm động niệm thì không được. Quý vị nghĩ xem, không khởi tâm động niệm, lấy đâu ra phân biệt, chấp trước? Không có phân biệt, chấp trước, cho nên gọi là nhất thời đốn xả. Đốn xả là đốn ngộ, một bước bước đến cõi Thật Báo Trang Nghiêm, siêu việt lục đạo, siêu việt mười pháp giới, một bước lên trời, không dễ đâu.

Khi tôi mới học Phật, thầy giáo giới thiệu Phật pháp cho tôi, đặc biệt nhắc nhở tôi không được học theo Ngài Huệ Năng, bởi học không được. Trước thời Ngài Huệ Năng, không thấy có ai được như vậy. Sau thời Ngài, cũng không có Huệ Năng thứ hai. Thầy giáo nói đó là một bước lên trời. Lên trời rồi, được, không sao hết, thành Phật rồi. Không lên được, tan xương nát thịt, té xuống mà chết, đó là ước mơ hoàn toàn sai lầm. Vì thế, thầy giáo bảo tôi học Pháp Tướng Tông. Pháp Tướng Tông là leo cầu thang, lên từ từ, từng bậc từng bậc tiến lên. Đó là một bước lên trời. Lý, Sự đều phải thông hết.

Đạo Phật thật sự có trí tuệ, có phương tiện thiện xảo, nghĩa là nói với quý vị một nguyên tắc: “Nhất môn thâm nhập, trường thời huân tu”, trong đây có đạo lý. Nhất môn thâm nhập là gì? Nhất môn thâm nhập là thiền định, là tam muội. Giữ vững nhất môn thâm nhập gọi là trì giới. Tam học giới, định, huệ, quý vị phải giữ quy củ. Quy củ dạy quý vị nhất môn thâm nhập, giữ vững một môn, tâm địa thanh tịnh không nhiễm một bụi trần. Phải biết rằng, 84.000 pháp môn đều là thiền định, đều là tam muội. Tam muội chính là thiền định, 84.000 tam muội, vô lượng tam muội.

Quý vị học pháp môn nào bèn gọi pháp môn đó là tam muội. Tôi chuyên về kinh *Vô Lượng Thọ*, gọi là Niệm Phật tam muội, chuyên về *Pháp Hoa* gọi là Pháp Hoa tam muội, chuyên về *Lăng Nghiêm* gọi là Lăng Nghiêm tam muội, chuyên về

*Hoa Nghiêm* gọi là Hoa Nghiêm tam muội. Nhất định giữ một môn, tâm sẽ định, không tán loạn. Định đến một trình độ nào đó sẽ hoát nhiên đại ngộ. Đạo lý là ở chỗ này.

Thông thường, học thấy khó. Khó ở chỗ nào? Khó ở chỗ không hiểu đạo lý này. Đạo lý này quả thật rất thâm sâu. Họ đi đến đâu? Đi đến chỗ học rộng nghe nhiều. Đi đến chỗ học rộng nghe nhiều, đại đa số đều thành tựu, họ trở thành học giả của đạo Phật. Người đời thường gọi họ là nhà Phật học. Nhà Phật học là không được rồi, bởi nhà Phật học sẽ không khai ngộ. Họ nói thao thao bất tuyệt, trước tác rất nhiều, nhưng không có phần liễu sinh thoát tử ra khỏi 3 cõi, tương lai vẫn phải chịu sự chi phối của sinh tử, vẫn phải ở trong luân hồi. Ngày xưa, thầy Lý thường nhắc nhở tôi như vậy.

Học Phật khó, khó gặp được chân thiện tri thức, khó gặp hộ pháp chân thật, khó gặp đồng tham đạo hữu chân chính. Có đầy đủ 3 điều kiện này rồi, thì nhân duyên của quý vị đã thành tựu. Kinh *Di Đà* nói: “*Bất khả dĩ thiếu thiện căn phúc đức nhân duyên đắc sinh bỉ quốc*” (Không thể lấy chút thiện căn phúc đức nhân duyên mà được sinh nước kia). Nhân duyên của quý vị đầy đủ, thiện căn là tín, giải; phúc đức là hành, chứng. Có tín, giải, hành, chứng, sao có lý không thành tựu!

Đoạn này nói: “*Hoành thụ vạn pháp thành vi Nhất đại duyên khởi*”. Câu này là tổng kết của 9 môn trước. “*Nhất đại*

*duyên khởi*” là gì? Nhất đại duyên khởi là một thể, biến pháp giới hư không giới là một thể. Đây là đại duyên khởi.

Trong giới khoa học và triết học ngày nay, vấn đề lớn nhất là vũ trụ từ đâu mà có? Vì sao có vũ trụ? Phật pháp gọi đó là duyên khởi. Nhất đại duyên khởi ở đây là nói về duyên khởi của vũ trụ, duyên khởi của vạn pháp, duyên khởi của sinh mệnh, duyên khởi của ta, ta từ đâu đến. Phật pháp nói hay hơn triết học và khoa học. Đạo Phật nói về Chính báo, Y báo, nói rất hay. Chính báo là gì? Chính báo là chính mình, ta từ đâu mà có. Y báo là vũ trụ, muôn sự muôn vật trong vũ trụ là Y báo. Tất cả con người là nhân sự Y báo, động vật, thực vật, khoáng vật, hiện tượng tự nhiên, là Y báo trong cuộc sống của chúng ta. Tất cả đều thuộc về Y báo. Trong Y báo chia ra làm nhiều loại.

Duyên khởi này, chúng ta học qua *Hoàn Nguyên Quán* sẽ thấy rõ hơn. Từ nhất thể khởi nhị dụng. Nhất thể là tự tính. Thể tự tính thanh tịnh viên minh, chính là Thường Tịch Quang mà Tịnh Tông nói. Thể tự tính thanh tịnh viên minh, từ nhất thể khởi nhị dụng, nhị dụng là xuất hiện Y báo và Chính báo. Khi nào Y báo, Chính báo xuất hiện? Nói thật với quý vị, ngay đây thôi, không có quá khứ, cũng không có vị lai, nói thật với quý vị là như vậy.

Một niệm mà Bồ tát Di Lặc nói, chính là hiện tiền đây, không phải quá khứ cũng không phải vị lai. Quá khứ đã qua

rồi, vị lai lại chưa đến, một niệm ngay đây, niệm niệm đều ngay đây. Quý vị đoạn được, chứng được, thành tựu được, ở một niệm ngay đây, không phải quá khứ, không phải vị lai, không phải thế giới này hay tha phương khác. Thế giới này, phương khác, quá khứ, vị lai đều là huyễn giác, không có thật. Vì sao? Quý vị nghĩ thử xem, nói quá khứ, vị lai, thế giới này, tha phương khác, trong Bách pháp đều thuộc về bất tương ưng hành pháp. Không gian là phương phân, thời gian là thời phân, hai cái này đều là 24 bất tương ưng. Bất tương ưng, dùng cách nói ngày nay, gọi là khái niệm trừu tượng, vốn không có thật, là khái niệm sai lầm. Khái niệm này phàm phu có, Phật, Bồ tát không có.

Ở đây quan trọng nhất là, *“Hoàn thụ vạn pháp thành vi Nhất đại duyên khởi”*. Nó là nhất thể. Ngày nay, chúng ta tu Lục Hòa Kính, lấy điều này coi là Kiến hòa đồng giải. Vũ trụ và ta là một thể, chúng sinh và ta là một thể, vạn vật và ta là một thể, tất cả con người với ta là một thể, đó là Hòa. Chúng ta lấy Nhất đại duyên khởi của vũ trụ, dùng thân làm ví dụ, như thân chúng ta, bên ngoài có ngũ quan: nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân. Trong thân có ngũ tạng, lục phủ, rất nhiều khí quản. Thực tế mà nói là Y, Chính không hai.

Ngũ quan và ngũ tạng, lục phủ bên trong, do cái gì hợp thành? Do tế bào hợp thành. Tế bào chia nhỏ ra là phân tử hợp thành. Phân tử chia nhỏ ra là nguyên tử hợp thành. Nguyên tử chia nhỏ ra là lập tử hợp thành. Đoạn trước, chúng ta học

qua, mỗi lập tử đều rất nhỏ, hiện tượng vật chất rất nhỏ, nó tương tức tương dung, tất cả tin tức trong biến pháp giới hư không giới đều ở trong đó. Vì thế, trong mỗi lập tử đều có mười pháp giới Y chính trang nghiêm hoàn chỉnh. Đoạn trước, chúng ta có học qua, là sự thật không giả dối đâu. Bồ tát Phổ Hiền đã nhập được cảnh giới này.

Đức Phật dạy Nhất đại duyên khởi là một sinh mệnh thể cộng đồng, tự tha là một, chúng sinh và Phật là một chẳng phải hai. Tâm Thanh tịnh, Bình đẳng, Giác của ta hiện ra, đây là Tính đức. Tâm đại từ đại bi của ta sinh khởi.

Quý vị sẽ giống như chư Phật, Bồ tát. Bồ tát ở đây là pháp thân Bồ tát, chứ không phải Bồ tát bình thường. Đối với con người và sự việc quý vị không khởi tâm phân biệt, chấp trước, chẳng những không khởi tâm phân biệt, chấp trước, mà không khởi tâm động niệm. Đó là cảnh giới gì vậy? Là chư Phật, Bồ tát ứng hóa trong mười pháp giới, ứng hóa trong lục đạo, ứng hóa tại nhân gian. Các Ngài đến đó làm gì? Đến đó hành Tứ đức. Chúng ta dùng câu nói trong *Hoàn Nguyên Quán*, nghĩa là các Ngài đến làm việc này, bởi các Ngài không phải là nghiệp báo thân nữa, các Ngài đến hành Tứ đức, giáo hóa chúng sinh, giúp cho chúng sinh giác ngộ. Nhất định là *“Tùy duyên diệu dụng, uy nghi hữu tắc, nhu hòa chất trực, đại chúng sinh khố”* (Tùy duyên diệu dụng, uy nghi pháp tắc, nhu hòa chất trực, thay chúng sinh khố). Chắc chắn, các Ngài làm như vậy.

Tuy hàng ngày làm, hàng ngày biểu diễn như vậy, nhưng dấu vết cũng không có, vì các Ngài không khởi tâm động niệm. Khởi tâm động niệm đã không có, lấy đâu ra phân biệt, chấp trước! Đây là cảnh giới không thể nghĩ bàn.

*“Pháp pháp giao triệt”, ý nghĩa của câu này dài và thâm sâu quá. Cơ thể vật chất này, những thứ nguyên tử, điện tử, lap tử cấu thành cơ thể vật chất này, và thân của tất cả chúng sinh là một thứ, đều là do vật chất hợp thành. Hoa cỏ cây cối cũng cùng một thứ vật chất hợp thành, thậm chí đến sơn hà đại địa, biến pháp giới hư không giới cũng cùng một thứ vật chất. Vật chất từ đâu mà có? Từ ý niệm sinh ra, cho nên sức mạnh của ý niệm không thể nghĩ bàn. Sức mạnh của ý niệm quá vĩ đại. Cái gì hiện ra vũ trụ này? Ý niệm hiện ra. Một niệm bất giác nên vũ trụ này xuất hiện, đây là Nhất đại duyên khởi.*

Dưới đây nói: *“Cố tùy cử nhất pháp kỳ tha nhất thiết pháp tức bạn chi nhi duyên khởi”*. Trong kinh, đức Phật cho chúng ta biết vũ trụ từ đâu mà có? Do một niệm bất giác. Gọi một niệm bất giác này là vô minh. Từ vô minh này, đức Phật còn thêm vào 2 từ nữa, gọi là vô thủ vô minh. Ý nghĩa của những từ này rất thâm sâu, nó đều giúp cho chúng ta giác ngộ. Vô thủ nghĩa là gì? Là không có bắt đầu. Một niệm bất giác này không có bắt đầu, không có nguyên nhân. Nếu nghiên cứu sao lại có một niệm bất giác này là khởi lên phân biệt, chấp trước nữa rồi. Phân biệt, chấp trước là vọng tâm. Chắc chắn,

vọng tâm không thể duyên được đến chân tâm. Vọng tâm chỉ có thể duyên đến vọng cảnh. Vọng tâm là A Lại Da, cho nên đối nội, lượng tử lực học ngày nay nói nó duyên đến A Lại Da, đối ngoại là thế giới vĩ mô, nghĩa là duyên đến vũ trụ. Vũ trụ vô lượng vô biên tế, có thể duyên đến vũ trụ.

Trong cuốn *Giải Độc Mạt Thế Dự Ngôn*, các nhà vật lý học ngày nay, đỉnh cao của khoa học, tôi thấy trong báo cáo, họ nói khoa học ngày nay nói, vũ trụ mà ta thấy được, chỉ là 10% của vũ trụ, họ nghĩ còn 90% của vũ trụ đi đâu mất rồi? Không thấy nữa. Thế giới vĩ mô càng ngày càng lớn ra, lớn đến cuối cùng thì không thấy nữa, không biết nó đi đâu? Trong kinh có đáp án, nó đi đâu? Nó trở về tự tính. Từ tự tính khởi lên, trở về lại tự tính. Trở về tự tính, thì quý vị tìm không thấy nữa. Nếu quý vị thấy tính, thì sẽ biết nó đi về đâu. Nó trở về Thường Tịch Quang rồi. Thật Báo Trang Nghiêm Độ của chư Phật, có thể quý vị còn phát hiện ra, nhưng Thường Tịch Quang không thể phát hiện.

Trong báo cáo còn nói, não của con người, sức mạnh của não rất lớn, niệm lực, ý niệm. Trên thực tế, tất cả con người hiện nay, chỉ dùng 10% của đại não, còn 90% của não nữa, hình như nó đang ngủ quên, vẫn chưa dùng đến nó, nếu dùng được hết chắc chắn rất thông minh. Điều đó nói lên rằng 90% là mê mà không giác. Hiện nay, não của chúng ta giác được chỉ là 10 % mà thôi. Nếu chúng ta càng buông bỏ được tập khí phiền não nhiều, thì giác tính của não từ từ sẽ

rộng ra, càng ngày càng thông minh, đúng là một nghe ngàn ngộ. Tất cả đều do vọng tưởng, phân biệt, chấp trước làm hại. Trong Phật pháp nói về 2 loại chướng ngại, một là Phiền não chướng, hai là Sở tri chướng. Hai thứ này làm chướng ngại tác dụng của bộ não chúng ta, khiến nó miên viễn ở trong trạng thái ngủ quên, không khởi tác dụng. Khởi tác dụng chỉ là một bộ phận rất nhỏ.

Phật pháp giúp rất nhiều cho khoa học. Quý vị xem, hơn 3.000 năm về trước, đức Phật đã nói rất rõ ràng, đến nay giới khoa học từ từ đã phát hiện ra, hoàn toàn giống như trong kinh đức Phật nói. Giới khoa học dùng tư tưởng, dùng thức thứ 6. Trong kinh, đức Phật nói sức mạnh của thức thứ 6, vô cùng to lớn, đối ngoại có thể duyên đến hư không pháp giới, đại vũ trụ, đối nội có thể duyên đến A Lại Da. Tam thế tướng của A Lại Da, đối nội là vi quan thế giới, đối ngoại là thế giới vĩ mô, nhưng nó không thể duyên đến tự tính, không thể thấy tính, rất hiếm có!

*“Tùy cử nhất pháp”*, nhất pháp đây là chủ. Trên thực tế, tùy cử nhất pháp này có nghĩa là gì? Là cử chính mình, ta, chính ta là chủ, ngoài ta đều là bạn, theo ta khởi lên. Vì thế, nhất pháp ở đây không phải độc nhất mà là nhậm nhất, bất cứ pháp nào nó cũng có thể làm chủ, ngoài ra đều là bạn. Ta là chủ, trên đến chư Phật Như Lai, dưới đến địa ngục chúng sinh, thậm chí hoa cỏ cây cối, sơn hà đại địa đều là bạn, đều theo ta khởi lên. Nếu nói quý vị là chủ, tôi cũng là bạn của

quý vị. Quý vị là chủ khởi lên, tôi cũng khởi lên, là pháp sống, chứ không phải pháp chết đâu. Bất cứ pháp nào cũng có thể làm chủ, một cây nhỏ là chủ, tất cả Y chính trang nghiêm nơi đây đều là bạn của nó.

Một cây cỏ nhỏ là chủ, vũ trụ này là bạn của nó, Phật pháp nói viên mãn quá! Trong thế giới chư Phật, một vị Phật làm chủ, các vị Phật khác đều làm bạn, cho nên mỗi một vị Phật đều là chủ, mỗi vị Phật đều là bạn, xem trong trường hợp nào, trường hợp bất đồng, thường xuyên thay đổi. Đây gọi là chân bình đẳng, gọi là sự sự vô ngại. Chủ không phải là độc nhất, không phải miên viễn là một người, thời thời khắc khắc đều đang biến hóa. Theo cái gì? Tùy theo ý niệm mà biến hóa.

Ở đây, chủ và bạn đều khởi lên, trong đó có ẩn có hiện. Chúng ta nói đoàn thể của ta, trong lục đạo, nhân đạo làm chủ, ngoài ra đều là bạn. Nhưng trong nhân đạo, có cái thấy được, có cái không thấy được, như không thấy được chư thiên, không thấy được quỷ thần, không thấy được mười phương quốc độ, Y chính trang nghiêm trong mười phương quốc độ cũng không thấy được. Không thấy được là gì? Không thấy được là ẩn, chứ chẳng phải không có. Đây chính là sinh vật bất đồng không gian duy thứ mà giới khoa học nói. Trong Phật pháp có, nó cùng chúng ta đồng thời khởi lên, nhưng ẩn mà không hiển. Theo công lực tu tập của chính mình, công lực này không gì khác hơn chính là buông bỏ.

Thật sự buông bỏ chấp trước, buông bỏ kiến tư phiền não, chứng quả A La Hán. Năng lực lực căn của bậc A La Hán lớn hơn nhiều so với chúng ta.

A La Hán thấy được đại thiên thế giới, không cần dùng kính viễn vọng. A La Hán thấy được vi trần, giống như ngày nay chúng ta nói về nguyên tử, không cần dùng kính hiển vi. A La Hán thấy được bất đồng không gian duy thứ trong lục đạo, không hề chướng ngại, đột phá không gian duy thứ. Trong đại thiên thế giới, họ không còn chướng ngại nào hết. Nhưng quốc độ của chư Phật, phương khác họ không thấy được, có sự chướng ngại, bắt buộc phải buông bỏ phân biệt. Đối với tất cả pháp đều không phân biệt đó là Bồ tát. Bồ tát thấy được tam thiên đại thiên thế giới, công phu cao hơn, còn thấy được quốc độ của chư Phật khác nữa.

Đến địa vị Bồ tát pháp thân, thì không còn chướng ngại gì, hoàn toàn phục hồi được năng lực của lực căn. Những điều trong *Hoàn Nguyên Quán* nói đó chính là cảnh giới của họ, là cảnh giới của Bồ tát pháp thân, từ bậc Sơ Trụ trở lên. Điều này nhất định phải biết. Đức Phật dạy chúng ta điều gì? Chúng ta theo Ngài học điều gì? Mục đích đức Phật dạy chúng sinh là dạy họ thành Phật. Nếu quý vị thành Bồ tát, Ngài sẽ thở dài nói rằng, thôi được rồi, cũng khá lắm đấy. Đó không phải mục đích Ngài mong muốn. Mục đích Ngài muốn ta thành Phật, muốn chúng ta hoàn toàn phục hồi trở lại giống như Ngài vậy. Đức Phật không có tâm riêng tư, không

có lòng đổ ky, không làm chướng ngại ai. Chúng ta phải cảm nhận được tấm lòng của thầy mình, sự hy vọng của thầy mình. Chúng ta phải học tập như thế nào để được giống như Ngài đây.

Trong duyên khởi này có hiển hiện, có ẩn mật, nhất định phải hiểu đạo lý này. Thời thời khắc khắc đều có thể quan sát được ẩn, hiển. Như cơ thể của chúng ta đây có ẩn hiển. Ngũ quan bên ngoài như nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân là hiển. Bên trong ngũ tạng, lục phủ là ẩn, chúng ta không thấy được, cũng không nghe được, nhưng thế nào? Nhưng cảm nhận được, nó có ẩn hiển. Thâm sâu hơn là nói đến kiến, văn, giác, tri, trong mỗi tế bào của chúng ta, thật sự có, nhưng ẩn mà không hiển. Trong tất cả vật chất đều có thụ, tướng, hành, thức. Điều này ở động vật sẽ rất rõ ràng, nhưng ở thực vật và khoáng vật thì không thấy rõ, nó thật có, thật sự khởi tác dụng. Chúng ta hiểu được đạo lý này rồi, thì hiểu được chân tướng sự thật này. Đức Phật dạy, khởi tâm động niệm, ngôn ngữ tạo tác đều thuận theo Tính đức. Đây là điều tốt lành nhất, hạnh phúc nhất, viên mãn nhất, thân tâm khỏe mạnh, pháp hỷ sung mãn.

Khổng Phu Tử nói trong *Luận Ngữ*: “*Học nhi thời tập chi, bất diệc duyệt hồ*” (Học mà thường thực tập, há cũng chẳng vui ư!). Duyệt ở đây là vui. Những điều đã học được, đem thực hành trong cuộc sống hàng ngày, thực hành trong công việc, thực hành trong cách đối nhân xử thế, quý vị sẽ vui.

Thực hành trong cuộc sống, cuộc sống vui. Thực hành trong công việc, công việc vui. Thực hành trong cách đối nhân xử thế, đối phó vui, không có việc gì mà chẳng vui. Học điều gì? Điều này rất quan trọng, học là học “hiếu, để, trung, tín, lễ, nghĩa, liêm, sỉ, nhân, ái, hòa, bình”. Người xưa dạy chúng ta, không ngoài 12 từ này. Thực hành 12 từ này trong cuộc sống, cuộc sống vui; thực hành trong công việc, bất luận làm công việc gì, công việc vui; đối nhân xử thế, không có chuyện gì là chẳng vui. Nếu trái ngược lại, bất trung, bất hiếu, bất nhân, bất nghĩa, thì phiền não của quý vị sẽ rất nhiều.

Cụ thể mà nói, người xưa từ bi, trí tuệ, đưa ra nhiều nguyên tắc cho chúng ta, như *Đệ Tử Quy*, *Cảm Ứng Thiên*, *Thập Thiện Nghiệp Đạo* của đạo Phật. Đây là quốc học truyền thống của người xưa. 3 cội rễ Thích, Đạo, Nho, thật sự thực hành được 3 cội rễ này, sao không vui được? Làm gì có lý đó?

Trong đạo Phật, Tam Quy, Ngũ Giới, Thập Thiện Nghiệp Đạo, quý vị thực hành hết, sẽ được pháp hỷ sung mãn, thường sinh hoan hỷ tâm. Do đó, sự học này rất quan trọng. Quý vị học điều gì? Sự học có sâu cạn, thứ lớp, nhất định phải từ cạn đến sâu, từ trong ra ngoài, phải thật học. Hiệu quả vô cùng to lớn, đầu tiên là hoan hỷ. Học mà không hoan hỷ, thì chẳng học được điều gì, quý vị có vấn đề rồi đấy. Thật sự học được, đâu có lý không hoan hỷ? Câu nói này của Khổng Phu Tử sẽ không còn linh nữa, vậy là có vấn đề rồi.

Đạo Phật nói thường sinh hoan hỷ tâm, quý vị học Phật mà không hoan hỷ, là uổng công học, là sai lầm rồi. Phật pháp không sai, nhưng bản thân mình học sai. Những thứ này đều có thể khảo nghiệm chúng ta.

*“Diệc tức cử nhất pháp vi chủ, tắc kỳ tha nhất thiết pháp giai vi bạn”.* Ta là chủ, đoàn thể này đều là bạn ta. Quý vị là chủ, tôi lại là bạn quý vị. Vì thế, nhất trong đạo Phật là “nhậm nhất” (tự tại nhất), chứ không nói độc nhất, điều này thật sự bình đẳng. *“Nhi phó ư thử nhất pháp”*, cũng giúp cho họ. Ở trong cơ thể của chúng ta, mắt làm chủ, hôm nay tôi muốn thấy một thứ gì đó, tất cả mọi khí quản trong cơ thể đều ủng hộ, không hề phản đối. Nếu hôm nay, tôi chú ý nghe một vấn đề gì đó, tai là chủ, công năng của mắt cũng giúp cho tai. Thật sự là như vậy. Tư tưởng của ta nghĩ về một việc gì, năng lượng toàn thân đều tập trung ở chỗ tư duy, thật sự một cái là chủ, tất cả cái khác đều là bạn.

Trong một đoàn thể, nếu quý vị hiểu được thì nó cũng như vậy. Trong đoàn thể công việc rất nhiều, hôm nay tiếp đón khách, một số bạn chuyên phụ trách về việc tiếp đón khách, họ là chủ, tất cả những người khác đều giúp cho họ, chủ khách đều hoan hỷ, khiến cho họ chu đáo mọi mặt. Vì thế, nhỏ là cơ thể của con người, lớn là một đoàn thể, đến gia đình, đến xã hội, đến đất nước, không có thứ gì chẳng như vậy.

*“Cánh dĩ tha pháp vi chủ tức dư pháp thành bạn nhi tận tập chi”*. Không ngừng hướng ra ngoài phát triển. Mấy năm gần đây, chúng ta làm việc tôn giáo hài hòa, đoàn kết hài hòa, đôi khi Phật giáo làm chủ, những tôn giáo còn lại là bạn; đôi khi đạo Cơ Đốc làm chủ, chúng ta đến giáo đường của đạo Cơ Đốc, vì họ là chủ nhân, còn ta là khách, thấy Giesu chúng ta cũng xá chào, ông ấy là chủ, ta tôn kính ông ấy. Giống như có khách đến nhà mình vậy, ta phải mời khách ngồi, đạo lý giống nhau thôi. Một là chủ, còn lại là bạn, đối đãi bình đẳng, hòa mục tương xử, không bình đẳng sẽ chẳng có hài hòa, bình đẳng là hài hòa, cho nên người xưa nói: “hòa bình”, 2 từ này là biểu lý, làm thế nào mới hòa được? Nhất định phải bình, bình đẳng là có hòa mục.

Người Nhật không đọc là hòa bình, mà đọc là bình hòa, cũng có lý đấy, khi tôi ở Nhật thấy cũng có lý, Trung Quốc gọi là hòa bình, hòa là quả, bình là nhân. Đạo Phật cũng gọi như vậy, trong Phật pháp, trước nói về quả, sau nói về nhân. Vì sao? Quả dễ hiểu được, trước nói về quả, sau nói về nhân, nhưng người Nhật trước nói về nhân, sau nói về quả, cũng rất có lý, chứ chẳng phải không có lý, nói cũng thông được. Trước nói về bình đẳng, sau sẽ có hòa mục, không có sự đúng sai, đều như nhau thôi. Sâu xa hơn nữa, bình là nhân, an là quả, an lại là nhân, lạc là quả. Quý vị quan sát kỹ chữ nho, là phù hiệu trí tuệ đấy, khiến cho ta xem rồi sẽ biết phải làm thế nào.

Câu cuối vô cùng quan trọng: “*Cố nhất pháp viên mãn nhất thiết pháp chi công đức*”. Then chốt câu này ở 2 từ viên mãn. Pháp này của mình có viên mãn chăng? Nếu thật sự viên mãn, nó sẽ đầy đủ công đức của tất cả pháp, bất luận pháp nào. Pháp này nghĩa cũng rộng, là nhậm nhất chứ không phải chuyên nhất, pháp pháp đều như vậy. Sự phát hiện khoa học, là một chứng minh rất có lợi cho Phật pháp.

*Vọng Tận Hoàn Nguyên Quán* của Đại sư Hiền Thủ, người thời đầu nhà Đường, cách chúng ta ngày nay là 1.700 năm, nói về 3 loại chu biến. Ngài đưa ra ví dụ một trần, một trần là một pháp. Đại sư Hiền Thủ là Bồ tát đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tính. Một trần Ngài nói ở đây, chắc chắn là một niệm mà Bồ tát Di Lặc nói, “niệm niệm thành hình”. Hình ở đây chính là trần. Hình là hiện tượng vật chất. Ngài nói, một hiện tượng vật chất nhỏ như thế, thời gian tồn tại của nó lại rất ngắn, tuy vừa nhỏ vừa ngắn như thế, có thể chính là tiểu quang tử mà giới lượng tử lực học ngày nay nói, nhưng nó có 3 loại chu biến.

Thứ nhất nó vừa hiện hình là châu biến pháp giới. Các nhà thiên văn học ngày nay, từng nói qua, tiểu quang tử phóng quang, nhục nhãn không thấy được. Bất cứ vật chất nào cũng phóng quang, đạo Phật gọi là quang, khoa học gọi là điện, khí công gọi là khí, trên thực tế chỉ là một vấn đề. Giới khoa học ngày nay nói tốc độ của nó, ánh sáng cực kỳ nhỏ bé đó vừa phát ra, một giây là 300.000 km. *Hoàn Nguyên Quán*

nói, tốc độ đó không phải tốc độ ánh sáng, cũng không phải tốc độ của điện từ. Ánh sáng đó vừa phát là chu biến pháp giới. Giới khoa học ngày nay chưa phát hiện ra, siêu việt hơn quang tốc quá xa. Quang tốc không thể so với nó.

Thứ hai là xuất sinh vô tận. Điểm quang nhỏ này theo ý niệm mà biến hóa, vô cùng vô tận không biên tế (không giới hạn).

Hiện tượng thứ ba là hàm dung không-có. Hàm dung không-có chính là viên minh cụ đức mà ở đây nói. Danh từ khoa học ngày nay gọi là siêu việt thời không. Nó có nghĩa là như vậy. Đó là gì? Một trần đầy. Trên thân ta có bao nhiêu, giới khoa học có số liệu. Thân của một người bình thường, có khoảng bao nhiêu nguyên tử hoặc lap tử cơ bản, các nhà khoa học có số liệu, thường lấy con số trăm ức để tính. Bồ tát Di Lặc nói: *“Niệm niệm thành hình, hình giai hữu thức”*. Đạo Phật nói, mỗi vi trần, mỗi lỗ chân lông, trong đó đều có đầy đủ thông tin của biến pháp giới hư không giới, chẳng những có đầy đủ thông tin, mà còn đầy đủ hình tướng, đúng là không thể nghĩ bàn.

Hình tướng, trong khoa học - công nghệ ngày nay cũng tin thể có được. Toàn bộ tám hình, quý vị cắt tám hình này ra thành bột, chút bột nhỏ đó vẫn có đầy đủ tám hình trong đó. Tự tính của chúng ta viên mãn, hiện tượng mà tự tính biến ra, cũng là viên mãn. Hiện tượng nhỏ nhất là vi trần. Trong

kinh Phật nói về vi trần, cực vi chỉ vi, khoa học ngày nay gọi là tiểu quang tử. Tiểu quang tử nghĩa là lượng tử, trong đó có đầy đủ hiện tượng biến pháp giới hư không giới, không riêng thông tin mà đầy đủ hết thảy.

Đức Phật dạy, Bồ tát Phổ Hiền nhập được cảnh giới này. Bồ tát Phổ Hiền nhập được, cũng có nghĩa là ai ai cũng có thể nhập được, chỉ cần tu hạnh Phổ Hiền. Hạnh Phổ Hiền là gì? Buông bỏ hết khởi tâm động niệm, là Bồ tát Phổ Hiền. Tính đức hiển lộ đầy đủ, là Bồ tát Phổ Hiền. Bồ tát Phổ Hiền có đố kỵ người khác chăng? Không! Bồ tát Phổ Hiền có khinh mạn người khác? Không! Hạnh Bồ tát Phổ Hiền thứ nhất là *“Lễ kính chư Phật”*, Ngài thật sự làm được hạ mình tôn kính người.

Ngài là bậc mô phạm trong hàng Bồ tát, không có người nào khiêm hạ hơn Ngài nữa. Chư Phật, đâu là chư Phật? Kinh *Hoa Nghiêm* nói: *“Tình và vô tình, đồng viên chủng trí”*. Quý vị nên biết, đồng viên chủng trí nghĩa là thành Phật. Tình là hữu tình chúng sinh, vô tình là hoa cỏ cây cối, sơn hà đại địa. Vì vậy, Bồ tát Phổ Hiền lễ bái vi trần, trong vi trần có thể giới, trong thể giới có chư Phật, trong thể giới có chúng sinh, trong thể giới có thể giới. Người thường không biết được cảnh giới của Bồ tát Phổ Hiền, biết được cảnh giới của Bồ tát Phổ Hiền, sẽ biết được cách học theo Ngài. *“Xưng tán Như Lai”*, tất cả chúng sinh, bất luận là tịnh hay nhiễm, thiện hay ác, Bồ tát Phổ Hiền bình đẳng hết. Chúng ta thấy trong kinh,

mỗi thời là thời tốt, mỗi ngày là ngày lành, tôi thêm vào 2 câu nữa, mỗi người là người tốt, mỗi việc là việc hay.

Nhìn sự việc không thể nhìn trước mắt. Việc trước mắt tốt chưa hẳn là thật, tốt sẽ biến thành xấu. Việc trước mắt xấu chưa hẳn đã xấu, trong việc xấu có việc tốt, bất định mà! Thay đổi cách nào? Thay đổi tâm. Điều này nhất định phải hiểu. Vì sao dưới mắt Phật tất cả chúng sinh đều là Phật? Chúng ta thấy tất cả chúng sinh đều là chúng sinh? Do tâm không giống nhau. Đạo lý gì vậy? Cảnh tùy tâm chuyển. Nếu tâm ta là chân tâm, quý vị thấy ai cũng là chân, nếu là vọng tâm sẽ thấy tất cả đều là hư vọng. Vì vậy, trong đạo Phật có 2 câu rất hay: *“Tướng do tâm sinh. Cảnh tùy tâm chuyển”*.

Ngày nay, con người không mạnh khỏe. Nhiều bài báo cáo đều nói đến vấn đề này. Chúng ta thấy trong tài liệu, trong nước, nước ngoài đều như vậy cả. Những đứa trẻ ngày nay, thể lực của chúng so với những người đi trước kém xa lắm, chúng không có sức dẻo dai, tinh thần ý chí không thể tập trung, cho nên năng lực học tập rất kém. Nguyên nhân gì vậy? Do tâm đó. Nếu chuyển đổi tâm là tốt. Tiêu chuẩn gì? Trong học thuật truyền thống, và pháp Đại thừa tiêu chuẩn là Tính đức. Tùy thuận Tính đức, thì chẳng có gì không tốt. Trái ngược Tính đức, phiền phức xuất hiện ngay. Cội rễ Tính đức mà người xưa nói là hiếu kính, giống như Phật pháp nói vậy. Trong *Tịnh Nghiệp Tam Phức* của đạo Phật, Tam Phức là nguyên tắc chỉ đạo tu học tối cao của giáo pháp Đại,

Tiểu thừa. Câu đầu tiên: “*Hiếu dưỡng phụ mẫu*”, câu thứ hai: “*Phụng sự sư trưởng*”. Hiếu đối với cha mẹ, kính đối với thầy giáo, là việc làm người phải biết.

Hai từ hiếu kính là nòng cốt đức hạnh của pháp thế gian và xuất thế gian. Nếu làm trái ngược hai từ này, thì nền tảng của quý vị sẽ có vấn đề, sao có thân hình đẹp được. Dụng công cách nào, phát huy cách nào, học tập cách nào đều có hạn lượng hết, quý vị trưởng thành, nhưng không được thập toàn thập mỹ. Thế mới biết nền tảng vô cùng quan trọng. Đây là hiếu đạo và sư đạo mà người xưa nói. Thời đại này không còn nữa, mọi người đều bỏ qua, cho nên người đời sau này có vấn đề. Cả thế giới đều bỏ qua, cho nên họ có vấn đề hết. Sự việc này phiền phức rất lớn. Có hại gì? Sẽ bị nhiều bệnh tật quái dị. Ngày xưa không có, ngày nay những căn bệnh kỳ lạ rất nhiều, nhiều thiên tai cho quả địa cầu. Ngày xưa không có những chuyện đó.

Mấy ngày trước, tôi đến La Mã và Italy để xem thành phố Bàng Bối (Pompeii). Vì sao phải đi xem? 2.000 năm về trước, gần thành phố này có một núi lửa. Núi lửa thức dậy, bụi tro phủ kín, vì thành phố này cách núi lửa 7 km, tuy núi lửa không cháy đến thành phố, nhưng tro bụi, gió thổi tro bụi đến đó, rơi xuống giống như bão cát vậy, chôn vùi nguyên cả thành phố. Trong khoảng thời gian chỉ mấy giây, rất ít người sống trong thành phố này chạy thoát ra ngoài, mấy phút là hủy diệt hết. Đó là thành phố có nền

văn hóa cao, thiên tai trong khoảnh khắc thành phố đã không còn nữa.

Hôm qua, có người mang đến cho tôi xem một trận mưa đá ở Úc Châu, tổn thất vô cùng nghiêm trọng, đột nhiên xảy ra trận thiên tai lớn như vậy, từ trước đến nay chưa từng có. Cục đá bao lớn? To như trái bóng gôn vậy, đá rơi xuống, nhà bị hư, xe bị hư, trong mấy giờ đồng hồ đường sá ngập nước hết, xe hơi chìm trong nước, xe cũng bị hỏng, tổn thất rất nặng nề. Những thiên tai kỳ lạ ngày nay, xảy ra đột ngột rất đáng sợ. Rốt cuộc là vì sao? Giới khoa học lượng tử giải thích, trong cuốn *Giải Độc Mạt Thế Dự Ngôn*, tôi tóm lược lại, quan trọng nhất có mấy câu, tôi ghi chép lại tặng cho mọi người.

Do tâm niệm của chúng ta có vấn đề, người xưa nói rất có lý: “*Hành hữu bất đắc, phản cầu chư kỳ*” (Hành động ngoài không được, thì quay ngược tìm chính mình), nói lên cơ thể của con người nhiều bệnh tật, không được bình thường là do ý niệm của mình. Nơi chúng ta sống trên quả địa cầu này xảy ra thiên tai, là do những người sống trên địa cầu. Sự khởi tâm động niệm của họ có vấn đề, cho nên mới xảy ra những chuyện như vậy. Những điều họ nói chúng ta hiểu được. Vì sao? Bởi sơn hà đại địa nó có ý thức. Thí nghiệm của Tiến sĩ Giang Bốn Thắng người Nhật, nước là khoáng vật, nó có thụ, tưởng, hành, thức; hoa cỏ, cây cối cũng có thụ, tưởng, hành, thức; sơn hà đại địa cũng có thụ, tưởng, hành, thức.

Ý niệm của ta chính, nó sẽ chính; ý niệm của ta tà, nó cũng tà, cùng một đạo lý thôi. Nếu ý niệm của ta chính, trong kinh gọi là địa thần, Kiên Lao Địa Thần. Nếu ý niệm của ta tà, Kiên Lao Địa Thần biến thành Lơ Lửng Địa Thần mất rồi, rất dễ nghiêng ngả, rất dễ sụp đổ. Núi dễ sập xuống, có tình trạng như vậy đấy.

Vì thế, kết luận của nhà lượng tử học là ý niệm làm chủ tất cả. Sức mạnh của ý niệm có thể làm rung động thiên cung, có sức mạnh lớn như vậy đấy. Sự việc này mãi không phát hiện ra, nhưng trong kinh điển Phật giáo thường đề cập đến, ý niệm là chủ tất cả. Do đó, ý niệm của ta chính, thân thể mạnh khỏe, tinh thần sáng khoái, tâm sinh hoan hỷ. Không nên suốt ngày nghi ngờ hết điều này đến điều khác, thấy cái này không đúng, thấy cái kia không phải, đó là tự làm khổ mình. Ai không đúng? Bản thân mình không đúng, chẳng có chuyện người khác không đúng.

Vì thế, chư Phật, Bồ tát rất hay. Chư Phật, Bồ tát duy trì chính niệm của mình. Cổ nhân nói: *“Người tu đạo chân chính, chẳng thấy lỗi thế gian”*. Thế gian không có lỗi nghĩa là sao? Là mình không có lỗi, nên không thấy lỗi của thế gian. Khi thấy lỗi của thế gian là mình có lỗi, nên mới thấy lỗi của thế gian.

Những người làm việc xấu trên thế gian này, họ có lỗi chẳng? Họ không có lỗi. Vì sao? Quý vị cần nên biết vì sao

họ làm việc xấu, quý vị sẽ hiểu, sẽ hoá nhiên đại ngộ thôi, có nhân và còn có quả nữa. Do vậy, thật sự hiểu được rồi, 3 đường thiện, 3 đường ác trong lục đạo, quý vị sẽ bình đẳng đối đãi với 3 đường ác. Vì sao? Tiêu nghiệp mà!

Quý vị tu thiện nghiệp, đưa quý vị đến 3 đường thiện để tiêu nghiệp; tạo ác nghiệp thì đưa quý vị đến 3 đường ác để tiêu nghiệp. 3 đường lành, 3 đường ác từ đâu mà có? Do nghiệp lực chiêu cảm ra. Vốn không có, nhưng có ác nghiệp sẽ có ác đạo. Khởi ý niệm gì sẽ hiện ra địa ngục đó, rất kỳ lạ. Trong Đạo giáo, quý vị không tìm ta những địa ngục như vậy. Ngày nay, một số linh môi tiết lộ ra có địa ngục mới, ngày xưa không có. Nghĩ điều gì hiện ra điều đó. Vì sao không thường xuyên nghĩ đến đức Phật A Di Đà? Vì sao không nghĩ đến thế giới Cực Lạc? Hàng ngày ta nghĩ đến đức Phật A Di Đà, nghĩ đến thế giới Cực Lạc, chẳng phải thế giới Cực Lạc và đức Phật A Di Đà sẽ hiện tiền sao? Điều này rất quan trọng, quan trọng hơn bất cứ điều gì khác.

Do đó, học Phật rồi tất cả trở về chính niệm, niệm luân lý, đạo đức, nhân quả, niệm quốc độ Y chính trang nghiêm của chư Phật, Bồ tát, thì sẽ cứu được thế giới của chúng ta. Cứu cách nào, ngày mai sẽ nói cho quý vị biết.





# **TỊNH ĐỘ ĐẠI KINH GIẢI DIỄN NGHĨA**



**TẬP 62**



**Giảng ngày 19 tháng 6 năm 2010**  
**Phật Đà Giáo Dục Hiệp Hội HongKong**  
***Chuyển ngữ: Tử Hà***  
***Biên tập: Bình Minh***



**C**hur vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời xem tiếp *Đại thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải*, trang 58, dòng thứ 5, đếm từ dưới lên. Chúng ta xem từ câu thứ 2.

*“Cố nhất pháp viên mãn nhiệt thiết pháp chi công đức, thị danh Viên mãn cụ đức. Đại Số vân, như bắc thần sở cư, chúng tinh cũng chi”* (Một pháp mà viên mãn công đức của hết thấy pháp. Đó gọi là đầy đủ đức viên mãn. *Đại Số* ghi: Như chỗ Bắc thần ở, các sao đều chụm về).

Hôm qua, chúng ta học đến đoạn, *“Chủ, bạn viên minh cụ đức”*. Chủ, bạn là nói về tất cả pháp. Tất cả pháp ở đây, thông thường chúng ta dùng 6 từ để nói, gồm Tính, Tướng, Lý Sự, Nhân, Quả của tất cả pháp. Bất luận là pháp thế gian hay pháp xuất thế gian, trong Phật pháp gọi là Y báo và Chính báo, khoa học gọi là vật chất và tinh thần, lớn nói đến vũ trụ, nhỏ nói đến tinh thần.

Bất cứ pháp nào trong đây, trong kinh điển Đại thừa thường đưa ra ví dụ, một vi trần, một lỗ chân lông. Vi trần là vật nhỏ nhất trong Y báo, mao đoan là lỗ chân lông của chúng ta, là vật nhỏ nhất trong Chính báo, không gì chẳng phải là viên minh cụ đức. Viên là viên mãn, không khiếm khuyết bất cứ điều gì, cả vũ trụ đều ở trong một vi trần, một cọng lông. Sự việc này không cách nào tưởng tượng ra được, cho nên cảnh giới này, trên đề phẩm *Tứ Thập Hoa*

*Nghiêm* nói: “*Nhập bất tư nghị giải thoát cảnh giới*”, là nói về điều này. Cảnh giới này, chúng ta không thể tưởng tượng được, cũng không thể nói rõ ràng được.

Đức Thế Tôn có trí tuệ, có phương tiện thiện xảo, Ngài đã nói rõ ràng cho ta biết, nhưng ta khó mà hiểu được. Nguyên nhân gì vậy? Bởi ta bị nghiệp chướng. Thật sự đức Phật đã nói rất rõ ràng, nghiệp chướng của ta làm trở ngại trí tuệ, nên ta nghe không hiểu. Nghiệp chướng là gì? Là nghi ngờ, phân biệt, chấp trước, nên không thể hiểu được. Dùng phương pháp gì mới có thể hiểu kinh Phật vậy? Không nghi ngờ, không phân biệt, không chấp trước, thì sẽ hiểu.

Trong *Khởi Tín Luận*, Bồ tát Mã Minh dạy rằng: Nghe kinh không chấp ngôn thuyết, không nên chấp trước ngôn ngữ, không nên chấp trước danh tự, không nên suy nghĩ ý nghĩa của những danh từ thuật ngữ trong kinh. Nếu nghe được như vậy sẽ hiểu được, và nhập vào cảnh giới đó.

Đọc kinh cũng như vậy, văn tự trong kinh điển, văn tự là phù hiệu của ngôn ngữ, cho nên nghe kinh không được chấp trước ngôn ngữ, đọc kinh không được chấp trước văn tự. Chấp trước văn tự thì hỏng việc. Đồng thời cũng không được chấp trước danh từ thuật ngữ, không nên suy nghĩ ý nghĩa của nó. Vì sao không được suy nghĩ ý nghĩa của nó? Quý vị vừa nghĩ là sai rồi, nghĩ là ý của mình, chứ không phải ý của Phật. Vì sao? Phật không có ý. Pháp thân Bồ tát

đã chuyển 8 thức thành 4 trí rồi. Ý nằm trong 8 thức. Thức thứ 6 là ý thức, thức thứ 7 là ý căn. Ý nằm trong 2 thức này.

Bây giờ, quý vị chuyển đổi rồi, chuyển thức thứ 6 thành Diệu quan sát trí, chuyển thức thứ 7 thành Bình đẳng tính trí, không còn ý nữa, nếu có ý là phàm phu rồi. Nghĩa là thế nào? Là dùng A Lại Da. A Lại Da là vọng tâm, quý vị không dùng chân tâm. Đức Phật giảng kinh thuyết pháp cho tất cả chúng sinh, thậm chí thị hiện nhiều hình thức khác nhau, đều là chân tâm, là bản tính. Do vậy, từ Tính đức lưu xuất ra mới viên mãn. Viên mãn ở đây là nói về đức, mình là nói về huệ, tính đức viên mãn, trí tuệ viên mãn.

Trong kinh *Hoa Nghiêm*, đức Thế Tôn dạy rằng: “*Tất cả chúng sinh đều có đức tướng, trí tuệ của Như Lai*”. Câu này chúng ta nghe nhiều rồi, rất quen tai, cũng có thể nói được nữa, nhưng đó chẳng phải là cảnh giới của ta. Chuyển thức thành trí mới là cảnh giới này, gọi là chứng ngộ. Chúng ta học nhiều năm rồi, biết được như vậy, nhưng phải có thiện căn. Thiện căn là gì? Tin tưởng lời chư Phật, Bồ tát nói không chút nghi ngờ. Bản thân mình phải mở rộng tâm lượng ra, cho nên hàng đương cơ của kinh *Hoa Nghiêm* là pháp thân đại sĩ.

Đại sư Thanh Lương nói về 10 hạng người. Trong 10 hạng người này, hạng cuối cùng là phàm phu, nhưng là hạng phàm phu nào? Là đại tâm phàm phu, tâm lượng rộng lớn. Đối với tất cả sự, tất cả lý, không tính toán thiệt hơn. Người

ta thường nói tâm lớn hóa giải tất cả. Người như vậy thì nghe được kinh *Hoa Nghiêm*. Nếu là người bảo thủ, chấp trước, cái gì cũng phải tính toán, không khế cơ với *Hoa Nghiêm*, người đó không thích hợp nghe bộ kinh này. Nghe bộ kinh này, tâm lượng phải rộng lớn, tâm không tính toán điều gì, tâm như thế tương ứng với *Hoa Nghiêm*. Vì thế, viên mãn không hề khiếm khuyết điều gì. Hai từ viên minh là then chốt, giống như Đại sư Huệ Năng, khi Ngài thấy tính có nói: “*Đâu ngờ tự tính vốn tự đầy đủ*”, có nghĩa là như vậy. Tuy không hiển, nhưng chẳng thiếu điều gì.

Tịnh Độ Tông nói, cảnh giới cao nhất là Thường Tịch Quang. Thường Tịch Quang như thế nào? Viên minh cụ đức chính là Thường Tịch Quang. Trong Thường Tịch Quang không có hiện tượng tinh thần, cũng không có hiện tượng vật chất, không có gì hết. Nó như thế nào? Một màn quang minh, cho nên gọi là Tịch Quang. Tịch là thanh tịnh, thanh tịnh đến cùng. Ngay đến hiện tượng vật chất và tinh thần cũng không có, nhưng nó là một màn quang minh chứ không phải đen tối, là quang minh. Đây là bản lai diện mục của chúng ta! Trong kinh, đức Phật nói, lục đạo phàm phu, “một niệm bất giác mà có vô minh”. Một niệm bất giác này nghĩa là ở trong tự tính Thường Tịch Quang, xuất hiện A Lại Da. Trong A Lại Da có tướng, đây chính là câu cuối trong 5 câu Đại sư Huệ Năng nói: “*Đâu ngờ tự tính năng sinh vạn pháp*”. Vạn pháp nghĩa là sao? Là vũ trụ xuất hiện, ta xuất hiện.

Ta là Chính báo, vũ trụ là Y báo, nghĩa là môi trường sinh sống của chúng ta đồng thời xuất hiện. Vũ trụ ra đời, thời gian bao lâu? Một sát na. Một sát na là miêu tả thời gian rất ngắn, ngắn đến mức độ nào chúng ta không thể tưởng tượng ra được. Đỉnh cao của khoa học ngày nay, trong lượng tử lực học gọi là tiểu quang tử, thời gian tồn tại của nó rất ngắn. Hiện tượng như thế nào? Nghĩa là trong tiểu quang tử đó, có hiện tượng vật chất và hiện tượng tinh thần. Tuy có hiện tượng vật chất và hiện tượng tinh thần, nhưng chúng ta không nhìn thấy được.

Phải làm cách nào mới có thể nhìn thấy được? Chắc chắn hiện tượng này, hiện tượng ý niệm này. Do nhiều ý niệm tích lũy lại mới có thể nhìn thấy, mới nhìn thấy hiện tượng vật chất. Từ trong hiện tượng vật chất, ta thấy được hiện tượng tinh thần. Vật chất này là gì? Vật chất này là thấy được, nghe được, hiểu được ý của con người. Bản thân nó cũng có ý, nó hiểu được ý của muôn sự muôn vật, nên nó thông, không có chướng ngại, thông suốt.

Không có không gian, chẳng có thời gian. Không có không gian nên nó không cách ly với vật chất. Không có thời gian, nên nó không có quá khứ, vị lai, hoàn toàn ở ngay đây. Đó là trạng thái trong Thường Tịch Quang. Nhưng vừa khởi niệm, Thường Tịch Quang sẽ không còn. Không có Thường Tịch Quang, thì gọi là vô minh. Chúng ta ngày nay có vô minh. Từ đâu thấy có vô minh? Quý vị xem nơi chúng ta đang sống,

nếu lấy đi mặt trời, lấy đi mặt trăng, lấy đi bóng đèn, nơi này sẽ như thế nào? Là một màn đen tối. Đây gọi là vô minh. Quý vị nên biết, nếu mình minh tâm kiến tính, thì không phải hiện tượng này, lấy đi hết còn lại một bầu quang minh. Đây là tính quang trong tự tính. Quang minh của tự tính là vĩnh hằng, là bất sinh bất diệt.

Ngày nay, chúng ta bị vô minh làm chướng ngại ánh quang minh, chứ chẳng phải chúng ta không có quang minh. Mỗi người đều có Thường Tịch Quang, chỉ cần ta tịch, thì quang sẽ hiện tiền. Tịch là gì? Tịch nghĩa là trong tâm không còn ý niệm. Tịch có nghĩa là buông bỏ hết khởi tâm động niệm, phân biệt, chấp trước. Không còn những thứ này nữa, tịch quang mới hiện tiền. Nếu chúng ta chỉ nói, buông bỏ chấp trước là giỏi lắm rồi, bởi buông bỏ chấp trước thì không còn lục đạo. Lục đạo từ chấp trước mà có. Buông bỏ phân biệt, thì không còn pháp giới Tứ thánh, không còn Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ tát, Phật nữa, nghĩa là không còn mười pháp giới. Cái gì xuất hiện? Cõi Thật Báo Trang Nghiêm xuất hiện. Đó là nơi pháp thân Bồ tát, là chư Phật Như Lai cư trú. Nếu không còn khởi tâm động niệm, ngay cả tập khí cũng không có, là hoàn toàn quay về Thường Tịch Quang, cõi Thật Báo cũng không có.

Các nhà khoa học cũng rất giỏi, chúng ta chẳng thể không phục. Ta không bằng họ đâu. Họ phát hiện ra vũ trụ, vũ trụ rất lớn, ngày nay có thể quan sát thấy được, cảm nhận được, nhưng chỉ là 10% của vũ trụ, còn 90% của vũ trụ ở đâu?

Nhiều nhà khoa học đang nghiên cứu về vấn đề này. Vấn đề này có 2 kiểu giải thích:

Một là không gian này thật sự có duy thứ, họ không đặt duy thứ vào đó. Chúng ta có thể thăm dò thế gian này, quan sát được điều gì? Quan sát được không gian 3 chiều, 4 chiều trở lên, ta không thấy được, không thấy được không gian cao duy thứ. Duy thứ này trong khoa học nói. Đứng về lý luận mà nói, thì không có hạn chế, là vô hạn thứ. Khoa học ngày nay thật sự dùng khoa học chứng minh điều này. Ngày xưa, Hoàng Niệm Tổ lão cư sĩ nói với tôi, ít nhất có 11 chiều không gian tồn tại, chỉ là không thấy được.

Thứ hai là đạo Phật nói. Ví dụ, một người tu hành, từ nhân đạo này, tu tập trang nghiêm, đúng như pháp, vị lai sinh về thiên đạo. Thiên đạo có cõi Trời Dục giới, cõi Trời Sắc giới, cõi Trời Vô sắc giới, từng lớp từng lớp tiến lên, đến lúc ra khỏi lục đạo luân hồi. Ngoài lục đạo có pháp giới Thanh Văn, pháp giới Duyên Giác, pháp giới Bồ tát, pháp giới Phật, đều là bất đồng không gian duy thứ. Sau khi mình tâm kiến tính, thì không còn mười pháp giới nữa, thật sự giác ngộ. Trên đề kinh *Vô Lượng Thọ*, “Thanh tịnh, Bình đẳng, Giác”. A La Hán chứng được Thanh tịnh. Thanh tịnh, thì không còn lục đạo. Bình đẳng, Giác, là mười pháp giới không còn, nhưng có Nhất chân pháp giới, chính là cõi Thật Báo Trang Nghiêm của chư Phật Như Lai. Nếu đoạn hết tập khí vô minh, cõi Thật Báo cũng không còn.

Trong kinh *Kim Cương Bát Nhã*, đức Phật nói: “*Phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng*” (Phàm gì có tướng đều là hư vọng), ngay cả Thật Báo Độ cũng không ngoại lệ, như vậy nó đi đâu? Quay về Thường Tịch Quang, nên không thấy nữa. Đây là sự giải thích của Phật pháp. Giải thích này vô cùng đầy đủ, từ Thường Tịch Quang biến hiện ra, cuối cùng lại trở về Thường Tịch Quang. Thường Tịch Quang không có gì hết, cho nên tất cả mọi hiện tượng thật sự như mộng, huyễn, bào, ảnh, không có thật. Đức Phật dạy, nó không có thật nên đừng chấp trước, đừng khống chế, đừng chiếm lấy riêng mình. Vì sao? Khởi lên những ý niệm đó là tự làm khổ mình, khổ không nói hết.

Nên mở rộng lòng ra, tất cả tùy nó. Điều này rất hay! Đúng là tâm lớn hóa giải tất cả, quý vị cũng được tự tại. Cần nên học điều gì? Học hiểu rõ chân tướng sự thật, hiểu thấu triệt. Sau khi hiểu rõ chân tướng, cũng như ta nằm mộng, đột nhiên cảm thấy mình đang nằm mộng. Mộng không có thật. Trong mộng thấy con cọp sắp ăn thịt mình, nghĩ lại là đang nằm mộng. Đức Phật Thích Ca Mâu Ni từng lấy thân mình cho cọp ăn, mình cũng có thể làm như vậy. Quý vị sẽ không còn lo sợ nữa. Tâm đại từ bi trong tự tính sinh khởi, chư Phật, Bồ tát đã làm được, quý vị cũng có thể làm được, nhưng mộng thì nhất định phải tỉnh dậy, chỉ là vấn đề sớm hay muộn mà thôi. Tỉnh lại có nghĩa là thấy tính, gọi là minh tâm kiến tính, kiến tính thành Phật.

Từ đó cho thấy, Phật là gì? Phật là người thức tỉnh, người tỉnh. Bồ tát cũng thức tỉnh, nhưng chưa thức tỉnh toàn vẹn. Đức Phật thật sự đã thức tỉnh. Mười pháp giới đều đang nằm mộng, nhưng bất luận trong cảnh giới nào, đều phải biết rằng nhất pháp. Dùng cơ thể của ta mà nói, nói đến vật chất, cơ thể của ta nhìn từ bên ngoài, ngũ quan gồm nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, trong thân gồm ngũ tạng, lục phủ, nhiều khí quản hợp thành, rất phức tạp.

Khí quản hợp thành cách nào? Khí quản do tế bào hợp thành, tế bào do phân tử hợp thành, phân tử do nguyên tử hợp thành, nguyên tử do lập tử hợp thành. Quý vị cứ như thế mà phân tích, phân tích đến cùng gọi là lập tử cơ bản. Lập tử cơ bản này theo sự tiến bộ của khoa học, họ nói không có sự nhất định, càng nói càng nhỏ.

Khoa học lượng tử ngày nay gọi là lượng tử, nhỏ nhất là lượng tử, do lượng tử hợp thành, khắp vũ trụ như: Con người, động vật, thực vật, khoáng vật, đều do lượng tử hợp thành. Đúng là một thể, không hề khác biệt. Vì sao nói nhất thể? Mỗi hạt vi trần, hoặc là lượng tử, lượng tử chính là tiểu quang tử, mỗi tiểu quang tử đều là viên minh cụ đức, đều là viên mãn. Tất cả trí tuệ, đức năng, tướng hảo trong tự tính, đều có đầy đủ trong tiểu quang tử. Trong mỗi tiểu quang tử đều có đầy đủ.

Như cơ thể của ta vậy, mỗi lỗ chân đều có đầy đủ, mỗi tế bào đều có đầy đủ. Trên thân tôi có đầy đủ, trên thân quý vị

cũng có đầy đủ không hề khác biệt, hoàn toàn giống nhau. Trên thân chúng ta có đầy đủ, trên thân động vật cũng có đầy đủ không hề khác biệt, không khác biệt với thực vật, không khác biệt với sơn hà đại địa. Thật sự hiểu rõ rồi, quý vị sẽ thừa nhận rằng, biến pháp giới hư không giới và mình là một thể. Mình khởi lên một ý niệm bất luận là vô tình hay cố ý, ý niệm này sẽ biến pháp giới hư không giới, tất cả mọi hiện tượng vật chất đều tiếp nhận được.

Chúng ta khởi lên một ý niệm, giống như phương tiện truyền thông vậy, tin tức của mình được phát đi, tất cả hiện tượng vật chất đều tiếp nhận được hết, ý niệm đều biết được. Tốc độ của nó nhanh hơn ánh sáng, nhanh hơn điện từ. Trong *Hoàn Nguyên Quán* nói, ý niệm vừa khởi lên là chu biến pháp giới. Chu biến pháp giới là nói đến tốc độ của nó, cho nên bất luận là thiện niệm hay ác niệm, tịnh niệm hay nhiễm niệm, ý niệm vừa khởi là biến pháp giới hư không giới. Nhưng nó có thể che giấu được ai? Che giấu được chính mình, bởi đôi khi ý niệm khởi lên bản thân mình không biết. Chúng sinh trong lục đạo, che giấu được một nửa, còn một nửa không giấu được. Nửa nào vậy? Trên chúng ta, ta không thể giấu được cõi Trời Sắc giới và Vô sắc giới. Ta cũng không thể che giấu được cõi Trời Dục giới, pháp giới Tứ thánh càng không thể giấu được, bởi mười phương quốc độ của chư Phật dĩ nhiên đều nhận được hết. Đây là chân tướng sự thật, là cảnh giới Hoa Nghiêm.

Khi đức Phật Thích Ca Mâu Ni còn tại thế, năm 30 tuổi Ngài chứng ngộ. Sau khi chứng ngộ, Ngài bèn giảng dạy, không kiến lập đạo tràng, sống cuộc đời như thế nào? Sống cuộc đời vân du, nơi nào có duyên thì đến đó, không làm phiền ai. Ngài ở đâu? Ở dưới gốc cây. Phương thức sống là đi khát thực, dọc theo hai bên đường khát thực, không có đạo tràng, ban đêm nghỉ dưới gốc cây, ngồi kiết già nghỉ ngơi. Suốt ngày, từ sáng đến tối dạy học.

Dùng cách nói ngày nay, hiệu lực của Ngài cũng không tồi, pháp duyên thù thắng, học trò theo học với Ngài, không rời Ngài. Trong kinh thường nói là 1.255 vị, là số đệ tử thường theo bên Ngài. Chúng ta có thể tưởng tượng ra, số người theo Ngài chắc chắn nhiều hơn con số này, chứ không thể ít hơn được. Nói cách khác, đoàn thể của Ngài khoảng 2.000 đến 3.000 người. Cuộc sống của họ giống như đức Phật Thích Ca Mâu Ni, hàng ngày nghe đức Phật giảng kinh thuyết pháp.

Chúng ta hiểu rõ ràng rồi, Phật và tôn giáo không thể móc nối được. Điều này nhất định phải biết. Không phải là tôn giáo, mà ngày nay trở thành tôn giáo, tức chúng đệ tử chúng ta có tội đấy, có lỗi với đức Phật Thích Ca Mâu Ni. Ngài là nhà giáo dục, quý vị biến nó thành tôn giáo, còn ra thể thống gì! Đúng là vong ân bội nghĩa mà.

Giáo dục của đức Phật đời đời truyền thừa, truyền đến Trung Quốc là giáo dục chứ không phải tôn giáo. Sau khi

đến Trung Quốc, xây dựng cơ sở, cơ cấu, gọi cơ cấu này là chùa, nên quý vị sẽ biết nó không phải là tôn giáo. Tôn giáo gọi là miếu, gọi là cung chứ không gọi là chùa. Chùa là cơ cấu làm việc của chính phủ. Cơ cấu này vua trực tiếp quản lý, gọi là chùa, cho nên dưới đức vua đơn vị đầu tiên có gọi là chùa.

Nếu quý vị đến Bắc Kinh, đến tham quan cố cung sẽ thấy được, cơ cấu làm việc trong cố cung, những tấm bảng treo lên đều là chùa (tự). Quan lớn của chùa là Khanh. Trong lịch sử Trung Quốc nói đến Tam Công, Cửu Khanh. Tam Công là cố vấn của hoàng đế, đây là địa vị cao nhất. Cửu Khanh là quan lớn của 9 đơn vị dưới hoàng đế. Phật giáo truyền vào Trung Quốc, xây dựng cơ cấu làm việc này cũng gọi là chùa. Ngôi chùa đầu tiên là chùa Bạch Mã. Chùa Bạch Mã ở Lạc Dương. Vào thời Hậu Hán, thủ đô đặt ở Lạc Dương, dùng Bạch Mã làm tên, đây là sự sùng đạo của người xưa. Kinh điển, tượng Phật ở Tây Vực, dùng bạch mã chuyên chở về Trung Quốc, không thể quên sự vất vả của nó, cho nên dùng nó làm tên gọi. Vua trực tiếp quản lý, là cơ cấu dạy học.

Trong chùa làm những công việc gì? Thứ nhất, phiên dịch kinh điển, giống như phòng biên dịch của quốc gia vậy, chủ yếu là phiên dịch kinh điển. Kinh điển được phiên dịch rồi thì đem ra giảng giải, y theo kinh điển mà học tập, cho nên là giáo dục. Vào thời đó, không ai biến đạo Phật thành tôn giáo, cứ như thế đến năm đầu của triều đại nhà

Thanh vẫn là giáo dục. Chúng ta thấy như Khang Hy, Ung Chính, Càn Long, vào thời đó cao tăng rất nhiều. Tự viện, am đường của đạo Phật, dùng cách nói ngày nay, đa phần đều là trường chuyên, rất nhiều đạo tràng. Trong đạo Phật, kinh điển nhiều, pháp môn cũng lắm, quý vị muốn học khoa nào, thì đến khoa đó để học. Vào đời Tùy Đường, Trung Quốc thành lập 10 tông phái. Tông là đại biệt, giống như học viện vậy. Phái như khoa. Mỗi học viện đều có rất nhiều khoa, là dạy học, có học vị. Học vị cao nhất trong Phật giáo là Phật, cho nên đó không phải là tên gọi của thần linh, mà là học vị. Quý vị có thể đạt được chăng? Được!

Học vị thứ hai là Bồ tát, học vị thứ ba là A La Hán. Tiêu chuẩn của nó, trong kinh gọi là: *“A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề”*. Dịch được nhưng không dịch. Vì sao không dịch? Tôn trọng nên không dịch. Đây là lấy danh xưng 3 học vị của đạo Phật. Tiêu chuẩn này nếu dịch thành chữ Hán là Vô Thượng Chính Đẳng Chính Giác. Dịch được, nhưng trong kinh ta vẫn thấy để *“A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề”*. Nếu đạt được Chính Giác, thì điều kiện của Chính Giác là gì? Trên đề kinh này là Thanh tịnh. Thanh tịnh là Chính Giác, đạt được Chính Giác gọi là A La Hán, đạt được học vị đầu tiên trong đạo Phật.

Thứ hai là Bình đẳng, đạt được tâm bình đẳng, là đạt được học vị thứ hai gọi là Bồ tát, Bồ tát bình đẳng. Học vị thứ ba là Vô Thượng Chính Đẳng Chính Giác, đạt được học vị này

là Phật. Vì thế, trong đạo Phật, mọi người ai cũng là Phật, không giống như tôn giáo. Tôn giáo chỉ có một Thượng đế, hai người thì rắc rối to. Trong đạo Phật, ai ai cũng có thể gọi là Phật, ai ai cũng có thể gọi là Bồ tát. Đây là danh xưng học vị. Giống như trường học ngày nay, học vị cao nhất là tiến sĩ, ai ai cũng có thể đạt được học vị tiến sĩ, đều được gọi là tiến sĩ, ai ai cũng có thể gọi là thạc sĩ. Trường học ngày nay cũng có 3 học vị, học sĩ, thạc sĩ, tiến sĩ. Đạo Phật cũng có 3 học vị, Phật, Bồ tát, A La Hán. Điều này, phải hiểu rõ ràng.

Tôn giáo ngày nay thật sự mê tín, xem Phật, Bồ tát là thần. Quý vị nghĩ xem, có oan cho đức Phật Thích Ca chăng? Đây là sự vô tri của chúng ta thời nay, làm nhục thầy giáo, khiến mọi người trong xã hội sinh tâm ngộ nhận. Tội của ta rất sâu dày. Ta không biết được chân tướng sự thật. Kinh *Hoa Nghiêm* nói cho ta biết chân tướng sự thật: Tự tính là viên minh cụ đức. Tự tính hiện ra tất cả pháp. Bản thể của tất cả pháp là tự tính. Bất luận là tinh thần hay vật chất, cũng không phân biệt lớn nhỏ. Tất cả những hiện tượng này đều do tự tính biến hiện ra. Tự tính biến thành hình tướng. Nó không có hình tướng mà biến thành hình tướng, nhưng trong hình tướng có đầy đủ trí tuệ đức tướng viên mãn của tự tính. Ở đoạn trước có nói qua.

Thập Huyền là do Ngài Trí Nghiễm – vị Tổ thứ hai của Tông Hoa Nghiêm đề xuất, Ngài Hiền Thủ tóm lược nói ra, đến Ngài Thanh Lương mới nói rõ cho chúng ta hiểu. Ta hiểu

được đại ý của kinh *Hoa Nghiêm*, nghĩa thú của kinh *Hoa Nghiêm*, quả thật người xưa tôn xưng bộ kinh này là *Viên Mãn Pháp Luân*, cũng rất có lý! Tất cả những điều trong các bộ kinh khác nói không hơn được *Hoa Nghiêm*.

Quả địa cầu hiện nay có vấn đề, nơi đâu cũng có thiên tai, ngày xưa không có. Vì sao có tình trạng như vậy? Đạo Phật biết nguyên nhân, lượng tử lực học cũng biết. Lượng tử lực học thời cận đại nói, nhưng hơn 3.000 năm về trước, đức Phật Thích Ca Mâu Ni đã nói qua rồi. Quý vị nên biết nguyên nhân của nguyên nhân. Nguyên nhân căn bản là ý niệm. Ý niệm của ai? Ý niệm của chính mình, chính mình khởi tâm động niệm! Nếu ý niệm này là chính, thì phân biệt tà - chính bằng cách nào? Tương ưng với tự tính là chính, tương phản với tự tính là tà. Nhưng chúng ta vẫn chưa tìm thấy điểm chuẩn. Đức Phật vì để dạy cho hàng sơ học, dạy những người có trình độ như chúng ta, Ngài nói về *Thập Thiện Nghiệp Đạo*: Không sát sinh, không trộm cắp, không tà dâm, không vọng ngữ, không lưỡng thiệt, không ỷ ngữ, không ác khẩu, không tham, không sân, không si. Tất cả 10 điều.

Chúng ta khởi tâm động niệm, ngôn ngữ tạo tác, không trái ngược với 10 điều này là chính. Nếu làm ngược lại như sát sinh, trộm cắp, tà dâm, nói dối... là sai, đó là trái ngược với Tính đức. Thuận theo Tính đức là thiện, trái ngược lại là tà. Thiện ác có chuẩn mực.

Người xưa dạy chúng ta về ngũ luân, ngũ thường, tứ duy, bát đức, nói rất kỹ, nếu chúng ta tuân thủ theo là thiện, nếu làm trái lại là ác. Quả địa cầu và thân của chúng ta là một sinh mệnh thể cộng đồng. Ý niệm của ta có thể ảnh hưởng đến thân mình, ảnh hưởng đến quả địa cầu nơi mình sinh sống. Vì sao? Trong kinh điển Đại thừa, đức Phật thường nói: Tất cả pháp *“duy tâm sở hiện, duy thức sở biến”*.

Thức chính là ý niệm. Ý niệm có thể biến hóa. *“Tất cả pháp tông tâm tướng sinh”*. Thân của ta là tâm tướng sinh. Gia đình ta là tâm tướng sinh. Xã hội này là tâm tướng sinh. Quốc gia này là tâm tướng sinh. Thế giới này, địa cầu này, thái dương hệ này, ngân hà này, đều là tâm tướng sinh. Ý niệm làm chủ tất cả! Ý niệm chính, là tuân thủ theo lời dạy của cổ thánh tiên hiền.

Những lời dạy này không phải do các Ngài sáng tạo hay phát minh ra, họ đều là những người thấy tính, thuận theo Tính đức, không có điều gì chẳng thiện. Thân tâm khỏe mạnh, gia đình hạnh phúc, sự nghiệp thuận lợi, xã hội hài hòa, thế giới đại đồng, sao không tốt chứ? Nơi chúng ta sống, không hề bị thiên tai, làm được, chứ chẳng phải không làm được! Hiểu được những đạo lý này rồi, thì chỉ cần chúng ta chuyển đổi ý niệm, đoạn ác tu thiện, cải tà quy chính, chuyển mê thành ngộ, thì vấn đề sẽ được giải quyết, thiên tai trên quả địa cầu này không lo sợ, có thể hóa giải được.

Quý vị nghĩ thử xem, cần bao nhiêu người chuyển đổi mới có hiệu quả? Chư vị Tổ sư trong đạo Phật nói cho ta biết, các Ngài nói ra một nguyên tắc, số ít người cũng có thể chuyển nghiệp báo của số đông người. Vì sao vậy? Tà không thắng chính. Ý niệm của số ít người là chính, con người trên toàn thế giới ngày nay là số nhiều. Họ tà niệm đã khiến cho quả địa cầu ra nông nổi này, khiến cho xã hội như vậy.

Cần bao nhiêu người chuyển đổi mới có thể làm thay đổi được xã hội này? Các nhà khoa học lượng tử cho chúng ta biết, phỏng đoán nhân khẩu trên thế giới, có khoảng sáu mươi lăm ức người. Cần bao nhiêu người mới có thể giúp cho thế giới thay đổi? Họ nói cần khoảng 8.000 người. Có khoảng 8.000 người thật sự khai ngộ, thật sự hồi đầu, trên quả địa cầu có sáu mươi lăm ức người tạo nghiệp, nhưng 8.000 người này có thể khiến cho quả địa cầu thay đổi.

Quý vị nghe rồi nghĩ rằng khó có thể làm được, 8.000 người là thiếu số. Nhưng nếu chúng ta tin tưởng và chấp nhận được, nghĩa là tin tưởng người xưa không nói dối, chư Phật, Bồ tát không nói dối. Các Ngài đã nói gì? Tà không thắng chính. Số đông người này là tà, số ít người là chính, vì chính nên chuyển đổi dễ dàng. Vì sao? Bởi con người đều có bản tính. Người xưa có dạy rằng: *“Tín người vốn thiện”*. Ngày xưa, *Tam Tạng Kinh* dạy cho trẻ thơ, câu đầu tiên là: *“Nhân chi sơ, tính bản thiện”*.

Trong *Khởi Tín Luận*, Bồ tát Mã Minh nói: “*Bản giác bản hữu, bất giác bản vô*” (Bản giác vốn có, bất giác vốn không). Bản giác chính là bản tính, bản thiện, bản hữu. Bất giác là mê, là tà, là bất thiện. Trong tự tính là thuần tịnh thuần thiện, chỉ cần quý vị chịu khó dạy họ, họ dễ dàng quay đầu, là chuyển đổi được. Vì thế, giáo dục vô cùng quan trọng.

Sau khi đức Phật Thích Ca Mâu Ni khai ngộ, một đời Ngài làm công việc giáo dục, với địa vị như thế nào? Dùng cách nói ngày nay, là thầy giáo chuyên nghiệp, suốt đời dạy học. Ngài dạy điều gì? Dạy chúng ta nhận biết chân tướng của nhân sinh vũ trụ. Đây không phải là mê tín, trong đây có khoa học và triết học tối cao.

Tôi học Phật từ khi học triết học với thầy Phương Đông Mỹ. Thầy Phương nói với tôi: Triết học trong kinh Phật là đỉnh cao của triết học trên toàn thế giới. Tôi đã học 59 năm rồi, chứng minh lời của thầy Phương rất chính xác, thầy không nói dối tôi. Tôi phát hiện chẳng những là triết học tối cao, mà cũng là khoa học tối cao. Ngày nay trên thế giới, những điều khoa học, triết học không thể giải quyết được, đáp án đều ở trong kinh Phật. Sự phát triển của khoa học, có thể chứng minh những điều thâm áo trong kinh Phật. Dùng khoa học để chứng minh, đây là một việc tốt.

Chúng ta thật sự tin tưởng sự chứng minh ngày nay. Đoạn này nói: *“Hoành thụ vạn pháp thành vi Nhất đại duyên khởi, pháp pháp giao triệt”*. Điều này được lượng tử lực học chứng minh. Câu nói này đức Phật Thích Ca Mâu Ni nói cách đây hơn 3.000 năm rồi, chứng minh được vũ trụ với ta là một thể, một sinh mệnh thể cộng đồng, bất luận là vật chất hay tinh thần đều là cộng đồng.

Do đó, hiệp hội của chúng ta, phát khởi tu Lục Hòa Kính. Mục tiêu là gì? Là cứu quả địa cầu, hóa giải thiên tai. Đúng là Tam Bảo gia trì, khiến cho chúng ta thấy được báo cáo của giới khoa học, làm tăng trưởng lòng tin của mình. Khoa học lượng tử cho ta biết, trên thế giới có khoảng 8.000 người đồng tâm hiệp lực, buông bỏ vạn duyên, nhất tâm cầu nguyện. Đây là người ngoại quốc, họ nói lên sự cầu nguyện của người ngoại quốc. Sự cầu nguyện trong tôn giáo, sẽ hóa giải được thiên tai của quả địa cầu.

Chúng ta nghe rồi thấy rõ, việc cầu nguyện này có hiệu quả chăng? Có! Nhưng trị ngọn không trị gốc. Vì sao? Cách mấy ngày không cầu nguyện, chẳng phải vấn đề lại xuất hiện đó sao? Không thay đổi từ trong tâm, không biết bản chất của niệm lực. Khi cầu nguyện là cầu Thượng đế, cầu thần. Phật pháp không như vậy, Phật pháp thừa nhận có thần tồn tại trong vũ trụ, thần cũng là chúng sinh. Bất luận là thiên thần hay địa thần, họ cũng mê hoặc điên đảo thôi. Năng lực của họ mạnh hơn chúng ta, đó là sự thật chứ không phải giả,

có phúc báo, có tu. Đối với chân tướng của nhân sinh vũ trụ, họ chưa hiểu được thấu triệt. Hiểu được thấu triệt là chư Phật, Bồ tát.

Cổ thánh tiên hiền rất có trí tuệ, họ biết được. Họ dùng phương pháp nào? Dùng giáo dục. Con người tiếp nhận qua nền giáo dục, lương tâm phát khởi, không dám làm việc xấu, làm việc xấu là một việc rất mất mặt. Vì thế, luân lý đạo đức có thể làm chuẩn mực cho một con người, hay hơn pháp luật, khiến cho mọi người xấu hổ khi làm ác.

Nhưng trong giáo dục, còn một việc vô cùng quan trọng là giáo dục nhân quả. Đây là chân tướng sự thật, phải nói rõ ràng, thật sự có việc này. Nếu con người tin tưởng nền giáo dục nhân quả, thiện có thiện quả, ác có ác báo, thì không dám làm ác. Vì sao? Vì nghĩ đến quả báo trong tương lai, họ sẽ sợ, nên không dám làm. Văn hóa truyền thống ngày xưa, là giáo dục Thích, Đạo, Nho, dạy người ta nên người. Áp dụng vào thời loạn thế ngày nay có hiệu quả chăng? Có dạy người ta nên người không? Người trong nước không tin, người nước ngoài cũng không tin, chúng tôi đem kinh nghiệm mấy ngàn năm về trước của người xưa, báo cáo nhiều lần ở Liên Hiệp Quốc. Những người tham dự hội nghị đều rất hoan hỷ, đều vỗ tay tán thán. Khi tôi nói chuyện xong rồi, họ đến tìm tôi nói chuyện. Họ nói, Pháp sư giảng rất hay, nhưng đây là lý tưởng, không làm được! Khi tôi nghe họ nói như vậy, tôi rất kinh ngạc, đây mới thật sự là

then chốt của vấn đề. Làm sao đây? Làm cách nào để họ tin đây? Nhất định phải làm thí nghiệm, khoa học rất chú trọng thí nghiệm, làm thí nghiệm họ mới tin tưởng. Tôi vốn sống ở nước ngoài, ở Singapore, ở Úc Châu, muốn làm thí nghiệm, nhân duyên chưa thành thực.

Năm 2005, đã lâu rồi tôi không trở về quê. Rời quê hương ra đi 70 năm rồi, vẫn còn một số anh em bà con, anh em thân tộc còn rất đông, khi tôi về lại quê nhà. Mọi người cùng nhau ăn cơm, tôi đem những công việc mình đã làm trong thời gian qua nói cho mọi người nghe, rất muốn làm thí nghiệm, khiến cho những người nước ngoài, khiến cho Liên Hiệp Quốc, sinh khởi lòng tin đối với nền văn hóa truyền thống Á Đông. Mọi người ở quê nhiệt tâm, nói với tôi rằng, được; chúng tôi ủng hộ thầy, về quê làm thí nghiệm.

Chúng tôi đã làm thí nghiệm ở thôn Thang Trì, huyện Lô Giang. Cư dân ở thôn này có 48.000 người. Chúng tôi thành lập một trung tâm ở đây, lớp thầy giáo đầu tiên là 37 người. Tôi yêu cầu thầy giáo phải học *Đệ Tử Quy*. Muốn dạy người trước tiên mình phải làm được. Mỗi vị thầy giáo, phải thực hành được 100% *Đệ Tử Quy*. Tôi ra thời hạn cho các thầy giáo là 4 tháng. Từ thâm sâu của tâm hồn, chúng tôi rất biết ơn và khâm phục, chỉ 2 tháng là các thầy đã làm được rồi, thật hiếm có! Khi đó vị chủ trì trung tâm này là thầy Dương nói với tôi, chúng con đã làm được rồi.

Tiếp theo phải làm gì? Tôi nói, xuống làng, vào từng nhà, chúng ta đem *Đệ Tử Quy* ra thực hành, chứ không phải nói, nói sẽ chẳng có ai nghe đâu, phải thực hành. Người trong thôn nhỏ này thấy rất cảm động. Sau đó, bảo thầy giáo mở lớp dạy ở trung tâm, nam nữ già trẻ, các hăng, các xí nghiệp trong thôn nhỏ này, tự động đến trung tâm học tập. Hơn 3 tháng, chưa đầy 4 tháng, nếp sống của thôn nhỏ này hoàn toàn thay đổi. Khi đó, chúng tôi vô cùng cảm động. Vì sao? Chúng tôi dự tính, khoảng 2-3 năm, mới có hiệu quả, không ngờ chưa đầy 4 tháng là có kết quả rõ ràng rồi. Tôi vô cùng cảm thán nói lên 2 câu, bởi việc thí nghiệm của chúng tôi đã chứng minh được: *“Nhân chi sơ. Tính bản thiện”*. Điều chứng minh thứ hai là con người rất dễ dạy, chỉ là không ai chịu dạy họ thôi. Nếu được dạy là họ sẽ quay đầu trở lại.

Thông tin này truyền đến, khiến tôi suy nghĩ làm cách nào để báo cáo với Liên Hiệp Quốc? Tôi nói đây là ân đức của tiền nhân, là sự gia hộ của tam bảo. 2 tháng sau, vào dịp tháng 5, tháng 5 năm 2006, Tổng bộ Tổ chức giáo khoa văn của Liên Hiệp Quốc ở Paris, viết cho tôi một bức thư, hy vọng tháng 10 năm đó tôi tham dự một hội nghị của Liên Hiệp Quốc, yêu cầu tôi tham gia chủ trì.

Hội nghị này kỷ niệm đức Phật Thích Ca Mâu Ni 2.550 năm. Đây là tiêu đề thảo luận về vấn đề đệ tử Phật cống hiến đối với nhân loại. Cơ hội này thật hiếm có! Vì chúng tôi tham gia chủ trì, cho nên chủ động đưa ra ý kiến, yêu cầu

để chúng tôi lấy thí nghiệm làm ở Thang Trì, cho tôi 8 giờ đồng hồ lên báo cáo, và còn yêu cầu Liên Hiệp Quốc cho tôi một khu vực làm triển lãm. Chúng tôi đem thành quả của mấy tháng đó, trong đó có hình, có biểu đồ, có văn tự, làm triển lãm 3 ngày. Việc làm này vô cùng thành công! Tôi cũng mời 9 tôn giáo lớn ở Singapore đến, biểu diễn ở Liên Hiệp Quốc. Tôn giáo có thể đoàn kết, cho nên hội nghị lần đó tôi có 2 câu: Câu thứ nhất, nói với toàn thế giới, nói với Liên Hiệp Quốc, tôn giáo có thể đoàn kết. Câu thứ hai, con người có thể dạy được.

Trong nền văn hóa truyền thống có 3 cội rễ là *Đệ Tử Quy*, *Thái Thượng Cảm Ứng Thiên*, *Thập Thiện Nghiệp Đạo*, đều đã khởi tác dụng trên toàn thế giới, nhiều khu vực trong các nước, đều đang học tập, đang thực hành, đây là việc tốt! Quý vị đang phát khởi học tập Lục Hòa Kính, để tự cứu mình, cứu người, cứu thế giới. Lục Hòa Kính không đơn giản đâu. Đại thừa kinh giáo có dạy rằng, trên thế giới, nếu có một đoàn thể Lục Hòa Kính xuất hiện, thì thiên tai của thế giới này đều được hóa giải. Vì sao cần một đoàn thể Lục Hòa Kính? Bởi một tăng đoàn Lục Hòa Kính được chư Phật hộ niệm, Long thiên thiện thần bảo hộ. Tam quy y, quý vị đều có đọc qua: *“Quy y Tăng, chúng trung tôn”* (Quy y Tăng, người được tôn kính trong mọi người). Câu này là nói về Lục Hòa Kính. Tăng là tăng đoàn, tăng đoàn Lục Hòa Kính. Đoàn thể này gồm 4 người trở lên, đều tu tập Lục Hòa Kính. Chúng trung tôn,

chúng ở đây là đoàn thể. Trong tất cả đoàn thể của thế gian và xuất thế gian, thì đoàn thể này là tôn quý nhất. Vì sao? Vì nó hòa. Trong tất cả các đoàn thể, chỉ có Tăng đoàn Lục Hòa Kính là chư Phật Như Lai tán thán.

Thứ nhất là *“Kiến hòa đồng giải”*, nghĩa là xây dựng cộng thức, là việc làm khó khăn nhất. Ngày nay, cộng thức được xây dựng từ đâu? Thật sự khẳng định hiểu rõ, chúng sinh trong vũ trụ với ta là một thể, thân thiết hơn một gia đình, là một thể mà, chúng ta xây dựng cộng thức từ đây.

*“Giới hòa đồng tu”*, nhất định phải thực hành 4 cội rễ, bắt đầu học từ *Đệ Tử Quy*, phải thực sự thực hành được từng câu từng chữ trong đó. Thực hành giáo dục nhân quả trong *Cảm Ứng Thiên*. Thực hành giáo dục của đức Phật trong *Thập Thiện Nghiệp Đạo*, thực hành *Sa Di Luật Nghi*, người xuất gia bắt buộc phải làm được. Nếu không làm được, đó là giả, chẳng phải chân xuất gia. Người tại gia thực hành 3 cội rễ, người xuất gia thực hành 4 cội rễ. Thật sự thực hành được rồi, chẳng những độ được mình, mà còn cứu được thế giới. Làm cách nào vậy? Đức Phật Thích Ca Mâu Ni suốt đời làm bậc mô phạm cho chúng ta thấy, phải ghi nhớ, phải nghiêm chỉnh học tập.

Tuy suốt đời đức Thế Tôn dạy học, nhưng Ngài không có trường học. Đoàn thể của Ngài là gì? Là tư thực, trường tư thực với quy mô lớn, rất đông người, chỉ một mình Ngài làm

thầy giáo. Sau này có huynh trưởng, những vị đại đệ tử của Ngài. Có người thấy tính, có người chứng quả, họ thay Ngài thuyết pháp, thay Ngài giảng dạy, nhưng chủ yếu chính là một vị thầy giáo. Các vị đại đệ tử là thay Ngài giảng dạy. Họ thường xuyên nhận được lời thỉnh mời ở khắp nơi. Nơi nào mời đức Phật mà Ngài không đi được, thì phái học trò Ngài đến đó giáo hóa. Không có tổ chức, điều này phải ghi nhớ.

Sau khi Phật giáo truyền vào Trung Quốc, vào đời Tùy Đường, nếu dùng cách nói ngày nay, là Phật giáo làm một cuộc đại cách mạng, nghĩa là biến Phật giáo thành trường học, dạy học chính quy, chính là chế độ tông lâm.

Quý vị nên biết, tông lâm Phật giáo ngày xưa, chính là đại học thời nay, có tổ chức, có phân công. Tổ chức trong tông lâm, hoàn toàn giống như tổ chức trong trường học ngày nay. Chủ tịch của tông lâm là Hiệu trưởng. Thông thường, người ta gọi là Phương trượng, Trụ trì, chính là Hiệu trưởng. Hòa thượng Thủ tọa là Giáo vụ trưởng. Đại học ngày nay gọi là Giáo vụ trưởng, lo về mặt giáo vụ. Duy na là Huấn đạo trưởng, Giám viện là Tổng vụ trưởng. Chỉ là danh xưng không giống nhau thôi, chứ phân công hoàn toàn tương đồng với trường học ngày nay.

Thầy Phương Đông Mỹ đã từng nói với tôi mười mấy lần, bảo tôi phải nhớ, muốn phục hưng Phật giáo, nhất định phải phục hồi chế độ tông lâm, cho nên tôi thường nói, muốn

xây dựng đại học Phật giáo. Ngày nay, giao thông thuận tiện, khoa học phát triển, quả địa cầu này là một nhà. Mục đích của chúng ta muốn cho thế giới hài hòa, quốc gia với quốc gia hài hòa, dân tộc với dân tộc hài hòa, chính đảng với chính đảng hài hòa, tôn giáo với tôn giáo hài hòa.

Chúng ta đang truy cầu lý niệm này, cho nên từ đại học nghĩ đến đa nguyên văn hóa, đại học tôn giáo của đa nguyên văn hóa, chứ không phải một đại học Phật giáo. Như thế, tôn giáo khác nhau, trong tương lai đều là bạn học của nhau. Mỗi tôn giáo thành lập một học viện, hợp thành một đại học tôn giáo, cùng là học trò trong một trường học, sở học không giống nhau, nghĩa là học những khoa không giống nhau, nhưng cùng một trường. Do đó, khái niệm chủ yếu của mỗi tôn giáo, chúng ta đều phải học tập, không thấy lạ. Giữa tôn giáo với tôn giáo, mới thực sự làm được hòa mục tương xử, bình đẳng đối đãi, toàn tâm toàn ý đưa ra những giáo nghĩa hay, để giáo hóa chúng sinh, giúp cho xã hội hóa giải xung đột, tiến đến an định hòa bình.

Các nhà khoa học lượng tử cho chúng ta biết, chỉ cần 8.000 người là cứu được quả địa cầu này. Tôi nghĩ đến việc lần này chúng ta đề xướng tu Lục Hòa Kính, nên mở rộng lý niệm này ra. Trên thế giới, đầu tiên hy vọng Tịnh tông hiệp hội hưởng ứng việc này. Tôi tin rằng toàn thế giới, có khoảng 200 Tịnh tông học hội, chắc là con số này. Mỗi Tịnh tông học hội có được 60 người tu Lục Hòa Kính, 60 người

thật sự phát tâm, đoạn ác tu thiện, sửa đổi lỗi lầm, chuyển mê thành ngộ, nghiêm chỉnh học tập kinh điển. Đầu tiên, học tập 3 cội rễ, sau đó trong kinh giáo nhất môn thâm nhập, trường thời huân tu, thật sự phát tâm như thế. Một Tịnh tông học hội có 60 người, 200 học hội là 12.000 người, hơn con số 8.000 người.

Chúng ta đem công đức này hồi hướng cho toàn thể nhân loại, hồi hướng cho quả địa cầu nơi chúng ta cư trú, chắc chắn có hiệu quả rất tốt đẹp. Thật sự hiểu rõ, *“hoàn thụ vạn pháp thị Nhất đại duyên khởi”*, hàng ngày chúng ta niệm Phật hồi hướng nhất định phải ghi nhớ, cuối cùng là hồi hướng mười phương sát độ vi trần pháp giới, không được lãng quên điều này. Mười phương sát độ vi trần pháp giới và chúng ta là một thể. Hy vọng những thiên tai trên quả địa cầu này, thiên tai lớn thành thiên tai nhỏ, thiên tai nhỏ thành không còn thiên tai.

Đạo Phật nói về niệm lực tạo ra thế giới, tạo ra vũ trụ. Khoa học lượng tử ngày nay đã chứng minh được điều này. Đây là cơ duyên hy hữu khó gặp. Chúng ta gặp được rồi, mong quý vị phát tâm, sự phát tâm này phải từ trong tâm mình chứ không miễn cưỡng. Sự nhận biết phát tâm này vẫn ở chỗ học tập, cho nên việc dạy học là vấn đề quan trọng nhất. Chúng tôi làm thí nghiệm ở Thang Trì, tuy thời gian không dài, nhưng nếp sống ở nơi đây thật sự đã thay đổi.

Điều mà mọi người có thể nhận thấy rõ ràng, là số người phạm tội và số người ly hôn giảm xuống, nhân dân hài hòa lễ phép, thật sự thấy được đó là nơi lễ nghĩa, hài hòa, từ trường của khu vực đó hoàn toàn khác hẳn, trong suốt 3 năm không hề bị thiên tai. Rất rõ ràng, vì khi tôi còn ở đó, tôi ở Thật Tế Thiền Tự giảng kinh *Hoa Nghiêm*, Tế Xuyên bị động đất lớn, Văn Xuyên động đất lớn, phạm vi dư chấn của nó thật sự rất rộng. Tâm chấn ở Tứ Xuyên, tỉnh Hà Bắc ở phương Bắc cảm nhận được động đất, có ở Sơn Đông, Giang Tô, Giang Tây, An Vi, v.v... đều cảm nhận được, nhưng ở khu vực Lô Giang của chúng tôi lại không thấy có. Ở đó có một trạm đo động đất, nhưng đo không thấy động đất, cho nên mọi người cảm thấy vô cùng ngạc nhiên. Vì sao 4 bên đều có động đất, mà nơi này lại không có? Phải chăng đúng như các nhà khoa học lượng tử nói? Thôn Thang Trì nhỏ này có 48.000 người hồi tâm chuyển ý, mọi người đều muốn làm tốt, không muốn làm người xấu.

Tôi giảng kinh ở đó hơn một tháng. Giảng kinh *Hoa Nghiêm* hơn một tháng trời, chúng tôi không cảm nhận có động đất. Đôi khi những khu vực xung quanh có những thiên tai nhỏ, khu vực của chúng tôi không có. Những điều này đáng để chúng ta suy nghĩ, thì ra giảng kinh Phật, mọi người cho rằng đây là tôn giáo, là mê tín, lượng tử lực học ngày nay cũng nói như vậy. Chúng ta chân thật thực hành, làm còn hơn là không làm.

Hoàng Niệm Tổ lão cư sĩ dẫn chứng kinh văn trong kinh này cũng có ý nghĩa viên minh cụ đức:

*“Kim bản kinh dĩ phát Bồ đề tâm nhất hướng chuyên niệm vi tông, dĩ thập niệm tất sinh nguyện vi đại nguyện chi bản, chuyên trọng trì danh niệm Phật danh cụ vạn đức, thử nhất cú Phật hiệu viên mãn cụ túc nhất thiết pháp chi công đức. Cử thể thị Hoa Nghiêm Huyền Môn viên minh cụ đức chi nghĩa”.* (Nay, kinh này dùng phát Bồ đề tâm nhất hướng chuyên niệm làm tông, dùng nguyện mười niệm nhất định vãng sinh làm gốc của đại nguyện, chuyên trọng trì danh hiệu Phật này có đủ vạn đức, một câu Phật hiệu này đã viên mãn đầy đủ công đức của hết thấy pháp. Đây là toàn bộ nghĩa viên minh cụ đức Thập Huyền Môn của kinh *Hoa Nghiêm*).

Câu này nói hay quá! Không khác với giáo nghĩa kinh *Hoa Nghiêm*. Kinh *Vô Lượng Thọ* quả thật lấy “*phát Bồ đề tâm nhất hướng chuyên niệm*” làm tông. Tông là gì? Tông là tông chỉ, là điều quan trọng nhất trong việc tu tập bộ kinh này. Chỉ đạo đại cương, nguyên tắc chỉ đạo, chúng ta tu tập bộ kinh này như thế nào? Chính là ở 8 từ: “*Phát Bồ đề tâm, nhất hướng chuyên niệm*”. Bồ đề tâm là gì? Trong *Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh*, đức Thế Tôn nói 3 câu: *Chí thành tâm. Thâm tâm. Phát nguyện hồi hướng tâm*. Đây là điều đức Phật nói trong kinh. Chí thành tâm là thể, là bản thể của Bồ đề tâm. Thâm tâm và phát nguyện hồi hướng tâm là dụng. Thâm tâm là tự thọ dụng. Phát nguyện hồi hướng tâm

là tha thọ dụng, là đối với người. Tâm Bồ đề đối với người như thế nào? Trong *Khởi Tín Luận*, Bồ tát Mã Minh cũng nói về Bồ đề tâm. Ngài nói về 3 tâm, thứ nhất là trực tâm, thứ hai là thâm tâm, thứ ba là đại bi tâm. Chúng ta hợp kinh và luận lại xem sẽ dễ hiểu hơn. Trực tâm là tâm chí thành, thâm tâm thì kinh và luận đều nói như vậy. Thâm tâm nghĩa là thế nào? Chư vị Tổ sư có chú giải, chú giải cũng rất dễ hiểu, hiểu thiện hiểu đức nghĩa là thâm tâm.

Đã lâu, tôi thường nói với quý vị về phát Bồ đề tâm, tôi thêm vào đó mấy từ. Trong kinh luận đều nói 3 từ, tôi nói 5 từ, mọi người sẽ dễ hiểu. Thể của Bồ đề tâm là “chân thành”. Tự thọ dụng của Bồ đề tâm, chính là thâm tâm, rất khó hiểu, tôi dùng văn tự trên đề kinh *Vô Lượng Thọ*, trên đề kinh có 5 từ: “Thanh tịnh, Bình đẳng, Giác”. Đây chính là thâm tâm, cho nên tất cả đều là 2 từ, trước từ Giác thêm vào từ Chính, “Thanh tịnh, Bình đẳng, Chính Giác”, đây là thâm tâm. Phía sau thêm vào Từ Bi nghĩa là tha thọ dụng. Đối với người khác phải đại từ đại bi. Đối với chính mình phải thanh tịnh, bình đẳng, giác.

Thể là chân thành, thanh tịnh chân thành, bình đẳng chân thành, Chính Giác chân thành, từ bi chân thành, đây là Bồ đề tâm. Mấy từ trên đề kinh này, đúng là bao la vạn tượng. Nếu lấy Tam bảo mà nói, Phật, Pháp, Tăng, Tam bảo, thanh tịnh là Tăng bảo, bình đẳng là Pháp bảo, Chính Giác là Phật bảo, quý vị xem có đầy đủ Tam bảo. Đầy đủ tam học.

Tam học là giới, định, huệ. Thanh tịnh là giới học. Bình đẳng là định học. Chính Giác là huệ học. Quý vị xem, trong đây có đầy đủ Tam bảo và Tam học. 3 học vị cũng ở trong đây, thanh tịnh là A La Hán, bình đẳng là Bồ tát, giác là Phật, tất cả đều ở trong đó.

Trong cuộc sống hàng ngày, từ sáng đến tối, khởi lên ý niệm là tương ưng với nó, không rời nó. Niệm niệm chân thành, Thanh tịnh, Bình đẳng, Chính Giác, Từ bi, gọi là phát Bồ đề tâm. Tâm này phát lên rồi, phải thực hành như thế nào? Thực hành 3 cội rễ. Thật sự thực hành được 3 cội rễ này rồi, là bước đầu thực hành Bồ đề tâm. Bước đầu rất quan trọng, bước đầu là nền tảng mà, nếu không có bước đầu sẽ chẳng có bước thứ hai. Nếu không thực hành được 3 cội rễ này, thì Bồ đề tâm chỉ có tiếng chứ không có thật, đó không phải thật có. Niệm niệm không rời Bồ đề tâm, nhất hướng chuyên niệm, chắc chắn thành tựu.

Một phương hướng, một mục tiêu, một bộ kinh, một câu Phật hiệu, chẳng có người nào không thành tựu. Trong một đời này viên mãn thành Phật. Tu những pháp môn khác rất khó! Khó chỗ nào? Khó chỗ đoạn phiền não, không đoạn được phiền não. Pháp môn Tịnh Độ không cần đoạn phiền não, chỉ cần khống chế phiền não là được rồi. Khống chế phiền não dễ hơn đoạn phiền não nhiều. Dùng phương pháp nào để khống chế? Dùng nhất hướng chuyên niệm. Hàng ngày không rời kinh Phật, không sinh tập khí phiền não.

Đọc kinh cách nào? Cư sĩ Lưu Tố Vân là tấm gương. Cô ấy nói, mỗi ngày nghe kinh 10 giờ đồng hồ. Nghe kinh gì vậy? Nghe kinh *Vô Lượng Thọ*, không nghe kinh nào khác.

Trong tay cô có đĩa giảng kinh của tôi, đĩa giảng ngày xưa. Ngày xưa, giảng mỗi đĩa là một giờ đồng hồ, cô ấy vẫn còn nghe những đĩa đó. Mỗi ngày nghe 10 giờ đồng hồ. 10 giờ đồng hồ không phải nghe 10 đĩa, mà chỉ nghe 1 đĩa, có nghĩa là 1 đĩa nghe 10 lần. Cô ấy đã nghe như vậy, đại khái nghe 10 năm rồi.

Nghe nói, cô ấy giảng ở đây, mỗi ngày 2 giờ đồng hồ, 7 ngày giảng 14 giờ. Ở đây, có đĩa giảng của cô ấy. Sau khi nói chuyện ở đây xong, bên Thâm Quyển mời cô ấy qua bên đó, mỗi ngày giảng 8 giờ đồng hồ, cô ấy không cần soạn bài giảng. Chúng tôi tin cô ấy không cần nhìn bài giảng. Quý vị nghĩ xem, mỗi ngày nghe 10 lần, mỗi đĩa nghe 10 lần, đã nghe 10 năm rồi, mà còn cần nhìn bài giảng nữa sao? Mỗi ngày 8 giờ đồng hồ, càng giảng càng hứng thú, càng giảng càng hoan hỷ, “nhất môn thâm nhập, trường thời huân tu”.

Quý vị hỏi cô ấy có nắm chắc vấn đề vãng sinh chăng? Chắc chắn cô ấy trả lời rằng, nắm chắc! Đây không phải lời nói dối đâu, sự thật đấy. Khi nào vãng sinh? Bất cứ lúc nào cũng có thể đi được. Bây giờ, còn ở thế gian này thì sao? A Di Đà Phật, cô ấy nói Phật A Di Đà giao nhiệm vụ cho cô ấy, làm gương cho chúng sinh noi theo, bằng không cô ấy đã về thế

giới Tây Phương Cực Lạc rồi, còn ở thế gian này làm gì nữa? Cô ấy làm tấm gương cho mọi người noi theo, đây là đức thứ 2 trong Tứ đức mà *Hoàn Nguyên Quán* nói: “*Học vi nhân sư, hành vi thế phạm*”. Điều thứ 2 trong Tứ đức, “*Uy nghi hữu tắc*”, chính là “*học vi nhân sư, hành vi thế phạm*”, nghĩa là làm gương cho mọi người trong xã hội. Mới đầu, cô ấy cũng rất vất vả. Không vất vả thì mọi người sẽ chẳng tin. Vất vả rồi, mọi người sẽ tin. Cô ấy bị bệnh nặng như thế, niệm Phật A Di Đà đã hết bệnh, cho thấy nhất hướng chuyên niệm quan trọng biết bao!

Đời này, bản thân tôi không thể làm chủ được, không có cách nào. Ngày xưa, tôi ở Mỹ, sống ở Đạt Lạp Tư. Một hôm, có người đến hỏi tôi: Pháp sư Tịnh Không, việc học kinh giáo, nếu chỉ cho thầy học một môn, thầy sẽ chọn bộ kinh nào? Tôi nói, tôi có ý này từ lâu rồi, hy vọng một đời chỉ học một bộ kinh, tôi sẽ học bộ kinh nào? Tôi chọn *Di Đà Kinh Yếu Giải* của Ngẫu Ích Đại sư, tôi thích nhất bộ kinh này. Khi đó, chúng tôi chưa thấy được cuốn hội tập kinh *Vô Lượng Thọ*, đó là vào thời xưa. Sau này, Lý Bính Nam lão cư sĩ, đưa cho tôi cuốn hội tập, tôi đọc qua một lần, trong tâm hoan hỷ không gì sánh bằng.

Cuốn lão cư sĩ đưa cho tôi, bản thân ông đã từng giảng qua một lần ở Đài Trung. Ông dùng bút lông viết lên những lời chú giải, viết thành cuốn hội tập này, vô cùng quý giá. Mới đầu, tôi giảng qua 3-4 lần, giảng kinh *Vô Lượng Thọ* 3-4

lần đầu, cũng y theo cuốn chú bên lề của thầy Lý. Sau này, gặp Hoàng Niệm Tổ lão cư sĩ, thầy đã tặng cho tôi cuốn chú giải, tôi đã tham khảo tài liệu này.

Vì thế, lần này nữa tổng cộng đã giảng 10 lần. Lần này, giảng cuốn chú giải đó cho quý vị nghe. Tôi biết rất rõ, khi thầy viết cuốn chú giải này, thầy đang bị bệnh, hoàn thành cuốn chú giải này trong khi đang bị bệnh. Lần này, chúng ta cùng nhau học tập cuốn *Đại Kinh Giải Diễn Nghĩa*, tưởng nhớ đến lão cư sĩ. Tình thương và ân đức của lão cư sĩ đối với chúng ta, vĩnh viễn không bao giờ ta quên. Hội tập của Hạ lão cư sĩ, Hoàng lão cư sĩ chú giải, nếu tôi không giảng kỹ cuốn chú giải này, tôi sẽ có lỗi với thầy ấy. Chúng ta phải nghiêm chỉnh học tập, đây là nguyên tắc chỉ đạo quan trọng nhất. Không học những bộ kinh khác được chăng? Được! Vì sao vậy? Kinh *Vô Lượng Thọ* thông rồi, kinh *Hoa Nghiêm* sẽ thông.

Lần này, tôi giảng *Đại Kinh Giải Diễn Nghĩa*. Sau khi nghe giảng rõ rồi, quý vị xem cuốn *Hoa Nghiêm Số Sao* sẽ chẳng có vấn đề gì, tự nhiên hiểu được. Một kinh thông, tất cả kinh thông. Đây là bí quyết của Phật pháp. Vì sao thông được? Bởi vũ trụ với ta là một thể. Chẳng những thông tất cả Phật pháp, mà thông được tất cả tôn giáo khác. Vì sao vậy? Một thể mà! Tâm hiện thức biến, cho nên bất cứ tôn giáo nào, chỉ cần học tốt tôn giáo của mình. Khi chưa thâm nhập thấy không giống những tôn giáo khác, sau khi thâm nhập rồi, mới biết được tất cả tôn giáo hoàn toàn tương đồng.

Có lần ở Trường Đại học Indonesia, tôi đến đó tham dự lễ tốt nghiệp. Trường Đại học Hồi giáo tặng cho tôi học vị tiến sĩ danh dự. Trong số sinh viên tốt nghiệp, có người hỏi tôi một vấn đề. Cậu ta nói tôn giáo của chúng ta không giống nhau sao có thể đoàn kết được? Hình như ở Indonesia có 5 tôn giáo, tôi nói với cậu ấy như thế. Tôi đưa bàn tay lên nói, anh xem 5 ngón tay này không giống nhau. 5 tôn giáo không tương đồng giống như 5 ngón tay trên một bàn tay. Nếu anh nhất môn thâm nhập sẽ thấy ngón tay nào cũng là thịt xương của mình. Lúc ấy, anh sẽ thông được hết.

Ở đoạn này, quý vị cần nên biết, “nhất pháp viên mãn nhất thiết pháp chi công đức”. Một cuốn kinh thánh *Cửu, Tân Ước* của đạo Cơ Đốc, đó là một pháp, nó có viên mãn công đức của hết thấy pháp trong khắp pháp giới hư không giới chẳng? Đúng, nó viên mãn. Một bộ kinh *Vô Lượng Thọ* này cũng viên mãn, pháp pháp đều viên mãn, không có pháp nào chẳng viên mãn. Đây gọi là viên minh cụ đức. Lời đức Phật Thích Ca Mâu Ni nói chúng ta phải tin. Pháp này bất luận là tà pháp hay chính pháp, chỉ cần thông đến tính thì tất cả đều thông.

Chỉ do ta không đến được cảnh giới thấy tính, pháp pháp đều do tự tính hiện ra. Pháp pháp đều có thể thấy tính, chẳng có pháp nào là không thấy tính. Trong tự tính không có nhiễm tịnh, không có thiện ác, cũng có nghĩa là không có đối lập, hoàn toàn hài hòa. Nếu lâu thông kinh điển Đại thừa

rồi, điều này rất lợi ích. Nếu không thông, thì chẳng được lợi ích. Vẫn còn hoài nghi, phân biệt, chấp trước, thì được lợi ích rất ít ỏi, nhưng sự ít ỏi đó cũng là điều quý vị đã thật sự đạt được, cao hơn người thường rồi. Điều quan trọng là phải thông, phải đạt, phải thông đến chỗ cùng, sau đó mới có thể xuyên suốt tất cả pháp.

Công đức của tất cả pháp ở trong một pháp. Một pháp ở đây nghĩa là bất cứ pháp nào, chứ không phải riêng một pháp đặc thù nào cả. Bất cứ pháp nào cũng như vậy. Hiểu được đạo lý này rồi, đối với người nào chúng ta cũng phải tôn trọng, giống như đối với đức Phật vậy; đối với tôn giáo nào cũng phải tôn trọng, giống như chúng ta đối với đức Phật Thích Ca Mâu Ni; đối với kinh điển nào cũng phải tôn trọng, không hoài nghi, không phân biệt, không chấp trước, không đối lập. Trong kinh, đức Phật dạy: Ngày ngày là ngày tốt. Thời thời là thời hay. Hơn 30 năm về trước, tôi thêm vào đó 2 câu: Người người là người tốt. Việc việc là việc lành. Đây là sự thật không giả dối đâu. Vì sao? Một pháp có đầy đủ công đức của tất cả pháp, cũng có nghĩa là một người có đầy đủ công đức của tất cả mọi người, một người có đầy đủ công đức của tất cả chúng sinh. Phạm vi này lớn quá! Hoàn toàn ở chỗ dụng tâm không giống nhau. Tông biết rồi, vẫn còn bản.

*“Dĩ thập niệm tất sinh nguyện”*. Nguyện ở đây là gì? Trong 48 nguyện, nguyện 10 niệm nhất định sinh là nguyện thứ

18. Nguyên thứ 18 là căn bản đại nguyên của đức Phật A Di Đà. Vãng sinh không khó! 10 niệm là thế nào? Khi lâm mạng chung, tuy một đời chưa từng niệm Phật, chưa từng gặp Phật pháp, đến khi lâm mạng chung gặp bạn lành nói cho biết, có một thế giới Tây Phương Cực Lạc và đức Phật A Di Đà, chỉ cần niệm 10 niệm là có thể được vãng sinh.

Khi sống ở Mỹ, tôi gặp một người như vậy. Ở Hoa Thịnh Đốn D.C, có vị cư sĩ họ Châu, mở tiệm bánh bao ở đó, bị bệnh ung thư. Khi bị nặng, anh ta đau đớn vô cùng, không còn cách nào, gia đình đến cầu Phật. Ở đó, có hội Phật giáo. Họ đến hội Phật giáo của chúng tôi. Các bạn trong hội Phật giáo đến thăm anh ta, khuyên anh ta niệm Phật. Người này có thiện căn, nghe là tiếp nhận, hoan hỷ tiếp nhận, nói với người trong nhà, nói với vợ con, đừng tìm bác sĩ nữa, cũng đừng mong anh ta khỏi bệnh, mà mọi người hãy niệm Phật, trợ niệm giúp anh ta vãng sinh. Khi niệm Phật, anh ta cảm thấy không đau, đau khổ biến mất, được 3 ngày thì anh ta vãng sinh, hiện ra điềm lành, khi thiêu để lại xá lợi. Thật sự đây là đại nguyên 10 niệm tắt sinh, không hề giả dối.

Niệm Phật thật sự vãng sinh về thế giới Tây Phương Cực Lạc. Sinh về thế giới Tây Phương Cực Lạc là làm Phật rồi. Lợi ích thứ nhất khi về Tây Phương Cực Lạc là thọ mệnh vô lượng. Nơi đó là môi trường tu tập tốt nhất, đức Phật A Di Đà đích thân dạy dỗ, mười phương chư Phật đều giúp cho quý vị. Về thế giới đó, có năng lực phân ra vô lượng vô biên

thân, đồng thời đi tham vấn mười phương sát độ vô lượng vô biên chư Phật. Đi cúng dường Phật, cúng Phật là tu phúc; đi nghe kinh, nghe kinh là tu huệ. Tu một ngày ở thế giới Tây Phương Cực Lạc, dùng một ức năm ở thế giới của chúng ta cũng không thể so sánh được. Chúng ta tu một ức năm ở đây, không bằng tu một ngày ở thế giới Tây Phương Cực Lạc. Điều này phải hiểu! Đây là chân tướng sự thật. Hiểu rõ rồi, quý vị sẽ không còn lưu luyến gì thế giới này nữa, lưu luyến thế giới này là sai rồi. Muốn trở lại thế giới này, về thế giới Cực Lạc rồi quay trở lại, trở lại với địa vị Phật chứ không phải là phàm phu nữa. Vì thế, quý vị nhất định phải nắm bắt cơ hội này, không nắm bắt thì quả là đáng tiếc.

*“Chuyên trọng trì danh niệm Phật danh cụ vạn đức”.* Một câu Phật hiệu, 4 từ A Di Đà Phật này là một pháp. Một pháp này cũng viên mãn công đức của tất cả pháp. Đạo Phật nói 84.000 pháp môn, vô lượng pháp môn. Công đức của vô lượng pháp môn đều ở trong 4 từ A Di Đà Phật. Ai biết? Phật biết, pháp thân Bồ tát biết, người khác thì không biết được. Nếu chúng ta không học kinh *Hoa Nghiêm*, thì làm sao biết được? Nếu không học *Thập Huyền Môn*, thì làm sao biết được? Từ đó, chúng ta mới hoát nhiên đại ngộ, cho nên một câu Phật hiệu này, viên mãn đầy đủ công đức của tất cả pháp.

*“Cử thể thị Hoa Nghiêm huyền môn viên minh cụ đức chi nghĩa”* (Đây là toàn bộ nghĩa viên minh cụ đức Thập Huyền Môn của kinh *Hoa Nghiêm*). Không hề sai tí nào.





# **TỊNH ĐỘ ĐẠI KINH GIẢI DIỄN NGHĨA**



**TẬP 63**



**Giảng ngày 20 tháng 6 năm 2010**  
**Phật Đà Giáo Dục Hiệp Hội HongKong**

***Chuyển ngữ: Tử Hà***

***Biên tập: Bình Minh***



**C**hur vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời xem tiếp *Đại thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải*, trang 58, dòng thứ 2 đếm từ dưới lên. Bắt đầu xem từ câu giữa.

*“Kinh trung Tam Bối Cửu Vãng Sinh Phẩm vân, nãi chí hoạch đắc nhất niệm tịnh tâm, phát nhất niệm tâm, niệm ư bỉ Phật, thử nhân lâm mạng chung thời, như tại mộng trung kiến A Di Đà Phật, định sinh bỉ quốc, đắc bất thoái chuyển vô thượng Bồ đề. Thử minh tịnh tâm niệm Phật nhất thanh chi vô lượng bất khả tư nghị công đức”* (Trong kinh, Phẩm *Tam Bối Cửu Vãng Sinh*, ghi: Cho đến đạt được một niệm tịnh tâm phát tâm nhất niệm, niệm đức Phật kia, người này khi lâm mệnh chung, như đang trong mộng, gặp Phật A Di Đà, nhất định sinh sang nước kia, đắc bất thoái chuyển Vô thượng Bồ đề. Đây là nói tịnh tâm niệm một tiếng Phật được vô lượng công đức không thể nghĩ bàn).

Kinh *Hoa Nghiêm*, phẩm *Hoa Tạng Thế Giới* và phẩm *Thế Giới Thành Trụ*, phân lượng cũng rất khả quan, nói về vũ trụ. Vũ trụ xuất hiện như thế nào, trước đây có nói qua. Vũ trụ vô cùng rộng lớn, đúng như lời người xưa nói: “Lớn không gì lớn hơn”. Lớn đến mức độ nào? Không tìm thấy biên tế, nghĩa là không có biên tế. “Nhỏ không gì nhỏ bằng”, trong một vi trần, khoa học ngày nay gọi vi trần là lập tử, lập tử cơ bản. Ý nghĩa lập tử cơ bản, theo sự tiến bộ của khoa học nên thường xuyên sửa đổi.

Nửa thế kỷ trước, cho rằng lập tử cơ bản là nhỏ nhất, nhưng sau này phát hiện nó còn có thể phân ra được. Đạo Phật nói cực vi chi vi, nghĩa là không thể phân ra được nữa. Đây là cảnh giới tuyệt đối, không thể phân ra được nữa, đương nhiên nhục nhãn của chúng ta không thể thấy được. Trong một vật chất nhỏ như vậy, trong kinh gọi là nhất trần, trong nhất trần này còn có thể giới. Ngày nay, thấy khoa học công nghệ, một cái thẻ nhớ, chỉ nhỏ bằng móng tay thôi, trong đó dung chứa biết bao tài liệu. Chúng ta cảm thấy vô cùng kinh ngạc, nhưng không biết rằng trong một vi trần, dung chứa thông tin cả một vũ trụ này, trong đó có cả một vũ trụ, không tăng không giảm. Khoa học ngày nay gọi là thế giới vi mô. Lượng tử lực học, gọi đại vũ trụ là thế giới vĩ mô. Đạo Phật nói vĩ mô và vi mô là một chẳng phải hai.

Tất cả quốc độ của chư Phật trong vũ trụ, ngày nay gọi là tinh cầu, tinh hệ, vô lượng vô biên, vô tận vô số. Sao đức Phật biết được? Khoa học không ngoài việc trước dùng số học để suy đoán, sau đó dùng dụng cụ khoa học quan sát phát hiện.

Nếu căn cứ theo lịch sử Trung Quốc ghi chép, đức Phật Thích Ca Mâu Ni nhập Niết bàn cho đến ngày nay là 3.037 năm, nhưng người ngoại quốc chỉ thừa nhận là 2.554 năm. Sự khác biệt rất lớn, cách nhau gần 500 năm, nhưng những việc này chúng ta không cần phải khảo sát, không sao cả. Vì sao vậy? Bởi thời gian vốn không có thật, không gian

cũng không có thật. Thời gian và không gian là một khái niệm trừu tượng, chắc chắn không phải là sự thật. Trước đây, chúng ta học qua chương này, thập thế cổ kim. Trường kiếp có thể biến thành một niệm. Một niệm triển khai ra có thể biến thành vô lượng kiếp, nghĩa là nói về thời gian có thể kéo dài ra, có thể rút ngắn lại, điều này khoa học ngày nay vẫn chưa làm được.

Phật pháp ứng dụng linh hoạt như thế, do dùng cái gì? Dùng ý niệm, chính là ý thức. Công năng của ý thức rất lớn, đối ngoại duyên đến vũ trụ, đối nội duyên đến A Lại Da. Ngày nay gọi là lập tử, có thể duyên đến lập tử, nhưng không duyên đến được tự tính, không duyên đến được bản tính. Vì sao? Nếu thật sự muốn thấy bản tính, bắt buộc phải buông bỏ khởi tâm động niệm, phân biệt, chấp trước, thì sẽ thấy được. Như thế mới thấy được chân tướng sự thật. Nếu quý vị hỏi khắp vũ trụ này, bất luận là hồng quan hay vi quan, sao Ngài thấy được rõ như vậy? Ngài đã thấy được. Sao thấy được? Thấy được trong thiền định. Thiền định như thế nào? Là tự tính bản định.

Thông thường, tu học công phu thiền định chưa đủ, chưa có năng lực cao như vậy, chỉ có thể thấy được trạng thái như khoa học ngày nay đã thấy đã là giỏi lắm rồi. Nếu thấy tính, thấy được tự tính, bắt buộc phải dùng nội công, chứ không thể dùng bên ngoài, gọi là công phu thiền định. Công phu thiền định đến chỗ cuối cùng là quay trở về tự tính.

Khi Lục Tổ Huệ Năng thấy tính nói, “*Đâu ngờ tự tính vốn không dao động*”, đó chính là tự tính bản định. Đến khi đó, thì sẽ thấy được tất cả. Thế giới đó, bất luận là hồng quan hay vi quan, chúng ta chẳng thể không biết. Vì sao? Tất cả đều là môi trường chúng ta sinh sống. Đức Phật nói về những vũ trụ này, trong những đời quá khứ, ta đã từng sống ở nơi đó, tương lai thì sao? Tương lai cũng có khả năng về đó ở nữa, quý vị chẳng thể không biết. Đó là nguyên nhân vì sao đức Phật nói cho chúng ta biết. Thật sự có cơ hội.

Nếu bản thân ta tu thiền định, quý vị nên biết, tu thiền định là tổng khái niệm trong Phật pháp. Đạo Phật nói 84.000 pháp môn, vô lượng pháp môn. Pháp là phương pháp, môn là cửa. Phương pháp này tu điều gì? Điều là tu thiền định, nhất định quý vị phải hiểu rõ, chẳng phải chỉ có Thiền Tông tu thiền định đâu, nghĩ như vậy là sai, chỉ cần là Phật pháp thì tất cả đều là thiền định, nhưng sử dụng phương pháp không giống nhau. Ngày nay, chúng ta dùng phương pháp gì? Chúng ta dùng phương pháp Trì danh niệm Phật để tu thiền định. Phương pháp bất đồng, nhưng thiền định đạt được thì như nhau, là một việc thôi.

Trên đề kinh của bản kinh này, thiền định có 3 bậc: Thứ nhất là thanh tịnh. Thiền định là tâm thanh tịnh. Trong tâm thanh tịnh chắc chắn không bị nhiễm ô. Đây là thiền định thứ nhất. Thứ hai nghĩa là công phu cao hơn một chút. Tâm bình đẳng, Bồ tát đạt được; A La Hán đạt được tâm thanh tịnh.

Cao nhất là Chính Giác. Đây là cảnh giới đức Phật đạt được, là thiền định cứu cánh viên mãn. Chúng ta dùng phương pháp Niệm Phật. Niệm Phật nhất định phải buông bỏ hết vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, thì công phu niệm Phật mới thành tựu. Ngày nay, chúng ta niệm Phật A Di Đà. Niệm Phật A Di Đà trong đây có 2 ý nghĩa, thứ nhất là công phu của chính mình, thứ hai là sự gia trì của đức Phật, đức Phật A Di Đà đến giúp. Thật sự có đức Phật A Di Đà, thế giới Cực Lạc quả thật là một tinh hệ rất lớn.

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni giới thiệu cho chúng ta, ở phương Tây thế giới này, không phải phương Tây của quả địa cầu, đây là một thế giới lớn. Thế giới Sa Bà là một thế giới lớn. Nếu dùng hệ ngân hà để miêu tả, thế giới này có bao nhiêu hệ ngân hà? Có mười vạn ức. Thế giới này có mười vạn ức hệ ngân hà. Đây là khu vực giáo hóa của đức Phật Thích Ca Mâu Ni, gọi nơi này là thế giới Ta Bà. Ở phương Tây của thế giới này, cách thế giới này bao xa? Cách mười vạn ức cõi nước Phật. Cách mười vạn ức thế giới lớn như thế giới này, bên kia là thế giới Cực Lạc. Khoảng cách này quá xa, nhưng nếu quý vị muốn đi, chỉ cần một niệm là đến ngay. Vì sao? Trong kinh *Hoa Nghiêm*, trong *Hoàn Nguyên Quán* của Quốc sư Hiền Thủ, bài luận này cho chúng ta biết, tự tính có 3 đức năng thù thắng không gì sánh bằng.

Thứ nhất là ý niệm. Khởi tâm động niệm là ý niệm, vừa khởi ý niệm, làn sóng của nó lập tức chu biến pháp giới,

giống như ngày nay nói tín hiệu phóng xạ vậy. Biến pháp giới hư không giới, đoạn trước nói bất luận là thế giới vĩ mô hay thế giới vi mô, đều nhận được hết, vừa khởi lên một niệm là nhận được hết. Hiểu được chân tướng sự thật này rồi, ý niệm của chúng ta, bất luận là thiện hay ác, bất luận là vô tình hay cố ý, hiện tượng dao động chu biến là giống nhau, đều chu biến pháp giới.

Thứ hai, nó có thể đồng thời phát sinh, xuất sinh vô tận. Xuất sinh ở đây có nghĩa là biến hóa, cho nên một ý niệm, chẳng những thân tâm mình khởi lên biến hóa, mà khắp vũ trụ đều khởi lên biến hóa. Biến hóa vô cùng vi tế, có khi tự thân nhận biết được, có khi không nhận biết được.

Bất luận là đối với mình hay đối với cảnh, trên địa cầu ngày nay có nhiều thiên tai. Từ đâu mà có? Từ ý niệm. Các nhà khoa học ngày nay rất hứng thú với vấn đề này, họ đang nghiên cứu. Thật sự hiểu rõ rồi, giúp ích rất nhiều cho việc chữa trị bệnh tật, mở ra một cơ duyên mới, có thể không cần dùng thuốc, mà có thể chữa trị được tất cả mọi căn bệnh. Đối với thế giới bên ngoài, chẳng những chữa được một số biến hóa của địa cầu, thậm chí những hành tinh vận hành trong không trung, đôi khi quỹ đạo của nó lệch một chút, ý niệm có thể giúp cho nó trở lại bình thường.

Đây là sự thật. Sức mạnh này từ đâu mà có? Đây là năng lực sẵn có của chính mình, chứ chẳng phải từ bên ngoài tới.

Ngày nay, sức mạnh của chúng ta bị biến mất. Vì sao bị mất? Vì mê thất tự tính. Chư Phật, Bồ tát giác ngộ, chúng ta thì mê. Ta và chư Phật, Bồ tát chẳng hề khác nhau, giống nhau, nhưng các Ngài giác mà không mê, còn chúng ta thì mê mà không giác. Vấn đề là ở chỗ này. Mục đích giáo hóa của đạo Phật là gì? Mục đích là giúp cho chúng sinh phá mê khai ngộ, mỗi ngày học tập từ từ sẽ khai ngộ.

Khai ngộ rồi mới có thể làm chủ bản thân mình ở thế gian này, mới được tự tại. Tất cả mọi vấn đề không phải người khác giải quyết cho mình, mà chính mình phải giải quyết. Vì thế, giữa đức Phật và chúng ta là quan hệ thầy trò, mà Ngài là thầy giáo. Ngài dạy cho ta biết chân tướng sự thật này, làm cách nào để giải quyết những chân tướng sự thật này, có lợi nhất đối với ta. Đây là việc làm của chính mình, chứ không phải việc làm của đức Phật. Những điều này cần phải biết.

Trong phẩm *Tam Bối Vãng Sinh* của kinh này, kinh Phật gọi là phẩm, người xưa gọi là thiên, là chương, nghĩa giống nhau: “*Nãi chí hoạch đắc nhất niệm tịnh tâm*”, then chốt ở chỗ tịnh tâm. Tâm quý vị có thanh tịnh hay không? Trong tâm có tạp niệm, thì không được. Tâm tạp niệm, năng lượng của nó vô cùng yếu ớt. Năng lượng của tâm thanh tịnh rất mạnh. Tu niệm Phật là tu cái gì? Tu tâm thanh tịnh. Tâm thanh tịnh vốn sẵn có. Tâm vốn thanh tịnh. Quan sát kỹ, thấy tâm của đứa trẻ rất thanh tịnh. Quý vị xem đứa trẻ ra đời, chưa biết đi, chưa biết nói, tâm của nó thanh tịnh, càng lớn

càng bị nhiễm ô nhiều, đến lúc thành niên thì tâm rối loạn hết, cho nên năng lực của nó vô cùng yếu ớt. Đứa trẻ, nó thấy được những thứ mà ta không thấy.

Quan sát kỹ sẽ thấy, nó nằm ngủ trong nôi, nhìn cử chỉ của nó động đậy, miệng mỉm cười. Vì sao vậy? Bởi nó nhìn thấy nhiều thứ. Nếu tâm chúng ta thanh tịnh, thanh tịnh như tâm đứa trẻ, ta sẽ thấy được những thứ mà người thường không thấy. Ngày nay, người ta gọi là công năng đặc biệt, nhưng có gì đặc biệt đâu? Đó là năng lực của mình mà, không hề kỳ lạ tí nào. Vì thế, tu học Phật pháp, không ngoài việc huấn luyện mình trở về tự tính, khiến cho năng lực của mình thức tỉnh dậy, phục hồi trở lại đại dụng của nó, đại năng đại dụng. Đạo lý ở chỗ này!

Chư Phật, Bồ tát đều là những người thật sự giác ngộ, thấy chúng sinh trên thế gian này như trong kinh có câu: “Người đáng thương”, là mê hoặc điên đảo, làm những điều ngu xuẩn, phải chịu khổ hàm oan, đúng ra không phải khổ. Điều này, phải nên biết.

Tu học theo Tông Tịnh Độ, một niệm tịnh tâm là then chốt. Nếu tâm thật sự thanh tịnh, tâm thanh tịnh không gì khác ngoài việc buông bỏ. Buông bỏ điều gì? Cái gì cũng phải buông bỏ. Vì sao? Bởi thế gian này là giả chẳng phải chân. Tất cả những hiện tượng này, quý vị phải thật sự hiểu rõ. Các nhà khoa học lượng tử thời cận đại cho biết, hiện tượng

vật chất không có thật. Trong kinh, đức Phật dạy: *“Phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng”* (Phàm gì có tướng đều là hư vọng). Kinh *Kim Cương* quý vị học thuộc rồi, *“Nhất thiết hữu vi pháp, như mộng huyễn bào ảnh”*. Hữu vi pháp có nghĩa là, những thứ thay đổi được gọi là hữu vi pháp. Con người sẽ thay đổi, thay đổi trong từng sát na, sinh, lão, bệnh, tử; động vật cũng có sinh, lão, bệnh, tử; thực vật có sinh, trụ, di, diệt; khoáng vật có thành, trụ, hoại, không, có pháp nào chẳng phải là hữu vi pháp? Tất cả đều là hữu vi pháp. Phàm là hữu vi pháp đều không có thật.

Đức Phật dùng 4 từ để miêu tả: “Mộng, huyễn, bào, ảnh”. Nằm mộng, mọi người đều có kinh nghiệm nằm mộng. Cảnh giới trong mộng hiện ra giống như thật, sau khi tỉnh dậy thì không thấy gì hết. Ngày nào ta tỉnh, tỉnh ở đây có nghĩa là gì? Là Chính Giác, là tâm thanh tịnh trên đề kinh này. Tâm thanh tịnh hiện tiền, thì thế giới này không có nữa, cũng giống như tỉnh mộng vậy. Thế giới này là gì? Là luân hồi lục đạo. Không còn lục đạo luân hồi nữa, nói cho ta biết đây là giả không có thật.

Nếu không tỉnh dậy, ở trong mộng thật sự phải chịu tội, thật sự cảm nhận phải chịu khổ. Sau khi tỉnh dậy mới biết *“Giác hậu không không vô đại thiên”*. *Chứng Đạo Ca* của Vĩnh Gia Đại sư nói rất hay: *“Mộng lý minh minh hữu lục thú”* (Trong mộng mờ mịt có lục đạo, thức dậy trống không không đại thiên), nghĩa là có luân hồi lục đạo. *“Giác hậu*

*không không vô đại thiên*”, đây là cảnh giới gì? Cảnh giới của A La Hán, không cao lắm.

Bồ tát muốn giác ngộ, thì phải buông bỏ hết vọng tưởng, phân biệt, pháp giới Tứ thánh cũng không còn. Ngoài lục đạo còn có Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ tát, Phật, cũng không có thật. Buông bỏ hết những thứ này, không khởi tâm, không động niệm, không phân biệt, không chấp trước, phải buông bỏ hết. Tập khí vô thỉ vô minh chưa đoạn, lúc này xuất hiện một cảnh giới gọi là Nhất chân pháp giới.

Trong vũ trụ, Nhất chân pháp giới nhiều không thể đếm hết. Chúng ta tu tập đến một trình độ nào, sẽ tương ứng với một tinh cầu đó. Nơi nào có duyên, quý vị sẽ đến nơi đó, sống ở đó bao lâu không nhất định. Thời gian trên địa cầu này rất ngắn, thọ mệnh của con người không quá 100 tuổi. 100 tuổi rất ngắn. Một số thế giới khác nếu dùng thời gian của chúng ta để tính, có đến mấy ngàn, mấy vạn tuổi, thậm chí trăm vạn tuổi cũng có. Do đó, chân tướng sự thật của nhân sinh vũ trụ, trong giáo pháp Đại thừa nói rất nhiều.

Chúng ta dùng phương pháp quay trở về tự tính? Dùng phương pháp Trì danh niệm Phật, 4 từ A Di Đà Phật. 4 từ này là Tính đức, là danh hiệu của tự tính. A Di Đà Phật là tiếng Phạn, dịch thành tiếng Hán, dịch được chứ chẳng phải không dịch được. A là Vô, Di Đà là Lượng, Phật là Giác. A Di Đà Phật có nghĩa là gì? Là Vô Lượng Giác, cũng có nghĩa

là, chẳng có điều gì không giác, thật sự giác ngộ một cách viên mãn. Giác ngộ viên mãn là tự tính của chính mình, chứ chẳng phải điều gì khác, là chính mình.

Thật sự thế giới Tây Phương Cực Lạc có một người như vậy, vị này đã trở về tự tính, chứng được Vô Lượng Giác. Ngài giúp cho ta, mong ta cũng chứng được như Ngài. Ngài giúp chúng ta, cho nên niệm Phật A Di Đà là nghĩ nhớ đến Ngài, cũng là nghĩ nhớ đến chính mình, bởi mình và Người không hai, mình và Người là một thể. Trước đây, đã nói đến rất nhiều, thật sự là một thể.

Khi niệm Phật không được có tâm phân biệt, nếu phân biệt Phật của người, Phật của mình thì phiền phức lắm, phá hoại tâm thanh tịnh niệm Phật của mình. Trong tâm thanh tịnh lấy đâu ra mình và người? Có mình và người khiến tâm thanh tịnh bị nhiễm ô, không còn thanh tịnh nữa. Khi niệm Phật không có ý niệm mình và người, như vậy là thật sự biết niệm. Có biết niệm thì khi niệm mới có cảm ứng. Niệm Phật có mình có người vẫn còn hơn không niệm, nhưng năng lượng đó rất yếu, cho nên niệm lâu ngày mà không có cảm ứng. Đạo lý ở chỗ này. Đến khi nào mới đạt được nhất niệm tịnh tâm?

Học Phật phải học từ đâu? Quan trọng ở cội rễ, chẳng thể không có cội rễ! Rễ là gì? Rễ là giới luật. Ngày nay, Phật giáo suy thoái, suy thoái đến mức như không có, quý vị nghĩ xem

có đáng thương chẳng? Người Phật tử tại gia không thực hành được *Thập Thiện Nghiệp*, người xuất gia không thực hành được *Sa Di Luật Nghi*.

*Thập Thiện Nghiệp Đạo* và *Sa Di Luật Nghi*, là nền tảng của giới luật. Không làm được điều này, thì chẳng có những thứ khác, giống như rễ của cây đại thụ, rễ không có lấy đâu ra thân cây? Lấy đâu ra cành lá? Chúng ta thấy ngày xưa, người tu hành đời này sang đời khác, bất luật tại gia hay xuất gia đều thật sự thành tựu. Ngày nay, không thấy những sự thành tựu này nữa. Chúng ta quan sát và suy nghĩ kỹ, họ không có cội rễ. Cội rễ ngày xưa, từ nhỏ đã vun trồng. Nếu thật sự hiểu được nền văn hóa truyền thống ngày xưa, sẽ biết được, trên thế giới không tìm thấy nền văn minh cổ thứ hai.

Người xưa hiểu về nền giáo dục. Mấy ngàn năm lịch sử không gì khác ngoài việc giáo dục. Làm tốt việc giáo dục này rồi, thì tất cả mọi vấn đề đều giải quyết được. Nghĩa là dạy người ta nên người, ai ai cũng là người tốt, chế độ nào cũng chẳng sao. Chế độ không tốt, nhưng người tốt vẫn làm việc tốt. Chế độ tốt, nhưng người không tốt vẫn có tệ nạn. Phương pháp dạy của người xưa như thế nào? Dạy từ khi người mẹ mang thai, gọi là thai giáo.

Người phương Tây dùng thuật thôi miên. Thôi miên một người, bảo họ trở lại, trở lại thời còn nhỏ, bấy giờ 3 tuổi,

2 tuổi, 1 tuổi, ở trong tử cung của người mẹ như thế nào, bảo họ nói ra, họ đều nói được. Như thế mới phát hiện ra, thai nhi trong bụng mẹ đã có tri giác, có cảm thọ rồi, chẳng phải nó không biết gì. Nó biết hết, đầu óc vô cùng tỉnh táo. Tư tưởng và động tác của người mẹ, ảnh hưởng đến thai nhi, nó cảm nhận được, cho nên người xưa nói bắt đầu từ thai giáo. Đứa trẻ chào đời, người thầy đầu tiên của nó là ai? Là người mẹ. Người mẹ dạy điều gì? Dạy *Đệ Tử Quy*, không phải dạy đứa trẻ học, mà người mẹ thực hành *Đệ Tử Quy* cho đứa bé xem. Đứa trẻ chào đời, mở mắt ra, vểnh lỗ tai lên, nó biết nhìn, biết nghe. Nó bắt đầu học đấy.

Vì thế, trong 1.000 ngày, từ khi chào đời đến năm lên 3 tuổi, gọi là cội rễ giáo dục. Mầm mống được gieo xuống như vậy đấy. 3 tuổi tức 1.000 ngày này, phạm những điều không đúng không được cho nó nhìn thấy, nghe thấy. Những điều tà ác đều không được để nó tiếp xúc. Người mẹ phải trông coi kỹ, những điều nó nhìn thấy, nghe thấy đều là chính, đều là thuần chính. Nó được nuôi dưỡng trưởng thành như vậy. Sự giáo dục trong 3 tuổi này đến 80 tuổi cũng không thay đổi, nền tảng đó thâm sâu và ổn định biết bao. Năm lên 6 lên 7 bắt đầu đi học, học trường tư thục, thầy giáo làm gương cho nó xem.

Cha mẹ làm được, thầy giáo làm được, lòng tin của nó kiên cố. Chẳng những thầy giáo thực hành cho nó thấy, mà đem đạo lý vì sao phải làm như vậy giảng giải cho nó nghe,

từ từ nó sẽ hiểu được. Đây là cội rễ giáo dục, ngày nay không còn nữa.

Quý vị nghĩ thử xem, cội rễ giáo dục này bị mất ít nhất cũng 100 năm, một thế kỷ rồi, từ 4 đến 5 đời rồi. Bây giờ muốn phục hồi trở lại, chắc chắn khó khăn, nhưng phục hồi được chứ chẳng phải không được, bởi tình tiết của nền văn hóa truyền thống rất sâu.

Ngày xưa ở Thang Trì, chúng tôi làm chưa đến 1 năm, hiệu quả rõ ràng. Điều này chứng minh, tình tiết nền văn hóa truyền thống rất sâu, con người có tâm lành, chỉ do không có người dạy họ, không ai hướng dẫn cho họ. Vừa dạy vừa hướng dẫn, lập tức phục hồi trở lại được ngay. Cứu được xã hội ngày nay, hóa giải nguy cơ xung đột, thật sự phải nương vào nền văn hóa truyền thống xưa, cũng có nghĩa là nương vào nền giáo dục cội rễ.

Giáo dục cội rễ có 3 điều, quý vị cần nên biết, *Đệ Tử Quy* của đạo Nho, *Thái Thượng Cảm Ứng Thiên* của Đạo gia, *Thập Thiện Nghiệp Đạo* của nhà Phật. 3 cuốn sách này đều rất mỏng, văn tự không nhiều, nhưng là nền giáo dục cội rễ, cho nên không có nền tảng này, thì chẳng có cách nào trì giới. Người Phật tử tại gia không thực hành được *Thập Thiện Nghiệp Đạo*, đã giảng qua kinh *Thập Thiện Nghiệp Đạo*, giảng rất kỹ, nhưng không hành được. Vì sao? Bởi không có *Đệ Tử Quy*, không có *Cảm Ứng Thiên*. Nếu có *Đệ Tử Quy* và

*Cảm Ứng Thiên*, thì *Thập Thiện Nghiệp Đạo* rất thông thạo, làm được dễ như trở bàn tay. Nguyên nhân ở chỗ này. Chúng ta không thể trách bất cứ ai, người nào cũng không có lỗi, làm việc xấu cách mấy, cũng không thể nói họ có lỗi, bởi họ không học. Không học mà bắt tội họ, đây là việc làm không có đạo đức, cho nên phải tha thứ cho họ.

Người xuất gia không thực hành được *Sa Di Luật Nghi*, đó là điều đương nhiên, Thích, Đạo, Nho cũng không ngoại lệ. Nền tảng của Thích, Đạo, Nho chỉ là một, là một điều gì? Chính là hiếu, có thể nói nền văn hóa xưa là văn hóa hiếu.

Hiếu có nghĩa là gì? Hiếu biểu thị nhân sinh vũ trụ với mình là một thể. Văn tự là phù hiệu. Văn tự xưa là phù hiệu của trí tuệ. Quý vị xem chữ hiếu, bên trên là chữ lão, bên dưới là chữ tử, hợp lại thành đời trước và đời sau, đời trước còn đời trước nữa, đời sau còn đời sau nữa, là một thể, nó là chữ hội ý. Hiếu được ý nghĩa của chữ này, quá khứ, vị lai, hiện tại là một thể, chiều ngang, mười phương thế giới là một thể. Đạo Phật nói: *"Thụ cùng tam tế, hoành biến mười phương"*, là một tự thể, cho nên con người và con người phải thương yêu nhau.

Người kia hại ta, nhục mạ ta, hãm hại ta, ta đối với họ như thế nào? Ta phải thương yêu họ. Vì sao? Bởi họ mê hoặc, không biết mình là một thể. Ta biết ta và họ là một thể, ta hận họ được sao? Ta trả thù họ được chăng? Sai, sai lầm

trầm trọng! Lưỡi và răng là một thể, răng cắn vào lưỡi, lưỡi có hận răng không? Lưỡi có cắn trả thù răng không? Không. Vì sao? Bởi nó biết là một thể, cho nên giác và mê không giống nhau.

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni tu hạnh nhẫn nhục, bị vua Ca Lợi cắt thân, quý vị nghĩ xem nỗi sỉ nhục này lớn biết bao? Là một việc tổn thương và đau khổ biết bao? Vị tiên nhẫn nhục này có hận vua Ca Lợi chăng? Không có, không hề oán hận, mà còn nói cho vua biết, tương lai thành Phật, sẽ độ vua đầu tiên. Vị tiên này nói là giữ lời, sau này thành Phật, chính là đức Phật Thích Ca Mâu Ni, còn vua Ca Lợi là ai? Là tôn giả Kiều Trần Như. Trong số học trò được đức Phật giáo hóa, người thành tựu đầu tiên, chứng được quả vị A La Hán là Kiều Trần Như, chính là vua Ca Lợi năm xưa, không hề oán hận. Vì sao? Vì là một thể, còn thân hơn người trong một gia đình nữa. *“Vô duyên đại từ, đồng thể đại bi”*, tình thương này được phát xuất từ đây, từ trong chân tâm, trong tự tính lưu xuất ra, chứ chẳng phải học được ở đâu. Điều này cần nên biết.

Mấy câu này nói cho ta biết, dùng tâm gì để niệm Phật, hiểu được đạo lý này rồi, dùng tâm gì để sinh hoạt, dùng tâm gì để làm việc, dùng tâm gì để tiếp nhân xử thế. Ở thế gian này cùng với chư Phật, Bồ tát không khác, thật sự là đang học Phật. Dùng tâm thanh tịnh. Trong tâm thanh tịnh là tình thương chân thật, chân từ bi, nếu còn phân biệt, còn

chấp trước, còn mình và người, thì không được. Đó là mê hoặc, chứ không phải giác ngộ. Nếu giác ngộ, thì giới hạn này không còn nữa.

Muốn về thế giới Cực Lạc, trên thực tế rất đơn giản, nghĩa là dùng tâm thanh tịnh niệm Phật. Người này khi lâm mạng chung, như trong mộng thấy đức Phật A Di Đà chắc chắn được vãng sinh. Về thế giới Tây Phương Cực Lạc chứng được Bất thoái vô thượng Bồ đề. Bất thoái vô thượng Bồ đề ở đây, giống như đức Phật A Di Đà đã chứng được, như người ta thường nói, về thế giới Cực Lạc thành Phật. Đây là sự thật không giả dối đâu.

Thông thường, cửa ải đầu tiên khó phá nhất. Cửa ải đầu tiên là tâm thanh tịnh. Đạt được tâm thanh tịnh rồi, bình đẳng, giác phía sau sẽ không khó nữa. Do đó, cửa ải đầu tiên khó nhất. Vì sao? Vì phải phá ngã chấp, không còn chấp trước thân này là ta. Cái gì là ta? Vũ trụ này là ta. Phải khẳng định điều này, vũ trụ này là ta. Người xưa có câu: *“Nhân giả vô địch”*. Người nhân từ không có địch. Không có địch nghĩa là sao? Nghĩa là không có đối lập. Nếu có đối lập với người, thì chẳng phải là người nhân từ. Nếu đối lập với công việc, đối lập với tất cả pháp, đều không phải là người nhân từ. Nhân từ không có đối lập. Mới bắt đầu học Phật là phải học điều này. Học không đối lập với người mới có thành tựu.

Ngày xưa, tôi đã tham dự mười mấy lần hội nghị quốc tế hòa bình. Chủ đề của hội nghị này là hóa giải xung đột, hướng đến xã hội an định, thế giới hòa bình. Hơn 30 năm về trước, bắt đầu từ năm 1970, Liên Hiệp Quốc khai mở hội nghị này. Thế giới càng mở càng loạn, ngay cả những người tham dự hội nghị cũng không có niềm tin. Nguyên nhân gì? Không buông bỏ đối lập.

Tôi có cơ duyên tham dự hội nghị này. Chúng tôi hiểu, bởi đức Phật dạy phá vỡ 5 loại kiến hoặc, thứ nhất là thân kiến, thứ hai là biên kiến. Biên kiến là đối lập, là nhị biên. Nhị biên là sai lầm. Không có nhị biên, lấy đâu ra nhị biên? Vấn đề của bản thân không giải quyết được, mâu thuẫn của bản thân không giải quyết được, làm sao có thể giúp cho người khác giải quyết mâu thuẫn. Năm đó, Trường Đại học Cách Lý Phi Tư đến tìm tôi, cùng giáo thọ trong Học viện Hòa Bình, mở 2 cuộc hội đàm. Tôi đem phương pháp trong đạo Phật nói cho mọi người nghe. Mọi người được nghe điều chưa từng nghe. Xung đột ở đâu? Nguồn gốc xung đột ở ngay tự thân. Người học Phật hiểu được, bởi họ vừa nói là biết ngay bản tính và tập tính xung đột. Bản tính là bản thiện. Tập tính là bất thiện. Thiện và bất thiện, đây là sự việc của chính bản thân mình, chứ không phải bên ngoài.

Vấn đề này không được giải quyết, thì không thể giải quyết những vấn đề bên ngoài. Nhưng người phương Tây rất khó hiểu, họ không hiểu được thế nào là bản tính, tập

tính. Chúng tôi chỉ còn cách đưa ra ví dụ. Ví dụ lợi ích trước mặt. Lợi ích trước mặt, quý vị nghĩ đến lợi cho mình, hay nghĩ đến lợi cho người? Mọi người đều nói, dĩ nhiên là nghĩ đến lợi cho mình rồi. Tôi nói xung đột khởi lên rồi đấy. Tôi muốn lợi ích cho tôi, anh muốn lợi ích cho anh, chẳng phải khởi lên xung đột rồi sao? Làm sao có thể hóa giải xung đột này? Phải làm thế nào? Suy nghĩ ngược lại, lợi trước mắt, đầu tiên phải nghĩ đến người. Ai ai cũng muốn lợi cho người khác, chẳng phải vấn đề được giải quyết rồi sao?

Khi đó, Tổng thống Mỹ mỗi khi diễn thuyết, vừa mở lời là ông ấy nói lợi ích đối với nước Mỹ, chứ không hề nghĩ đến lợi ích cho nước khác, đó là tự tạo xung đột, làm gì có chuyện hóa giải xung đột? Tôi từng gặp ông ấy và cũng khuyên ông ta, ông cũng không tồi, ông đã nghe lời, nhưng không làm được, bởi trong đó nhân tố rất nhiều, rất phức tạp, chúng ta cũng có thể lý giải được.

Niệm Phật chắc chắn được vãng sinh về Tịnh độ. Sinh về Tịnh độ có nghĩa là sao? Dùng cách nói ngày nay là di dân. Trên quả địa cầu ngày nay nhiều phiền phức, chúng ta di dân về thế giới Cực Lạc, nơi đó không có thiên tai. Nhưng điều kiện để sinh về nơi đó là tâm thanh tịnh. Nếu tâm ta không thanh tịnh, thì chẳng thể đi được. Tâm thanh tịnh tự nhiên có cảm ứng. Vì sao? Bởi thế giới đó do tâm thanh tịnh biến hóa ra. Quả địa cầu ngày nay do tâm không thanh tịnh biến hóa ra. Chuyện là như vậy.

Ở đây, nói đến *“Tịnh tâm niệm Phật nhất thanh, vô lượng bất khả tư nghị công đức”*. Then chốt ở chỗ tịnh tâm. Thế nên biết rằng, nếu dùng tâm bình đẳng niệm một tiếng Phật, công đức đó thù thắng không gì sánh bằng, siêu việt hơn rất nhiều. Thanh tịnh, bình đẳng là công đức chân thật, là công phu chân thật!

*“Hựu đại nguyện trung hữu văn danh đắc phúc nguyện, thập phương chúng sinh dĩ văn danh cố thọ chung chi hậu sinh tôn quý gia, chư căn vô khuyết, thường tu thù thắng phạm hạnh”* (Lại trong đại nguyện, nguyện có ai nghe danh hiệu thì được phúc, chúng sinh mười phương vì nghe danh hiệu Phật, nên sau khi mệnh chung được sinh vào nhà tôn quý, các căn không thiếu, thường tu phạm hạnh thù thắng).

Những điều này đều thuộc về 48 nguyện. Phúc báo, phúc báo chân chính là thân cận thiện tri thức. Trong bài tựa của *Đệ Tử Quy* nói rất rõ: *“Phiếm ái chúng. Nhi thân nhân”* (Yêu thương khắp mọi người. Gần người nhân từ). Nếu dùng Phật pháp giải thích 2 câu này, sẽ viên mãn vô cùng.

Thang Ân Tử nói, tâm lượng của người xưa rất rộng lớn, bao dung nền văn hóa dị tộc. Ấn Độ là dị tộc, là nền văn hóa nước ngoài mà chúng ta chấp nhận, bao dung, văn hóa Phật giáo đã làm cho nền văn hóa xưa thêm phong phú.

Chúng ta lấy kinh Phật để giải thích, dùng kinh Phật để giải thích “phiếm ái chúng”, thì ý nghĩa của nó rất dài. Đạo

Phật nói về chữ “chúng”, chẳng phải nói đến con người. Vậy chúng có nghĩa là gì? Là hiện tượng chúng duyên hòa hợp mà sinh khởi, gọi là chúng sinh. Dùng cách nói ngày nay, nghĩa là hiện tượng nhiều điều kiện hợp lại mà phát sinh ra, hiện tượng đó gọi là chúng sinh. Con người là định nghĩa của phù hiệu. Con người là hiện tượng do vật chất và tinh thần hòa hợp mà hiện ra.

Vật chất: đạo Phật gọi là Tứ đại: địa, thủy, hỏa, phong, đây là hiện tượng vật chất. Địa, thủy, hỏa, phong có nghĩa là gì? Địa là vật chất, quý vị thấy được, dùng địa để nói lên nó là vật chất. Thủy đại, hỏa đại; thủy là độ ẩm, hỏa là độ nóng. Trong vật chất này chắc chắn có độ ẩm và độ nóng. Ngày nay, không gọi là độ ẩm nữa, khoa học gọi là gì? Gọi là điện. Điện dương là hỏa đại. Điện âm là thủy đại. Phong đại là gì? Phong là động, nó không tĩnh, là hiện tượng dao động, nó không ngừng động. Khi nó không ngừng, là hiện tượng vật chất, địa, thủy, hỏa, phong.

Trong vật chất chắc chắn có tinh thần. Tinh thần là gì? Là thụ, tưởng, hành, thức. Thụ, tưởng, hành, thức từ đâu mà có? Là kiến, văn, giác, tri trong tự tính. Trong tự tính gọi là kiến, văn, giác, tri. Trong A Lại Da gọi là thụ, tưởng, hành, thức. A Lại Da mê, khi mê biến kiến, văn, giác, tri, thành thụ, tưởng, hành, thức, có cảm thọ, có tư tưởng, có chấp trước. Hành là chấp trước. Cuối cùng là thức. Thức ngày nay gọi là ký ức. Ký ức này không thay đổi, nghĩa là quý vị có một

kho tài liệu, cất giữ ở đó không bị thất lạc. Sự thật có hiện tượng này.

Vật chất nhỏ nhất cũng có hiện tượng này. Đều có hiện tượng này, cho nên khắp vũ trụ này đều có cơ thể, là hiện tượng sống chứ không chết. Cục đá có thụ, tướng, hành, thức chẳng? Có! Tất cả khoáng vật đều có thụ, tướng, hành, thức, cho nên tinh thần và vật chất không bao giờ tách rời nhau. Vật chất từ đâu mà có? Vật chất là do tinh thần tích lũy lại, là hiện tượng ba động liên tục. Đây là điều lượng tử lực học ngày nay nói, giống như Phật pháp nói.

Trong đạo Phật, Bồ tát Di Lặc nói, sao có hiện tượng vật chất? Từ ý niệm mà có. Ngài nói: *“Niệm niệm thành hình”*. Hình chính là vật chất. *“Hình giai hữu thức”*. Thức là hiện tượng tinh thần. Từ niệm đến vật chất đến tinh thần gần như là đồng thời, nhanh quá! Đây là nói về sự khởi nguyên của vũ trụ, cho nên phải biết rằng thật sự là một thể, chẳng phải đức Phật nói dối đâu. Ngài nói thiệt đó, chân tướng sự thật là như vậy.

Phật là gì? Phật là bậc giác ngộ. Khi còn tại thế, suốt cuộc đời Ngài giúp cho mọi người. Ngài dùng phương pháp nào? Ngài dạy học, suốt đời dạy học. Ngài là giáo viên, Ngài không làm hiệu trưởng. Học trò rất đông, chúng ta phỏng đoán có khoảng 3.000 người, đệ tử luôn bên cạnh ngài là 1.255 vị, thường theo không rời Ngài. Đột xuất đến tham dự, chắc

nhiều hơn con số này. Đây là học trò của Ngài. Ngài không tổ chức lại số học trò của mình, cũng không chia lớp, giống như trường tư thục ngày xưa vậy, một vị thầy giáo hướng dẫn một đám học trò. 49 năm như một ngày, không xây dựng trường học, không có ký túc xá. Họ là dân du mục, ban đêm nghỉ dưới gốc cây, ngồi thiền dưới gốc cây, nghỉ ngơi một chút. Những người này bất luận tại gia hay xuất gia, là chúng thường theo hay đột xuất tham dự. Họ đều có công phu thiền định. Không có định thì không được, cũng có nghĩa là tâm địa rất thanh tịnh. Theo học với đức Phật Thích Ca Mâu Ni như thế, được phúc, phúc báo lớn, thân cận thiện tri thức mà.

*“Phiếm ái chúng”*. Phiếm là bình đẳng, là phổ biến. Động vật do chúng duyên hòa hợp mà sinh, thực vật cũng thế, khoáng vật cũng vậy. Chúng ta thương yêu con người, thương yêu loài vật, thương cả con muỗi, con kiến, thương hoa cỏ, cây cối, sơn hà đại địa. Đối với hiện tượng tự nhiên không có cái gì mà chẳng thương. *“Phiếm ái chúng”* đây, quý vị nghĩ xem phạm vi chữ ái ở đây có lớn không.

Có nhiều người nghe tôi nói như vậy, thực hành theo sự hướng dẫn của tôi, họ đã rất thành công. Đối với những động vật nhỏ, như con kiến, con muỗi, nó sẽ không cắn quý vị, không làm tổn hại quý vị. Mọi người sống cùng nhau hòa mục tương xử, bình đẳng đối đãi, không làm tổn hại lẫn nhau. Động vật nhỏ trong nhà rất nhiều, nó có không gian

sinh sống của nó, ta có không gian sinh sống của ta. Tuy sống cùng nhau, nhưng không xâm phạm lẫn nhau. Tốt!

Ở Úc Châu, chúng tôi có một vườn rau. Vườn rau này cũng không nhỏ, trồng mười mấy loại rau, cây ăn trái có hơn 30 loại, rau rất tốt. Vì sao? Hàng ngày, chúng tôi nói chuyện với nó. Chúng ta thương yêu nó, nó cũng thương yêu chúng ta. Mấy con sâu ăn rau, chúng tôi nói chuyện với nó, quy định một khu trong vườn, để cho nó ăn. Nó muốn ăn thì qua bên đó.

Rau bên đó, chúng tôi cũng chăm sóc rất kỹ. Mấy con sâu đó cũng rất tuân thủ theo quy định, dễ gần gũi hơn con người, nó biết nghe lời, tuyệt đối không vượt quá giới hạn, mười năm như một ngày. Chim ăn trái cây, chúng tôi cũng chỉ định cho nó mấy cây. Mấy cây này cho chúng ăn. Những cây không chỉ định, chúng phải chờ lại cho chúng tôi, tất cả đều giữ quy định. Chúng tôi làm thành công. Nhiều người nghe theo sự hướng dẫn của chúng tôi, bản thân họ làm thí nghiệm cũng thành công. Nói lên rằng chúng ta phải “phiếm ái chúng”, mới thật sự có hạnh phúc, cuộc sống mới bình an viên mãn.

Đối với động vật, thực vật, sơn hà đại địa, phải dùng tình thương mà đối xử. Đối xử tốt với sơn hà đại địa, thì sẽ không có động đất, không có lụt lội hay hạn hán. Do ta không biết cách đối xử, mà còn đối lập với chúng. Vì đối lập nên muốn

phá hoại chúng. Phá hoại môi trường sinh thái tự nhiên, nó sẽ trả thù, sinh ra phiền phức. Chẳng thể không hiểu đạo lý này. Hiểu được đạo lý này rồi, thì thiên tai trên quả địa cầu ngày nay có cách giải quyết, có phương pháp để hóa giải. Nhưng Phật pháp thật sự phải phổ cập, không phổ cập họ sẽ chẳng tin. Họ nói đây là tôn giáo, là mê tín, họ không chấp nhận. Không chấp nhận thì xong rồi, quý vị phá hoại môi trường, môi trường báo thù, thiên tai xuất hiện.

*“Nhi thân nhân”*. Thân nhân là phúc báo lớn. Nhân là người nhân từ, trong Phật pháp gọi là nhân giả. Xưng nhân giả đối với ai? Với Bồ tát. Nhân giả là danh xưng của Bồ tát, kính xưng đối với Bồ tát. Thân cận bậc có đức hạnh, những người nhân từ, bản thân những người này tu tập, họ cũng giúp cho người khác, đây là thật sự có phúc.

Chư Phật, Bồ tát khuyên chúng ta, trong vũ trụ này, vị nhân từ nhất là đức Phật A Di Đà, chúng ta về thế giới Cực Lạc thân cận với Ngài. Thế giới Cực Lạc rất thù thắng. Ở thế giới Cực Lạc không có chính trị, quý vị thấy trong kinh điển, đức Phật Thích Ca Mâu Ni không hề nói. Thế giới Cực Lạc có quốc vương, có tổng thống? Không hề có. Thế giới Cực Lạc có huyện, thị trưởng chẳng? Không có! Ở thế giới Cực Lạc rất đơn thuần, chỉ có hai hạng người, chỉ có hai địa vị, một là thầy giáo một là học trò. Vì thế, nơi đó là một trường học, một trường học có quy mô lớn. Tất cả chư Phật trong mười phương đều ở đó dạy học, giúp cho đức Phật A Di Đà giáo

hóa chúng sinh. Mười phương chư Phật trở về thế giới Cực Lạc đều là địa vị là Bồ tát, là địa vị giáo viên. Bản thân đức Phật A Di Đà cũng là địa vị giáo viên. Vì sao? Vì là thế giới bình đẳng, thật sự bình đẳng đối đãi, hòa mục tương xử, nơi đó thật sự làm được như vậy.

Ngày nay, mọi người thích tu tập pháp Lục Hòa, bởi thế giới Cực Lạc là đạo tràng Lục Hòa Kính. Chúng ta học ở đây là tương ứng với thế giới Cực Lạc. Tu Lục Hòa Kính quan trọng nhất là không được có ý niệm đối lập. Có đối lập là bất hòa. Chúng ta không được có ý niệm tự tư, tự lợi, vì có tự tư là phá hoại hòa rồi, cho nên phải buông bỏ tự tư, tự lợi, danh văn, lợi dưỡng; buông bỏ sự hưởng thụ đối với ngũ dục, lục trần; buông bỏ tham, sân, si, mạn, như thế sẽ hòa, sẽ thực hành được Lục Hòa Kính. Vì sao không thực hành được Lục Hòa? Bởi không dễ dàng buông bỏ những điều vừa kể. Buông bỏ là làm được.

*“Văn danh đắc phúc”*. Nghe tên là đã được phúc rồi. Vì sao? Vì đã kết duyên rồi, quý vị có duyên với thế giới Cực Lạc, có duyên với đức Phật A Di Đà, là có phúc, có duyên rồi, tiến lên bước nữa là thân cận Ngài, tiếp nhận sự dạy dỗ của Ngài. Ngài thật sự giúp quý vị phá mê khai ngộ. Đức Phật từ bi cứu tế với tất cả chúng sinh. Ngài dùng cách nào? Dùng cách dạy học. Tại sao phải dùng cách dạy học? Bởi đức Phật biết sự khổ nạn của chúng ta từ đâu mà có. Khổ nạn từ mê hoặc mà có, bởi mê thất tự tính, cho nên cách suy nghĩ sai

lầm, cái nhìn sai lầm, tư tưởng sai lầm. Tư tưởng sai lầm dẫn đến hành vi sai lầm. Hành vi sai lầm gây nên oan oan tương báo. Oan oan tương báo với con người, oan oan tương báo với động vật, oan oan tương báo với thực vật, với sơn hà đại địa. Ngày nay, chúng ta thấy được sự việc này. Oan oan tương báo với con người là chiến tranh.

Chúng tôi đọc được một thông tin trên mạng, nước Mỹ đang chuẩn bị lắp ráp tên lửa tối tân. Tên lửa này phóng đi, bất cứ điểm nào trên của địa cầu này nó cũng có thể phóng tới. Nói cách khác, trên toàn thế giới, đều nằm trong tầm ngắm của tên lửa đó. Ý niệm này không tốt, làm sao có thể làm như vậy chứ! Khởi lên một ý niệm này, ý niệm của con người quan trọng quá, tạo nghiệp này, người đời không thể đối phó với quý vị, ông trời sẽ đến quản quý vị. Trên thực tế, ông trời là một tầng cao hơn ta. Ý niệm của ta đang tạo nghiệp. Ý niệm cũng có cách tiêu hủy ta.

Giới khoa học nói, khoảng 50.000 năm đến 60.000 năm về trước, khu vực Đại Tây Dương có một nước, khoa học kỹ thuật phát triển hơn chúng ta ngày nay rất nhiều, là Atlantis, nguyên cả đất nước chìm xuống đáy biển, ý niệm này đáng sợ quá. Vì sao lại làm như vậy? Đây chính là sự đối lập giữa con người với con người, tạo nên sự bất hòa. Ngày nay, con người và thực vật đối lập. Sao lại đối lập với thực vật? Quý vị dùng phân bón, dùng thuốc trừ sâu, chẳng phải để sát hại những côn trùng kia, mà bản thân thực vật cũng bị tổn

thương, cho nên thực vật ngày nay, nhìn rất đẹp mắt, nhưng đem so với chất dinh dưỡng ngày xưa, e rằng không được bằng một nửa. Đó là gì? Đó là thực vật trả thù quý vị.

Động vật báo thù, vì con người ăn thịt, thịt động vật. Quý vị ăn thịt nó, nó sẽ đòi mạng quý vị. Cũng do con người tạo nên, muốn loài động vật sinh sản nhanh, nên cho ăn cám tăng trọng giúp cho chúng mau lớn, sinh mệnh của chúng cũng bị phá hoại, mang theo rất nhiều mầm bệnh. Con người ăn thịt nó, cho nên ngày nay sinh ra nhiều căn bệnh quái lạ. “Bệnh từng khẩu nhập”, đó là động vật trả thù quý vị đấy. Thật sự hiểu rõ chân tướng sự thật rồi sẽ không dám ăn thịt nữa.

Khoảng 3-4 năm trước, có lần tôi ở Sơn Đông Khánh Vân, cư sĩ Tề mời tôi về quê anh ta chơi. Nơi đó, có một cơ sở chăn nuôi vịt, anh dẫn tôi đến đó tham quan. Xem những con vịt nhỏ, vị chủ quản bắt lên một con vịt nhỏ, đặt lên tay tôi. Con vịt rất mập. Anh ta nói, pháp sư, thầy đoán xem con vịt này được bao nhiêu ngày rồi? Tôi nói ít nhất là 10 ngày. Anh ta nói, mới nở ngày hôm qua. Tôi giật mình! Chưa bao giờ thấy, mới nở hôm qua mà hôm nay đã lớn như vậy rồi. Tôi hỏi, con vịt của anh nuôi lớn rồi, cần bao nhiêu ngày thì đem bán ra thị trường? 2 tuần!

Ngày xưa, ở quê tôi nuôi vịt cho đến lớn, ít nhất phải nửa năm. Còn dám ăn thịt không? Anh ta nói, 1/3 vịt nướng Bắc Kinh là do chỗ anh ta cung cấp. Tôi trở lại nói với mọi người,

không được ăn, ăn sẽ mất mạng đấy. Quý vị ăn thịt nó, nó sẽ ăn thịt quý vị.

Quý vị có lỗi với sơn hà đại địa, cố ý khai khẩn, phá hoại, phá hoại sinh thái tự nhiên, sơn hà đại địa cũng báo thù quý vị. Động đất, sóng thần, hạn hán, những thứ này là do sơn hà đại địa trả thù quý vị. Quý vị đối xử với nó như thế nào, nó sẽ báo thù quý vị như vậy. Nó không phải vật chết đâu, một miếng đất, một hạt cát không phải vật chết, nó có cơ thể, có thụ, tướng, hành, thức, làm sao có thể đối xử với nó như vậy chứ! Chân tướng sự thật này, trong kinh điển Đại thừa, cách đây 3.000 năm về trước, đức Phật đã nói rất rõ ràng rồi.

Nhất định chúng ta phải biết, quan sát kỹ một đời đức Phật Thích Ca Mâu Ni, 30 tuổi, Ngài khai ngộ. Khổng Phu Tử cũng như vậy, 15 tuổi lập chí học tập, 30 tuổi thành đạt, đức Phật Thích Ca Mâu Ni cũng 30 tuổi thành đạt. Sau khi khai ngộ, Ngài làm công việc giảng dạy, dạy suốt cuộc đời. Năm 79 tuổi, Ngài nhập Niết Bàn, giảng kinh thuyết pháp 49 năm, làm công việc này hoan hỷ không mệt nhọc.

Năm xưa, thầy Phương Đông Mỹ giới thiệu với tôi, nói cho tôi biết học Phật là sự hưởng thụ tối cao của nhân sinh, hàng ngày tôi không quên thầy giáo, đời này tôi sống được tự tại và vui vẻ như thế này, là do thầy chỉ đường. Nếu thầy không chỉ đường, e rằng đời này, tôi sẽ khổ không nói hết, lấy đâu ra cuộc sống tự tại và vui vẻ như vậy? Một đời dạy

học, giữ vững địa vị của mình, thầy giáo chuyên nghiệp, làm giáo viên chứ không làm hiệu trưởng.

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni một đời làm giáo viên, được đại tự tại. Chúng ta nhận biết rõ ràng. Ngài dạy điều gì? Giáo dục phổ cập không ngoài luân lý, đạo đức, nhân quả. Thúc đẩy phổ biến nền giáo dục này trong xã hội, sẽ đạt được xã hội an định, thế giới hòa bình, một số người còn muốn hướng thượng vươn lên, đó là triết học và khoa học. Trong kinh Phật có nền khoa học và triết học tối cao.

Ngày xưa, tôi theo học triết học với thầy Phương. Thầy giảng triết học khái luận cho tôi, cuối cùng có một môn là triết học trong kinh Phật. Thầy nói đức Phật Thích Ca Mâu Ni là nhà triết học vĩ đại nhất trên thế giới; triết học trong kinh Phật là đỉnh cao của triết học trên toàn thế giới; học Phật là sự hưởng thụ tối cao của con người.

Chúng tôi đã nắm chặt không buông. Từ khi thầy Phương giới thiệu cho đến ngày nay, 59 năm rồi, phát hiện ra chẳng những là triết học tối cao mà còn là khoa học tối cao nữa. Quý vị xem, khoa học ngày nay nhìn về thế giới vĩ mô, chưa đạt được những điều trong kinh *Hoa Nghiêm* nói, phẩm *Hoa Tạng Thế Giới* và phẩm *Thế Giới Thành Tựu*, vẫn chưa đạt đến cảnh giới này. Lượng tử lực học nói đến vi quan, chưa nói đến tự tính, mới chỉ nói đến A Lại Da, cũng là giới lắm rồi. Những điều lượng tử lực học nói chính là tam tế tướng

của A Lại Da, danh từ bất đồng nhưng chung một ý nghĩa. Nghiệp tướng của A Lại Da, chính là năng lượng mà các nhà khoa học nói. Chuyển tướng của A Lại Da là thông tin. Cảnh giới tướng là vật chất.

Từ từ triết học, khoa học và Phật pháp dung hợp thành một thể, cho nên chúng ta cần nên nhận biết rõ ràng, đạo Phật không phải là tôn giáo, không dính dáng gì tới tôn giáo cả. Ngày nay, coi Phật giáo là tôn giáo, là một sai lầm lớn. Nhưng chúng ta không được trách họ. Vì sao vậy? Bởi hành vi của người xuất gia ngày nay đúng là tôn giáo, không học kinh, không dạy học.

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni mong hàng đệ tử mình, truyền thừa đạo và pháp của Ngài. Quý vị thật sự tu tập, thật sự mang ra giảng cho mọi người nghe, nhất định phải hiểu rõ đạo lý này. Phải làm cho sáng tỏ, bằng không làm sao chúng ta xứng đáng với đức Phật Thích Ca Mâu Ni đây.

Nền giáo dục hay nhất của thế gian và xuất thế gian, từ cá nhân, cá nhân thân tâm khỏe mạnh, không cần thuốc gì hết, phục hồi trở lại bình thường, sống đến 200 tuổi, vẫn hoạt bát giống như 20-30 tuổi vậy. Thật sự làm được, chứ chẳng phải không làm được, không cần dùng thuốc. Đây là sự lợi ích cho cá nhân, lợi ích cho xã hội, lợi ích cho đất nước, lợi ích cho nhân loại, không gì sánh bằng. Quý vị biến nó thành tôn giáo, nói nó làm mê tín, khiến cho mọi người không chịu

tiếp cận. Giáo lý hay như vậy mà không chịu tiếp cận, đúng là người không có phúc, thật sự không có phúc.

Tôi may mắn gặp được thầy Phương, nếu thầy không giới thiệu, tôi cũng cho rằng Phật giáo là tôn giáo, là mê tín, cũng không muốn tiếp cận. Tôi theo học với thầy Phương năm 26 tuổi, tiếp xúc rồi, cảm thấy rất nuối tiếc, sao năm 16 tuổi không gặp được? 26 tuổi mới gặp được? Nhưng cũng rất may, ông trời kéo dài tuổi thọ cho tôi. Tôi đã phát hiện những bí mật trong kinh điển Đại thừa, đúng như lời cổ nhân nói: *“Sáng nghe đạo, tối chết cũng được”*. Hiểu rõ rồi, không còn hồ đồ nữa.

*“Thọ chung chi hậu, sinh tôn quý gia, chư căn vô khuyết, thường tu thù thắng phàm hạnh”*. Câu này hay quá, nói về kiếp sau của mình. Người xưa nói, được phúc báo thù thắng không gì sánh bằng. Phúc báo ở đây không phải là có tiền, không phải có thế lực, làm quan lớn, không phải như vậy, Phật pháp không nói đến điều này. Đức Phật Thích Ca Mâu Ni là vương tử, nếu Ngài không xuất gia sẽ kế thừa vương vị, nhưng Ngài buông bỏ hết. Vì sao? Làm vị quốc vương, quốc vương giỏi, chỉ lợi ích cho một đất nước. Ngài làm công việc dạy học, đột phá giới hạn này, giáo hóa tất cả chúng sinh. Quý vị nghĩ xem, việc làm của Ngài có ý nghĩa vô cùng và vui sướng biết bao. Làm quốc vương sao có thể sánh được!

Khi đức Phật còn tại thế, 16 đại quốc vương của Ân Độ đều là học trò của Ngài, đều theo học với Ngài. Đại phú trưởng giả số đông là học trò của Ngài. Ngài muốn gì cũng có, nhưng Ngài không cần gì, ngay cả một căn nhà cũng không cần. Ban đêm Ngài ở đâu? Dưới cội cây. Quý vị nghĩ xem, tự tại biết bao! Khi Ngài nhập Niết Bàn không phải ở trong nhà, mà ở trong rừng. Ngài làm cho ai xem vậy? Cho chúng ta xem đấy, khiến cho học trò đời sau học theo Ngài.

Thật sự buông bỏ hết tất cả, niệm niệm nghĩ đến chúng sinh, nghĩ đến sự khổ nạn của chúng sinh. Chỉ có cách dùng phương pháp dạy học, giúp chúng sinh phá mê khai ngộ. Tất cả nỗi khổ đều từ mê lầm mà có. Có nghĩa là sự suy nghĩ sai lầm, nói sai, thấy sai và làm sai, chịu nỗi khổ đó cũng sai, chịu oan. 3 đường ác trong lục đạo từ đâu mà có? Tự mình tạo nên, quả báo do mình tạo nghiệp bất thiện mà chiêu cảm nên. 3 đường thiện từ đâu mà có? Do mình tạo thiện nghiệp mà có.

Vì thế, nói đều là tiêu nghiệp, 3 đường lành tiêu thiện nghiệp của mình, 3 đường dữ tiêu nghiệp ác của mình, mình tạo nghiệp mà. Nếu không tạo nghiệp thì chẳng có lục đạo, tâm thanh tịnh hiện tiền. Không tạo nghiệp, chứng quả A La Hán, được Chính Giác, không còn lục đạo. Lục đạo chỉ giống như một cơn mộng vậy, từ trong mộng thức tỉnh. Nhưng vẫn còn nhiều người ở trong đó, họ vẫn đang làm ác mộng. Quý vị đi đến đó được chăng? Đi được. Quý vị đến đó không

phải thọ báo, vậy đến đó làm gì? Đến để hướng dẫn họ, dùng phương tiện thiện xảo giúp cho họ giác ngộ, giúp cho họ mau chóng thức tỉnh, đừng làm ác mộng nữa.

Có nghĩa là như vậy. Phàm ở trong lục đạo, nhất định phải biết, thời gian làm ác mộng dài, thời gian làm mộng tốt ngắn, điều này là chắc chắn. Vì thế, nơi này không tốt đẹp đâu. Ngày nay, mọi người nói là chơi trò chơi, đừng chơi trò chơi ở đây nữa. Chơi ở đây, không tốt đâu. Chúng ta sống cùng chư Phật, Bồ tát, “thường tu phạm hạnh”, chính là Tam Phúc, Lục Hòa, Lục Độ, Thập Nghiệp. Điều này trong đạo Phật nói. Từ chỗ Tam Phúc, chúng ta biết được thế nào là Phật pháp. Phật pháp được xây dựng trên nền tảng gì? Đây là điều đức Phật vì công việc giáo dục phổ cập mà nói, nói không cao, nói về luân lý, đạo đức.

Tam phúc 3 ba điều, tổng cộng 16 từ: *“Hiếu dưỡng phụ mẫu. Phụng sự sư trưởng. Từ tâm bất sát. Tu thập thiện nghiệp”*. Đã lâu rồi tôi đề xướng vun trồng 3 cội rễ, đem Nho và Đạo đặt vào trong đó, một số người không hiểu đã trách tôi, nói tôi không phải là người học Phật thuần túy. Đã học Phật, sao còn học Nho và Đạo nữa? Người nói lên những điều này, họ vốn không thông hiểu Đại thừa. Đại thừa là một thể, không hề phân ra. Nếu có ý niệm phân ra, thì chẳng phải là Đại thừa, sao là một thể được! Kỳ thật 3 cội rễ Thích, Đạo, Nho, chính là phúc thứ nhất ta vừa nói đến. Hiếu thân, tôn sư phải thực hành như thế nào?

Thực hành *Đệ Tử Quy* là đã hành được hiếu thân, tôn sư, tìm được bằng chứng này trong kinh Phật. “*Từ tâm bất sát*” là giáo dục nhân quả. Quý vị không hại nó, nó cũng chẳng hại quý vị. Quý vị thương yêu nó, nó cũng thương yêu quý vị. Chúng ta đạt đến chỗ giao lưu với động vật, vô cùng hòa mục. Giáo dục nhân quả, *Thái Thượng Cảm Ứng Thiên*, câu sau là *Thập Thiện Nghiệp Đạo*, tu thập thiện nghiệp. Vì thế, phúc đầu tiên là nền tảng. Nền tảng cơ bản, bắt buộc phải đầy đủ điều kiện này, mới có thể làm đệ tử Phật, làm học trò của đức Phật. Theo học với Phật phải có điều thứ nhất là 3 nền tảng này.

Điều thứ hai nằm trong giáo lý Tiểu thừa, 3 câu: “*Thụ trì tam quy. Cụ túc chúng giới. Bất phạm oan nghi*”. Đây là nhập môn. Nếu không có nền tảng đầu tiên, thì chẳng thể nhập môn. Lời tôi nói có căn cứ chứ chẳng phải tùy tiện nói ra, chẳng phải ăn càn nói bậy đâu.

Phúc thứ ba là tiến lên, trì giới tốt, nhân giới sinh định, nhân định khai tuệ. Điều thứ hai là trì giới. Bất luận người tại gia hay xuất gia đều phải hạ thủ từ giới. Phúc thứ ba là “*Phát Bồ đề tâm. Thâm tín nhân quả. Đọc tụng Đại thừa. Khuyến tấn hành giả*”. Trong 4 câu này, 3 câu trước là tự lợi, phải phát tâm, phải tin sâu nhân quả, phải học tập Đại thừa. Câu cuối cùng “*Khuyến tấn hành giả*”, nghĩa là phải giảng cho người khác nghe, phải giáo hóa chúng sinh. Câu cuối cùng là phải khuyên hóa chúng sinh, giống như đức Phật vậy.

Bản thân mình tu thành rồi, thì phải giúp cho người khác. Đoạn sau đức Phật nói, 3 điều này gọi là 3 loại phúc báo, 3 loại tịnh nghiệp. 3 đời chư Phật, quá khứ, hiện tại, vị lai, học tập tất cả cuối cùng thành Phật, đều lấy 3 điều này làm nền tảng. 3 điều này là Phật pháp. Bất luận Tiểu thừa hay Đại thừa. Tông môn hay Giáo môn, Hiển giáo hay Mật giáo, 3 điều này là nguyên tắc chỉ đạo tối cao. Quý vị bỏ qua được chăng? Bỏ qua sao có thể thành tựu được? Không thể được! Chỉ cần quý vị học với đức Phật Thích Ca Mâu Ni, thì phải tuân thủ theo nguyên tắc này, sau đó mới tiến lên bước nữa học tập Đại thừa.

Đoạn văn này rất hay, đoạn văn này do Hoàng Niệm Tổ lão cư sĩ, lấy Thập Huyền trong kinh *Hoa Nghiêm*, giảng kinh *Vô Lượng Thọ*, cũng rất đầy đủ, giỏi quá! Kinh *Vô Lượng Thọ* và kinh *Hoa Nghiêm* không hai không khác. Thông đạt được Thập Huyền, thì không còn chướng ngại gì nữa. Đến cảnh giới này rồi sẽ thông hết, đúng là “viên minh cụ đức” mà trên đề mục nói, đột phát hết tất cả mọi chướng ngại. “Một là tất cả, tất cả là một”, một căn, một bản, một nguyên lý. Giáo lý hay như vậy, mà mọi người không học thật là đáng tiếc.

Tôi vốn không muốn giảng kinh *Hoa Nghiêm*, bởi nó dài quá. Chúng tôi đã giảng hơn 4.000 giờ đồng hồ rồi, giảng được bao nhiêu? Mới có 1/5 thôi, giảng hết bộ kinh này phải mất 20.000 giờ đồng hồ. Quý vị đều biết, kinh *Vô Lượng*

*Thọ* là trung bản *Hoa Nghiêm*, cũng chính là kinh *Tiểu Hoa Nghiêm*, là tinh yếu, tinh hoa của kinh *Hoa Nghiêm*.

Vì thế, tôi muốn giảng bộ kinh này. Vì sao phải giảng bộ kinh lớn này? 3 người đến gặp tôi, họ rất từ bi, người đầu tiên là vị Pháp sư người Đài Loan, đến gặp tôi nhiều lần, mong tôi giảng bộ kinh này. Thầy ấy nói: Pháp sư, nếu thầy không giảng, thì sau này sẽ chẳng có ai giảng nữa. Người thứ hai đến gặp tôi là Hoàng Niệm Tổ lão cư sĩ ở Bắc Kinh. Sau khi quen biết, thầy đã khuyên tôi, bất luận thế nào cũng mong tôi giảng kinh *Hoa Nghiêm* một lần, để cho người đời sau làm tài liệu tham khảo. Người thứ ba là cư sĩ Hàn. Trước khi bà ấy lâm chung 2 ngày, mong tôi giảng bộ kinh này. Bà ấy bị bệnh nặng, tôi mong bà ấy hết bệnh nên đã đồng ý. 2 vị trước đến gặp tôi mong tôi giảng tôi chưa đồng ý. Đây là nhân duyên giảng bộ kinh này.

Tu học Phật pháp, hoàn toàn tương đồng với sự chỉ dạy của người xưa: “*Nhất môn thâm nhập, trường thời huân tu*”, giống như những lời chư vị tiền bối nói: “*Giáo chi đạo, quý dĩ chuyên*” (Cách dạy bảo, quý chỗ chuyên) cùng một tư tưởng, nhất môn thâm nhập chắc chắn sẽ thông đạt. Thông rồi thì pháp nào cũng thông.

Năm 1999, tôi ở Singapore, đoàn kết 9 tôn giáo, tôi y theo đạo lý gì? Chính là viên dung mà kinh *Hoa Nghiêm* nói. 9 tôn giáo là một rế, chỉ cần tìm được rế, thì còn vấn

đề gì nữa? Nhìn trên cành lá thấy có 9, nhìn từ cội rễ chỉ có 1, cho nên nó có thể đoàn kết. Tất cả pháp trong biến pháp giới hư không giới, chỉ có 1 cội rễ. Cội rễ đó là gì? Là bản tính bản thiện.

Con người không rời cội rễ này; tất cả động vật cũng là cội rễ này, thậm chí đến thiên địa quỷ thần cũng là cội rễ này; tất cả động thực vật vẫn là cội rễ này; sơn hà đại địa cũng đồng một cội rễ. Phật pháp gọi đây là pháp thân, cho nên trong kinh đức Phật thường dạy: *“Mười phương ba đời Phật cộng đồng một pháp thân, nhất tâm nhất trí tuệ, lực vô úy cũng vậy”*. Trong kinh *Hoa Nghiêm*, chúng ta có đọc qua, tất cả đều nói lên chân tướng sự thật.

Tam phúc, Lục Hòa, trong Lục Hòa quan trọng nhất là *Kiến hòa đồng giải*. Dùng cách nói ngày này là xây dựng cộng thức. Xây dựng cộng thức ở đâu? Thông thường, người ta thường nói, xây dựng chỗ tịnh nghiệp, tam phúc. Đây là cách nói thông thường. Ngày nay, chúng ta nói sâu hơn, cứu cánh hơn, ta dùng kinh *Hoa Nghiêm*, dùng *Hoàn Nguyên Quán*, xây dựng ở đâu? Xây dựng chỗ tất cả chúng sinh trong vũ trụ là một thể, xây dựng trên tư tưởng này - một thể. Bài luận văn của Đại sư Hiền Thủ, *Vọng Tận Hoàn Nguyên Quán*, nhất thể. Từ nhất thể khởi nhị dụng. Nhị dụng ở đây chính là sự phát sinh của vũ trụ. Ta từ đâu mà có? Ta cùng vũ trụ đồng thời phát sinh.

Ta là Chính báo, vũ trụ là Y báo, đồng thời phát sinh. Một sinh tất cả đều sinh. Sự việc này được các nhà khoa học lượng tử chứng minh, nhưng các nhà lượng tử không nói đến nó có 3 tác dụng. 3 loại chu biến, lượng tử không nói đến. Bất cứ vật chất nào, nó là động, không phải là tĩnh. Lập tử cơ bản là động. Động ở đây chính là hiện tượng dao động. Năng lượng dao động bao lớn? Vừa động là biến pháp giới hư không giới, cho nên nó nhanh hơn điện, nhanh hơn ánh sáng rất nhiều. Ánh sáng mặt trời chiếu đến quả địa cầu này phải mất 8 phút, chúng ta khởi lên một niệm lập tức chu biến pháp giới. Bất luận là vô tình hay cố ý, năng lượng này giống nhau không hề sai biệt.

Thứ hai “*Xuất sinh vô tận*”, nghĩa là biến hóa vô cùng. Xuất sinh vô tận ở đây, khi mới học, chúng tôi suy nghĩ hoài mà không thông được. Một hôm, đột nhiên nhớ đến lúc còn nhỏ chơi kính vạn hoa. Nhiều người tặng cho tôi kính vạn hoa, bây giờ tôi có đến hơn 20 cái. Cái này rất đơn giản, 3 miếng kiếng, trong đó chứa mấy mảnh giấy vụn, nhiều màu sắc. Quý vị xoay nó, quan trọng nhất là xoay, hình vẽ trong đây biến hóa vô cùng. Ngày nào cũng xoay, xoay một tuần liên tục cũng không tìm thấy có 2 hình vẽ giống nhau. Xuất sinh vô tận chẳng phải là hiện tượng này sao? Đúng là xuất sinh vô tận!

Cái thứ ba rất quan trọng, “*Hàm dung không-có*”, là nói về tâm lượng. Trong kinh thường có 2 câu, mọi người đều rất

quen thuộc: *“Tâm bao thái hư. Lượng châu sa giới”*, là tâm lượng vốn có của chính mình. Quý vị nghĩ xem, tâm lượng này có lớn không? Người xưa nói lượng lớn phúc lớn. Người không có tâm bao dung người khác thì thật đáng thương, họ rất cô đơn. Lượng lớn phúc lớn, có thể bao dung, bao hết hư không. Hàm hư không dung vạn hữu, không có cái gì chẳng ở trong đó.

Chúng ta phải phục hồi trở lại, buông bỏ, buông bỏ thì sẽ chẳng có chuyện gì nữa. Tất cả mọi phiền phức đều do ta không buông bỏ được. Không buông bỏ được chấp trước, không buông bỏ được phân biệt, không buông bỏ được khởi tâm động niệm, sự phiền phức đều được xuất phát từ đây. Tổng đại cương, tổng nguyên tắc tu tập trong đạo Phật không gì khác ngoài việc dạy ta buông bỏ.

Lần đầu tiên, tôi gặp Chương Gia Đại sư. Đây là lần đầu tiên tôi gặp một vị xuất gia. Khi chưa biết Phật pháp, tôi không hề đụng đến Phật giáo, chưa bao giờ đến chùa, không qua lại với người xuất gia. Được thầy Phương giới thiệu, được người giới thiệu cho tôi làm quen với Chương Gia Đại sư, năm đó tôi 26 tuổi. Khi gặp Ngài, câu đầu tiên là thưa hỏi. Tôi nói, thầy Phương dạy con, con hiểu Phật pháp rồi, nó không phải là mê tín, mà là đại học vấn. Có cách nào khiến cho con mau chóng kế nhập chăng? Tôi đã đưa ra vấn đề này để thưa hỏi. Thanh niên mà, vẫn còn một chút gì đó bông bột lắm. Chương Gia Đại sư nghe rồi không nói gì

hết. Đại sư nhìn tôi, tôi cũng nhìn Ngài. Thầy trò nhìn nhau nửa giờ đồng hồ. Tôi chờ Đại sư trả lời, chờ nửa giờ đồng hồ Ngài nói một tiếng thôi, nhưng 20 năm sau tôi mới hiểu được. Vì sao khi đó Ngài không trả lời? Tâm bằng bột. Nhất định phải chờ, chờ đến khi tâm quý vị hoàn toàn bình tĩnh, nói với quý vị mới có tác dụng.

Tôi đã gặp được một kinh nghiệm dạy học như thế. Đại sư nói một tiếng “Có”! Tinh thần của tôi phấn chấn ngay lập tức. Vừa phấn chấn, tâm lại động nữa rồi, Ngài không nói nữa. Lần này, ngưng khoảng 7-8 phút. Không lâu, khoảng 7-8 phút sau, Đại sư nói: *“Nhìn được thấu, buông bỏ được”*. Ngài nói có 6 từ, nói rất chậm, rất có lực, nói từng từ một: *Nhìn được thấu, buông bỏ được*. Sau khi kết duyên này, tôi rất có duyên với Đại sư, bảo tôi mỗi tuần đến thăm Ngài một lần.

Mỗi tuần, Ngài dành cho tôi một vài giờ đồng hồ, mỗi tuần gặp một lần. Nền tảng học Phật của tôi được xây dựng nền móng từ chỗ Ngài. Tôi theo học với Ngài 3 năm, thì Ngài vãng sinh. Tôi theo Ngài năm Ngài 65 tuổi; 68 tuổi, Ngài ra đi. Nền tảng này xây dựng rất kiên cố! Sau này, tôi mới thật sự hiểu được, từ sơ phát tâm đến khi thành Phật, dùng phương pháp nào? Chính là nhìn thấu giúp quý vị buông bỏ, buông bỏ giúp quý vị nhìn thấu. 2 thứ này hỗ trợ lẫn nhau, đến cảnh giới cuối cùng.

Nhìn thấu là gì? Là hiểu rõ, hiểu rõ chân tướng sự thật. Hiểu rõ mới buông bỏ được. Buông bỏ được thì càng hiểu rõ. Nếu không buông bỏ, đó là chướng ngại. Muốn hương thượng vươn lên, chẳng thể không buông bỏ. Buông đến khi không còn gì để buông nữa, vẫn phải buông. Ngày đầu tiên, Ngài nói với tôi, tôi vô cùng biết ơn Ngài. Ngài đã nói thẳng với tôi, không nói quanh co, không đàm huyền thuyết diệu, đơn giản như thế, ngắn gọn như thế, chờ đến khi tâm tôi hoàn toàn bình tĩnh mới nói chuyện.

Thế mới biết, phương pháp dạy học này hay quá, khiến suốt đời quý vị không thể nào quên, khiến quý vị có ấn tượng sâu sắc. Không giống như những vị Pháp sư khác, quý vị hỏi xong, họ lập tức thao thao bất tuyệt nói rất nhiều. Nói xong rồi hỏi lại, quý vị không biết gì hết, quên cả rồi. Chương Gia Đại sư là tấm gương rất tốt, thật sự giống như trong kinh nói, đi, đứng, nằm, ngồi đều ở trong định. Khi ở bên Ngài, không thấy có một câu, một chữ nào dư thừa. Ngài nói rất chậm, câu cú ngắn gọn, rất có lực, chân thiện tri thức đấy! *“Phiếm ái chúng, nhi thân nhân”*, bậc thiện tri thức như thế không dễ gặp. Nhưng nhiều người cho rằng, đó là tôn giáo, là mê tín, không chịu tiếp cận. Người học Phật nói đó là Mật Tông, lại có người nói đó là hòa thượng chính trị. Quý vị nghĩ xem, có đáng tiếc không? Đó là gì? Là người đó không có phúc báo.

Vào triều đại nhà Thanh phong Đại sư làm quốc sư, thầy của đế vương, vào năm Dân Quốc, chính phủ Quốc dân Đảng,

mời Ngài làm tư chính. Tư chính của phủ tổng thống, cho nên người ta nói Ngài là hòa thượng chính trị, không chịu tiếp cận. Sau này, Ngài vãng sinh, sau khi thiêu để lại hơn 10.000 viên xá lợi. Mọi người nhìn thấy đều ngẩn người ra, hối hận vì đã không thân cận Ngài. Đó là chứng minh, sau khi vãng sinh để lại hơn 10.000 viên xá lợi. Xá lợi lớn, lớn hơn hạt đậu xanh, có đến hơn 2.000 viên. Thật là hiếm có!

Lục hòa, kiến hòa đồng giải là cội rễ. Cội rễ quan trọng hơn hết. Hiện nay, chúng ta học kinh *Vô Lượng Thọ*, y theo kinh *Vô Lượng Thọ*, y theo Thập Huyền, hay lắm, còn hay hơn tam phúc nữa.

Tam học là giới, định, tuệ, chẳng thể không có thứ lớp tiến lên.

Lục độ là buông bỏ, Bồ tát học. Bồ thí là gì? Bồ thí dạy ta buông bỏ chấp trước, buông bỏ phân biệt, buông bỏ vọng tưởng. Bồ tát tu học những điều này. Trì giới là giữ gìn quy củ. Thập Thiện trong đạo Phật, tam quy, ngũ giới cho đến Sa Di thập giới, bắt buộc phải tuân thủ.

Ở thế gian, giới luật trong nền văn hóa truyền thống, đạo Phật gọi là giới luật, ngũ luân là giới, ngũ thường là giới, tứ duy là giới, bát đức là giới. Khởi tâm động niệm, ngôn ngữ tạo tác đều không được làm trái ngược lại, thì người này là quân tử, giác ngộ rồi là hiền nhân, là thánh nhân. Nền giáo dục ngày xưa, mục đích dạy học là gì? Mục đích dạy học là

dạy ta làm thánh, chí tại thánh hiền. Đây là tông chỉ của nền giáo dục, chứ chẳng phải dạy ta thăng quan phát tài, chẳng phải dạy ta tham đồ hưởng thụ.

Nếu quý vị là thánh hiền, sự hưởng thụ đó siêu việt hơn người thế gian. Đạo Phật có câu: *“Thế vị không đậm bằng pháp vị”*. Sự hưởng thụ của thế gian, sự vui sướng của thế gian, đem so với thánh hiền, với chư Phật, Bồ tát thì cách xa nhiều lắm, không thể nào so sánh được. Hơn nữa, sự hưởng thụ của thế gian đều có tác dụng phụ, đều để lại di chứng, thánh hiền và Phật pháp thì không có. Tuyệt đối không có di chứng, cho nên *“Học nhi thời tập chi bất diệc duyệt hồ”*. Học điều gì? Học luân lý, đạo đức, cũng có nghĩa là học ngũ luân, ngũ thường, tứ duy, bát đức. Khi quý vị thật sự học rồi sẽ thấy rất vui. Niềm vui này phát xuất từ tự tính.

Trong Phật pháp, học giới, định, huệ, học Lục Độ Ba La Mật của Bồ tát, vui không gì sánh bằng. Nếu không vui sao đức Phật Thích Ca Mâu Ni lại làm việc đại đột này! Tôi và quý vị làm bằng chứng. Tôi học Phật, sang năm là 60 năm, tôi vô cùng biết ơn thầy giáo. Vì sao? Đời này, sống thật sự hạnh phúc vui sướng. Ở nước ngoài tôi thường nói, tôi là người vui sướng nhất trên thế giới. Thông thường, người ta nói thân tôi không bị áp lực, tinh thần không bị áp lực, quý vị nghĩ xem vui biết bao. Không có việc gì bận lòng, không có việc gì phiền phức, không có việc gì vướng mắc, không có việc gì lo lắng.

Người thế gian có, tôi không có, quý vị nghĩ xem tôi, có vui không. Từ đâu mà có? Từ trong thánh giáo. Sống cuộc đời như vậy, ở thế giới này không dễ dàng đâu, cho nên cảm ơn thầy giáo! Tiết học nào tôi cũng không rời thầy. Tôi treo tấm hình của thầy ở đây. Tôi cùng quý vị chia sẻ học tập, quý vị nhìn xem thầy mỉm cười kia. Quý vị nhìn kỹ xem, thầy luôn mỉm cười.





# **TỊNH ĐỘ ĐẠI KINH GIẢI DIỄN NGHĨA**



**TẬP 64**



**Giảng ngày 21 tháng 6 năm 2010**  
**Phật Đà Giáo Dục Hiệp Hội HongKong**

***Chuyển ngữ: Tử Hà***

***Biên tập: Bình Minh***



**C**ác vị pháp sư, các vị đồng học, mời xem tiếp *Đại thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải*, trang 59, dòng thứ 2. Bắt đầu xem từ câu cuối cùng.

*“Hựu hữu văn danh đặc nhãn nguyện, tha phương Bồ tát dĩ văn danh cố, ứng thời khả hoạch nhất nhị tam nhãn, chứng bất thoái chuyển”* (Lại nguyện có ai nghe tên Ta, thì được Nhãn Nguyện, Bồ tát phương khác vì nghe tên Phật, nên tức thời đạt được 3 loại nhãn, chứng Bất thoái chuyển).

Đoạn kinh này, nói về công đức danh hiệu không thể nghĩ bàn. Nguyện nghe tên được nhãn, là một, là nguyện thứ 47 trong 48 nguyện. Nguyện văn trong kinh nói như vậy: Chư vị Bồ tát ở phương khác nghe tên, “ứng thời”, ngày nay gọi là lập tức; nghe tên lập tức đạt được 3 loại nhãn, chứng được quả vị Bất thoái chuyển. Trong nguyện văn chỉ nói đến nhất, nhị, tam nhãn, chứ không nói ra tên gọi, nhưng ở phẩm thứ 15 của bộ kinh này, là phẩm *Bồ đề Đạo Tràng*, đức Thế Tôn nói về 3 loại nhãn. Chư vị Tổ sư đời sau giảng bộ kinh này, đều có dẫn chứng về 3 loại nhãn.

Tam nhãn: Thứ nhất là Âm Hưởng Nhãn. Âm hưởng là nghe được danh hiệu. Nói về Bồ đề đạo tràng là nói đến cây giác ngộ. Công đức của cây không thể nghĩ bàn, có thể hiện tướng, hiện tướng quốc độ trong mười phương thế giới. Nếu chúng ta vắng sinh về thế giới Cực Lạc, nhớ lại thế giới Sa Bà ngày xưa, thời gian còn sinh sống trên quả địa cầu này,

chỉ cần khởi niệm, cây Giác Ngộ cũng giống như TV vậy, quý vị sẽ thấy được, thấy được quá khứ, thấy được vị lai, là thấy được sắc. Cây, gió thổi cây, đây là cây thất bảo, cho nên hoa, quả, lá, cành đều là thất bảo. Khi gió thổi vào lá cây, giống như chuông gió vậy, âm thanh đó nghe rất hay, quý vị sẽ nghe thấy âm thanh đó đang nói pháp. Trong Thập Huyền, ai học qua Thập Huyền sẽ hiểu, *“Một là tất cả, tất cả là một”*. Đức Phật A Di Đà dùng phương pháp nào giảng kinh thuyết pháp, giáo hóa chúng sinh?

Quý vị nghĩ xem, hàng ngày số người vãng sinh về thế giới Cực Lạc, không thể tính đếm được. Thế giới đó quá lớn, người niệm Phật vãng sinh trong mười phương thế giới, có bao nhiêu! Căn tính mỗi người không giống nhau, pháp môn tu học cũng không giống nhau, về thế giới Cực Lạc muốn nghe kinh gì, tất cả những âm thanh mà quý vị nghe được đều đang nói pháp. Đúng là vi diệu không thể diễn tả, tùy duyên diệu dụng, về nơi đó mới biết được.

Tứ đức trong đại kinh nói, chẳng có cái gì không phải là biểu pháp, chẳng có cái gì không chỉ bảo chúng ta, minh tâm kiến tính, đại triệt đại ngộ. Vì thế, sự trang nghiêm thù thắng ở thế giới Cực Lạc không thể nghĩ bàn. Mười phương chư Phật tán thán, điều này có thể là giả được sao? Từ điểm này, chúng ta nên nhận biết về nó. Do âm hưởng mà khai ngộ, đây là nhứt thứ nhất.

Thứ hai Nhu Thuận Nhẫn. Nhu thuận, thập đại nguyện vương của Bồ tát Phổ Hiền: *“Hằng thuận chúng sinh, tùy hỷ công đức”*. Do tâm từ bi nhu nhuyễn chất trực, tùy thuận theo Tính đức. Cái gì không phải là Tính đức? Tất cả đều là Tính đức. Phàm phu không biết, mê thất tự tính, giác ngộ rồi mới biết. Trong cảnh giới đó, bất luận là thanh tịnh hay nhiễm ô, là thiện hay ác, đều là tự tính. Rồi tự tính không có pháp nào hết. Vấn đề ở chỗ ta dùng tâm gì để nhìn? Nếu quý vị dùng thanh tịnh, bình đẳng, giác, ở đây là nói về cảnh giới Hoa Nghiêm, không có pháp nào chẳng phải cảnh giới Hoa Nghiêm. Đó là gì? Trong đại kinh chúng ta thường đọc, rất quen thuộc, gọi là cảnh tùy tâm chuyển. Trong mắt đức Phật nhìn thấy, đúng là cảnh giới Hoa Nghiêm viên mãn, viên minh cụ đức.

Trong cõi Người, lấy luân lý, đạo đức để nhìn thế giới này, nên mới nói rằng: *“Nhân chi sơ, tính bản thiện”*, nhìn từ Tính, Tướng là bất thiện, nhưng nhìn từ Tính thấy nó là thiện, không có bất thiện. Nếu đứng ở chỗ chúng sinh trong 3 đường ác, họ thấy, họ mang theo tập khí sâu dày, họ nhìn thấy là tham, sân, si, cho nên pháp không có định pháp. Từ hàng Thanh Văn trở lên đều biết tất cả pháp không có thật, mộng huyễn bào ảnh, bất khả đắc, chỉ có chân tính độc nhất tồn tại, vĩnh hằng bất biến. Nói cách khác, bất luận ở pháp nào đều có thể thấy tính, kiến tính thành Phật.

Tâm quý vị là tâm gì? Tâm thanh tịnh bình, đẳng, giác, điều này rất quan trọng. Học kinh *Vô Lượng Thọ*, tu tập

chính là tu thanh tịnh, bình đẳng, giác, quả vị chứng được là Đại thừa vô lượng thọ trang nghiêm. Đại thừa vô lượng thọ trang nghiêm đây, là điều trong kinh *Hoa Nghiêm*, đức Thế Tôn nói, tất cả chúng sinh đều có đức tướng, trí tuệ của Như Lai. Đại thừa là trí tuệ. Vô lượng thọ là đức. Trang nghiêm là tướng. Tự tính vốn sẵn có. Thông thường đứng về mặt nhân quả mà nói, nhân là thanh tịnh, bình đẳng, giác, quả là Đại thừa vô lượng thọ trang nghiêm. Hiểu được chân tướng sự thật và đạo lý này rồi, trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày chúng ta sẽ biết phải dụng công cách nào, làm thế nào mới thành tựu chính mình, tất cả đều hiểu rõ.

Xa rời tất cả nhiễm ô sẽ được tâm thanh tịnh. Điều này rất quan trọng, phải triệt để buông bỏ sự nhiễm ô. Chúng tôi thường nói, nói mấy chục năm rồi, buông bỏ tự tư, tự lợi, nói mấy chục năm rồi, có được mấy người thật sự buông bỏ? Buông bỏ danh văn, lợi dưỡng, nó không có thật! Những thứ này đều là phiền não, đều là chướng đạo, chẳng những chướng ngại sự chứng quả của quý vị, mà còn chướng ngại sự khai ngộ của quý vị nữa. Có những thứ này thì không thể khai ngộ, cửa ngộ bị đè bẹp rồi. Sự hưởng thụ ngũ dục, lục trần đều phải buông bỏ hết.

Khi đức Thế Tôn còn tại thế, Ngài biểu diễn cho chúng ta xem, tùy duyên, đi khát thực, người ta cúng cái gì Ngài ăn cái đó, vô cùng hoan hỷ, không phân biệt, không chấp trước. Bất luận cúng thứ gì, nói cho quý vị biết, vào miệng đức Phật

đều trở thành thức ăn do chư thiên cúng dường, quý vị có tin không? Quý vị không tin! Đúng! Đó không phải là cảnh giới của quý vị. Chúng ta không có năng lực chuyển cảnh giới, nếu cảnh tùy tâm chuyển, đó chẳng phải là đều là thức ăn do chư thiên cúng dường sao? Dở thế nào, khó ăn cách mấy, thậm chí mốc meo, thúi rửa, đến miệng đều trở thành thức ăn ngon. Ngài chuyển. Ngài có cách chuyển.

Chúng ta không chuyển được, chúng ta là tâm tùy cảnh chuyển, khổ quá! Chư Phật, Bồ tát là cảnh tùy tâm chuyển, sao giống nhau được? Cảnh tùy tâm chuyển là chân, tâm tùy cảnh chuyển là giả, phải hiểu đạo lý này. Vì sao? Bất luận vật chất nào cũng đều do tự tính biến ra.

Tự tính, người xưa gọi là tính thiện. Thiện ở đây không phải thiện đối với ác, mà là từ tán thán, đẹp vô cùng, viên mãn cực kỳ. Dùng ngôn ngữ nào cũng không thể tán thán hết được, bất đắc dĩ phải dùng chữ thiện, nó quá viên mãn, không hề khiếm khuyết một điều gì. Do đó, tất cả vật chất nó biến hiện ra, đều là toàn thiện toàn mỹ. Vì sao không nhận ra? Tâm chúng ta bất thiện, làm hư mất hình dáng của nó.

Những thứ này, ngày nay có không? Có! Ở ngay thân chúng ta. Ta mê, mê nên nó bị biến chất, trí tuệ biến thành phiền não. Trong kinh thường nói: *"Phiền não tức Bồ đề"*. Bồ đề là trí tuệ. Phiền não và Bồ đề là một. Giác ngộ rồi gọi là

trí tuệ, mê thì gọi là phiền não, biến chất mà. Giác ngộ rồi, phiền não hoàn toàn là Bồ đề, hoàn toàn là Đại thừa.

Tính đức: Giác ngộ là Tính đức, khi mê, khi mê chắc chắn làm ác, ngày nay gọi là tạo nghiệp. Khi mê là tạo nghiệp.

Tướng hảo: Y chính trang nghiêm ở thế giới Cực Lạc là tướng hảo. Khi mê biến thành lục đạo luân hồi.

Tự tính bất sinh bất diệt. Ngày nay, chúng ta hiện tượng này có sinh diệt chẳng? Tướng có sinh diệt, vì tướng là giả. Tính bất sinh bất diệt. Tính của một vi trần bất sinh bất diệt. Tính của một lỗ chân lông bất sinh bất diệt. Nghĩ xem thân này của ta có sinh diệt chẳng? Không có, đây là nói thật.

Chư Phật Như Lai giảng kinh y theo Nhị Đế mà nói pháp. Giảng kinh cũng có nguyên tắc, y vào đâu? Y vào Nhị Đế. Thứ nhất y vào Chân Đế, đây là cảnh giới của các Ngài. Tất cả đều là chân, quý vị không hiểu đâu. Nói với quý vị giả, y vào quý vị, cảnh giới của quý vị là gì, y vào quý vị mà nói, quý vị sẽ hiểu hết, gọi là Tục Đế. Chân tục nhị đế, Tục Đế đi vòng, dẫn quý vị vào cửa, đến một trình độ nhất định nào đó mới nói Chân Đế cho quý vị nghe.

Trong Tiểu thừa nhiều Tục Đế, ít Chân Đế.

Trong Đại thừa, Tông Hoa Nghiêm nói về Ngũ Giáo: Tiểu, Thỉ, Chung, Đốn, Viên. Tiểu giáo là Tiểu thừa. Thỉ giáo là bắt đầu của Đại thừa, vẫn là nhiều Tục Đế, ít Chân Đế. Chung giáo, nghĩa là Đại thừa gần đến chỗ viên mãn, hầu như mỗi

thứ một nửa. Đốn giáo thuần túy là Chân Đế. Trong Viên giáo có đầy đủ Chân Đế và Tục Đế, nhiều Chân Đế, ít Tục Đế.

Những phương pháp, phương thức, kỹ xảo để nói pháp này, đức Thế Tôn đã làm bậc mô phạm mẫu mực cho chúng ta. Những người phát tâm hoằng pháp lợi sinh phải lưu ý điểm này.

Ngày xưa thầy Lý, Lý Bình Nam lão cư sĩ rất từ bi. Những kinh nghiệm của bản thân thầy, tuy là người tại gia, những lão cư sĩ có thầy truyền thừa. Thời xưa, bất luận đạo Nho hay đạo Phật, đều chú trọng việc truyền thừa. Lão cư sĩ viết một cuốn sách có tên là *Nghiên Cứu Giảng Giải Nội Điển*. Cuốn sách này viết gì? Giống như phương pháp giảng dạy trong trường đại học sư phạm vậy, cho nên giảng kinh thuyết pháp chẳng thể không hiểu quy củ. Không hiểu quy củ, giảng có hay, lên bục giảng người trong nghề nhìn là biết ngay người này không học qua phương pháp giảng dạy. Quý vị hiểu quy củ, lên bục giảng, người ta biết ngay người này xuất thân từ lớp chính quy, có thầy truyền thừa. Vì thế, việc truyền thừa vô cùng quan trọng.

Mấy năm trước, tôi mở lớp bồi huấn ngắn ngày ở Singapore, một học kỳ là 3 tháng. Học trò học cách giảng một bộ kinh nhỏ, bắt buộc phải học môn học này. Tôi nói tỉ mỉ 2 lần, Pháp sư Ngô Văn nghe máy ghi âm chép ra, viết thành một cuốn giảng ký, cung cấp cho những người sơ học

làm tài liệu. Do đó, học giảng kinh, ngoài việc vun trồng 3-4 cội rễ ra, đây cũng là cội rễ, bắt buộc phải nghiêm chỉnh học tập. Ở đây nói tùy thuận Tính đức chính là Nhu Thuận Nhẫn.

Thứ ba, Vô Sinh Pháp Nhẫn. Nói đến Vô Sinh Pháp Nhẫn, chính là vạch ra một mục tiêu cho chúng ta. Quả vị Như Lai chứng được Vô Sinh Pháp Nhẫn. Nhẫn cũng có nghĩa là Tam Muội, là thiền định, còn có nghĩa là nhận khả, đồng ý. Trong đây hàm chứa rất nhiều ý nghĩa. Đối với tất cả pháp, đức Phật nói là bất sinh bất diệt, chúng ta nghe rồi chấp nhận, khẳng định, thừa nhận, không nghi ngờ. Đây gọi là Vô Sinh Pháp Nhẫn.

Chúng ta nghe đức Phật nói như vậy có khẳng định được chăng? Cảm thấy khác với những hiện tượng mà chúng ta hiểu được. Ta thấy động vật có sinh, lão, bệnh, tử; thực vật có sinh, trụ, di, diệt; sơn hà đại địa có thành, trụ, hoại, không, sao lại nói là bất sinh bất diệt? Đến khi nào ta mới thấy được bất sinh bất diệt? Lượng tử lực học thấy được bất sinh bất diệt. Tất cả pháp vốn không sinh, thì lấy đâu ra diệt! Thấy bất sinh bất diệt là thấy điều gì? Thấy chân tướng của tất cả pháp, chứ chẳng phải thấy giả tướng, mà thấy chân tướng bất sinh bất diệt. Chúng ta dùng ví dụ, các nhà lượng tử lực học dùng ví dụ, giống như những điều tôi nói vậy. Dùng thước phim điện ảnh. Ở đây, chúng tôi có đạo cụ. Đây là thước phim. Quý vị thấy từng khung, từng khung. Mỗi khung là một tấm đèn huyễn, đặt trong máy chiếu. Chiếu lên màn hình là một

tấm, đều là tĩnh chỉ, không thấy nó động, nó bất động. Tốc độ trong máy chiếu nhanh, nhanh đến mức nào? Một giây có 24 tấm. Mở ống kính ra, tấm phim này chiếu lên màn hình, lập tức đóng lại, mở tấm thứ 2, một giây có 24 tấm. Chúng ta thấy trên màn hình rất sống động, giống như thật vậy. Kỳ thật mỗi tấm đều là đèn huyễn trong trạng thái tĩnh, đều là một tấm hình tĩnh chỉ, bất động, lấy đâu ra sinh diệt?

Môi trường hiện thực này, môi trường sinh hoạt này, giống như đạo lý trong phim vậy, thước phim điện ảnh, tấm đèn huyễn, hiển thị trên màn hình mỗi giây có 24 tấm. Bồ tát Di Lặc nói, thời gian một giây dài như thế, trong môi trường hiện thực này, bao nhiêu lần sinh diệt? Ngài nói, một khảy móng tay có ba trăm hai mươi triệu niệm.

Chúng ta khảy, khảy như tôi đây vẫn chưa gọi là nhanh, tôi nghĩ còn có người nhanh hơn tôi nữa, một giây khảy được 5 lần. 5 lần có bao nhiêu sinh diệt? Một ngàn sáu trăm triệu, đơn vị ở đây là triệu, một ngàn sáu trăm triệu sinh diệt. Giống như thật vậy, không nhìn thấy giả. Trên thực tế, một giây có một ngàn sáu trăm triệu. Vì sao gọi là bất sinh bất diệt? Tốc độ sinh diệt này quá nhanh, không cách nào cảm nhận được. Tốc độ của nó quá nhanh, cũng có thể nói là sinh diệt đồng thời, niệm trước diệt, niệm sau sinh. Tốc độ quá nhanh, sinh diệt đồng thời, không thấy có sinh diệt. Đức Phật nói bất sinh bất diệt. Quý vị nghĩ thử xem, bất sinh bất diệt có nghĩa là gì? Bất sinh bất diệt vốn không tồn tại!

Vì thế, trong kinh, đức Phật dạy: *“Phàm sở hữu tướng, giai thị hư vọng”, “Nhất thiết hữu vi pháp, như mộng huyễn bào ảnh”*. Đây là nói về chân tướng, nói về chân chứ không nói về giả. Trong tất cả mọi hiện tượng, làm thế nào để nhận chân? Tất cả những hiện tượng này là gì? Tất cả mọi hiện tượng thuần túy là Tính đức, pháp nhĩ như thị.

Dùng cách nói ngày nay, gọi đó là hiện tượng tự nhiên của tự tính, nó vốn là như vậy. Trong kinh nói về khoa học, khoa học cứu cánh viên mãn, khoa học đòi hỏi bằng chứng, đưa bằng chứng đây. Kinh Phật có bằng chứng, dùng cái gì? Dùng thiền định. Công phu thiền định nông sâu khác biệt rất nhiều. Đức Phật dạy rằng tự tính bản định. Vì sao? Bởi tự tính vốn không dao động, chính là tự tính bản định. Đại sư Huệ Năng nói: *“Đâu ngờ tự tính vốn không dao động”*, đó chính là tự tính bản định. *Thủ Lăng Nghiêm Đại Định* là tự tính bản định. Kinh *Hoa Nghiêm* nói *Sư Tử Phấn Tấn Tam Muội*, chính là tự tính bản định. Tâm của ta vốn là định, nhưng hiện nay trong tâm có vọng niệm, vọng tưởng, đó là gì? Trí tuệ trong tự tính, vì mê nên biến thành phiền não. Buông bỏ được những phiền não này lại trở thành Bồ đề, trở thành trí tuệ, quý vị phải nghĩ ra phương pháp chuyển đổi trở lại.

Những chân tướng sự thật này cho chúng ta biết, nguyên tắc là phải buông bỏ chấp trước. Đừng chấp trước nữa, sẽ thành Chính Giác. Buông bỏ chấp trước, chứng quả A La

Hán. A La Hán đoạn được phiền não kiến tư hoặc, cũng có nghĩa là buông bỏ.

Phiền não kiến tư hoặc là gì? Phiền não kiến hoặc là thấy sai lầm. Phiền não tư hoặc là suy nghĩ sai lầm. Phải làm thế nào mới không sai? Không nhìn nó, không suy nghĩ về nó, thì sẽ không sai, không có vấn đề gì, đó là chính xác. Phiền não kiến tư hoặc là chấp trước kiên cố. Cái này vô cùng phiền phức, giác ngộ mới buông bỏ. Chúng ta phải học cách nào? Đại thừa có phương tiện, khiến chúng ta khởi tâm động niệm không nghĩ đến mình, buông bỏ được ngã chấp, buông bỏ được ngã kiến, không có ta. Trong Đại thừa thật sự có phương tiện. Đại thừa dạy thế nào là ta? Biến pháp giới hư không giới là ta, đây là sự thật, không giả dối đâu. Tự tính là ta, muôn pháp do tự tính biến hiện ra là ta. Tính, Tướng không hai. Tính, Tướng nhất như. Tâm lượng này rộng lớn vô cùng!

Đức Phật dạy ta phải tùy duyên, không nên có thành kiến, đối lập. Có đối lập là sai lầm, không thể ra khỏi luân hồi lục đạo. Trong tự tính không có đối lập. Trong tự tính không có ngã kiến, thân kiến. Điều này cần nên biết. Trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày phải tôi luyện, từ từ buông bỏ thành kiến, buông bỏ đối lập, buông bỏ ngã chấp, gọi đó là chân công phu, chân tu tập. Học cách hằng thuận chúng sinh, tùy hỷ công đức.

Đầu tiên, tâm thanh tịnh hiện tiền, là công phu tu học thật sự đã thành tựu. Tâm thanh tịnh, không còn bị ô nhiễm nữa. Ngày nay, vật chất bị nhiễm ô. Về sinh lý, thì vật chất bị ô nhiễm. Về tâm lý, thì tinh thần bị ô nhiễm. 2 loại ô nhiễm này, đều phải buông bỏ hết, sạch hết, thì thân tâm thanh tịnh. Cảnh giới như vậy, niệm Phật vắng sinh về thế giới Cực Lạc. Sinh về đâu? Sinh về Phương Tiện Hữu Dư Độ. Người này không ở Phàm Thánh Đồng Cư Độ, mà ở Phương Tiện Hữu Dư Độ.

Ở thế giới Sa Bà này, kinh *Hoa Nghiêm* nói cảnh giới tu tập đó là trình độ nào? Lớp Một, tiểu học lớp Một, là Bồ tát Sơ Tín vị trong Thập Tín. Ngạn ngữ có câu: “*Vạn sự khởi đầu nan*”. Cửa ải đầu tiên không dễ dàng đột phá, đột phá được cửa ải đầu tiên rồi, những cửa ải sau sẽ dễ dàng. Vào tiểu học lớp Một rồi, lớp Hai, lớp Ba sau này sẽ dễ dàng. Cửa ải đầu tiên rất khó vượt qua.

Cửa ải đầu tiên phải đoạn 5 loại kiến hoặc. Thứ nhất là thân kiến, không còn chấp trước thân này là ta. Biết thân này không phải ta, nên nhớ, thân này không phải ta, phải phá thân kiến. Phải coi thân này là gì? Thân này là cái ta có, giống như quần áo vậy. Quần áo là cái ta có, chứ không phải ta. Thân này không phải là ta, mà là cái ta có. Ta là gì? Thông thường, người ta ngộ nhận, linh hồn là ta, thân này có sinh tử, linh hồn bất tử, linh hồn đầu thai trong lục đạo. Đạo Phật gọi là thần thức, chứ không gọi là linh hồn. Đạo Phật gọi là

thần thức, bởi nó vẫn là mê lầm. Cao hơn chấp trước thân này, vẫn chưa đúng. Đó là gì? Là bản thân mình mê hoặc điên đảo, chẳng thể nói không phải mình, là trạng thái mê hoặc điên đảo, phải giúp nó giác ngộ. Giác ngộ rồi gọi là linh tính. Linh tính mới là ta. Linh hồn không phải là ta. Giác ngộ, giác ngộ rồi gọi là linh tính. Linh tính tự nhiên thoát khỏi luân hồi lục đạo. Linh hồn không ra khỏi lục đạo, nó mê mà, vẫn chấp trước. Linh tính là gì? Linh tính và linh hồn là một, không còn chấp trước. Không chấp trước cái đó là ta, siêu việt lục đạo luân hồi. Vì thế, không được chấp trước, bởi chấp trước là việc không hay tí nào.

Trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày, mở rộng tâm lượng ra, không nên chấp trước, không nên đối lập, không nên có thành kiến. Tôi nghĩ thế này thế nọ, đem sự suy nghĩ của mình gán cho người khác, đều là sai lầm. Chư Phật, Bồ tát không như vậy. Các Ngài tùy duyên, quý vị làm thế nào đức Phật cũng gật đầu, không có ý kiến. Đức Phật thấy quý vị làm sai, Ngài cũng không có ý kiến; thấy quý vị đọa địa ngục, Ngài cũng không có ý kiến gì. Vì sao? Bởi Ngài biết quý vị chịu hết tội địa ngục rồi, sẽ thoát ra, Ngài chờ quý vị. Ngài không có ý kiến gì hết. Tuyệt vời quá!

Lục đạo phàm phu là vũ đài lớn, chúng ta biểu diễn trong đó, chư Phật, Bồ tát đứng bên cạnh xem. Ta biểu diễn có nhiễm có tịnh, có thiện có ác, có những quả báo bất đồng. Các Ngài đứng bên cạnh xem, thấy rất rõ ràng, không hề động

tâm, không khởi tâm động niệm, dĩ nhiên không phân biệt, chấp trước. Tuyệt vời là ở chỗ này. Đó là gì? Là tùy duyên diệu dụng. Chúng ta thì không được như vậy, vừa thấy là muốn can thiệp ngay. Can thiệp là thế nào? Là vào trong vũ đài biểu diễn với họ, cho nên thật sự tu tập là qua sự việc để luyện tâm. Không vào cảnh giới này, thì luyện tâm ở đâu? Trong cảnh giới này luyện cái gì? Luyện tâm bất động, luyện không phân biệt, không chấp trước, rất khó.

Pháp môn Tịnh Độ có phương tiện đặc biệt, nghĩa là vừa khởi tâm động niệm, phân biệt, chấp trước, lập tức nghĩ đến đức Phật A Di Đà, không được có ý niệm thứ hai. Ý niệm vừa khởi là quay về đức Phật A Di Đà. Dùng một câu A Di Đà Phật, thay thế cho tất cả vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Công đức danh hiệu này không thể nghĩ bàn. Danh hiệu có nghĩa là gì? Là Vô lượng giác.

Một câu A Di Đà Phật là Vô lượng giác. A Di Đà Phật chính là Vô lượng giác. Vô lượng giác chính là A Di Đà Phật. Niệm Phật A Di Đà chính là niệm Vô lượng giác, cho nên niệm Phật sẽ khai ngộ! Được Vô sinh pháp nhẫn chính là khai ngộ, đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tính, ngang hàng với công phu thiền định, không có cao thấp.

Chúng bất thoát chuyển, chỉ cần thành tựu Vô sinh nhẫn là chúng được Tam bất thoái: Vị bất thoái, Hành bất thoái, Niệm bất thoái. Trong kinh *Hoa Nghiêm*, địa vị này

từ Sơ Trụ trở lên, Viên Giáo là Sơ Trụ trở lên, Biệt Giáo là Sơ Địa trở lên. Chẳng những siêu việt lục đạo, mà siêu việt mười pháp giới. Siêu việt mười pháp giới, người này về đâu? Về Nhất chân pháp giới, về Thật Báo Trang Nghiêm Độ của đức Phật A Di Đà. Quý vị niệm Phật nhất định phải ghi nhớ, tình chấp càng sâu, càng nhiều phiền phức đối với mình. Khi lâm mạng chung có được vãng sinh hay không là một vấn đề lớn. Tình chấp nặng không nắm chắc phần vãng sinh, cho nên tất cả cứ mặc nó, để nó đi! Để trong tâm những việc này làm gì?

Sáng nay, có một người đến thăm tôi. Tôi nghĩ chắc có người lường gạt ông ấy. Gạt ông ấy một số tiền, ông ấy nhất định muốn tìm lại, đến hỏi tôi. Tôi không biết sự việc này, tiền là vật ngoài thân, mất rồi thì thôi! Ông dùng cũng tốt, người đó dùng cũng hay! Đâu cần phải tính toán như vậy? Quan sát chỗ này, sẽ biết được người đó có thật sự học Phật hay không, mất nhiều hơn nữa cũng coi như không có chuyện gì. Vì sao? Khi sinh ra không mang tới, chết rồi chẳng mang theo. Vì sao không nghĩ đến đức Phật A Di Đà, nghĩ đến những thứ này làm gì? Sai lầm rồi! Người thật sự học Phật, không có việc gì chẳng tự tại, thời thời khắc khắc pháp hỷ sung mãn, thật sự được lợi ích. Quý vị nên biết Chứng bất thoái chuyển là cảnh giới như vậy.

*“Khả chứng Di Đà danh hiệu, diệu đức nan tư”* (Chứng được danh hiệu Di Đà, là diệu đức khó thể nghĩ bàn). Then

chốt của câu này nằm ở chữ diệu. *Hoàn Nguyên Quán* nói “*Tùy duyên diệu dụng*”, ý nghĩa của 2 chữ “diệu” này giống nhau. “*Tùy duyên diệu dụng*” chính là “*Diệu đức nan tư*”.

“*Như đông mật a tự quán vân. Tự a tự xuất nhất thiết đà la ni, tự nhất thiết đà la ni sinh nhất thiết Phật*” (Như *Đông Mật A Tự Quán* ghi: Từ chữ A xuất sinh hết thấy Đà la ni. Từ hết thấy Đà la ni xuất sinh hết thấy Phật). Đông Mật là Mật Tông của Nhật Bản, họ tu quán chữ “A”.

Chữ A trong văn tự ngày nay là âm mẫu, âm đầu tiên trong mẫu âm. Trên thế giới này, bất đồng văn tự rất nhiều, nhưng mẫu âm đầu tiên phát ra đều là chữ A. Thật sự, vừa mở miệng ra là phát ra âm A. Tất cả ngôn ngữ, đều từ âm A này biến hóa ra, cho nên nó là mẫu âm đầu tiên, âm nguyên thủy đầu tiên, có thể hiện ra tất cả Đà la ni. Đà la ni là tiếng Ấn Độ, dịch sang tiếng Hán là Chú, Chú ngữ.

“*Tự nhất thiết đà la ni sinh nhất thiết Phật*”, trong Mật Tông, tu tập chú trọng ở chỗ Tam mật tương ưng. Chú có nghĩa gì không? Có chú có, có chú không. Chú có ý nghĩa ít, chú không có ý nghĩa nhiều. Vì sao? Bởi có ý nghĩa, quý vị sẽ suy nghĩ lung tung. Không có ý nghĩa, quý vị sẽ chẳng suy nghĩ được. Cái này hay! Trong kinh Phật rất nhiều chú, chẳng những chúng ta không hiểu, mà người Ấn Độ cũng không hiểu được; chẳng những người Ấn Độ không hiểu mà quỷ thần cũng không hiểu được.

Chư Phật, Bồ tát dùng phương pháp này để dạy ta điều gì? Dạy ta buông bỏ vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Có phương pháp này, quý vị chỉ niệm thôi, không có ý nghĩa gì hết, chẳng có gì để suy nghĩ, cứ theo đó mà niệm. Niệm lâu ngày, tâm sẽ định, cho nên đọc chú là dạy ta được định, cũng có ý nghĩa, có ý nghĩa là dạy ta quán tưởng. Tam mật, nghĩa là miệng trì chú, tay kiết ấn, tâm quán tưởng, gọi là Tam mật tương ưng.

Không tương đồng là để tiếp dẫn những căn tính không tương đồng. Chư Phật, Bồ tát có năng lực, các Ngài có thể quán căn cơ chúng sinh. Người này thích hợp dùng phương pháp nào, Ngài sẽ dùng phương pháp đó. Thời gian rất ngắn là người này thành tựu. Đây là lợi ích thù thắng nhất khi gặp Phật. Đức Phật thấy đời nay qua đời khác ta làm những việc gì, tu tập pháp môn nào, Ngài biết rõ hết, cho nên phương pháp Ngài dạy rất khéo. Vì sao? Bởi trong đời quá khứ, ta đã từng học qua, tiếp tục tu dễ dàng thành tựu. Đạo lý là như vậy.

Chư vị Tổ sư dạy chúng ta, đọc tụng, nghe kinh, đều không cho dùng tâm phân biệt, chấp trước. Dạy ta nghe kinh là tướng nói năng, không nên phân biệt, chấp trước lời nói. Là tướng danh tự, là những danh từ thuật ngữ trong kinh, không nên chất chứa trong lòng. Là tướng tâm duyên, là không nên suy nghĩ câu nói này có nghĩa là gì, cứ thế mà nghe. Dùng cái gì? Dùng trực giác. Dùng trực giác mới dễ dàng đạt được tâm thanh tịnh, nghĩa là trong tâm không

có ý niệm gì hết, tập trung tinh thần vào việc nghe kinh, đọc kinh cũng như vậy. Toàn bộ tinh thần tập trung vào việc đọc kinh, không chấp trước tướng văn tự, không chấp trước tướng danh tự, cũng không cần suy nghĩ văn tự này có nghĩa là gì, không cần suy nghĩ. Đó là gì? Là tu giới, định, tuệ, tôi đã nói qua nhiều lần rồi.

Một lúc có đủ tam học giới, định, tuệ. Khi nghe giảng dùng phương pháp này, nghe giảng 2 giờ đồng hồ, thì 2 giờ đồng hồ đó tu giới, định, tuệ. Đọc kinh 2 giờ đồng hồ, cũng đang tu giới, định, tuệ. Trong tâm không khởi lên một vọng niệm nào hết, lâu ngày chày tháng hoát nhiên đại ngộ, sẽ thấy tính.

Trong truyện ký, ta thấy người xưa tu tập, 3 năm, 5 năm khai ngộ, 8 năm, 10 năm khai ngộ. Thời gian không giống nhau, đến cuối cùng đều khai ngộ. Chúng ta biết thời gian không giống nhau, bởi tập khí phiền não dày mỏng không đồng. Người phiền não nhẹ, dễ dàng khai ngộ. Người phiền não nặng, thời gian dài hơn một chút. Chúng ta chỉ cần nắm vững không buông, cứ như thế mà dụng công, chẳng có người nào không khai ngộ. Ngộ rồi khởi tu, là trải qua sự việc để luyện tâm. Xem trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày, khi đối nhân xử thế có khởi tâm phân biệt, chấp trước hay không? Luyện công phu như thế, có đại từ đại bi giống như chư Phật, Bồ tát chăng? Thật sự buông bỏ, thì tâm vô duyên đại từ, đồng thể đại bi lưu xuất ra.

Sau khi lưu xuất ra, sẽ có phương tiện tiếp dẫn chúng sinh. Nhân duyên chúng sinh được độ không giống nhau. Khi nào họ thành thực, quý vị nhìn thấy một cách rõ ràng. Đã thành thực, chắc chắn quý vị giúp cho họ khai ngộ, đại triệt đại ngộ. Chưa thành thực, quý vị giúp họ tiến lên, từng bước từng bước tiến lên. Người không có thiện căn, giúp họ trồng thiện căn. Đây gọi là giáo hóa chúng sinh Tam căn phổ độ. Không riêng Tịnh Tông Tam căn phổ độ, Tông môn, Giáo môn cũng không ngoại lệ. Chẳng có pháp nào không tương ưng với Thập Huyền Môn, cho nên mới nói viên minh cụ đức. Trong tất cả pháp, pháp nào cũng viên minh cụ đức. Đây là nói về một chữ, một chữ cũng là viên minh cụ đức. *“Nhất tự chi trung chủ bạn công đức vô lượng vô biên, thị tức viên minh cụ đức chi huyền ý”*.

*“Hựu bỉ quốc độ, sắc thanh hương vị xúc, nhất nhất viên minh cụ đức. Cố kiến quang kiến thụ văn thanh khứu hương, mặc bất tăng ích thiện căn”*. (Lại quốc độ kia, sắc, thanh, hương, vị, xúc, hết thấy đều đầy đủ sáng suốt, cho nên thấy cây, nghe tiếng, ngửi hương không gì không tăng ích thiện căn). Tăng ích thiện căn, nghĩa là tăng trưởng thiện căn, chỉ cho thế giới Tây Phương Cực Lạc.

Chư vị Tổ sư của Tông môn, hỏi chúng ta, “Ông biết không?”. Sự nhắc nhở này vô cùng quan trọng. Vì sao? Nếu quý vị biết, sẽ giống chỗ này, không khác gì thế giới Cực Lạc. Vấn đề ở chỗ quý vị có biết hay không. Nếu biết, ở đoạn này

nói thấy quang, thấy cây, nghe thanh, ngửi hương, đều là tăng trưởng thiện căn của quý vị.

Thiện căn là gì? Thông thường, nói rằng năng tín, năng giải là thiện căn. Sau năng tín, năng giải là năng ngộ.

Xã hội ngày xưa chưa có khoa học kỹ thuật, chưa có những phương tiện truyền thông, chưa có phương tiện giao thông dễ dàng như ngày nay. Giữa con người và con người, có nhiều người đến chết cũng không qua lại với nhau. Sống trong thôn này, cả đời cũng không qua thôn bên kia, cho nên xã hội an định, tâm định. Xã hội ngày nay loạn. Tâm định tu tập dễ dàng, bất luận là Thích, Đạo, Nho đều có cao nhân. Vì sao? Bởi họ bị ô nhiễm không nhiều, rất ít nhiễm ô, tâm địa chân thành, tiếp cận thuần tịnh thuần thiện.

Bậc đế vương thời xưa đều là thánh nhân. Người Trung Quốc tôn xưng hoàng đế là thánh vương, mệnh lệnh của hoàng đế gọi là thánh chỉ. Những đế vương chân chính của Trung Quốc, được người dân quý mến. Vì sao? Bởi họ có đức hạnh, họ đã tiếp nhận nền giáo dục hay. Tổ tông tích đức, bản thân có sự tu dưỡng tốt, mới đạt được địa vị này, cho nên họ lo cho nhân dân vô cùng chu đáo, nhiệm vụ của đế vương có 3 từ: quân, thân, sư, nghĩa là 3 nhiệm vụ của đế vương.

Quân là người lãnh đạo. Dẫn dắt nhân dân bá tính đi đến đâu, quân dẫn đầu! Quân dẫn đầu, chắc chắn là “hiếu, để,

trung, tín, lễ, nghĩa, liêm, sỉ, nhân, ái, hòa, bình”. Bản thân đức vua thực hành, người dân khâm phục, ủng hộ, theo đức vua, nghe lời đức vua.

Nhiệm vụ thứ hai là thân, là cha mẹ của muôn dân, phải nuôi dưỡng họ. Nói cách khác, chăm lo đời sống vật chất cho họ.

Nhiệm vụ thứ ba là thầy giáo, phải dạy họ nên người. Nhiệm vụ của bậc đế vương thời xưa có 3 từ, dẫn dắt họ, chăm lo đời sống cho họ, và phải dạy dỗ họ nữa. Vì thế, vị quân chủ này, thật sự khiến người dân kính phục, quý mến.

Mười mấy năm về trước, khi tôi mới đến Singapore, Pháp sư Diễm Bồi di dân qua bên đó lâu rồi. Nghe nói tôi đến Singapore, tôi không báo với thầy ấy, nhưng thầy biết. Thầy đến sân bay đón tôi, tôi vô cùng cảm động. Thầy cũng là vị Pháp sư giảng kinh, chúng tôi là bạn. Một hôm thầy mời tôi ăn cơm, hỏi tôi một vấn đề. Thầy nói: Pháp sư Tịnh Không, thầy tán thành quân chủ hay tán thành dân chủ? Tôi nói, tôi tán thành quân chủ chứ không tán thành dân chủ. Thầy hỏi vì sao? Quân chủ có trách nhiệm, dân chủ không có trách nhiệm. Vì sao? Thời quân chủ, ngày nhậm chức hôm đó, mệnh lệnh đầu tiên là lập thái tử, vun bồi người kế thừa, họ có trách nhiệm, thật sự vun bồi.

Dân chủ không có, ở nước ngoài 4 năm một nhiệm kỳ. Sau 4 năm chẳng biết có tiếp tục trúng tuyển hay không,

cho nên những điều họ nghĩ cho dân, đều là quá trình ngắn, chứ không dài. Nếu gặp người bất thiện, tuyển cử hao tổn nhiều tiền tài như thế, trong 4 năm này nhất định phải lấy lại, còn phải kiếm thêm một mớ tiền nữa, họ xem như là một việc buôn bán vậy, người dân khổ biết bao. Họ chỉ lo lợi ích cho riêng mình, chứ không nghĩ đến lợi ích của nhân dân. Quân chủ không như vậy, nếu quân chủ không nghĩ đến lợi ích cho nhân dân, thì sẽ bị nhân dân lật đổ. Đế vương đời cuối cùng đã phạm phải sai lầm này, bỏ qua lợi ích của nhân dân, cho nên nhân dân khởi nghĩa lật đổ họ, họ bị mất nước. Muốn đời đời kiếp kiếp truyền thừa, thì nhất định phải làm tốt.

Thầy giáo của tôi, thầy Phương Đông Mỹ nói với tôi, khi đó tôi còn rất trẻ, thầy bảo tôi đọc cuốn *Chu Lễ*. Tôi thích đọc sách cổ, nhưng chưa đọc qua cuốn *Chu Lễ*. Thầy Phương nói rất nhiều lần, nhưng tôi vẫn chưa đọc cuốn sách này. Thầy nói cuốn sách này rất hay, hiến pháp nhà Chu. Do ai viết? Do Chu Công viết. Chu Công là em của Chu Vũ Vương, đại pháp trị nước! Thầy Phương giới thiệu với tôi như vậy.

Thầy nói cho đến ngày nay, có thể nói đây là cuốn hiến pháp đầy đủ nhất trên thế giới. Tôi chưa từng đọc, đến nay vẫn chưa từng đọc, tôi không có hứng thú với vấn đề chính trị. Thầy Phương nói, nếu triều đại nhà Chu, con cháu nhà Chu, đều y giáo phụng hành, thì Trung Quốc hiện nay có lẽ vẫn là triều đại nhà Chu. Triều đại nhà Chu truyền thừa

800 năm, con cháu đời sau không tôn trọng sự dạy dỗ của tổ tông nên mất nước.

Trong Tam lễ, tôi chỉ xem qua mấy thiên trong *Lễ Ký*, cũng không xem hết toàn bộ. Sau này học Phật rồi, thấy Phật pháp hay, chính thầy Phương nói, học Phật là sự hưởng thụ tối cao của con người. Con người muốn đạt được sự hưởng thụ tối cao, phương pháp của tôi là không quản lý 3 việc: Không quản lý người, không quản lý việc, không quản lý tiền, vui biết bao! Có quản lý là có phiền phức. Ngạn ngữ của đạo Phật có câu, nói về người xuất gia, quý vị muốn hại người kia, thì hãy mời họ làm trụ trì, làm tri sự. Không phải có ý tốt đâu, hại họ đấy! Người này quản lý công việc, phiền phức đầy mình. Nói cách khác, họ đang tạo nghiệp đấy. Tương lai quả báo ở đâu? Ở tam đồ, là sự thật, không phải giả đâu.

Ai làm tri sự, làm trụ trì trong chùa? Là người có tu. Chúng ta thấy trong cổ tích, rất nhiều vị trụ trì đều là chư Phật, Bồ tát tái lai. Các Ngài đến phục vụ cho mọi người. Họ chẳng phải người phạm. Họ là bậc thánh tái lai.

Khi tôi mới học Phật, lúc giảng kinh đã nói qua rất nhiều lần. Tôi nghĩ, trước 40 tuổi nên gắng công học tập, phải có sự thành tựu trong đạo nghiệp, như Phu Tử nói: 15 tuổi lập chí học tập, 30 tuổi đứng vững. Chúng ta học Phật, dĩ nhiên không phải học từ nhỏ, thật sự bắt đầu hiểu được Phật pháp,

cũng hai mươi mấy tuổi rồi, cũng phải có mười mấy năm công phu, đến 40 tuổi đứng vững được, trong Phật pháp mới có thể đứng vững, nền tảng sâu dày.

Kế đến là báo ân, chẳng thể không báo ân. Báo ân nghĩa là phải làm việc cho thường trụ, phải phục vụ từ 40 đến 60 tuổi. 20 năm phục vụ cho đạo Phật, đó là báo ân. 60 tuổi về sau là nghỉ hưu, tự mình nghiêm chỉnh nỗ lực học tập. Sau khi nghỉ hưu, một là tu, hai là dạy học, giảng kinh thuyết pháp, hướng dẫn người tu hành, không quản lý công việc nữa. Điều này là chúng tôi suy nghĩ cho môi trường xã hội ngày nay. Chúng ta chu đáo mọi mặt, nhất định phải hộ trì thường trú, là hộ pháp nội hộ cho thường trú. Trụ trì, phương trượng, tri sự đều là nội hộ. Thật sự có tu hành, có đức hạnh, họ hiểu được nên vun bồi cho đời sau, dạy dỗ cho đời sau nên người, để họ làm người kế tiếp.

Đoạn này nói, câu đầu tiên vô cùng quan trọng: *“Sắc thanh hương vị xúc, nhất nhất viên minh cụ đức”*. Câu này rất quan trọng. Thế giới Cực Lạc như vậy, thế giới của chúng ta cũng không ngoại lệ. Ở nơi đó là có hiển, thế giới chúng ta là có ẩn, nhưng ta không biết. Ở nơi kia có, mọi người đều biết, cho nên có thể tăng trưởng thiện căn.

Xem tiếp đoạn dưới, đều trong kinh văn:

*“Nhược hữu chúng sinh, kiến ngã quang minh, chiếu xúc kỳ thân, mặc bất an lạc, từ tâm tác thiện”* (Nếu có chúng sinh

thấy ánh sáng Ta, chiếu chạm vào thân, thì đều an lạc, tâm từ bi làm việc thiện).

Tóm lại, mấy câu này nói, thế giới Tây Phương Cực Lạc, do đức hạnh của Phật và chư Đại Bồ tát chiêu cảm. Quý vị thấy được các Ngài, chẳng thể không cảm động, sẽ đem tâm chân thành cung kính ra học tập với các Ngài. Các Ngài có sức mạnh nhiếp thọ, cho nên nói những chúng sinh này về thế giới Cực Lạc. *“Kiến ngã quang minh”*. Ngã ở đây là đức Phật A Di Đà tự xưng. Tướng hảo quang minh, khi tiếp xúc với Ngài, nghĩa là thế nào? Trí tuệ Bát nhã nơi tự tính lưu xuất ra. Đức tướng của tự tính, quý vị sẽ được chiêu cảm, chiếu đến thân. Ngay khi đó, nó dẫn tới trí tuệ quang minh trong tự tính của quý vị, bởi nó đã phát khởi.

Vì thế, *“Phiếm ái chúng, nhi thân nhân”*. Câu này hay quá. Từ tâm làm thiện chính là “phiếm ái chúng”, tự nhiên tính đức hiện tiền, giống như đức Phật A Di Đà vậy, như chư Phật, chư Đại Bồ tát, Quán Âm, Thế Chí vậy. Đầu tiên, bản thân mình được an lạc, nghĩa là được pháp hỷ. Sau đó, triển khai tâm từ bi của chính mình ra, lợi mình lợi người. Học đến đây chúng ta thấy, người dạy học trước nhất phải được giáo dục. Bản thân mình học được rồi, mới có thể dạy người! Ở thế giới Tây Phương Cực Lạc, đức Phật A Di Đà dạy cho mình rồi, bản thân mình thành tựu cứu cánh viên mãn, cho nên tất cả chúng sinh trong mười phương thế giới, vừa tiếp xúc với Ngài là chịu sự ảnh hưởng. Nguyên nhân gì? Là sự chiêu

cảm của đức tướng, trí tuệ. Sức mạnh chiêu cảm lớn, chỉ cần được chiêu cảm, là không muốn rời xa Ngài.

Khi tôi còn trẻ, theo Chương Gia Đại sư, Ngài thật sự có năng lực nhiếp thụ, như lời của người thời nay nói, từ trường của Ngài rất tốt. Không có việc gì cũng muốn ở bên Ngài một vài giờ đồng hồ. Tuy không nói chuyện cũng cảm thấy vô cùng viên mãn, cảm nhận được nhiều lợi ích. Ngài rất ít nói. 3 năm cuối đời, mỗi tuần Ngài cho tôi 2 giờ đồng hồ. Đó là gì? Là thân giáo.

Chư Phật Như Lai giáo hóa chúng sinh, lấy thân giáo là chủ, ngôn giáo là phụ giúp, có vấn đề gì đó đến thưa hỏi, Ngài giải đáp. Nhiều vấn đề, quý vị lãnh ngộ được từ ngôn ngữ cử chỉ của Ngài.

*“Ba dương vô lượng vi diệu âm thanh”* (Sóng động vô lượng âm thanh vi diệu).

Nói về ao sen, ao sen thất bảo, bên ngoài giảng đường.

*“Đắc văn như thị chủng chủng thanh dĩ, kỳ tâm thanh tịnh, vô chư phân biệt, chính trực bình đẳng, thành thực thiện căn”* (Được nghe đủ loại âm thanh đó rồi, tâm tự thanh tịnh, không có các phân biệt, chính trực bình đẳng, thành thực thiện căn).

Đoạn trước nói tăng ích thiện căn. Ở đây nói thành thực. Tăng ích là tăng trưởng, thành thực rồi. Nghĩa là gì? Trong ao sen, thấy hoa sen, nghe được tiếng nước chảy trong ao sen,

phát ra vô lượng âm thanh vi diệu. Chẳng có cái gì không phải đức Phật A Di Đà đang giảng kinh thuyết pháp, đang dạy học. Đây là Tính đức phát huy một cách viên mãn, về thế giới Cực Lạc sẽ thấy được hết. Nghe được âm thanh này, những điều thấy được, nghe được, tâm quý vị thanh tịnh.

Nghĩ đến môi trường của chúng ta ngày nay, những điều ta thấy ta nghe, khiến ta sinh phiền não. Những điều thấy được, khiến quý vị như thế nào? Khiến quý vị sinh tâm tham, sân, si; khiến quý vị sinh khởi tâm muốn chiếm lấy, muốn khống chế, sinh khởi tâm tự tư, tự lợi, sinh khởi tâm tổn người lợi mình, sinh khởi những tâm niệm như vậy. Vì thế, 2 thế giới này hoàn toàn khác nhau. Về thế giới Cực Lạc, nhìn thấy sắc, nghe được âm thanh, sinh khởi thanh tịnh, bình đẳng, giác, không giống nhau.

Tâm thanh tịnh, “Kỳ tâm thanh tịnh”, tâm thanh tịnh hiện tiền. “Vô chư phân biệt”, tâm bình đẳng hiện tiền. “Chính trực bình đẳng”, giác tâm hiện tiền. Chính trực nghĩa là chân thành, hiện tâm chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, giác. Nghĩa là ở thế giới Cực Lạc, lục căn tiếp xúc, mắt thấy, tai nghe, ngửi được bảo hương, nếm được, tiếp xúc đến, đều có thể tăng trưởng thanh tịnh, bình đẳng, giác, thành thực thanh tịnh, bình đẳng, giác. Đại trí, đại đức, đại năng của đức Phật A Di Đà giáo hóa chúng sinh. Ở thế giới Cực Lạc mới thể hiện viên mãn, bởi nơi đó không có chướng ngại, nơi đó không có tập khí bất lương. Về nơi đó không thành Phật,

chưa đoạn tập khí phiền não, cũng bằng như thành Phật. Chưa đoạn tập khí phiền não, nhưng ở thế giới đó không khởi hiện hành, phiền não không thể sinh khởi.

Ở thế giới Cực Lạc, tham, sân, si, không thể sinh khởi, không có gì để tham. Vì sao? Tất cả những thứ quý vị cần đều có đầy đủ rồi, còn muốn tham sao? Kỳ thật, chúng ta sinh trong môi trường này, ở thế giới này, cái quan trọng nhất nhưng mọi người lại không tham, nghĩ thử xem quan trọng nhất là cái gì? Là không khí, chỉ cần 10 phút không có không khí là mất mạng thôi. Cái này quan trọng hơn bất cứ cái gì khác, ai tham không khí? Chẳng có ai tham cả. Vì sao? Vì nó nhiều quá. Ở thế giới Cực Lạc nhiều quá, quý vị tham vàng, vàng mang lót đường đi, quá nhiều rồi.

Quý vị muốn tham trân bảo, thích châu báu, châu báu làm vật liệu xây dựng, quý vị muốn những thứ này sao? Có quá nhiều. Tài nguyên phong phú, lấy không tận, dùng không hết, cho nên không cần nữa. Phòng ốc tùy tâm muốn gì, muốn phòng ở như thế nào, nó bèn biến thành như thế đó, muốn làm bằng vật liệu gì, nó biến thành vật liệu đó. Trong kinh nói, muốn ở trên mặt đất, phòng ở sẽ trên mặt đất, muốn ở không trung nó sẽ bay lên không trung, trong phòng sạch sẽ không có gì hết. Vì sao? Bởi muốn thứ gì, thứ đó sẽ hiện ra, muốn thay bộ quần áo, quần áo đã mặc lên người, quần áo cũ tự biến mất, không cần cởi bỏ, không cần nơi cất giữ, không cần!

Vì thế, phòng ốc rất đơn giản, bên trong sạch sẽ không nhiễm một bụi trần. Quý vị nghĩ xem, tự tại biết bao! Không khởi tâm tham thức ăn, đồ mặc. Qua lại với tất cả mọi người, mọi người đều hòa khí như thế, dễ thương như thế, cho nên không thể sinh khởi tâm sân hận. Tâm ngã mạn cũng không thể sinh khởi. Bất luận là con người, là sự việc hay hoàn cảnh, ở thế giới Cực Lạc, chắc chắn không khởi phiền não. Vì vậy, người phiền não nặng phải hạ quyết tâm, mau về thế giới Cực Lạc, mới có sự thành tựu.

*Lưu bố vạn chủng ôn nhĩ đức hương* (Lan tỏa các mùi hương thơm dịu dàng thanh nhã), là mũi ngửi được. Đoạn trước, nói về mắt thấy, tai nghe, đoạn này nói mũi ngửi. “*Lưu bố vạn chủng ôn nhĩ đức hương*”, nguyên cả thế giới Cực Lạc, giống như không khí vậy. Không khí bên đó tốt lắm. Không khí của chúng ta bên này hiện nay bị ô nhiễm nghiêm trọng, nhất là ở HongKong.

Ngày xưa, tôi đọc một cuốn sách, Tiến sĩ Thang Ân Tử nói chuyện với Điền Trì Đại người Nhật, cuốn sách này ghi chép lại. Tiến sĩ Thang Ân Tử nói: Trên thế giới đô thị không thích hợp cho con người cư trú, nhất là HongKong. HongKong đứng số một, quý vị nên biết đó là năm 70. Lần đầu tiên, tôi đến HongKong giảng kinh, năm 1977. HongKong ngày đó đẹp hơn bây giờ rất nhiều. Thang Ân Tử nói vào thời điểm đó, đô thị này không thích hợp cho con người cư trú, bây giờ còn xấu hơn ngày xưa nhiều.

Ngày nay, chúng ta cảm nhận được sự ô nhiễm nghiêm trọng, nước biển ô nhiễm. Nhân công đắp đất, biến hải cảng Victoria thành vũng nước nhỏ. Ngày xưa, chỗ này rất rộng, muốn qua bên kia phải đi thuyền, nhân khẩu chưa đông, nhà lầu chưa cao, thông thường cao ốc chỉ khoảng 14 đến 15 tầng. Năm tôi đến HongKong, họ xây dựng cao ốc đầu tiên là 50 tầng. Đây là tòa nhà cao nhất HongKong. Người dân ở HongKong cũng rất dễ thương, họ sống có tình người, hoàn toàn khác với ngày nay. Cũng may, Tiến sĩ Thang Ân Tử đã qua đời, đã rời bỏ thế giới này rồi, không nhìn thấy cảnh buồn này

Không khí ở thế giới Tây Phương Cực Lạc, “*Kỳ hữu văn giả*” (Có ai hít thở) “*Trần lao cấu tập tự nhiên bất khởi*” (Mọi trần lao cấu uế tự nhiên không khởi). Khi hít thở không khí bên đó, đều có thể thành tựu thanh tịnh, bình đẳng, giác của chính mình.

*Phong xúc kỳ thân an hòa điệu thích, do như Tử khiêu đắc diệt tận định* (Gió chạm thân mình, an hòa, mơn man, thích thú, cũng như Tử khiêu đắc diệt tận định).

Cảnh giới này chúng ta không cách nào tưởng tượng được, “*Tử khiêu đắc diệt tận định*”. Trong thiền định, có hỷ duyệt, có hoan hỷ. Người tu định, ở cõi Trời Sắc giới không cần ẩm thực. Dùng cái gì để nuôi dưỡng thân thể? Dùng thiền định, thiền duyệt làm thức ăn. Dùng thiền định, các nhà khoa học ngày nay gọi là ý niệm. Hoàn toàn dùng ý niệm, không cần

những vật chất bên ngoài, tự mình có thể điều tiết. Ở cõi Trời Sắc giới, ẩm thực rất ít. 18 tầng trời ở cõi Trời Sắc giới, càng lên trên càng ít. Đến cõi Trời Vô sắc giới, thì không cần ẩm thực nữa, tinh thần no đủ, pháp hỷ sung mãn, đạt được Diệt tận định. Bậc A La Hán chứng được Diệt tận định. Kinh *Lăng Nghiêm* gọi là Cửu thứ đệ định.

*Hựu nhược hữu chúng sinh, đồ Bồ đề thụ, văn thanh, khứu hương, thưởng kỳ quả vị, xúc kỳ quang ảnh, niệm thọ công đức, giai đắc lục căn thanh triệt, vô chư não hoạn, trụ bất thoái chuyển, chí thành Phật đạo* (Lại, nếu có chúng sinh, nhìn cây Bồ đề, nghe tiếng, ngửi hương, thưởng nếm vị quả, tiếp xúc ánh sáng, niệm công đức của cây, đều được 6 căn trong suốt, không các não hoạn, trụ bất thoái chuyển, đến thành Phật đạo).

Trong đoạn này, chú trọng câu “*Thưởng kỳ quả vị*”. Trong lục căn, cũng nói đến thiệt căn. Đoạn trước nói về nhãn, nhĩ, tỷ. Đoạn này nói về thiệt. Lục căn duyên với cảnh giới lục trần, ở thế giới của chúng ta đều là khổ. Trong kinh, đức Phật dạy: “*Ẩm khổ thực độc*” (Ăn độc, uống đắng). Cuộc sống của chúng ta ngày nay thật đáng thương. Vì sao? Bởi bị ô nhiễm nghiêm trọng. Khoa học kỹ thuật không phải là hay. Bình tĩnh mà quan sát, nó mang đến cho ta sự phương tiện không nhiều, nhưng cái giá ta phải trả quá đắt. Phải trả giá như thế nào? Là quả địa cầu này bị hủy diệt, quý vị nghĩ xem có đáng không? Khoa học kỹ thuật tạo thành sự nhiễm ô.

Mọi người đều biết, đất và nước bị ô nhiễm rất rõ ràng. Ngày nay, nhiều người đang kêu gọi, trong tương lai, người sống trên quả địa cầu này không có nước sạch, không có nước uống. Vấn đề này vô cùng nghiêm trọng!

Đất bị nhiễm ô, nhiễm ô phân bón và thuốc trừ sâu nghiêm trọng. Trồng cấy được, nhưng trồng cấy xong, mảnh đất đó không thể trồng cấy được nữa, nó bị nhiễm độc rồi, làm sao đây? Những thứ khoa học kỹ thuật này để vào đó, nó lớn lên trông rất đẹp mắt, lớn nhanh, nhiều, nhưng giá trị dinh dưỡng, đem so với nhân công làm ngày xưa còn kém xa lắm, không có dinh dưỡng. Độc tố trong nước, đất cũng có độc tố, đến khi nào mới có thể làm sạch, mới trở lại bình thường đây? Không phải là thời gian ngắn đâu.

Ngày nay, khoa học kỹ thuật phát triển, chặt phá rừng, phá hoại sinh thái tự nhiên, gây nên điều gì? Gây nên hạn hán, ngập lụt, bão táp. Tham, sân, si, mạn, của nhân loại, tâm thái bất thiện gây nên, thiên tai nghiêm trọng, nhiệt độ của quả địa cầu cao lên, từ cực của Nam Bắc cực có sự biến hóa, không phải là hiện tượng tự nhiên. Hiện tượng tự nhiên là ôn hòa. Sự biến hóa xấu ấy là do con người gây nên.

Giới khoa học ngày nay từ từ cảm nhận được. Khoa học kỹ thuật sắc bén nhất là lượng tử lực học thời cận đại, họ đã phát hiện. Những điều họ nói gần giống như những lời dạy của đức Phật trong kinh điển Đại thừa. Họ đã tìm thấy

và phát hiện ra những thứ cơ bản, chính là hiện tượng vật chất. Họ nói vốn không có cái gọi là vật chất thật sự. Vật chất là gì? Vật chất là huyền tượng do ý niệm tích lũy liên tục mà có. Phật pháp nói: *“Phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng”* (Phàm gì có tướng đều là hư vọng). Nó tùy theo ý niệm của con người mà chuyển biến. Nếu ý niệm thiện, chẳng có gì là không thiện, vật chất cũng thiện, hiện tượng tinh thần cũng thiện, tất cả đều là thiện. Ý niệm bất thiện, trên thế gian này chẳng có cái gì là thiện.

Nhà khoa học lượng tử thật sự mang đến cho con người thời nay một tia hy vọng sống. Họ nói, muốn hóa giải thiên tai, thì phải điều chỉnh lại cách sinh hoạt hàng ngày của ta, thay đổi ý niệm của ta, tất cả những ý niệm bất thiện, phải buông bỏ hết. Phật pháp nói tùy thuận Tính đức, chẳng có gì là không viên mãn.

Thế giới Cực Lạc 100% là tùy thuận Tính đức, cho nên môi trường sinh sống mới tốt đẹp như vậy. Thế giới của chúng ta và thế giới Cực Lạc, chẳng hề khác nhau. Vật chất hình thành ở thế giới Cực Lạc, hoàn toàn tương đồng với thế giới của chúng ta, đều là ý niệm tích lũy mà hiện ra huyền tượng. Ý niệm của con người ở thế giới Cực Lạc thiện, thuần tịnh thuần thiện, hoàn toàn tương ưng với Tính đức. Quả địa cầu này, những người sống trên quả địa cầu này, tâm hành bất thiện, tự tư, tự lợi, danh văn, lợi dưỡng, ngũ dục, lục trần, tham, sân, si, mạn, đạt đến điểm bão hòa. Khởi tâm

động niệm đều là tổn người lợi mình, hoàn toàn là lợi ích cá nhân, ngay cả cha mẹ mình cũng không ngần ngại, cho nên thiên tai trên quả địa cầu ngày nay mới nhiều như thế.

Chúng ta vô cùng biết ơn các nhà khoa học lượng tử, họ nói về cội rễ này một cách rõ ràng, ẩn chứng những lời dạy trong giáo pháp Đại thừa. Chúng ta từng học qua cuốn *Vọng Tận Hoàn Nguyên Quán* của Quốc sư Hiền Thủ, trong đó nói về duyên khởi của vũ trụ, được các nhà lượng tử lực học chứng minh, từ nhất thể khởi nhị dụng. Từ nhất thể, nhất thể ở đây họ chưa nói đến, không thể nói được, họ phát hiện ra khởi nhị dụng. Khởi nhị dụng nghĩa là một niệm bất giác, A Lại Da xuất hiện. Tiếp cận 3 loại chu biến, nhưng không rõ ràng như trong *Hoàn Nguyên Quán* nói. Một niệm chu biến pháp giới, một niệm xuất sinh vô tận, một niệm hàm dung không - có, họ không nói rõ được như Phật pháp đã nói.

Hành tứ đức, họ đề xướng tứ đức, nhất định chú trọng chỗ đức hạnh. Đức hạnh từ tự tính lưu xuất ra. Người xưa nói tính bản thiện, đều từ bản thiện lưu xuất ra. Người xưa dùng 4 đại cương, Phật pháp nói 4 khoa, gồm ngũ luân, ngũ thường, tứ duy, bát đức. 4 khoa này chính là Tính đức, khởi tâm động niệm, ngôn ngữ tạo tác, tương ứng với 4 khoa này. Không tương phản, quả địa cầu này sẽ phục hồi trở lại bình thường, trở lại bình thường sẽ giống như thế giới Cực Lạc.

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni giới thiệu cho ta thế giới Cực Lạc, nói cho ta biết cư dân ở thế giới đó đều là *“Chư thượng thiện căn câu hội nhất xứ”* (Các thượng thiện căn đều hội một chỗ). Câu này rất quan trọng. Vì sao thế giới đó tốt, tâm con người tốt? Thượng thiện mà! Có thầy giáo giỏi hàng ngày dạy học. Chư Phật, Bồ tát ở đó, hàng ngày chăm sóc, nhắc nhở mọi người, nên ác niệm cực kỳ vi tế cũng không có. Thế giới của chúng ta vốn giống như thế giới đó, ý niệm của cư dân nơi đây không tốt, ý niệm của người xưa, có thầy giáo giỏi hướng dẫn, dạy luân lý, đạo đức, nền giáo dục tốt. Nhiều nước có được hiệu quả trường trị cửu an, là do 4 điều này.

Ngũ luân: *Phu tử hữu thân. Phu phụ hữu biệt. Quân thần hữu nghĩa. Trưởng ấu hữu tự. Bằng hữu hữu tín.*

Ngũ thường: *Nhân, nghĩa, lễ, trí, tín.*

Tứ duy: *Lễ, nghĩa, liêm, sỉ.*

Bát đức: *Trung, hiếu, nhân, ái, tín, nghĩa, hòa, bình.*

Là những thứ này, giảng hết rồi, mấy ngàn năm, triều này qua triều khác, chư vị cổ thánh tiên hiền lưu lại cho ta nhiều trước tác. Hoàng đế Càn Long đời nhà Thanh, gom lại thành một bộ sách, mang tên *Tứ Khố Toàn Thư*. Quý vị xem, có cuốn sách nào, rời 4 khoa này chẳng? Không có. Các vị cổ thánh tiên hiền, khởi tâm động niệm, ngôn ngữ tạo tác, đều tuân thủ theo 4 khoa này, đất nước được trường trị cửu an.

100 năm nay bị bỏ qua, nhất là nửa thế kỷ gần đây, hầu như hoàn toàn trái ngược với Tính đức, ta phải gánh chịu những quả báo trong cuộc sống hiện nay. Người nước ngoài nói, quả địa cầu sắp hủy diệt, gần đến ngày tận thế, chúng ta biết sự hình thành của ngày tận thế, là tự mình gây nên, chứ không phải tự nhiên. Dem so sánh thế giới Cực Lạc và môi trường chúng ta sinh sống ngày nay, trong kinh nói đều là sự thật.

Cây giác ngộ ở thế giới Cực Lạc. Hàng thực vật như hoa cỏ, cây cối ở thế giới Cực Lạc đều giáo hóa chúng sinh. Đối với nhân loại đều khởi phát tính, thấy được cây giác ngộ, nghe được âm thanh của cây giác ngộ, ngửi được mùi thơm của cây, nếm được trái trên cây, hoặc là tiếp xúc đến ánh sáng của bóng cây, nghĩ nhớ công đức của cây là ý nghiệp. Nghĩ đến cây tốt như vậy, đều được lực căn thanh tịnh, không có não hoạn. Tập khí phiền não tiêu trừ. “*Trụ bất thoái chuyển*”. Bất thoái chuyển ở đây là Tam bất thoái, chẳng những Vị bất thoái, Hành bất thoái, mà đạt được cả Niệm bất thoái. Chí thành Phật đạo, cho đến khi viên mãn thành Phật.

*Hựu Bảo Hương Phổ Huân Nguyên viết... Kỳ hương phổ huân thập phương thế giới, chúng sinh văn giả giai tu Phật hạnh, khả kiến nhất trần nhất mao mạc bất viên minh cụ đức dã* (Lại Bảo Hương Phổ Huân Nguyên ghi: Hương này xông khắp thế giới mười phương, chúng sinh nghe mùi, đều tu hạnh Phật, được thấy ngay một hạt bụi, một sợi lông thảy

đều đầy đủ đức tướng tròn sáng). Nguyên thứ 43, vẫn trong 48 nguyện.

Nói đến điều gì? Nói về bảo hương, chẳng những ở thế giới Cực Lạc, mùi hương bay xa, bay đến đâu? Bay đến mười phương thế giới. Thế giới của chúng ta có chẳng? Có! Vì sao chúng ta không ngửi được? Bởi tập khí phiền não sâu dày. Nếu tâm địa thanh tịnh, tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng sẽ ngửi được. Đức Phật A Di Đà phóng ra mùi thơm để tiếp dẫn mười phương chúng sinh, giống như chiêu sinh vậy, dẫn về thế giới Cực Lạc. Phương pháp chiêu sinh này rất đặc biệt





**TỊNH ĐỘ ĐẠI KINH**  
**GIẢI DIỄN NGHĨA**



**TẬP 65**



**Giảng ngày 22 tháng 6 năm 2010**  
**Phật Đà Giáo Dục Hiệp Hội HongKong**

***Chuyển ngữ: Tử Hà***

***Biên tập: Bình Minh***



**C**hur vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời xem tiếp *Đại thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải*, trang 59, dòng thứ 2.

*“Hoa Nghiêm Huyền Đàm vị chư pháp hà cố sự sự vô ngại? Tùng duy tâm sở hiện cố chư pháp chi bản nguyên, phi hữu biệt chủng. Duy tự Như Lai tàng tâm duyên khởi chi sai biệt pháp, cố tất hữu khả hòa dung chi lý”* (Hoa Nghiêm Huyền Đàm nói: Các pháp vì sao sự sự vô ngại? Vì chỉ từ tâm hiển hiện, nên nguồn gốc của các pháp không có loại riêng biệt. Chỉ từ Như Lai Tạng duyên khởi có các pháp sai biệt, nên thấy đều có cái lý có thể dung hòa).

Thập Huyền nói về Sự sự vô ngại. Vì sao Sự sự vô ngại? Đối với duyên khởi nhất định phải có sự nhận biết sâu sắc. Cũng có nghĩa là khoa học và triết học ngày nay, mấy trăm năm rồi đều nghiên cứu về vấn đề này, cho đến ngày nay, cũng chưa có một đáp án nào khiến người ta vừa lòng. Vũ trụ từ đâu có? Vì sao có vũ trụ? Sinh mệnh từ đâu mà có? Đều là những vấn đề lớn của triết học và khoa học.

Trong Phật pháp cũng như vậy. Sự việc này trong kinh *Hoa Nghiêm*, đức Phật nói rõ ràng. Kinh *Hoa Nghiêm* là bộ kinh không thể nghĩ bàn. Bộ kinh này được đức Phật Thích Ca Mâu Ni nói ở trong định. Cho đến nay, Phật giáo Nam truyền vẫn chưa thừa nhận bộ kinh này. Họ nói bộ kinh này do Bồ tát Long Thọ tự nói ra và truyền lại. Đức Phật Thích

Ca Mâu Ni diệt độ được 600 năm, Bồ tát Long Thọ ra đời ở Ấn Độ. Mọi người đều biết Ngài là Bồ tát Sơ Địa ứng hóa thân ở thế gian.

Trong truyện ký ghi rằng, người này rất thông minh, sự học của Ngài giống như lời người xưa nói, nhìn qua đã được 10 hàng, đọc đến đâu nhớ đến đó. Ngài đã có năng lực lớn như vậy. Trong thời gian 3 tháng, đọc hết tất cả pháp khi đức Phật Thích Ca Mâu Ni còn tại thế nói trong 49 năm, Ngài đã học hết. Người thường dùng thời gian 3 năm cũng không thể đọc hết được. Muốn đọc hết bộ *Đại Tạng Kinh* của đức Phật Thích Ca Mâu Ni nói, có thể 30 năm cũng chưa đọc hết. Chúng ta có lý do để tin, nhưng Ngài vẫn còn tập khí phiền não. Đứng về mặt tập khí phiền não mà nói, những điều Ngài chứng được không thể là Viên giáo. Nếu là Bồ tát Sơ Trụ của Viên giáo, chắc chắn không còn tập khí phiền não. Ngài vẫn còn tập khí ngạo mạn, cảm thấy trên thế gian này, trong Phật pháp chỉ có một mình Ngài, không có ai siêu việt hơn Ngài nữa. Sự thật là như vậy.

Nhân duyên này khiến Long vương cảm động. Long vương là Bồ tát Đẳng Giác. Long vương cảm động nên dẫn Ngài về Long cung tham quan, cho xem bộ kinh *Hoa Nghiêm*, được đức Phật Thích Ca Mâu Ni nói ở trong định khi Ngài mới thành đạo, là đại bản *Hoa Nghiêm Kinh*. Sau khi xem xong, tập khí ngạo mạn tức thời không còn nữa. Trong 21 ngày, đức Thế Tôn nói bộ kinh *Hoa Nghiêm*, phân

lượng của nó là bao nhiêu? Mười đại thiên thể giới vi trần bài kệ. Một đại thiên thể giới, là khu giáo hóa của một đức Phật, quý vị đều biết. Cũng giống như Hoàng Niệm Tổ lão cư sĩ nói, hệ ngân hà là đơn vị thế giới. Bao nhiêu hệ ngân hà? Mười ức hệ ngân hà. Một đại thiên thể giới là mười ức hệ ngân hà.

Đức Phật nói bộ kinh này phân lượng của nó là bao nhiêu? Mười đại thiên thể giới vi trần bài kệ. Đại thiên thể giới có bao nhiêu vi trần? Không thể đếm được. Bộ kinh này có bao nhiêu phẩm? Nhất tứ thiên hạ vi trần phẩm. Bồ tát Long Thọ nhìn thấy, Ngài biết chúng sinh trong cõi Diêm Phù không ai có thể thụ trì được. Ai thụ trì được bộ kinh này? Pháp thân Bồ tát. Kinh *Hoa Nghiêm* nói từ bậc Sơ Trụ trở lên, 41 vị pháp thân đại sĩ. Đây là bộ kinh gì? Là bộ kinh viên mãn, cũng có nghĩa là bộ kinh mười phương ba đời tất cả chư Phật nói, tên là *Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm*. Đây là tổng danh xưng của tất cả kinh, giống như ngày nay gọi là *Đại Tạng Kinh* vậy. Phân lượng của bộ kinh này còn nhiều hơn *Đại Tạng Kinh* nữa.

Bồ tát Long vương tiếp tục để Ngài xem trung bản. Trung bản là gì? Trung bản là tiết yếu, ghi chép lại những tinh hoa trong đại bản, phân lượng là bao nhiêu? Bồ tát Long Thọ xem rồi cảm thấy vẫn chưa được, chúng sinh trong cõi Diêm Phù, học suốt đời cũng không thể hết.

Kể đến xem tiểu bản. Tiểu bản là mục lục đề cương, giống như *Tứ Khố Toàn Thư. Tứ Khố Toàn Thư Đề Yếu*. Bộ *Tứ Khố Toàn Thư* hiện nay có 1.500 cuốn. Đề cương 5 cuốn, nghĩa là 5 cuốn mục lục, giới thiệu qua nội dung trong bộ sách này viết gì. Đây là mục lục đề cương. Mục lục của bộ kinh này có 100.000 bài kệ, 40 phẩm, truyền đến thế gian này. Bồ tát Long Thọ nói bộ này được. Ngài có trí nhớ hay, sức đọc nhanh, đọc qua bộ kinh này một lần và ghi nhớ hết.

Sau khi trở lại, Ngài đọc tụng và viết ra, thế là bộ kinh *Hoa Nghiêm* được truyền đến thế gian, phân lượng vẫn còn rất lớn. Truyền đến Trung Quốc tất cả là 3 lần. Lần đầu tiên vào thời Đông Tấn, chỉ có 1/3, là bản khiếm khuyết không đầy đủ. Quý vị nghĩ xem, nguyên văn là 100.000 bài tụng, nhưng truyền đến Trung Quốc chỉ có 36.000 bài tụng, Trung Quốc phiên dịch hoàn chỉnh, có tên là *Lục Thập Hoa Nghiêm*, 60 quyển. Lần thứ hai vào đời nhà Đường. Khi đó, Võ Tắc Thiên làm hoàng đế. Võ Tắc Thiên đã thay đổi quốc hiệu, gọi là Chu, bộ kinh này được phiên dịch hoàn chỉnh. Kệ khai kinh do bà ấy viết, có tên là kinh *Đại Chu*. Kinh *Đại Chu* là kinh *Hoa Nghiêm* được phiên dịch lần thứ hai. Ngài Thật Xoa Nan Đà từ Ấn Độ đến Trung Quốc, mang theo kinh *Hoa Nghiêm*. Lần này, Ngài mang đến là 45.000 bài tụng, nhiều hơn lần trước 9.000 bài tụng, gần một nửa.

Toàn bộ kinh là 100.000 bài tụng. 45.000 bài tụng được dịch thành chữ Hán, gọi là *Bát Thập Hoa Nghiêm*. *Bát Thập Hoa Nghiêm* từ đây mà có.

Triều đại nhà Đường, năm Trinh Nguyên, thời Đường Đức Tôn, Quốc vương Ô Trà tiến cống cho Trung Quốc. Tiến cống nghĩa là dâng tặng phẩm vật cho hoàng đế, tặng phẩm vật cho hoàng đế. Trong lễ vật có phẩm cuối cùng của kinh *Hoa Nghiêm*, là phẩm *Phổ Hiền Hạnh Nguyên*. Đây là phẩm hoàn chỉnh, không khiếm khuyết, thật hiếm có.

Sau khi phiên dịch tổng cộng có 40 quyển, gọi là *Tứ Thập Hoa Nghiêm*. Phẩm *Phổ Hiền Hạnh Nguyên* là phẩm hoàn chỉnh nhất. 2 lần trước truyền vào cũng có phẩm này, nhưng mà thiếu nhiều quá, như phẩm *Nhập Pháp Giới* trong *Bát Thập Hoa Nghiêm*, chính là *Hạnh Nguyên phẩm*, 21 quyển. Lần này, truyền đến nguyên bản là 40 quyển, thiếu 19 quyển. Trung Quốc 3 lần phiên dịch, ngoài những chỗ trùng lặp ra, có được 1/2 kinh *Hoa Nghiêm* nguyên bản. Tuy thiếu sót không đầy đủ, nhưng thấy được ý nghĩa của nó, nhất là phẩm cuối cùng, chính là 53 tham vấn rất quan trọng, có thể nói đây là cuốn hoàn chỉnh được truyền vào Trung Quốc, thật hiếm có. Phẩm này có duyên với Trung Quốc.

Hiện nay, kinh *Hoa Nghiêm* có 3 bản. Hoằng Nhất Đại sư thời cận đại rất thích kinh *Hoa Nghiêm*. Ngài giới thiệu Phật pháp đến hàng tri thức đệ tử, đều giới thiệu kinh *Hoa Nghiêm*, giới thiệu cuốn chú giải của Ngài Thanh Lương. Trong thời Mạt pháp này, lấy kinh điển Đại thừa tiếp dẫn chúng sinh. Trong kinh, đức Phật có nói đến điều này: Vào thời xưa, thời của đức Phật Thích Ca Mâu Ni, Tiểu thừa khế

hợp căn cơ chúng sinh. Ở thời nay, thời dân chủ tự do khai mở, thì Đại thừa kế hợp căn cơ chúng sinh, bởi Đại thừa là khai mở, Tiểu thừa là bảo thủ. Bộ kinh này kế hợp căn cơ người thời đại.

Điểm quan trọng nhất của bộ kinh này là cho chúng ta biết, vũ trụ từ đâu có, vạn pháp từ đâu mà có, sinh mệnh từ đâu mà có. Những bộ kinh điển Đại thừa khác cũng có nói đến, nhưng không nói kỹ. Kinh điển Đại thừa khác nói: *“Nhất niệm bất giác nhi hữu vô minh, vô minh bất giác sinh tam tế, cảnh giới vi duyên trưởng lục thô”* (Một niệm bất giác mà có vô minh, vô minh bất giác sinh tam tế, cảnh giới làm duyên tăng trưởng lục thô).

Dùng phương pháp này để nói, nói không sai, không sai tí nào. Nhất niệm bất giác gọi là vô thủ vô minh, bởi vô thủ vô minh nên khiến cho hàng sơ học sinh ra sự ngộ nhận nghiêm trọng. Khi chúng tôi mới học cũng như vậy, nghĩ rằng vô thủ nghĩa là lâu rồi, không tìm được chỗ bắt đầu, nên gọi là vô thủ. Kỳ thật chúng ta đã hiểu sai ý nghĩa của nó. Nó không có nghĩa là như vậy. Vô thủ, rất đơn giản, nghĩa là không bắt đầu. Nhưng ý nghĩa này sâu lắm, sao không có bắt đầu? Thật sự không có bắt đầu. Chúng ta thấy cuộc đối thoại giữa Bồ tát Di Lặc và đức Phật Thích Ca Mâu Ni, một khảy móng tay có ba trăm hai mươi triệu niệm, sao có thể tìm được chỗ bắt đầu! Nó có bắt đầu, nhưng vừa nghĩ đến bắt đầu là nó không còn nữa.

Đây là hiện tượng gì? Là sinh diệt đồng thời, cho nên gọi là vô thủ. Ý nghĩa chân thật của vô thủ là sinh diệt đồng thời. Bất sinh bất diệt là nói về hiện tượng này. Nếu không có hiện tượng này mà nói bất sinh bất diệt, thì chẳng có ý nghĩa gì. Có sinh diệt, sinh diệt chính là bất sinh bất diệt, cho nên sinh diệt và bất sinh bất diệt không hai. Đây chính là huyền môn.

Duyên khởi của vũ trụ là như vậy. Lượng tử lực học ngày nay cho chúng ta biết, vũ trụ thành hình như thế nào? Trên thực tế chỉ trong một sát na. Một niệm bất giác đấy! Một niệm này không có lý do. Vì sao có một niệm này? Nếu một niệm này thật sự có lý do, thì thật có một niệm. Một niệm không có lý do, nó là vọng niệm, chẳng phải chân. Chẳng phải chân mà truy cứu là sai lầm rồi. Ở trong đây khởi tâm động niệm càng sai lầm hơn. Không cần khởi tâm động niệm, chân tướng sự thật ở ngay trước mắt, chân tướng lộ rõ. Vì sao mê? Muốn tìm nguyên nhân của nó lại là mê, mê còn sâu hơn nữa. Đạo lý này nói vô cùng vi tế, vi diệu, không cho ta suy nghĩ, bởi vừa khởi tâm động niệm là mê. Nếu tiếp tục phân biệt nữa càng mê hơn, thêm vào đó chấp trước sẽ mê sâu hơn nữa. Đức Phật dạy, thế gian này là giả không có thật.

Kinh *Kim Cương Bát Nhã* nói: “*Nhất thiết hữu vi pháp, như mộng huyễn bào ảnh*”. Thế nào là hữu vi pháp? Hữu vi pháp nghĩa là có sinh có diệt. Pháp có sinh có diệt là pháp hữu vi. Quý vị xem, trong vũ trụ có pháp nào chẳng phải là

pháp hữu vi. Động vật có sinh, lão, bệnh, tử, là pháp hữu vi. Thực vật có sinh, trụ, di, diệt; khoáng vật là thành, trụ, hoại, không. Vì thế, tất cả hiện tượng trong tự nhiên, chẳng có pháp nào không phải là pháp hữu vi. Đã là pháp hữu vi, thì nó không có thật, “phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng”.

Bây giờ, chúng ta hiểu được hiện tượng này từ đâu mà có. Giới khoa học lượng tử nói rằng, từ ý thức, nghĩa là từ ý niệm. Hiện tượng ý niệm tích lũy liên tục, biến thành hiện tượng vật chất. Quý vị không cách nào cảm nhận được một ý niệm, cho nên gọi là vô thủ vô minh. Nhưng vô thủ vô minh tích lũy lại, quý vị sẽ thấy được, nhận ra được, nó biến thành hiện tượng vật chất. Tất cả mọi hiện tượng đều do nó biến ra. Vì sao nó biến ra nhiều như vậy? Bởi tần suất ba động của nó không giống nhau. Tần suất chậm biến thành vật cứng, thành cục đá; tần suất nhanh hơn sẽ biến thành thực vật, nhanh hơn chút nữa biến thành động vật, do tần suất không giống nhau. Ngoài ý niệm tích lũy ra, thì không có gì hết, bản thân ý niệm cũng không tồn tại, cho nên nói vạn pháp giai không là nói lên đạo lý này.

Khoa học ngày nay đang tiến đến tiếp cận với Phật giáo, vì Phật giáo nói một niệm bất giác là vô minh. Bởi bất giác nên A Lại Da xuất hiện. A Lại Da là vọng tâm. Một niệm bất giác, nên từ chân tâm xuất hiện một vọng tâm. Sau đó, chân tâm bị mê, vọng tâm đứng ta làm chủ.

Vũ trụ từ đâu mà có? Vạn pháp từ đâu mà có? Sinh mệnh từ đâu mà có? Đều do vọng tâm biến hiện ra, nhưng vọng tâm là năng biến, tất cả pháp là sở biến, Y chính trang nghiêm trong mười pháp giới là sở biến. Từ đâu có mười pháp giới Y chính trang nghiêm? Từ chân tâm hiện ra. Chân tâm năng hiện. Năng sinh, năng hiện không thay đổi, Nhất chân pháp giới không thay đổi, nghĩa là Thật Báo Trang Nghiêm Độ của chư Phật Như Lai. Vô thỉ vô minh biến hiện ra, trong đó chắc chắn không có phân biệt, chấp trước.

Ý niệm của ta chỉ cho cái gì? Ý niệm chỉ cho sự phân biệt, chấp trước, cho nên gọi phân biệt, chấp trước là ý niệm. Ý niệm quyết định tất cả. Ý niệm thanh tịnh, Tịnh độ hiện tiền. Ý niệm nhiễm ô, uế độ hiện tiền. Ý niệm thiện, 3 đường lành hiện tiền. Ý niệm ác, 3 đường ác hiện tiền. Sự việc là như vậy. Không có ý niệm, thì chẳng có luân hồi, cũng chẳng có mười pháp giới.

Trong *Chứng Đạo Ca* của Ngài Vĩnh Gia có nói: “*Mộng lý minh minh hữu lục thú, giác hậu không không vô đại thiên*” (Trong mộng mờ mịt có lục thú, tỉnh dậy trống không, chẳng đại thiên). Chẳng những lục đạo là mộng, mà mười pháp giới cũng là mộng. Thật sự tỉnh mộng là giác ngộ, chỉ có Nhất chân pháp giới. Thật Báo Trang Nghiêm Độ của chư Phật Như Lai, là Nhất chân pháp giới. Cảnh giới này miên viễn không biến hóa, thật sự là bất sinh bất diệt. Nó có phải là chân chẳng? Vẫn chưa phải là chân, vì “*Phàm sở hữu tướng*

*giai thị hư vọng*”. Thật Báo Độ cũng không ngoại lệ. Đến khi nào thì không còn Thật Báo Độ? Đoạn tận tập khí vô thí vô minh, thì Thật Báo Độ không còn. Chỉ cần có một chút tập khí nó cũng tồn tại. Không còn tập khí, thì nó sẽ không có. Nó đi đâu? Trở về Thường Tịch Quang.

Khoa học ngày nay phát hiện, họ nói vũ trụ này, ta quan sát được, lý giải được chỉ là 10% của vũ trụ, 90% của vũ trụ không còn nữa, rốt cuộc nó biến đi đâu? Dùng Phật pháp mà giải thích, 90% vũ trụ đã trở về Thường Tịch Quang, trở về tự tính. Trở về tự tính có khởi tác dụng chăng? Có khởi tác dụng. Đứng về mặt luân lý mà nói là khởi tác dụng. Vì sao? Trong tự tính chẳng phải không có gì hết, mà trong tự tính có trí tuệ, trí tuệ viên mãn, đức năng viên mãn, tướng hảo viên mãn, chỉ do chưa đủ duyên nên nó không hiện.

Thập Huyền gọi là ẩn hiện. Một niệm bất giác là duyên, nó sẽ xuất hiện. Nếu không có một niệm bất giác, nó sẽ chẳng hiện. Không hiện chẳng thể nói là không có, nhưng hiện lại chẳng thể nói là có, bởi có ở đây là huyền có, chứ không phải thật có. Vì thế, bất luận hiện hay không hiện, chư Phật và pháp thân Bồ tát đã cư xử như thế nào? Không khởi tâm, không động niệm. Đã không có khởi tâm động niệm, lấy đâu ra phân biệt, chấp trước! Chư Phật, Bồ tát, dùng cách nói ngày nay, gọi là các Ngài có tâm. Nếu chúng ta hiểu được đạo lý này, thật sự học Phật là học điều gì? Lục căn tiếp xúc với lục trần, không khởi tâm động niệm, đây gọi là học Phật.

Đức Phật như vậy đấy. Ngài chẳng hề khởi tâm động niệm, nhưng không khởi tâm động niệm chẳng dễ dàng. Không khởi tâm động niệm rất khó.

Người thật sự có công phu, thỉnh thoảng có hiện tượng này. Tâm địa thật sự thanh tịnh, công phu thanh tịnh, bình đẳng, giác hiện tiền một chút. Chúng ta xem trong cuốn niên phả của lão Hòa thượng Hư Vân, Ngài nói về cảnh giới này. Tết năm đó, lão Hòa thượng ở căn nhà tranh. Ngôi nhà tranh này nương vào chùa. Ở nhà tranh cũng phải ăn cơm, cũng cần một số đồ để sinh sống, trong chùa cung cấp cho Ngài. Tết đến Ngài vào trong chùa, lấy một chút dầu muối, thức ăn, v.v..., lấy xong lại trở về nhà tranh. Khoảng cách giữa nhà tranh và chùa, đại khái đi khoảng nửa giờ đồng hồ. Ngài trở về, vào khoảng chập tối. Chúng ta biết lão Hòa thượng lớn tuổi, đi chầm chậm trở về, tâm địa thanh tịnh, không có ý niệm gì hết. Đi được nửa đường, gặp các vị Pháp sư ở 2 ngôi chùa, mang đèn trên tay. Trên đường đi, gặp lão Hòa thượng. Họ quen nhau mà. Họ nói với Ngài, Hòa thượng à, trời tối như vậy sao Ngài không mang đèn? Lão Hòa thượng nghe câu nói này lọt vào tai, bỗng dưng thấy trời tối đen. Khi họ chưa nhắc đến, Ngài thấy trời sáng như lúc bắt đầu đi vậy. Trời chưa tối, hoàng hôn sắp xuống chứ chưa tối, Ngài thấy rất rõ ràng. Nhưng khi vừa nhắc đến, Ngài đã khởi lên ý niệm, khởi lên tâm phân biệt, bầu trời lập tức tối đen.

Từ đó cho thấy, lúc không khởi tâm động niệm, không trung này trong sáng, đó là Thường Tịch Quang, không phải bầu trời đen tối. Ngày nay, ta thấy khi không có mặt trăng mặt trời, nhìn bầu trời đen tối, gọi là vô minh. Đó là gì? Là do ta khởi tâm động niệm. Khởi tâm động niệm hiện ra tướng này. Không khởi tâm, không động niệm, vũ trụ là một bầu quang minh, trong kinh gọi là đại quang minh tạng. Khi nào cảm thấy phá được vô minh rồi, không còn thấy đen tối, vô minh không còn nữa. Khi còn thấy đen tối tức là chưa phá được vô minh. Phá được vô minh mới thật sự thành Phật, cứu cánh viên mãn.

Trong Thật Báo Độ, 41 vị pháp thân đại sĩ, trong thế giới đó không có bóng tối. Không có bóng tối là trong sáng. Tuy phá được vô minh, nhưng vẫn còn tập khí, cho nên mặc dù không có bóng tối, nhưng vẫn còn hiện tượng này. Nếu đoạn được hết tập khí vô minh, hiện tượng này không còn nữa, không còn Thật Báo Độ, hoàn toàn trở về Tịch Quang. Tịch là thanh tịnh, nghĩa là không còn khởi tâm động niệm nữa, ba động vi tế cũng không còn. Như Bồ tát Di Lặc nói, một khảy móng tay có ba trăm hai mươi triệu niệm, không còn hiện tượng này. Có hiện tượng này là Thật Báo Độ xuất hiện, nếu thêm vào đó phân biệt, sẽ xuất hiện pháp giới Tứ thánh, Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ tát, Phật. Có thêm một chút chấp trước, thì lục đạo xuất hiện.

Điều này nói lên cảnh giới biến cách nào? Duy thức sở biến. Thức chính là phân biệt, chấp trước. Thức thứ 6 phân biệt, thức thứ 7 chấp trước. Mọi việc trong mười pháp giới, đều do A Lại Da biến ra. Cũng chính là những thứ khoa học ngày nay nói, như năng lượng, thông tin, vật chất, đều do A Lại Da biến ra. Đây chính là tam tế tướng của A Lại Da. Chúng ta hiểu được rồi, khẳng định việc này, mới biết được sức mạnh của ý niệm quá lớn. Nó có thể biến hiện Y chính trang nghiêm trong mười pháp giới, cho nên nếu ý niệm thanh tịnh thì Tịnh độ xuất hiện.

Vì sao thế giới Cực Lạc lại đẹp như vậy? Chúng ta học kinh *Vô Lượng Thọ* không gì khác, tâm của những người sống nơi đó đều là thanh tịnh, bình đẳng, giác. Họ thật sự đã giác ngộ, đại triệt đại ngộ. Nhưng chúng ta cần nên biết, đại triệt đại ngộ là cảnh giới của 41 vị pháp thân đại sĩ, là Thật Báo Trang Nghiêm Độ, chưa đoạn hết tập khí vô thủ vô minh. Đoạn hết tập khí vô thủ vô minh rồi, cảnh giới này không còn hiện nữa, cái gì xuất hiện? Thường Tịch Quang xuất hiện.

Không dễ dàng, đã nhiều năm chúng ta học tập giáo pháp Đại thừa, hiểu rõ chân tướng sự thật này, sau đó quay trở lại khẳng định, niệm lực quyết định tất cả. Thế giới ngày nay loạn động là vì sao? Bởi ý niệm của con người sống trên quả địa cầu này bất thiện. Ý niệm không thanh tịnh, bị nhiễm ô, ác niệm nhiều, thiện niệm ít, cho nên thế giới ngày nay, chúng ta quan sát kỹ sẽ thấy, bất luận nam, nữ, già, trẻ, bất

luận công việc gì, quý vị nghĩ thử xem, chúng tôi thường nói 16 từ, họ có đầy đủ cả: *Tự tư, tự lợi, danh văn, lợi dưỡng, ngũ dục, lục trần, tham, sân, si, mạn*. Ý niệm này không tốt.

Người thời xưa cũng có, nhưng nhẹ hơn chúng ta. Ngày nay, nghiêm trọng quá. Tự tư đến độ ngay cả cha mẹ mình cũng không lo, như thế có đáng sợ không? Khởi tâm động niệm đều là tổn người lợi mình, tạo Ngũ nghịch Thập ác. Ngày xưa, người tạo Ngũ nghịch Thập ác có ít, thậm chí là nhẹ, chứ không nghiêm trọng như ngày nay. Ngày nay, có quá nhiều người tạo Ngũ nghịch Thập ác, vô cùng nghiêm trọng, cho nên quả địa cầu này mới xuất hiện nhiều thiên tai như thế. Thiên tai không phải tự nhiên. Thiên tai do ý niệm của ta chiêu cảm nên. Cứu được thiên tai này chăng? Đáp án là khẳng định, chắc chắn cứu được. Cứu cách nào? Chuyển đổi ý niệm, thì vấn đề lập tức được giải quyết.

Đức Phật dạy chúng ta đoạn ác tu thiện, chuyển mê khai ngộ, vấn đề sẽ được giải quyết, cuối cùng Ngài dạy chúng ta chuyển phàm thành thánh. Nếu thực hành được những điều này, thì quả địa cầu sẽ biến thành như thế giới Cực Lạc vậy, bởi đến chỗ chuyển phàm thành thánh, thì quả địa cầu này sẽ là thế giới Cực Lạc. Đức Phật A Di Đà ở đâu? Đức Phật A Di Đà ở đây, không rời chúng ta, gọi là Nhất thời đốn ngộ. Chúng ta phải biết rằng khắp vũ trụ chẳng có thời gian, chẳng có không gian. Môn trước chúng ta có học qua, thập thế cách pháp dị thành môn trong Thập Huyền. Nói về hiện tượng

thời gian và không gian, nó không có thật. Không có không gian chẳng có cự ly. Không có thời gian nên chẳng có trước sau. Trên thực tế, pháp thân Bồ tát đều hiểu rõ. Chúng ta sống ở đâu? Sống ngay đây, miên viễn đều sống ngay đây, bởi mỗi ý niệm, ở đây nói về ý niệm mà Bồ tát Di Lặc nói, mỗi ý niệm đều độc lập, chứ không phải chúng nối liền với nhau.

Khoa học lượng tử cũng phát hiện ra, họ nói mỗi ý niệm giống như thước phim điện ảnh vậy, mỗi tấm đều độc lập riêng biệt, tấm trước tấm sau không liên quan gì với nhau. Mỗi tấm đều độc lập riêng biệt, giống như Phật pháp nói vậy. Trong *Hoa Nghiêm*, nói là tướng tương tư tương tục, bởi nó không có thật. Nếu thật sự giống nhau, thì nó là tương tục rồi. Nó có một chút không giống nhau, mỗi tấm đều không giống nhau, nó là tướng tương tư tương tục.

Danh từ khoa học dùng, tôi cảm thấy họ dùng danh từ đó hay hơn ta nghĩ. Họ dùng danh từ tướng liên tục do ý niệm tích lũy, cho nên nó không có thật. Không có thật thì phải buông bỏ. Không buông bỏ là sai rồi. Buông bỏ điều gì? Buông bỏ phân biệt, chấp trước. Đừng chấp trước nữa. Chấp trước là sai, không cần phải phân biệt! Đây là tâm trạng của chư Phật, Bồ tát ứng hóa tại thế gian này, miên viễn là tùy duyên diệu dụng.

Thật sự buông bỏ, thì trí tuệ của Tính đức sẽ hiện tiền, đức năng hiện tiền, tướng hảo hiện tiền. Chẳng phải buông

bỏ rồi, thì không còn biết gì hết. Như thế là không buông bỏ. Buông bỏ rồi vô minh hiện tiền. Vô minh vẫn là phiền não, nên quý vị không biết gì hết. Phiền não hiện tiền, là chưa thật sự buông bỏ.

Thật sự buông bỏ là trí tuệ hiện tiền. Bản thân ta cho rằng đã buông rồi, nhưng thực tế thì chưa buông. Sự ngộ nhận này rất nhiều, cũng rất bình thường, cho nên khi thật sự buông bỏ, cảm giác đó hoàn toàn khác, Phật pháp gọi là khinh an tự tại. Đây là đạt được điều thứ nhất. Sau khi buông bỏ rồi, cảm giác thấy thoái mái dễ chịu, tâm địa vô cùng thanh tịnh, an lạc. Quý vị ở cảnh giới như vậy; khi gặp việc, trí tuệ lập tức hiện tiền, không cần phải lo lắng.

Khi đức Phật Thích Ca Mâu Ni còn tại thế, Ngài vì chúng sinh mà giảng kinh thuyết pháp. Ngài có khởi tâm động niệm chẳng? Không có! Khi người khác đến thỉnh giáo, trong tự tính tự lưu xuất ra, tuyệt đối không cần phải suy nghĩ, mình phải trả lời người này như thế nào đây. Nếu suy nghĩ thì lạc vào ý thức rồi. Những câu trả lời này, hoàn toàn nương vào kiến thức của riêng mình. Đó là tri thức chứ không phải trí tuệ. Trí tuệ không có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước là tri thức, hoàn toàn khác. Trí tuệ không cần dụng tâm. Không cần dụng tâm mới là chân tâm. Không cần dụng tâm, nghĩa là không dùng vọng tâm. Khởi tâm động niệm phân biệt, chấp trước là vọng tâm. Không dùng vọng tâm, dùng chân tâm.

Kinh *Lăng Nghiêm* nói xả thức dụng căn. Thức là thức A Lại Da, phải xả bỏ. Xả thức có nghĩa là gì? Là không khởi tâm động niệm, không phân biệt, chấp trước, đó là xả thức. Sau khi xả thức rồi, dùng cái gì? Dùng căn tính lục căn. Căn tính lục căn là chân tính, là trí tuệ, là đức tướng. Sự chuyển đổi này trong Đại thừa gọi là đốn căn. Bậc thượng thượng căn, một niệm chuyển đổi là thành Phật, phàm phu thành Phật.

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni đã thị hiện cho ta thấy, là như vậy. Lục Tổ Huệ Năng đã thị hiện cho ta thấy, cũng là như vậy, Đó là bậc thượng thượng căn, đốn xả, đốn ngộ, đốn chứng, các Ngài hoàn thành trong một niệm. Đức Phật dạy: *“Tất cả chúng sinh vốn là Phật”*. Vì sao chúng sinh lại ra nông nổi này? Chúng sinh do một niệm mê lầm. Phật là gì? Phật là một niệm giác. Một niệm gì? Một niệm ngay đây.

Chúng ta học Phật lâu rồi, biết được điều này từ đâu? Trong kinh điển, cũng gọi là ngộ, nhưng là giải ngộ chứ không phải chứng ngộ. Giải ngộ bởi tập khí phiền não của ta chưa buông bỏ, không có lợi ích. Nếu là chứng ngộ, thì lợi ích rất lớn. Chứng ngộ được lợi ích gì? Được Sự sự vô ngại, lợi ích này lớn quá. Sự sự vô ngại đấy. Giải ngộ thì Sự sự còn có ngại, vẫn còn chướng ngại. Lý, Sự còn chướng ngại.

Tuy có chướng ngại, nhưng chúng ta có niềm tin đi về con đường vô ngại. Có niềm tin sẽ không bị thoái chuyển, sẽ dũng mãnh tinh tấn. Dùng phương pháp nào? Tiếp tục

dùng phương pháp xưa, chính là đọc kinh. Đọc kinh phải hiểu được phương pháp này. Đọc kinh cùng lúc tu tam học giới, định, huệ, không khác Thiền và Mật, cùng một đạo lý. Đọc kinh cách nào? Không chấp tướng văn tự, không chấp tướng danh tự, danh từ thuật ngữ, không chấp tướng tâm duyên, không nên suy nghĩ ý nghĩa của kinh. Đọc từ đầu đến cuối. 2 giờ đồng hồ đọc xong bộ kinh này, là tu 2 tiếng. Tu điều gì? Cùng lúc tu giới, định, tuệ.

Thế nào là giới? Y theo quy củ đức Phật dạy, không chấp tướng văn tự, nghĩa là không phân biệt, không chấp trước danh từ thuật ngữ, không cần nghĩ tới nó, gọi là giới luật, là trì giới. Đọc bộ kinh này 2 giờ đồng hồ, là 2 tiếng tu trì giới. Tất cả đều không chấp trước. Khi đọc bộ kinh này, tâm ý hoàn toàn để vào kinh văn, không hề có tạp niệm, đó là tu định. Trong định có huệ. Huệ là gì? Huệ là Căn bản trí. Kinh *Bát Nhã* nói, Căn bản trí là gì? Là Bát nhã vô tri, đó là Căn bản trí; khi khởi dụng là Vô sở bất tri. Từ đâu có Vô sở bất tri? Từ vô tri.

Ngày nay, chúng ta muốn học rộng nghe nhiều, cái gì cũng muốn biết, đến cuối cùng thì không biết gì hết, vì quý vị hữu tri. Vì thế, người thật sự học Phật là phải học vô tri, thì mới Vô sở bất tri. Vô tri là gì? Là tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng. Vô sở bất tri là tâm giác ngộ. Giác từ đâu có? Từ tâm thanh tịnh, bình đẳng hiện ra. Tâm không thanh tịnh, không bình đẳng lấy đâu ra giác!

Chúng ta cũng làm theo lời dạy của thầy mình, nhưng không phải đạt như thầy mình, vì chúng ta chẳng những không phải là bậc thượng thượng căn, ngay cả bậc thượng căn cũng chưa đạt được. Tôi nghĩ căn tính của mình, phải dùng góc độ trong kinh Phật để đo lường. Chúng ta là hàng trung, hạ căn tính, chứ không phải trung, thượng. Học giáo pháp Đại thừa lâu rồi, mới hiểu được việc này một cách rõ ràng như vậy. Đúng là chư Phật, Bồ tát che chở, mạng sống của chúng ta kéo dài, có đủ thời gian để lãnh ngộ, có đủ thời gian tu tập, phải kéo dài thêm nữa ta mới có thể chứng ngộ. Từ giải ngộ đến chứng ngộ và sẽ khởi dụng.

Thầy giáo hướng dẫn chính xác, ngày đầu tiên tôi thỉnh giáo với thầy. Ngài nói với tôi phải “nhìn thấu, buông bỏ”. Nhưng tốc độ nhìn thấu chưa đủ, mới nhìn thấu một vài phần. Buông bỏ thì sao? Cũng chỉ một vài phần thôi. Tuy không nhiều nhưng rất hay, nó có thể giúp quý vị tiến lên. Học 59 năm, bây giờ nhìn thấu được khoảng 6-7 phần, buông bỏ cũng khoảng 6-7 phần, cách 100 phần còn xa xôi lắm! Tôi nói thiệt với quý vị đó. Quý vị cảm thấy hình như tôi có một chút trí tuệ, tôi buông được nhiều hơn quý vị. Tôi buông được 6-7 phần, quý vị không buông được phần nào hết. Tôi nói quý vị thấy tôi không tồi, tôi nhìn chư vị Tổ sư thấy mình còn cách xa lắm. Tôi cách các Ngài cự ly tương đối xa.

Bây giờ hiểu được rồi, ngày xưa thầy giáo bảo tôi buông bỏ, nhìn thấu, nhưng không giảng rõ đạo lý này cho tôi nghe.

Nói thật, khi đó thầy giáo có nói cho tôi nghe, tôi cũng không thể hiểu được, chỉ uống công thầy. Thầy đúng là người có trí. Thầy biết được căn cơ, không cần nói, nói cũng chẳng hiểu được, chỉ nói cho ta biết phương pháp, để ta thực hành, từ từ sẽ hiểu được. Đó chính là phương pháp dạy học rất hay của người xưa, mà nay chúng ta vẫn không bằng.

Tất cả pháp duy tâm sở hiện, dĩ nhiên có Lý dung hòa. Dung hòa thì không có chướng ngại. Hòa là gì? Là hòa mục tương xứ. Dung là bao dung, hàm dung, trong tất cả pháp lấy đâu ra chướng ngại? Có chướng ngại là không biết bản chất của tất cả pháp. Hiểu rõ rồi, thì chắc chắn là hòa mục tương xứ, là nhất thể, nói lên tất cả pháp là nhất thể. Nhất thể, thì đâu có lý không hòa? Giống như một con người vậy. Cơ thể của con người, dùng cách nói của các nhà lượng tử lực học, có bao nhiêu lượng tử, tiểu quang tử, hợp thành cơ thể này? Nếu dùng chữ số phải dùng ức làm đơn vị, mấy trăm ức, mấy ngàn ức, hợp thành cơ thể này, coi như là giả thiết, mấy ngàn ức tiểu quang tử, giữa tiểu quang tử và tiểu quang tử có hòa mục chẳng? Nó có bao dung nhau chẳng? Nếu nó không hòa mục, không hàm dung, chẳng phải nó đánh nhau rồi sao? Nó đánh nhau là con người bị bệnh, chẳng phải đạo lý này sao? Nó không đánh nhau đâu, nó miên viễn hòa mục, nhưng chúng ta đã ngược đãi nó, nên nó bị bệnh. Ngược đãi cách nào? Có tham, sân, si, mạn là ngược đãi nó đấy.

Quý vị cần nên biết, tham, sân, si, mạn, ai bị tổn thương? Chính mình bị tổn thương. Mình ngược đãi tế bào của chính mình, ngược đãi nguyên tử, điện tử trong cơ thể mình. Quý vị đã ngược đãi nó, khiến nó bị bệnh, khiến nó trúng độc. Vì thế, đức Phật dạy tham, sân, si là tam độc. Tam độc này, sinh ra đã có rồi.

Kinh luận của Pháp Tướng Tông nói về thức thứ 7. Thức thứ 7 là chấp trước. Thức thứ 6 là phân biệt. Thức thứ 7 là tứ đại phiền não thường tương tùy. Thức thứ 7 là gì? Do 4 thứ hợp thành, thứ nhất là ngã chấp, ngã kiến. Người thời nay, chấp thân này là ta, là sai lầm, sai lầm thứ nhất, đây là ngã kiến. Theo ngã kiến khởi lên là ngã ái. Ngã ái là tham, ngã mạn là sân hận, cuối cùng là ngã si, tham, sân, si. Tham, sân, si cùng ta đồng thời khởi lên. Cũng có nghĩa là khi phát hiện vũ trụ, ta xuất hiện, tham, sân, si, cũng theo ta xuất hiện, cho nên gọi nó là Căn bản phiền não. Chúng ta nhất định phải biết tam độc phiền não.

Đức Phật dạy, chuyển Mạt Na thức thành Bình đẳng tính trí. Chuyển được Mạt Na thức rồi, thì vô ngã. Vô ngã thì không còn tham, sân, si. Đó là gì? Trên đề kinh này gọi là bình đẳng, bình đẳng hiện tiền. Không phân biệt là chuyển thức thứ 6. Thức thứ 6 là phân biệt. Chuyển thức thứ 6 thành Diệu quan sát trí. Diệu quan sát trí là thanh tịnh. Chuyển được thức thứ 6 thì tâm thanh tịnh hiện tiền. Thanh tịnh, bình đẳng, giác. Giác là thức A Lại Da. Chuyển thức thứ 8 thành Đại

viên cảnh trí. 3 câu trên đề kinh này: Thanh tịnh, Bình đẳng, Giác. Chuyển thức thứ 6 thành thanh tịnh. Chuyển thức thứ 7 thành bình đẳng. Chuyển thức thứ 8 thành giác ngộ.

Trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày, chúng ta có thể luyện được. Luyện cho mình cố gắng đừng chấp trước. Từ chỗ này tập cho mình, cố gắng đừng chấp trước, bởi chấp trước là luân hồi lục đạo. Nhân của luân hồi lục đạo là chấp trước. Nhân của pháp giới Tứ thánh là phân biệt. Hạ thủ công phu từ đây. Không chấp trước, trong đạo Phật có phương pháp. Hạ thủ công phu không chấp trước từ đâu? Đối với tất cả pháp, không có ý niệm khống chế. Khống chế là chấp trước. Không có ý niệm chiếm lấy. Không có ý niệm đối lập. Học 3 điều này. 3 điều này là công phu cơ bản.

Không được đối lập với người. Họ đối lập với mình thì được, nhưng mình không được đối lập với họ. Vì sao? Bởi họ mê. Mê nên mới đối lập. Giác ngộ rồi thì không có đối lập. Vì sao? Vì là nhất thể mà. Khi giác ngộ rồi, biết được người và mình là một thể, thì sẽ không đối lập. Sau khi giác ngộ rồi, không khống chế. Khống chế rất vất vả, nhưng khống chế được chăng? Không khống chế được. Khống chế là tạo nghiệp. Chiếm lấy cũng tạo nghiệp. Trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày, ăn no, mặc ấm, có một căn phòng nhỏ che nắng che mưa là đủ rồi. Như thế là sống đời sống của thần tiên đấy, không hề có bất cứ áp lực nào, thân tâm khinh an tự tại, tương ưng với đạo. Đạo là gì? Đạo là tự tính, tương

ưng với tự tính. Đức Phật Thích Ca Mâu Ni đã sống đời sống như vậy, đó là tấm gương hay nhất. Ngài đã thị hiện cho ta thấy, nếu chúng ta cảm nhận được.

Chúng tôi đã giảng nhiều rồi, vẫn là câu này: *Chư pháp chi bản nguyên, duy tự Như Lai tạng tâm duyên khởi chi sai biệt pháp* (Nguồn gốc của pháp chỉ từ Như Lai Tạng tâm duyên khởi mà các pháp sai biệt).

Ở đây nói về vũ trụ. Pháp giới, Y chính trang nghiêm trong mười pháp giới, đều là Như Lai Tạng tâm khởi lên pháp sai biệt. Như Lai Tạng tâm là chân tâm. Duyên khởi là A Lại Da. Câu này bao gồm chân vọng hòa hợp A Lại Da. Khởi là sinh khởi. Hiện khởi mười pháp giới Y chính trang nghiêm, cho nên đồng một duyên khởi. Mười pháp giới Y chính trang nghiêm đồng một duyên khởi, đồng một duyên dĩ nhiên là hòa mục rồi. Chúng ta ngày nay không hòa. Nguyên nhân gì không hòa? Mê! Mê nên tự tư, coi thân này là ta, coi khởi tâm động niệm là ta, coi vọng tâm là ta. Có nhà khoa học nói: *“Tôi suy tư tức là tôi hiện hữu”*, coi điều gì là ta? Cũng hay lắm rồi, họ không xem thân này là ta, nhưng coi sự suy nghĩ được là ta. Suy nghĩ được là gì? Là thức thứ 6, vẫn chưa tìm thấy!

Dưới đây dẫn chứng: *Hoa Nghiêm Kim Sư Tử chương vân, hoặc ẩn hoặc hiển* (Chương Hoa Nghiêm Kim Sư Tử nói: Hoặc ẩn, hoặc hiện). 2 từ này rất quan trọng. Khi không có duyên thì nó ẩn, có duyên thì nó hiển. Hiện tượng ẩn hiện này, ở

ngay trong cuộc sống hàng ngày của chúng ta, phạm phu mê thất tự tính, ẩn hiện điều gì? Tập khí phiền não, đôi khi không có cảnh giới này hiện tiền. Nó không khởi tác dụng. Tham, sân, si không khởi tác dụng. Cảnh giới hiện tiền, tham, sân, si khởi dậy ngay. Hiển đấy. Vì thế, đối với việc ẩn hiển, trong cuộc sống hàng ngày, chỉ cần lưu tâm, quan sát kỹ, nó ở ngay trước mắt.

*Hoặc nhất hoặc đa, các vô tự tính* (Hoặc một hoặc nhiều đều không có tự tính). Ẩn hiện không có tự tính, chắc chắn không có tự tính. Tính vô tự tính là chân tính, cho nên người khai ngộ không pháp nào là chẳng phải.

*Do tâm hồi chuyển* (Do tâm hồi chuyển). Tâm hiện thức biến, xoay vòng vận chuyển, là nói về đạo lý cơ bản của hiện tượng vận vật.

*Thuyết sự thuyết lý hữu thành hữu lập* (Nói sự nói Lý có thành có lập). Thành: Ngày nay gọi là hiệu quả. Lập: Ngày nay gọi là kiến thiết.

*Danh duy tâm hồi chuyển thiện thành môn* (Gọi là Môn Duy tâm hồi chuyển thiện thành). Đây là câu nói trong chương *Hoa Nghiêm Kim Sư Tử*. “*Duy tâm thiện thành*”, chính là môn cuối cùng trong Thập Huyền - “*chủ bạn viên minh cụ đức môn*”, có nghĩa là như vậy.

Nói đến đây, thế nào là Sự sự vô ngại? Đại sư của Tông Hiền Thủ rất từ bi, nói ra từng điều từng điều cho chúng

ta hiểu. Vô ngại của Thập Huyền Môn có mười nhân, nghĩa là Sự sự vô ngại có mười nhân. Trong *Hoa Nghiêm Kinh Sớ*, Ngài Thanh Lương Đại sư có dạy, ngày nay chúng ta ghi chép lại, nghĩa là ghi chép ra từ trong *Tam Tạng Pháp Sớ*: “*Huyền môn giả, tức Thập Huyền Môn dã*”. Trước đây, chúng ta có học qua.

*Dĩ thử thập pháp tính đức vi nhân khởi đại nghiệp dụng* (Lấy tính đức mười pháp này làm nhân khởi đại nghiệp dụng). Đại nghiệp dụng, nghĩa là vũ trụ xuất hiện, vạn vật xuất hiện, sinh mệnh xuất hiện. Những hiện tượng này là khởi đại nghiệp dụng.

*Linh bỉ huyền môn chư pháp hỗn dung vô ngại* (Khiến cho các pháp Huyền môn kia dung hòa vô ngại). Hỗn dung ở đây đồng nghĩa với hòa dung vô ngại mà trước đây nói. Hòa hợp và hỗn hợp cùng một ý nghĩa. Viên dung vô ngại, trùng trùng vô tận. Ý nghĩa của chữ huyền nằm trong câu “*Trùng trùng vô tận*”.

*Cố vân huyền môn vô ngại thập nhân dã* (Nên nói là mười nhân vô ngại Huyền Môn). Thứ nhất là Duy tâm sở hiện mà đoạn trước nói. Chúng ta hiểu rõ thập nhân rồi, sẽ biết được, môi trường sinh hoạt của ta thật sự là vô ngại, nhưng điều gì chướng ngại? Chướng ngại do chính mình gây nên, hậu quả chính mình phải gánh chịu. Người xưa nói tự làm tự chịu, không thể trách ai. Trách người là sai lầm. Người xưa

có câu: *Việc tốt dành cho người, việc xấu mình nhận lấy*. Câu này nói rất có lý. Làm được và nói được câu này, không phải là người tầm thường. Người thật sự có đức hạnh, có học vấn mới có thể làm được.

### 1- DUY TÂM SỞ HIỆN

*Vị thế gian xuất thế gian nhất thiết chư pháp duy thị chân tâm sở hiện, nhiên pháp duy tâm hiện, toàn pháp thị tâm, tâm ký viên dung, pháp diệt vô ngại* (Duy tâm sở hiện là hết thấy các pháp thế gian, xuất thế gian chỉ là chân tâm hiển hiện. Nhưng pháp Duy tâm hiện, hoàn toàn pháp là tâm. Tâm đã viên dung, thì pháp cũng vô ngại).

Ở đây nói về Lý rõ ràng. Lý, Sự vô ngại. Lý như vậy, Sự cũng như vậy. Nên biết rằng, chân tâm chính là tự tính. Tự tính không có hình tướng, nó không phải vật chất, cũng không phải tinh thần. Nhưng khi một niệm bất giác, nó đã biến thành vật chất, biến thành tinh thần. Hiện tượng vật chất và hiện tượng tinh thần chính là tự tính. Thấy tính, trong Thiền Tông thấy tính là thấy điều gì? Chính là ở trong hiện tượng hoát nhiên giác ngộ. Ồ, thì ra nó chính là tự tính, chính là chân như, chính là pháp tính. Chính là Phật tính, danh từ rất nhiều, nhưng chỉ có một việc, quý vị thật sự thấy được rồi. Tướng có sinh diệt. Tính không sinh diệt. Tính không sinh diệt là chân. Tướng có sinh diệt là giả.

Chân vọng là một chẳng phải hai. Hiện tượng là gì? Là duyên tụ duyên tán. Vì thế, khi duyên tụ thì nó hiện, duyên

tán thì không còn nữa, cho nên khi duyên tụ chẳng thể nói là có, khi duyên tán chẳng thể nói là không. Chúng ta phải hiểu đạo lý này. Hiểu được đạo lý này rồi, sinh khởi tâm từ bi, sinh khởi tình thương, tình thương chân thành, tình thương thanh tịnh, tình thương bình đẳng. Trước tiên là thương mình. Tình thương này nhất định phải phát xuất từ tâm hồn. Con người không thương mình mà đi thương người khác, đó là giả không chân thật. Người đó thật sự không hiểu thế nào là thương. Nếu hiểu được, thì trước tiên phải thương mình. Thương mình mới có thể thương người, thương người như thương thân. Người mê hoặc điên đảo, ngay cả tình thương cũng mê luôn, lấy đâu ra thương! Không phải là thương, mà là sai lầm. Đã mê, thì tất cả đều sai.

Pháp do tâm hiện. Tất cả pháp là tâm, là chân tâm, tự tính. Ngày nay, chúng ta cũng đang giải ngộ đấy. Tâm tính là viên dung, cho nên pháp cũng viên dung. Tất cả pháp đều viên dung, bởi nó chính là tự tính, cho nên nó vô ngại.

*Kinh vân, tri nhất thiết pháp tức tâm tự tính thị dã* (Kinh nói: Biết hết thấy pháp, tức chính là tự tính của tâm). Kinh *Hoa Nghiêm* nói, khi nào quý vị biết tất cả pháp là tâm tự tính, thì khi đó khai ngộ, thật sự khai ngộ. Biết được tất cả pháp, chính là tự tính của mình. Trong tất cả pháp không có sự xung đột, không có chướng ngại.

Trong kinh còn có câu: *Cố bỉ thử tất hữu khả hòa dung chi lý* (Cho nên, đây kia ắt có cái lý có thể dung hòa). Đây là câu

cuối cùng trong *Hoa Nghiêm Huyền Đàm: Cố bĩ thử tất hữu khả hòa dung chi lý*. Trong mười nhân, câu cuối cùng trong mỗi nhân đều là câu tổng kết. Câu đầu là Duy tâm sở hiện.

## 2- PHÁP VÔ ĐỊNH TÍNH

Tính ở đây là nói về tính chất. Tất cả pháp do tự tính hiện ra, nó không có định tính.

*Vị nhất thiết chư pháp ký duy tâm hiện, tùng duyên nhi khởi, vô định tính dã* (Nghĩa là hết thảy các pháp đã duy tâm hiện, theo duyên mà khởi, không có định tính).

Tính ở đây không phải là bản tính. Tính ở đây là tính chất, tính chất của tất cả pháp không có nhất định, là pháp sống. Ở đoạn này, *“Tâm hiện tùng duyên nhi khởi”*. Duyên là A Lại Da. A Lại Da có tứ duyên sinh pháp:

Thứ nhất là Nhân duyên. Nhân duyên là tính hiện. Những thứ chân tính hiện ra là Nhân duyên. Thứ hai là Sở duyên duyên. Sở duyên duyên là ý thức. Thứ ba là Vô gián duyên. Thứ tư là Tăng thượng duyên.

Nói đến duyên, kinh *Hoa Nghiêm* nói về vô lượng nhân duyên vô cùng phức tạp. Tuy nhiều nhưng nó có nề nếp, không rối loạn. Trong việc giảng dạy của đức Phật Thích Ca Mâu Ni. Ngài đã phương tiện quy nạp vô lượng nhân duyên thành 4 loại: Nhân duyên, Sở duyên duyên, Vô gián duyên, Tăng thượng duyên. Điều này rất quan trọng đối với chúng ta, phải hiểu được đạo lý này. Nhiều điều trong Phật pháp có

thể ứng dụng trong cuộc sống hàng ngày, giải quyết những vấn đề trong cuộc sống. Thân nhân duyên đầu tiên là quan trọng nhất. Thân nhân duyên là Duy tâm sở hiện. Duy tâm sở hiện, duy thức có thể biến. Duy thức sở biến là Sở duyên duyên. Sở duyên duyên là thông tin. Chỉ cần duy trì được thông tin này không thay đổi, nó sẽ hình thành hiệu quả mà ta mong muốn, kết quả mà ta mong muốn.

Ví dụ, niệm Phật. Niệm Phật mong cầu điều gì? Điều này quý vị cần nên biết, chẳng phải thăng quan phát tài, chẳng phải mạnh khỏe sống lâu, càng không phải vinh hoa phú quý. Niệm Phật thành Phật. Chúng ta mong cầu thành Phật. Tịnh Tông dùng phương pháp nào thành Phật? Vãng sinh về thế giới Cực Lạc rồi thành Phật. Ta cầu vãng sinh chính là cầu thành Phật. Vãng sinh và thành Phật là một việc, không thể chia ra làm hai việc. Tôi về thế giới Cực Lạc để thành Phật.

Chúng ta học *Pháp Bảo Đàn Kinh*, thấy Đại sư Huệ Năng quá tài giỏi. Khi tôi đọc, khâm phục ngũ thể đầu địa. Ngài đến Hoàng Mai lễ báỉ Ngũ Tổ. Ngũ Tổ hỏi: Ông đến đây cầu điều gì? Ngài nói, con đến cầu làm Phật. Quý vị nghĩ thử xem, quý vị đến đạo tràng của Phật giáo, có người hỏi quý vị đến làm gì? Quý vị có trả lời giống như Đại sư Huệ Năng, nói rằng con đến làm Phật không? Ngài xác định như thế, cho nên Ngài đã thành Phật. Vì sao? Ý niệm muốn thành Phật đó, chính là Sở duyên duyên của Ngài. Ngài không

có mong cầu gì khác, quý vị nghĩ xem, niệm lực này, sức mạnh này có lớn không. Ngài thật sự đã thành Phật, thời gian 8 tháng. Ngài ở Hoàng Mai 8 tháng. Sau khi được Ngũ Tổ truyền y bát, Ngài đã ra đi. Sở duyên duyên đầy. Một ý niệm, một mục tiêu, một phương hướng, nắm chặt không buông, đây là Vô gián duyên. Niệm niệm không gián đoạn, chỉ nghĩ đến điều này, cầu mong điều này, cuối cùng đã đạt được. Đạt được là Tăng thượng duyên. Ngũ Tổ truyền cho Ngài, đó là Tăng thượng duyên. 4 duyên đầy đủ, quả báo hiện tiền.

Từ ví dụ này, ta thấy trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày của mình, bất luận làm điều gì đều là ý niệm này. Ý niệm này có thiện có ác. Ý niệm thiện, cuối cùng thành quả thiện, Ý niệm ác, cuối cùng thành quả báo ác. Tạo ác cũng do 4 duyên này, làm thiện cũng do 4 duyên này. Ý niệm Sở duyên duyên bất thiện, cho nên phải biết dùng, trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày không hề mê hoặc. Trong đạo Phật, có cầu ắt có ứng.

Khi tôi học Phật, lúc đó còn rất trẻ, cuộc sống vô cùng vất vả. Kết thúc kháng chiến, đất nước bị chiến tranh, hình như năm 23 tuổi tôi đến Đài Loan. Cuộc sống vô cùng vất vả, miễn cưỡng sống một mình, khổ không thể nói hết. Muốn học, học phải đóng học phí, không có tiền đóng học phí. Nghe tên thầy Phương Đông Mỹ, phát hiện thầy là người Đồng Thành, quê cũ của mình, tôi đã viết một lá thư nói về cuộc sống của

mình, gửi một bài văn cho thầy xem, mong thầy đồng ý cho tôi đến dự thính môn học của thầy.

Thầy dạy Trường Đại Học Đài Loan, không có người giới thiệu, hơn một tuần sau thầy hồi âm cho tôi, hẹn tôi đến nhà thầy để nói chuyện. Tôi đã đến nhà thầy, theo thời gian thầy hẹn đến nhà thầy. Đầu tiên, thầy hỏi thăm tình hình ở quê tôi, cũng còn một chút tình đồng hương. Hỏi tôi tình hình học tập trong những năm qua. Tôi thưa với thầy, thời kỳ kháng chiến trôi dạt không nơi nương tựa, chạy nạn khắp nơi, bị thất học 3 năm. Tốt nghiệp cấp 2, học được nửa năm cấp 3, sau này không còn cơ hội đi học nữa. Rất muốn học, nhưng không có cơ hội, nên muốn được dự thính môn của thầy.

Quý vị nên nhớ là 60 năm về trước. Ngày đó, thầy nói trường học ngày nay thầy không giống thầy, trò không giống trò, cậu muốn đến trường nghe giảng, sẽ bị thất vọng lớn. Tôi nghe thầy nói như vậy cảm thấy rất đau lòng, bị thầy từ chối rồi, không còn hy vọng gì nữa. Chắc chắn, khuôn mặt của tôi khi đó rất thê thảm. Mấy phút sau, thầy nói tôi đã đọc thư của cậu. Bài văn cậu viết, tôi cũng đọc qua rồi. Những điều cậu nói có thiệt hay không? Nghĩa là hỏi tôi, tôi chỉ tốt nghiệp cấp 2, có thiệt chẳng? Tôi nói thiệt. Thầy nói, sinh viên Trường Đại Học Đài Loan, cũng không viết được bài văn như vậy. Thầy hỏi tôi có giấu thầy điều gì không? Không! Tuy tôi bị thất học lâu rồi, nhưng thích đọc sách, không rời sách.

Cuối cùng, thầy nói với tôi, chủ nhật hàng tuần cậu đến nhà tôi. Tôi sẽ dạy cậu 2 giờ đồng hồ. Thầy đã dạy tôi học như thế. Học ở chỗ bàn tròn nhỏ trong phòng khách, một thầy một trò chúng tôi, mỗi tuần học 2 giờ đồng hồ, tôi đã học triết học như vậy. Điều này, tôi có nằm mộng cũng không dám nghĩ đến. Sau này, tôi mới hiểu vì sao thầy không cho tôi đến trường nghe thầy giảng. Nếu tôi đến trường, chắc chắn sẽ quen biết nhiều vị giáo thọ, quen biết nhiều bạn học, sẽ khiến tôi bị nhiễm.

Tôi và thầy như một tờ giấy trắng, yêu thích triết học, chưa học qua chính thức. Thế mới biết một vị thầy tốt, phải tìm người truyền thừa. Tìm người như thế nào? Tìm người giống như tờ giấy trắng, không bị nhiễm ô, thật sự ham học, không dễ, không dễ tìm được đâu. Bản thân mình tự đọc sách, nên cũng có chút nền tảng, nền tảng này được thầy khẳng định. Thầy dạy tôi, thầy giảng cho tôi một hệ thống, chính là bộ *Khái luận triết học*. Chương cuối cùng giảng về triết học trong kinh Phật. Khi đó, tôi không hề biết gì về Phật pháp. Nghe người ta nói nhiều, cho rằng đây là tôn giáo, là mê tín, là đạo đa thần, là tôn giáo thấp, cho nên tôi không hề có ý muốn đụng vào, chưa bao giờ tiếp xúc với Phật giáo.

Sau khi được thầy giới thiệu, tôi mới biết rằng Phật giáo là triết học. Thầy giới thiệu với tôi, thầy nói đức Phật Thích Ca Mâu Ni là nhà triết học vĩ đại nhất trên thế giới. Chúng

tôi học triết học. Kinh Phật là đỉnh cao của triết học trên thế giới; học Phật là sự hưởng thụ tối cao của con người. Thầy đặc biệt nhấn mạnh, kinh *Hoa Nghiêm* là triết học khái luận trong kinh Phật. Trong sách triết học trên thế giới, không có cuốn nào hay hơn kinh *Hoa Nghiêm*. Cuốn kinh này quá hay, nó có lý luận viên mãn, phương pháp tỉ mỉ, phía sau còn mang theo sự biểu diễn, 53 tham là biểu diễn đầy. Thầy nói một bộ sách giáo khoa như thế, trên thế giới không có cuốn thứ hai. Thầy rất thích kinh *Hoa Nghiêm*, cũng có thể khi tiếp xúc với đạo Phật ở núi Nga Mi. Núi Nga Mi là đạo tràng Hoa Nghiêm, là đạo tràng của Bồ tát Phổ Hiền, chắc là có liên quan đến vấn đề này.

Sau khi nghe thầy Phương giảng cuốn *Khái luận triết học* này, không bao lâu sau tôi được quen biết Chương Gia Đại sư. Đây là một vị chuyên học Phật, người ngang hàng với bậc tổ phụ. Ngài dạy, khi gặp khó khăn cầu chư Phật, Bồ tát sẽ có sự cảm ứng. Ngài nói, trong đạo Phật có cầu ắt có ứng, nhưng đôi khi có cầu mà chẳng có ứng. Nguyên nhân gì? Chẳng phải không ứng mà bản thân mình có chướng ngại, có nghiệp chướng. Sám trừ được nghiệp chướng rồi, cảm ứng sẽ hiện tiền, chẳng phải không ứng. Vào thời đó, cuộc sống vật chất vô cùng khó khăn, Chương Gia Đại sư có đức hạnh, có học vấn, có công phu.

Ngài nhìn con người vô cùng thấu triệt, vừa thấy là biết rõ, họ không có phúc, thật sự không có phúc. Đời trước

không tu phúc, nên đời này không có phúc báo. Tôi biết điều này. Ngày xưa, có nhiều người xem bói cho tôi. Họ nói, mỗi người đều có kho tiền, kho tiền của tôi trống không chẳng có gì hết, cho nên dù kinh doanh, bất luận kinh doanh nghề gì cũng không kiếm ra tiền, không thể phát tài. Người ta buôn bán kiếm được tiền, tôi mà buôn bán thì chắc chắn lỗ vốn, không có kho tiền mà. Làm thế nào để có được kho tiền? Trong đời quá khứ từng tu tập Tài bố thí mà có được kho tiền này. Tu Tài bố thí được giàu sang. Tu Pháp bố thí được thông minh trí tuệ. Tu bố thí Vô úy được mạnh khỏe sống lâu. Có nhân có quả mà.

Đời quá khứ không tạo nhân, đời này chẳng thể có quả báo hiện tiền. Hiểu được đạo lý này rồi, bây giờ tu cũng vẫn được. Hiểu rồi phải rất ráo tu. Thầy giáo bảo tôi tu Tài bố thí, tôi nói, bản thân tôi không thể duy trì được cuộc sống của mình, lấy đâu ra tiền mà bố thí? Thầy hỏi, cậu có một hào không? Tôi nói, một hào thì có. Một đồng được chẳng? Một đồng hơi miễn cưỡng. Thầy bảo tôi, bố thí từ 1 hào, 1 đồng này. Quan trọng nhất phải có tâm bố thí. Ý niệm đấy. Ý niệm làm chủ tất cả.

Được thầy Phương giới thiệu, cho nên tôi bắt đầu đến chùa. Những ngày cuối tuần, ngày nghỉ lễ thường đến chùa, biết được trong đây có đại học vấn. Nhưng những thứ trong chùa, không giống với những điều thầy Phương nói. Cũng may, thầy Phương từng nói với tôi, triết học trong kinh Phật

không phải ở trong chùa. Thầy nói cho tôi biết nó nằm trong kinh điển. Sự hướng dẫn này vô cùng chính xác. Nếu thầy không nói câu này, có thể tôi nghi ngờ thầy Phương nói rằng, thầy nói trong đây có đại học vấn, có triết học, tôi đến chùa tìm nhưng không thấy? Tôi sẽ có tâm nghi ngờ.

Vì thế, thầy Phương hướng dẫn rõ ràng. Thầy nói, chùa ngày xưa, người xuất gia trong chùa thật sự là bậc đạo cao đức trọng, họ có học vấn, có đức hạnh. Người xuất gia thời nay, họ không học. Trong chùa có kinh điển, nhưng họ không học, cho nên không giống thời xưa. Thời xưa thật học, thật sự mở lớp, thật sự giảng dạy.

Sau này, chúng ta thấy trong điển tịch, chùa chiền, am đường thời cổ đại, thật sự giảng dạy không hề gián đoạn, lên lớp giảng dạy không hề gián đoạn. Chùa ngày xưa không giống chùa thời nay, nó thật sự giống trường học. Vì thế, mọi triều đại của Trung Quốc, những người có học vấn, có đạo đức, rất nhiều người thành công lập nghiệp. Nơi những người trẻ học đều là trong chùa, học ở trong chùa, gọi là tự viện chứ không được gọi là chùa. Kinh điển trong tự viện vô cùng phong phú.

Vào thời đó, những người muốn học, họ học ở đâu? Học trong tự viện. Tầng kinh các trong tự viện chính là thư viện, cất giữ đầy đủ kinh sách, không riêng gì sách Phật. Sách của Thích, Đạo, Nho; sách *Bách Gia Chư Tử* đều có đủ, đều thấy

được ở nơi đó. Các vị hòa thượng là những vị thầy giáo giỏi. Trong khi học tập gặp phải vấn đề gì, cần thỉnh giáo với họ, họ đều giảng giải cho quý vị, tình nguyện hướng cho dẫn quý vị.

Ngày xưa, không có trường học, học tập trong tự viện. Phật giáo ngày nay thật sự đã biến thành tôn giáo, giáo dục bị biến chất, biến thành tôn giáo, không học tập kinh điển nữa. Câu nói này của thầy giáo khiến tôi thức tỉnh, “trong kinh điển”. Chúng tôi đến chùa làm gì? Đến chùa tìm kinh tạng, tra kinh điển, sao chép kinh, bởi kinh sách thời đó rất ít, trong cửa hàng sách mua không có. Chúng tôi muốn học kinh gì phải tự mình sao chép ra. Nguồn gốc trí tuệ đấy, khỏe mạnh sống lâu. Khỏe mạnh còn tạm được, tôi biết thọ mạng của mình rất ngắn. Làm thế nào để kéo dài thọ mạng?

Chúng tôi không mong cầu. Sau này gặp được thầy Lý, Lý Bình Nam lão cư sĩ. Thầy rất từ bi, gặp đám người trẻ tuổi chúng tôi, khi đó thầy đã 70 tuổi rồi, đối với những người không có phúc, những người thọ mạng ngắn ngủi, thầy rất từ bi, rất quan tâm. Thầy dạy chúng tôi giảng kinh. Mục đích giảng kinh là gì? Là kéo dài thọ mạng. Trong vấn đề tích lũy công đức, công đức lớn nhất là giảng kinh dạy học. Đây là pháp bố thí, cũng là vô úy bố thí, giúp cho người phá mê khai ngộ, tự mình phá mê khai ngộ, giúp cho người phá mê khai ngộ. Trong thế gian pháp, đây là pháp môn số một để tích lũy công đức.

Thầy phát tâm dạy chúng tôi, chúng tôi cũng học tập nghiêm chỉnh. Thật sự kéo dài thọ mạng từ đây. Kéo dài bao lâu? Chúng ta thấy trong sách cổ, cuốn đầu tiên tôi đọc là *Liễu Phàm Tứ Huấn*. Tôi đọc cảm thấy rất xúc động. Khi đó, tôi chưa tiếp xúc với Phật pháp, lão cư sĩ Châu Kính Trụ người Triết Giang tặng cho tôi, tặng tôi cuốn sách này để tôi đọc. Trong hơn 1 tháng, chưa đến 2 tháng, tôi đọc cuốn sách này từ đầu đến cuối 30 lần, cảm thấy rất xúc động. Những căn bệnh của tiên sinh Liễu Phàm tôi đều có, tôi không giỏi bằng tiên sinh.

Đọc cuốn sách này biết được điều gì? Phải thay đổi vận mệnh, có thể thay đổi được vận mệnh. Biết được thế nào là thiện, thế nào là ác, thế nào là đúng, thế nào là sai. Sau này học Phật, gặp được Chương Gia Đại sư, Ngài đã dạy tôi, giúp tôi thay đổi vận mệnh. Tôi đã nghe theo lời dạy của Ngài, từng chút từng chút, bắt đầu học cách bố thí từ một hào, hai hào. Bởi trong tự viện có in kinh, họ thường mang đến một danh sách, mỗi người góp một chút tiền, một hào hai hào đều được, họ không từ chối. Phóng sinh cũng dùng phương pháp này, một hào hai hào đều được. Từ đó, tôi bắt đầu hoan hỷ tu bố thí, về sau càng bố thí càng nhiều.

Từ năm tôi 70 tuổi trở về sau, Khổng Lão phu tử nói: “*Tùy tâm sở dục bất du củ*” (Tùy lòng ham muốn, nhưng không vượt ngoài quy củ). Chúng ta chưa đạt đến cảnh giới đó, nhưng hơi giống một chút. Thật sự có nhiều việc tâm tưởng

sự thành, càng ngày càng thuận lợi, càng ngày càng tự tại, càng ngày càng hoan hỷ. Đó là gì? Thông thường, người ta nói rằng đó là Phật lực gia hộ. Gia hộ cách nào? Đức Phật đem phương pháp, lý luận chỉ cho ta, bản thân ta phải học, phải thật tu, thì quả báo mới hiện tiền. Nếu không thật tu, đức Phật cũng chẳng thể gia hộ được. Vì thế, quý vị phải hiểu, đức Phật gia hộ là kinh giáo gia hộ, gia hộ trên mặt lý luận, phương pháp. Ta y theo lý luận, phương pháp mà thực hành, hiệu quả sẽ hiện tiền. Đây là sự thật không giả dối đâu.

Đức Phật là Tăng thượng duyên đối với chúng ta, chắc chắn có Thân nhân duyên. Vì sao? Tâm hiện thức biến mà, mọi người ai cũng có, rất bình đẳng. Sở duyên duyên thì khác, mục tiêu của ta ở đâu, phương hướng của ta ở đâu, phải xác lập cho chính xác. Càng đơn thuần, càng chuyên nhất, càng mau thành tựu.

Vì thế, tôi học với thầy Lý, thầy dạy chúng tôi học kinh chỉ được học 1 môn, muốn học 2 môn một lúc, thầy sẽ nói cho ta biết, ta không có năng lực đó. Đó là gì? Đó là bậc thượng căn, ta không có năng lực này, chỉ có thể học 1 môn thôi. *“Nhất môn thâm nhập, trường thời huân tu”*. Tiêu chuẩn học tập của chúng ta là học 1 bộ kinh. Học xong 1 bộ kinh rồi, bản thân mình phải giảng 10 lần. Giảng ở đâu? Các bạn học đều là hàng cư sĩ, bản thân thầy Lý cũng là cư sĩ, giảng ở nhà cư sĩ.

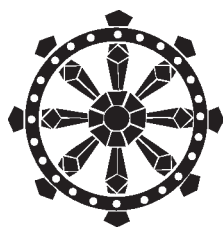
Có bao nhiêu người nghe? 3 người, 2 người, mỗi tuần 1 lần. Thứ hai giảng ở nhà anh Trương, thứ ba giảng ở nhà chị Lý, thứ tư giảng ở nhà ông Vương. Nhưng khi thầy giáo không lên lớp, chúng tôi sẽ tìm cơ hội đi giảng, tìm người đến nghe, nền tảng được xây dựng trên cơ sở này. Sau khi giảng xong để cho mọi người đặt câu hỏi, xem bản thân mình có giải đáp được chăng? Không giải đáp được, thì đi thưa hỏi thầy giáo. Học tập cũng là nhất môn thâm nhập, nắm chặt không buông, không được cùng lúc học 2 môn, thầy giáo quy định vô cùng nghiêm khắc.

Dự thính được chăng? Được dự thính. Thầy giáo dạy rất nhiều thứ, dạy giảng kinh, diễn giảng, cổ văn, dạy *Luận ngữ*, *Lễ ký*, thi từ. Khi đó, tôi thấy ít nhất có khoảng 7 đến 8 môn học, nên thầy giáo rất bận. Nhưng khi học, đăng ký học môn nào, thì chỉ được phép học môn đó, không được học môn khác. Nhưng khi thầy dạy người khác, quý vị có thể đến dự thính. Có thể dự thính, điều này thầy không cấm, nhưng không được đăng ký học, chỉ được đăng ký học một môn. Khi chúng tôi ở Đài Trung 10 năm, vẫn dùng cách này để học.

Những điều này đều nói về “*Ký duy tâm hiện. Tùng duyên nhi khởi. Vô định tính dã*”.

Dưới đây, đưa ra một ví dụ: *Sở vị tiểu phi định tiểu, ư vi trần năng hàm thái hư. Đại phi định đại, luân vi vô số nhập*

*mao đoan trung* (Cái gọi là nhỏ mà không phải nhất định nhỏ, ở trong vi trần có thể chứa đựng thái hư; lớn không phải nhất định lớn, mà xoay tròn làm vô số vào trong đầu một sợi lông).



# **TỊNH ĐỘ ĐẠI KINH GIẢI DIỄN NGHĨA**



**TẬP 66**



**Giảng ngày 23 tháng 6 năm 2010**  
**Phật Đà Giáo Dục Hiệp Hội HongKong**

***Chuyển ngữ: Tử Hà***

***Biên tập: Bình Minh***



**C**hư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời xem tiếp *Thập huyền vô ngại thập nhân*. Bắt đầu xem từ dòng thứ 2.

*“Pháp vô định tính, vị nhất thiết chư pháp, ký duy tâm hiện, tùng duyên nhi khởi, vô định tính dã. Sở vị tiểu phi định tiểu, ư nhất vi trần năng hàm thái hư, đại phi định đại, luân vi vô số nhập mao đoan trung. Kinh vân: Kim Cương vi sơn số vô lượng, tất năng an trí nhất mao đoan thị dã. Cố bỉ thử tất hữu khả viên dung chi lý”* (Pháp không định tính là hết thảy các pháp. Đã là duy tâm hiện theo duyên mà khởi, thì không có định tính vậy. Cái gọi là nhỏ mà không phải nhất định nhỏ, ở trong vi trần có thể chứa đựng thái hư; lớn không phải nhất định lớn, mà xoay tròn làm vô số vòng trong đầu một sợi lông. Kinh nói: Vô lượng số kim cương thảy đều đặt vào trong đầu sợi lông, cho nên kia đây ắt có lý, có thể viên dung).

Chư vị Tổ sư nói cho ta biết, đều là nguyên lý nguyên tắc, có thể ứng dụng trong tất cả pháp, nghĩa là pháp không có định tính. Vì sao tất cả pháp không có định tính? Bởi do tâm hiện thức biến. Tâm là tự tính. Tự tính năng sinh, năng hiện. Nó bất biến. Biến là gì? Biến là duyên. Duyên thay đổi, khác nhau rất nhiều.

Các nhà khoa học ngày nay gọi duyên là ý niệm. Ý niệm thiên biến vạn hóa. Ý niệm trước diệt rồi, ý niệm sau khởi

lên. Có thể ý niệm trước là thiện, ý niệm sau là ác, không cố định. Nếu tất cả là ý niệm ác, đứng về cá nhân mà nói, người đó sẽ có phiền não, bệnh tật. Cơ thể này, năng sinh năng hiện là tự tính, không sai tí nào. Thể của nó là tự tính, nhưng hiện tướng là thức. Y chính trang nghiêm trong mười pháp giới là do thức biến ra. Nếu chuyển 8 thức thành 4 trí, thì thế giới đó là Nhất chân pháp giới, chứ không phải mười pháp giới.

Chúng tôi thường nói đến Thật Báo Trang Nghiêm Độ của chư Phật Như Lai. Đức Phật Thích Ca Mâu Ni giới thiệu cho chúng ta thế giới Cực Lạc. Thế giới Cực Lạc không biến hóa. Con người thọ vô lượng. Tuy thọ vô lượng, thọ mạng rất dài, nhưng không già nua, không bị lão hóa. Vì sao? Vì nó không thay đổi, cho nên hoa cỏ, cây cối đều là 4 mùa thường xuân, nó cũng không thay đổi, là một thế giới như vậy. Vì sao? Bởi nơi đó không có vọng niệm. Chẳng những không có phân biệt, chấp trước, mà ngay cả khởi tâm động niệm cũng không có. Thế giới đó nương vào đâu mà xuất hiện? Có tập khí khởi tâm động niệm, thật sự không có khởi tâm động niệm, là một thế giới như vậy đấy. Chúng ta chẳng thể không hiểu. Kinh điển Đại thừa nói cho ta biết chân tướng sự thật, pháp giới Phật trong mười pháp giới cũng biến hóa. Vì sao? Bởi còn dùng vọng tâm, chứ không phải dùng chân tâm. A Lại Da là vọng tâm.

Chúng tôi dùng cách nói đơn giản nhất để quý vị dễ hiểu, thức thứ 8 - thức A Lại Da. Ưu điểm của nó là ký ức. Chúng

ta ghi nhớ những điều đã học, đều ở A Lại Da, cho nên A Lại Da giống như kho chứa vậy, kho chất chứa. Những điều học tập từ vô thủy kiếp đến nay, đều chất chứa ở đó, đó là phòng tài liệu. Thuật thôi miên ở phương Tây, họ dùng phương pháp thôi miên, đã nói ra những điều hàm tàng trong A Lại Da, mà quý vị chất chứa từ nhiều đời nhiều kiếp. Đạo lý là như vậy. Nếu như không chất chứa, sao quý vị có thể biết được những chuyện trong quá khứ? Do vậy, nó là kho chất chứa đấy.

Thức thứ 7, Mạt Na thức là chấp trước. Thức thứ 6 là phân biệt. 5 thức trước: nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân là gì? Là truyền thông tin, giao tiếp trong ngoài, truyền bên ngoài vào bên trong. Truyền bên trong ra bên ngoài, nó lo công việc này. Nó không thể làm chủ, chỉ là truyền đạt mà thôi. Tôi dùng cách này để giải thích, thì quý vị sẽ dễ hiểu.

Người thật sự làm chủ là ai? Sức mạnh làm chủ lớn nhất chính là thức thứ 6, nó biến hóa rất giỏi. Thức thứ 7 rất cố chấp. Thật sự làm chủ chính là 2 thức này. Ý niệm biến hóa rất nhanh. Ở đây, nói nó không có định tính, “tiểu phi định tiểu”, trong một vi trần bao hàm được cả hư không. Đại cũng không định đại, Luân Vi đại. Luân Vi là núi Luân Vi, chính là vũ trụ. Ngày nay, gọi là vũ trụ, là tinh hệ của chúng ta. Dùng Luân Vi để hình dung tinh hệ, tinh hệ xoay tròn. Mặt trời xoay quanh hệ ngân hà; hành tinh trên quả địa cầu xoay quanh mặt trời, đều là xoay. Luân Vi ở đây có nghĩa là như

vậy. Những tinh cầu vận hành trong không trung, đều đang xoay tròn, xoay quanh trục tâm. Trục tâm nhỏ xoay quanh trục tâm lớn. Trục tâm lớn xoay quanh trục tâm lớn hơn. Lớn, lớn như thế nào? Lớn có thể đặt vào trong lỗ chân lông. Hiểu được đạo lý này rồi, suy rộng ra, chúng ta nói nhiễm, tịnh. Nói theo cách này, nhiễm phi định nhiễm, tịnh phi định tịnh, thiện phi định thiện, ác phi định ác. Hiểu được đạo lý này rồi, vừa điểm là thông được ngay.

Vì sao xã hội ngày nay có nhiều vấn đề như vậy? Thiên tai trên quả địa cầu này, xảy ra từng ngày. Chúng tôi không xem TV, không đọc báo, không tiếp xúc với giới truyền thông, nên không biết nhiều, chúng tôi chỉ nghe các vị đồng tu nói, họ thấy trên TV, thấy trên mạng Internet, nghe tin tức. Nghe họ nói như vậy, thấy đáng sợ quá. Sao có nhiều như vậy? Những việc này các nhà khoa học có nói, đỉnh cao của khoa học thời cận đại gọi là khoa học lượng tử. Tôi đọc trong sách, thấy có một bài viết như thế này: Sinh mệnh của chính mình, chính bản thân mình, và địa cầu là một thể cùng tồn tại. Sinh mệnh của chúng ta và địa cầu cùng một duyên khởi, cùng một tự tính. Cùng một duyên khởi, quả địa cầu hiện ra những hiện tượng không cân đối, ngày nay đã xuất hiện. Đó là gì? Đó là miêu tả trạng thái mất quân bình trong cơ thể của nhân loại. Cơ thể của chúng ta có vấn đề, nội bộ không quân bình, cho nên chiêu cảm địa cầu không quân bình. Động đất, núi lửa bộc phát, khí hậu biến

hóa, đó là gì? Là sự phản ứng từ trong ý thức của nhân loại, phát sinh chuyển biến kịch liệt. Hậu quả đó do ý niệm và giá trị hình thành.

Tôi tin đây là sự thật chứ không giả đâu. Vì thế, một niệm bất thiện, sẽ sinh ra nhiều vấn đề. Giải quyết được chăng? Được! Sao không giải quyết được? Các nhà khoa học cũng nói, kỳ thật nhân loại có thể thay đổi những thứ dự ngôn liên quan đến đại thiên tai, thay đổi được những dự đoán này. Thậm chí, những đại nạn bức bách ngay trước mắt, chúng ta có sức để ngăn chặn sóng dữ. Thay đổi cách nào? Thay đổi tư tưởng, hành vi của chúng ta, quả địa cầu này lập tức được cứu vãn. Ở đây, nói về điều gì? Nói về pháp Vô định tính, những điều dự ngôn nói không nhất định. Nói ra những điều dự ngôn này, nghĩa là thế nào? Các nhà dự ngôn có nhiều điều họ thông được, họ thấy được, thấy được hiện tượng này. Vào thời điểm đó, họ thấy được hiện tượng này. Ví dụ, một năm trước, họ thấy được, một năm sau ý niệm chuyển đổi thành tốt, lập tức hiện tượng đó sẽ thay đổi.

Nếu ta không thay đổi, thì sẽ đúng như sự dự đoán của họ. Chúng ta thay đổi, thì sự dự đoán của họ sẽ không còn linh nữa. Đạo lý là như vậy. Gần là nói đến cơ thể của chúng ta, bản thân ta có thể khống chế cơ thể mình. Nói xa là gia đình mình, đạo tràng của ta, cho nên việc dạy học rất quan trọng. Tôi cũng thường nói với học trò, khi giảng kinh cũng đề cập đến. Vì sao thế giới Cực Lạc đẹp như thế? Vì sao thế

giới Hoa Tạng đẹp như thế? Thật Báo Độ của chư Phật thì không còn gì để nói. Vì sao? Bởi nơi đó, hàng ngày chư Phật Như Lai giảng kinh, ngày nào cũng thuyết pháp không gián đoạn, cho nên tập khí vô thí vô minh ở nơi đó không thể phát tác được. Ngày nào đức Phật cũng giảng kinh thuyết pháp, làm sao có thể phát tác được? Lâu ngày chày tháng, dần dần tập khí không còn nữa, tự nhiên biến mất. Đạo lý là như vậy. Nếu ở thế giới đó, đức Phật không giảng kinh, Bồ tát cũng không giảng kinh, tôi nghĩ chỉ mấy năm thôi, nó sẽ biến thành giống như quả địa cầu của chúng ta vậy.

Vì thế, chư Phật Như Lai hàng ngày giảng kinh thuyết pháp ở đó, giúp cho chúng sinh từ từ đều thành Phật. Cũng có nghĩa là 41 phẩm vô minh, vô minh đây là tập khí vô minh, chúng ta có học trong kinh *Hoa Nghiêm*. Sau khi đoạn hết tập khí vô minh, trở về Thường Tịch Quang, trở về tự tính. Trở về tự tính rồi, khoa học không thể nào tìm thấy nữa. Còn ở Thật Báo Độ, thì các nhà khoa học còn thấy được, nhưng họ không biết nguyên nhân gì, vì sao nơi đó không biến đổi. Điều này, đến nay cũng vẫn chưa phát hiện được.

Tôi tin rằng trong tương lai, khoa học tiến bộ hơn nữa sẽ phát hiện ra, còn bây giờ chỉ thấy hiện tượng nhưng không biết được nguyên nhân. Nguyên nhân nằm trong kinh điển Đại thừa. Thầy Phương Đông Mỹ nói với tôi, kinh điển Đại thừa là triết học tối cao trên toàn thế giới.

Trải qua gần 60 năm học tập, chúng tôi phát hiện ra, chẳng những là triết học tối cao, mà còn là khoa học tối cao nữa. Khoa học ngày nay phát triển 2 đỉnh điểm: Một là thế giới vĩ mô. Trong thế giới vĩ mô thấy được, bộ phận lớn của vũ trụ không còn nữa. Đây là báo cáo của giới khoa học. Khoa học kỹ thuật thật sự có thể quan sát và hiểu được được vũ trụ, chỉ thấy được 10% của vũ trụ, 90% vũ trụ không còn thấy nữa. Có người nói hay là nó núp ở chỗ bất đồng không gian duy thứ? Chúng ta suy đoán cách nào, cũng chỉ nằm trong không gian 3 chiều, không thể vượt ra ngoài không gian duy thứ. Dĩ nhiên, đây chỉ là một cách nói. Nhưng đến cuối cùng, thật sự không thấy vũ trụ. Nó ở đâu? Nó trở về tự tính rồi. Từ tự tính sinh khởi, cuối cùng lại trở về tự tính. Tự tính vô cùng kỳ diệu, nó không phải là tinh thần, không phải là vật chất, cũng chẳng phải thời gian hay không gian. Đối với nó, thật sự không thể làm gì, nhưng nó ở đâu? Không nơi nào chẳng có, không lúc nào chẳng có, không chỗ nào chẳng có. Nó là bản thể của vạn pháp. Không có nó, thì chẳng có tất cả pháp. Chỉ cần thấy có pháp, thì biết là có nó.

Khi học tập, chúng tôi thường dùng màn hình để làm ví dụ. Chúng ta thấy màn hình TV, màn hình vi tính. Màn hình giống như tự tính vậy. Tất cả mọi hiện tượng hiện ra không thể tách rời màn hình. Màn hình trước sau vẫn bất động, không hề bị nhiễm ô. Tất cả mọi hiện tượng đều hiện lên trên màn hình. Thanh tịnh cũng được, nhiễm ô cũng được,

thiện cũng được, ác cũng được, có liên quan gì đến màn hình chẳng? Không liên quan gì hết. Trong kinh nói rất hay, tất cả pháp đều do tâm hiện, thức biến. Theo duyên mà khởi lên gọi là thức biến. Phàm những hiện tượng này đều không có định tính. Chư Phật, Bồ tát thấy tất cả chúng sinh, vì các Ngài không khởi tâm động niệm. Vì sao? Bởi nó không định tính. Chúng sinh hư, tuyệt đối chư Phật, Bồ tát không nói nó hư. Chúng sinh tốt, tuyệt đối các Ngài cũng không nói nó tốt. Chư Phật, Bồ tát đối xử bình đẳng, không khởi tâm, không động niệm, không phân biệt, chấp trước.

Sự thay đổi đó ở trong một niệm. Một niệm giác là thanh tịnh, là thiện. Một niệm nhiễm ô là niệm ác, là bất thiện. Ý niệm này thay đổi trong từng sát na. Dĩ nhiên, sự thay đổi này có liên quan đến tập tính của mình. Chẳng phải một đời ta mê hoặc điên đảo, đời đời kiếp kiếp đều ở trong A Lại Da, mà trong A Lại Da tập khí bất thiện nhiều, tập khí thiện ít. Những tập khí thiện này muốn khởi hiện hành phải có duyên. Duyên ở đây, nó liên quan đến cảnh giới của chúng ta. Người xưa thường nói: *"Gần mực thì đen, gần đèn thì sáng"*, xem quý vị sinh ở môi trường nào. Nếu môi trường tốt, thì con người sẽ tốt. Môi trường không tốt, thì con người chẳng thể không hư. Vì thế, môi trường ảnh hưởng đến con người rất lớn.

Môi trường nhỏ là gia đình, môi trường lớn là xã hội, là thế giới. Nếp sống trong thời đại ngày nay như thế nào? Có thể nói, thời đại này là thời đại đấu tranh, tranh danh trục

lợi. Sau khi đức Phật Thích Ca diệt độ ngũ ngũ bách niên, nghĩa là 2.500 năm sau, đấu tranh kiên cố, khởi tâm động niệm tổn người lợi mình.

Hôm nay, tôi nghe học trò nói, đây không phải là tin mà là sự thật. Một bà lão có 5 đứa con, lớn tuổi rồi, không có đứa con nào nuôi mẹ, khiến cho người mẹ này đói mà chết. Chính phủ biết được việc này, kết tội 5 người con. Người con lớn 2 năm tù. Những người còn lại là 1 năm tù. Như thế còn ra thể thống gì? Nếu là pháp luật ngày xưa, thì 5 người con này đều chịu tội tử hình. Đây là đại bất hiếu. Điều này thật đáng sợ! Pháp luật thời xưa, có một điều luật gọi là Thân quyền xử phạt. Khi tôi còn nhỏ, đã được nghe danh từ này, cho nên rất có ấn tượng. Nghĩa là thế nào? Cha mẹ đến pháp viện thưa kiện con cái nói rằng, đứa con này của tôi bất hiếu, yêu cầu quý vị xử tử nó. Lập tức bị tử hình, không thể chối cãi được. Đó là Thân quyền xử phạt.

Người thương yêu con cái nhất là cha mẹ, mà ngay cả cha mẹ cũng không chấp nhận mình, người này còn làm người được chăng? Do đó, người thời xưa chẳng dám bất hiếu. Bên ngoài cũng phải đóng giả một chút, không đóng giả, cha mẹ kiện ra quan tòa thì mất mạng ngay, không thể chối cãi, lập tức chấp hành. Hình phạt này có lợi đối với sự an định của xã hội, bị xóa bỏ thật đáng tiếc. Dần dần, những pháp lệnh quy tắc giữ gìn xã hội an định, bị xóa bỏ hết. Xóa bỏ nên thiên hạ đại loạn.

Bất hạnh nhất là xóa bỏ nền văn hóa truyền thống, quý vị xem, nhà Nho bị xóa bỏ, nhà Đạo bị xóa bỏ, Phật giáo cũng bị xóa bỏ. Sự ảnh hưởng này ảnh hưởng đến ngày nay, ảnh hưởng xã hội loạn động, miên viễn không thể khôi phục được trị an. Ảnh hưởng lớn hơn nữa là sơn hà đại địa, ngày nay gọi là thiên tai tự nhiên. Thiên tai tự nhiên từ đâu có? Do ảnh hưởng ý niệm bất thiện. Điều này, chúng ta chẳng thể không biết.

Thích, Đạo, Nho đối với nền văn hóa truyền thống, chúng ta dùng cách nói thông thường, là 3 đạo này có công đức lớn. Chẳng những giúp cho xã hội an định, mà còn giúp cho nền luân lý, đạo đức nâng cao; giúp cho con người khi khởi tâm động niệm, không dám có ý niệm bất thiện, không dám có hành vi bất thiện. Đôi khi luân lý, đạo đức không thể kèm chế được, thấy danh cao lợi nhiều, biết là không đúng, nhưng vẫn động tâm, vẫn dám làm, nên gọi là thấy lợi tối mắt. Biết là sai, nhưng lợi ích này quá lớn, vẫn tham, vẫn dám làm. Nhưng nếu thật sự thông đạt nhân quả báo ứng thì không dám làm. Danh vọng cao cỡ nào, lợi ích nhiều cách mấy cũng không dám nhận. Người này biết rõ, có được một ít lợi trước mắt, nhưng hậu quả không thể lường được, chịu hậu quả gì? Tam đồ địa ngục.

Sau khi những thứ này bị xóa bỏ, xã hội bị loạn động, không thể khôi phục trở lại như xưa nữa. Người xưa dùng phương pháp này để giáo hóa chúng sinh đã mấy ngàn năm rồi.

Các tôn giáo khác, gần đây tôi tham vấn Giáo Đình của La Mã, họ cũng biết vấn đề xã hội vô cùng nghiêm trọng, quả địa cầu nguy cấp, họ dùng phương pháp gì? Cầu nguyện. Giáo chủ của họ nói với tôi, hàng ngày giáo đồ Thiên Chúa giáo trên thế giới cầu nguyện. Cầu nguyện có hiệu quả chăng? Dùng tâm chân thành, thanh tịnh, từ bi thì có hiệu quả. Trong đạo Phật tụng kinh bái sám, bao gồm cả tam thời hệ niệm mà chúng ta khởi xướng, đều thuộc về cầu nguyện.

Người xưa nói: *“Thành tắc linh”*. Cầu nguyện có linh chăng? Những người làm pháp sự này với tâm chân thành thì sẽ linh. Thành thì linh. Không thành thì chẳng linh. *“Thành tắc linh”* mà. Đây là trị ngọn chứ không phải trị gốc. Trị gốc nghĩa là gì? Trị gốc là dạy học. Quý vị nên biết, khi đức Phật Thích Ca Mâu Ni còn tại thế, suốt 49 năm giảng kinh thuyết pháp, không ngày nào gián đoạn. Đó là gì? Là trị gốc đấy. Ngài đã làm bậc mô phạm cho chúng ta thấy, nếu quý vị thật sự hiểu rõ rồi, sẽ biết rằng đạo Phật là giáo dục chứ không phải là tôn giáo. Nhưng xã hội ngày nay nói đến tôn giáo, tôi nghĩ có ít nhất 6 dạng hình thức không giống nhau tồn tại. Tôn giáo mà đức Phật Thích Ca Mâu Ni truyền lại là giáo dục, chúng ta là người kế thừa.

Sau khi tôi học Phật, quen biết Chương Gia Đại sư, tôi sống ở Đài Loan một mình, không có gia quyến, không cần phải lo toan. Đại sư khuyên tôi nên xuất gia, khuyên tôi học đức Phật Thích Ca Mâu Ni. Tôi đọc cuốn sách đầu tiên về đạo

Phật là cuốn *Thích Ca Phương Chí, Thích Ca Phổ*. Chương Gia Đại sư hướng dẫn tôi, mới tiếp xúc Phật pháp, phải nên nhận biết đức Phật Thích Ca Mâu Ni, thì theo học với Ngài sẽ không bị đi sai đường. Nhân duyên này vô cùng thù thắng, ít người gặp được. Sau khi đọc rồi, mới biết đức Phật Thích Ca Mâu Ni thông minh, hiểu học, xuất thân từ vương tử: 19 tuổi xuất gia, Ngài hiểu học, tham học khắp nơi. Địa vị thù thắng, lại thông minh, người như vậy, có vị thầy nào không thích học trò như vậy? Ngài được trời giúp đỡ. Tất cả cao nhân trong các tôn giáo ở Ấn Độ thời đó, Ngài đều thân cận, đều học qua với họ. Các nhà đại triết học, các vị nhân giả có đại trí tuệ, Ngài cũng từng thân cận.

Trong suốt 12 năm, từ năm 19 đến năm 30 tuổi, tất cả những vị tài giỏi của Ấn Độ, Ngài đều thân cận hết. Ấn Độ vào thời điểm đó, có thể nói rằng tư tưởng học thuật, tôn giáo, đều là số một trên toàn thế giới. Ngài đã ra đời vào thời điểm đó. Nhân duyên này quá thù thắng, có được cơ hội học tập tốt như vậy, còn thù thắng hơn Trung Quốc nhiều, xã hội an định hơn Trung Quốc.

Trung Quốc khi đó là thời Xuân Thu Chiến Quốc, xã hội loạn động bất an, xã hội Ấn Độ an định. Tôn giáo và học thuật của Ấn Độ, rất chú trọng thiên định. Trong kinh nói đến tứ thiên bát định, đó là Ấn Độ giáo. Tiền thân của Ấn Độ giáo là Bà La Môn giáo, lịch sử dài lâu. Tôi có qua lại với họ, vị trưởng lão của họ nói với tôi, tôn giáo này ít nhất là

có mặt hơn 10.000 năm rồi, họ phỏng đoán khoảng 13.000 năm trở lên.

Chúng ta có thể tin được. Nếu là 13.000 năm, họ có mặt sớm hơn Phật giáo 10.000 năm. Phật giáo tính đến nay là 3.000 năm. Họ tu tứ thiên bát định, đạt được thiên định là đột phá được không gián duy thứ, đột phá được. Những thứ mà người thường không thấy được, nhưng họ thấy được; người thường không nghe được, họ nghe được; người thường không tiếp xúc được, họ tiếp xúc được. Vì thế, ở trong định, họ đi đến 28 tầng trời, họ có thể đi đến cõi Trời Phi tướng. Phi phi tướng xứ, họ tận mắt thấy tai nghe, rất rõ ràng. Cõi dưới họ có thể đến được địa ngục A Tỳ, họ đến đó tham quan, khảo sát. Do đó, đối với lục đạo, họ rất rõ ràng.

Tình hình trong lục đạo, cũng không phải là nhất định, nó tùy theo ý niệm của chúng sinh mà chuyển đổi. Đọa vào địa ngục A Tỳ, thời gian tính bằng kiếp số, có thể mau chóng được thoát ra chăng? Được, chỉ cần một niệm thiện là thoát ra được. Nếu chấp trước kiên cố, không khởi được một niệm thiện, thì thời gian sẽ rất dài, không có pháp cố định. Điều này cần nên biết, pháp không có pháp cố định. Đức Phật có nói pháp cố định chăng? Không có. Đức Phật cũng không nói pháp cố định, mà uyển chuyển.

Đức Phật thuyết pháp có nguyên tắc, là ứng cơ thí giáo, nghĩa là ý niệm của chúng sinh chuyển đổi thế nào thì

Ngài dạy thế đó, uyển chuyển, không cố định. Đây là trí tuệ chân thật, hoàn toàn không bảo thủ, rất uyển chuyển. Nhưng chúng sinh trong ác đạo, chấp trước kiên cố, gặp được chư Phật, Bồ tát, các Ngài khuyên bảo họ, họ chịu nghe chăng? Không nghe, không chấp nhận. Không chấp nhận nên tiếp tục chịu tội. Chỉ cần họ có một niệm ăn năn, lập tức chư Phật, Bồ tát hiện tiền. Các Ngài vô cùng từ bi. Quý vị có một niệm muốn học, là Bồ tát đến dạy ngay. Không có ý niệm này, thì Bồ tát chẳng hiện tiền. Không có ý niệm này, thỉnh thoảng các Ngài hiện một tí, dụ quý vị, hướng dẫn quý vị. Quý vị thấy rồi muốn học, muốn học thì các Ngài đến dạy.

Chư Phật, Bồ tát từ đâu mà có? Từ tự tính biến hiện ra. Trong tam thời hệ niệm, thấy trong cuốn *Trung Phong*: “*Duy tâm Tịnh độ, tự tính Di Đà*”, thì quý vị sẽ biết được. Đức Phật A Di Đà từ đâu mà có? Đức Phật A Di Đà là tự tâm của mình biến hiện ra. Bản tâm chưa bao giờ xa rời quý vị. Mọi thời mọi chốn, các Ngài đều không xa rời quý vị, cho nên một niệm là Phật hiện tiền. Ngày nay, chúng ta niệm Phật A Di Đà, nhưng sao đức Phật A Di Đà không hiện tiền? Đức Phật A Di Đà hiện tiền, thật sự đã hiện tiền, nhận được sự cảm ứng. Vì sao ta không thấy được? Bản thân ta có nghiệp chướng, nên không thấy. Những việc này do Chương Gia Đại sư nói cho tôi biết. Nếu tiêu trừ được nghiệp chướng rồi, quý vị muốn thấy tướng gì sẽ hiện ra tướng đó.

Lần đầu tiên tôi đến HongKong giảng kinh, đó là năm 1977. Giảng kinh khi đó không có giảng đường lớn như thế này. Thư viện của Phật giáo Trung Hoa, quý vị đến tham quan thì sẽ biết, là một căn phòng nhỏ, một phòng khách, căn phòng nhỏ, chứa hơn trăm người, chật cứng, không thể đi lại được. Thời đó ở HongKong rất nhiều Pháp sư đến nghe kinh, Thánh Nhất Pháp sư cũng thường đến nghe.

Khi đó, Trung Quốc chưa hoàn toàn mở cửa, nhưng thầy ấy đã đến Trung Quốc. Pháp sư Nhân Đức ở Cửu Hoa Sơn mời thầy giảng kinh *Địa Tạng*, thầy hỏi tôi đi được không? Thầy ấy sợ. Tôi nói thật hiếm có, nếu đủ nhân duyên rồi thầy cứ đi đi. Có thể sau này không còn nhân duyên nữa, nắm bắt cơ hội, thầy cứ đi đi. Thầy đã đi, giảng kinh một tháng, rất cẩn thận, thận trọng sợ nói sai, thầy giảng kinh viết thành bài giảng, nung vào bài giảng để nói. Thầy có đưa cho tôi xem bài giảng này, tôi rất thích.

Thầy từng có 3 người xuất gia là đồng tham đạo hữu. Lần đầu tiên đến núi Phổ Đà, lễ bái Quán Âm Bồ tát. Đến động Triều Âm, 3 người đều ở ngoài cửa động lễ bái. Lễ bái nửa giờ đồng hồ, thì Bồ tát Quán Âm xuất hiện. 3 người đều thấy được. Khi trở về trên đường đi nói chuyện với nhau, mọi người đều hoan hỷ. Tôi thấy được rồi, hỏi người kia có thấy không? Tôi thấy rồi. Thầy thấy như thế nào? 3 người thấy hoàn toàn không giống nhau. Thánh Nhất Pháp sư thấy

giống như Bồ tát Địa Tạng đội mũ Tỳ Lô, toàn thân màu vàng. Ngài hiện tướng này.

Vị Pháp sư thứ hai thấy giống như Bạch Y Quán Âm, thường vẽ Bạch Y Quán Âm. Vị thứ ba thấy thầy xuất gia Tỳ kheo. Ngài hiện tướng xuất gia. 3 người đều thấy, 3 hình tướng không giống nhau. Bồ tát tùy chúng sinh tâm ứng sở tri lượng. Tâm của mỗi người không giống nhau, sự thành khẩn không giống nhau, thanh tịnh không giống nhau, từ bi không giống nhau, nên sự cảm ứng không giống nhau.

Đây là tướng không có tướng nhất định, nên 3 người thấy không giống nhau. Quý vị cần nên hiểu điều này, biết được tất cả pháp không có định pháp, nó thiên biến vạn hóa, thì còn chấp trước làm gì? Còn phân biệt làm gì? Vì thế, đức Phật dạy, không phân biệt, chấp trước, không khởi tâm động niệm, gọi là chính quán, là cái nhìn chính xác, nghĩa là không có ý kiến của riêng mình, mới thấy được sự bất định ở bên ngoài. Ý niệm của mỗi con người đều bất định, nên hiện tướng không giống nhau. Đây chính là pháp Vô định tính.

### 3- DUYÊN KHỞI TƯƠNG DO

*“Vị duyên khởi chi pháp, đệ tương do tích, nhiên pháp giới duyên khởi, nghĩa môn vô lượng, lược cử thập nghĩa, duyên khởi phương thành. Cố vân duyên khởi tương do dã”* (Duyên khởi do nhau, là pháp duyên khởi, lần lượt do chia sẻ nhau.

Nhưng duyên khởi các pháp có vô lượng nghĩa môn, lược nêu mười nghĩa, duyên khởi mới thành. Vì thế, nói là nguyên do của tướng duyên khởi).

Duyên khởi nghĩa là gì? Nghĩa là tất cả pháp từ đâu mà có, tất cả pháp thể là không, bất khả đắc. Bậc A La Hán biết được chân tướng sự thật này, bậc Bích Chi Phật cũng biết được, dễ hiểu. Do vậy, hàng A La Hán đạt được trí tuệ là Nhất thiết trí, nghĩa là biết được tất cả pháp, đều là không, đều là giả. Kinh *Kim Cương* nói: “*Phàm sở hữu tướng, giai thị hư vọng*”, “*Nhất thiết hữu vi pháp, như mộng huyễn bào ảnh*” (Phàm gì có tướng đều là hư vọng, hết thảy pháp hữu vi như giấc mộng, huyễn thuật, bọt nước, bóng hình). A La Hán chứng được, cho nên biết được tổng tướng của tất cả pháp. Tổng tướng là không.

Kinh *Bát Nhã* nói: “*Tất cả pháp là vô sở hữu, rốt ráo không, không thể đắc*”. Bậc A La Hán biết được tổng tướng. Nhưng tướng sinh khởi như thế nào, thì họ không biết được. Đây gọi là Đạo chủng trí. Đạo là đạo lý, đạo lý gì sinh khởi; chủng là chủng chủng pháp. Chủng chủng pháp nghĩa là tất cả pháp. Tất cả pháp từ đạo lý gì sinh khởi, nói về duyên khởi, cho nên ở đây nói về Đạo chủng trí. Đạo chủng trí là trí tuệ của Bồ tát, Bồ tát biết được. Biết được pháp này từ đâu mà có, cũng biết được tổng tướng của nó nữa, cho nên Bồ tát cao hơn A La Hán một bậc.

Pháp duyên khởi rất phức tạp. Kinh *Hoa Nghiêm* dạy: Sự sinh khởi của tất cả pháp là vô lượng nhân duyên. Trong kinh đức Phật dạy về 4 duyên sinh khởi pháp, nghĩa là quy nạp vô lượng nhân duyên thành 4 duyên. Đây là phương tiện trong việc giảng dạy của đức Phật. Ngài đã quy nạp thành 4 loại: Thân nhân duyên, Sở duyên duyên, Vô gián duyên, Tăng thượng duyên.

4 duyên này đều rất phức tạp. Thân nhân duyên là tự tính, chúng ta có thể hiểu được. Sở duyên duyên vô cùng phức tạp. Sở duyên duyên là gì? Sự khởi tâm động niệm trong từng sát na. Ý niệm này thiên biến vạn hóa. Cùng một ý niệm, nhưng mạnh yếu không giống nhau, tương tục không giống nhau, nhưng cảnh giới bên ngoài chịu ảnh hưởng. Bất luận là ý niệm gì, là vô tình hay cố ý, nên biết rằng, ý niệm như tín hiệu phóng xạ, chúng ta không ngừng phóng xạ, cũng không ngừng tiếp nhận. Tiếp nhận tín hiệu từ bên ngoài, sẽ ảnh hưởng đến chính mình.

Chúng ta phát ra cũng ảnh hưởng đến người khác, chẳng những ảnh hưởng đến người khác, mà còn ảnh hưởng đến hoa cỏ, cây cối, sơn hà đại địa. Hơn nữa là ảnh hưởng đến biến pháp giới hư không giới. Vì sao? Ngày xưa, chúng ta không hiểu, nhưng sau khi học *Hoàn Nguyên Quán* rồi, thì biết được. Trong *Hoàn Nguyên Quán* nói: Bất luận là vật chất hay tinh thần, nó là một hiện tượng ba động. Ba động này

nhỏ hơn, yếu hơn đi nữa, thì phạm vi ảnh hưởng của nó bao lớn? Trong *Hoàn Nguyên Quán* nói về 3 loại chu biến:

Thứ nhất là chu biến pháp giới, điều này thật đáng sợ! Một ý niệm cực kỳ nhỏ bé, như Bồ tát Di Lặc nói, một khảy móng tay có một phần ba trăm hai mươi triệu niệm. Thời gian bằng một khảy móng tay, một niệm trong đó, chu biến pháp giới. Chúng ta không thể tưởng tượng được. Khoa học lượng tử ngày nay cũng không thể tưởng tượng được. Tôi chưa từng nghe họ nói như vậy. Họ chỉ nói đến khởi tâm động niệm, sẽ ảnh hưởng đến sức khỏe của chính mình, ảnh hưởng đến tâm trạng không ổn định của mình, ảnh hưởng đến những người xung quanh, những người trong gia đình mình, ảnh hưởng đến hiện tượng vật chất ở xung quanh, đều chịu ảnh hưởng. Họ cũng nói rằng nếu quý vị ở bên ngoài, thì sẽ ảnh hưởng đến hoa cỏ, cây cối, sơn hà đại địa.

Các nhà khoa học chỉ nói đến đây, chứ họ chưa nói đến chỗ chúng ta còn ảnh hưởng đến tinh cầu khác, ảnh hưởng đến tinh hệ khác nữa. Nhưng Phật pháp đã nói rằng, trong biến pháp giới hư không giới, quý vị ở đây khởi một ý niệm, thì tất cả đều biết hết. Họ nhận được thông tin này, cho nên thông tin này bất luận là vô tình hay cố ý, là thiện niệm hay ác niệm, chỉ cần khởi một niệm là biến pháp giới hư không giới, chư Phật, Bồ tát đều nhận được hết. Ý niệm của các Ngài khởi lên đều là chính diện, đều là tốt, chúng ta cũng

nhận được. Nếu các Ngài không khởi lên những ý niệm này, thì thế giới này đã bị nổ tung từ lâu rồi.

Chúng ta nhận được ân đức từ các Ngài. Các Ngài lấy thiện, lấy chính diện truyền đến cho ta. Nếu chúng ta cũng đem chính diện đến cho các Ngài thì ổn rồi, những thiên tai hiện nay sẽ được giảm nhẹ đi, sẽ được hóa giải. Giới khoa học lượng tử đã khẳng định đạo lý này, họ nói sự thật đúng là như vậy. Vì thế, sống trong thế giới thiên tai trùng trùng này, các Ngài đã cho ta niềm tin, cho ta tia hy vọng. Chúng ta có năng lực điều chỉnh nếp sống xã hội, và môi trường tự nhiên trở nên tốt hơn, điều chỉnh trở lại bình thường.

*“Duyên khởi tương do”*. Đại sư Thanh Lương rất từ bi, Ngài đã nói lên 10 điều. Trong tổng đề mục gọi 10 điều này là Duyên Khởi Thập Nghĩa. 10 điều nghĩa là 1 điều này giảng rộng ra. Quý vị xem, trí tuệ của Bồ tát. Bồ tát biết được vũ trụ như thế nào? Trong kinh *Hoa Nghiêm Sớ Sao*, Đại sư Thanh Lương trích trong *Sớ Sao*:

*“Duyên khởi giả, vị chư pháp sở khởi nhân duyên, đệ tương nhiếp trì, thiệp nhập vô ngại, phân vi thập chủng, dĩ thích tiền Thập Huyền Môn chi nghĩa”* (Duyên khởi là các pháp do Nhân duyên khởi, thay nhau nhiếp giữ, khéo vào vô ngại, phân làm 10 loại, để giải thích nghĩa Thập Huyền Môn ở trước).

Thực tế mà nói, đoạn này giảng giải về những điều trước đây chúng tôi đã giảng. Duyên khởi tương do có 10 nghĩa:

1- “Chư pháp các dị nghĩa. Chư pháp các dị giả, vị chư pháp duyên khởi các bất đồng dã, cái chư pháp đệ hồ tương vọng, yếu tu thể dụng các biệt, bất tương tạp loạn, phương thành duyên khởi. Kinh vân: đa trung vô nhất tính, nhất diệt vô hữu đa, thị dã” (Ý nghĩa các pháp đều khác: Các pháp đều khác là vì các pháp duyên khởi đều bất đồng, vì các pháp lần lượt tiếp cận lẫn nhau, cần phải thể dụng đều riêng, nhưng không tạp loạn nhau, mới thành duyên khởi. Kinh nói: Trong nhiều không có tính một; một cũng không có tính nhiều, là nghĩa đó vậy).

Điều thứ nhất giảng giải cho chúng ta biết trong kinh, đức Phật thường nói về duyên khởi. Ở đây, nói có nhân-duyên-quả. Ngài không nói nhân khởi mà nói duyên khởi. Vì sao không nói nhân? Nhân muốn thành quả, trong đó nhất định phải có duyên. Nếu không có duyên, thì nhân chẳng thể biến thành quả. Giống như một hạt dưa, hạt dưa muốn kết thành quả phải có duyên. Nếu hạt dưa này không có duyên, chúng ta đặt nó vào trong ly uống trà, thì nó sẽ không có duyên, để một trăm năm cũng chẳng thể kết thành quả dưa. Duyên của nó là gì? Duyên của nó là đất, phải có phân bón, không khí, nước, ánh nắng mặt trời, con người chăm sóc nó. Đây là Tăng thượng duyên. Có đầy đủ những điều kiện này, nó lớn lên trông rất đẹp mắt, nó sẽ đâm chồi, nảy lộc, khai hoa, đậu quả. Thiếu một thứ cũng không được.

Qua đây, quý vị sẽ thấy được pháp giới duyên khởi là vô lượng nhân duyên. Vì thế, duyên mỗi mỗi đều khác biệt, giống như ví dụ chúng tôi vừa đưa ra. Chủng tử là nhân, thân nhân, đất là duyên. Đất và nước không giống nhau; nước và ánh nắng mặt trời không giống nhau; ánh nắng mặt trời và không khí không giống nhau. Nó phải có đầy đủ những điều kiện để nó sinh trưởng. Do vậy, duyên là điều kiện. Phải có đầy đủ nhiều điều kiện, nó mới có thể sinh trưởng.

Chư pháp: Pháp không giống nhau, duyên cũng không giống nhau. Con người đến thế gian này, đây là duyên. Nhân là gì? Nhân cơ bản là một thứ, là tương đồng, chính là tâm hiện thức biến. Điều này hoàn toàn tương đồng, tất cả pháp đều không ngoại lệ. Nhưng chúng ta đầu thai vào cõi Nhân gian này, chọn cha mẹ, đây là duyên phận. Vì sao quý vị chọn cặp vợ chồng kia làm cha mẹ mình? Sao không chọn người khác? Trong kinh, đức Phật giải thích rằng: Cha mẹ và con cái là do duyên. Nếu không có duyên, đối diện cũng không nhìn thấy, không tìm thấy. Duyên gì? Đức Phật nói có 4 loại duyên:

*Thứ nhất là báo ân:* Trong đời quá khứ, quý vị có duyên với người đó. Cha mẹ này có ân với quý vị, gặp lại vô cùng hoan hỷ, quý vị đến để đền ơn. Đứa trẻ đến để báo ân rất tốt, đỡ phải lo, hiếu tử hiền tôn mà! Nó rất thông minh, ngoan ngoãn, biết nghe lời. Quý vị hiểu được đạo lý này rồi, hãy kết thiện duyên rộng lớn với con người, kết ân huệ rộng, thì mới có nhiều người báo ân chứ.

*Thứ hai là báo oán:* Trong đời quá khứ, quý vị là kẻ thù của nhau. Nó sinh vào gia đình quý vị để báo oán, để báo thù. Chuyện này phiền phức lớn, đứa trẻ này trong tương lai là kẻ phá phách, nó sẽ khiến cho quý vị nhà tan cửa nát. Nó đến báo oán mà. Xã hội ngày nay, trẻ tốt thì ít, trẻ xấu lại nhiều. Nguyên nhân gì vậy? Cha mẹ quý vị có nhiều ân đức bố thí cho mọi người, hay ý niệm tự tư tự lợi, muốn chiếm đoạt của người khác nhiều? Đạo lý ở chỗ này.

*Thứ ba là đòi nợ:* Quý vị thiếu tiền nó, nhưng không nợ mạng nó, nó không đòi mạng quý vị đâu, nhưng kiếm được tiền thì phải trả cho nó, gọi là quỹ đòi nợ. Nếu thiếu nợ ít, đứa trẻ nuôi lên 3 lên 4 sẽ chết đi. Vì sao? Quý vị thiếu bao nhiêu tiền, thì tốn bấy nhiêu đó thôi. Đòi hết nợ, thì nó đi. Nó không có tình cảm gì với quý vị. Quý vị yêu quý nó, nó cũng chẳng có tình cảm với quý vị. Nếu thiếu nợ nhiều, có thể nó phải đòi đến năm 10, 20 tuổi, nuôi ăn học tốt nghiệp đại học, lấy được học vị tiến sĩ xong thì chết. Đó là đòi nợ nhiều.

*Thứ tư là trả nợ:* Đứa trẻ này thiếu nợ cha mẹ, cho nên nó chăm lo đời sống vật chất cho cha mẹ rất chu đáo. Nhưng cũng phải xem nó thiếu nợ bao nhiêu. Thiếu nợ nhiều, thì phải trả nhiều. Nó sẽ chăm lo đời sống vật chất cho cha mẹ thật hậu. Nếu thiếu nợ ít, cuộc sống của cha mẹ, nó miễn cưỡng cung cấp cho một ít đủ ăn là được rồi, không cho dư. Nó không lo cho cuộc sống của cha mẹ thật đầy đủ đâu. Sự việc này, chúng tôi tận mắt chứng kiến, coi cha mẹ là người

gì? Coi cha mẹ giống như người ở vậy. Cha mẹ lớn tuổi rồi, cũng phải có một người ở chăm lo cho, nhưng con cái xem cha mẹ như người ở vậy, tiền sinh hoạt hàng tháng tính chặt chẽ. Chưa học Phật, thì chẳng biết được. Học Phật rồi sẽ hiểu đây là trả nợ. Trong đời quá khứ cha mẹ thiếu nợ nó không nhiều, nên phải trả nợ ít.

Đức Phật dạy nếu không có 4 duyên trên đây, thì chẳng đến gia đình này. Học Phật rồi phải làm gì với gia đình mình đây? Đức Phật dạy chuyển nghiệp duyên thành pháp duyên. Dạy, quý vị hãy dạy họ, dạy luân lý, đạo đức, nhân quả. Hãy hóa giải những oan gia trái chủ trong đời quá khứ thành pháp duyên. Quý vị xem, chẳng phải những điều ta đang học đây sao? Không có định pháp mà. Pháp vô định pháp, xem quý vị biết chuyển đổi hay không. Khi Phật pháp chưa truyền vào Trung Quốc, tiền nhân đã biết đạo lý này, cho nên tiền nhân chú trọng cội rễ giáo dục. Cội rễ giáo dục là chuyển đổi duyên. Chẳng phải không chuyển đổi được duyên, chuyển được. Quý vị dạy họ, họ chuyển đổi được rồi, quý vị trở thành người ân lớn đức lớn đối với họ. Vì sao vậy? Đúng ra họ là những người báo ân, báo oán, đòi nợ, trả nợ. Ngày nay, quý vị chuyển đổi được họ rồi, dạy họ trở thành bậc hiền nhân, thánh nhân, thành chư Phật, Bồ tát, ân đức này to lớn vô cùng.

Học Phật thời xưa, ngày nào chư vị Pháp sư cũng dạy học, giảng kinh, cho nên người học Phật thật sự có giác ngộ.

*“Học nhi thời tập chi, bất diệc duyệt hồ”,* Phật giáo ngày nay không còn làm như vậy nữa. Điều này, chúng ta cần nên biết. Không còn Phật pháp, thì nhân loại thật đáng thương. Giống như đi biển không còn ngọn hải đăng, quý vị mù mờ trong biển lớn, không phương hướng, khổ sở biết bao. Hiểu thấu chân tướng sự thật này rồi, sẽ biết được bậc cổ thánh tiên hiền không hề có một chút tư tâm. Có tư tâm thì làm sao có thể thành thánh thành hiền, sao có thể thấy tính, sao có thể thấy được chân lý. Tự tính và chân lý ở ngay trước mặt, nhưng nếu có tư tâm thì cũng chẳng thể thấy được.

Vì thế, bắt buộc phải buông bỏ vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, mới có thể thấy tính, mới có thể thấy được chân lý, mới hiểu được kiếp này được làm người rồi, phải thực hành luân lý, đạo đức, nhân quả. Đó là gì? Đó là sự nghiệp của chư Phật, Bồ tát, sự nghiệp của thánh hiền. Như thế mới thật sự là ân đức bố thí đối với xã hội, đối với tất cả chúng sinh. Đạo lý chẳng phải khó hiểu, có chiều sâu nhất định, nhưng chẳng phải là khó hiểu. Ngày nào cũng học, huân tập thời gian dài, sẽ giác ngộ. Giác ngộ rồi, hạnh phúc của mình, sức khỏe của mình, thọ mạng của mình, đều nằm trong tầm tay của chính mình.

Quý vị có thể thay đổi chính mình, thay đổi gia đình, thay đổi sự nghiệp, thay đổi xã hội, thay đổi sơn hà đại địa. Điều này, đã được các nhà lượng tử lực học chứng minh. Thật may mắn, nếu không có khoa học chứng minh, chúng tôi

giảng về những thứ này không dễ dàng như vậy đâu. May mắn, các nhà khoa học đã làm chứng giúp tôi.

Ở đây, nói về duyên khởi của các pháp không giống nhau. Chúng tôi lấy con người làm ví dụ, lấy thực vật làm ví dụ, lấy hoa cỏ, cây cối làm ví dụ, lấy sơn hà đại địa làm ví dụ. Quý vị quan sát kỹ sẽ hiểu rõ. Ở trong đây khai mở trí tuệ. Chúng ta đối với con người, sự việc, muôn vật như thế nào, mới có thể đạt được thuần chính không nhiễm tà.

Duyên khởi có quy luật. Ai chế định ra quy luật này? Đây là Tính đức. Nếu dùng cách nói thời nay, thì gọi là quy luật của đại tự nhiên. Ví dụ con người, chúng ta hãy tư duy kỹ về vấn đề này, đến nay các nhà khoa học vẫn chưa thể giải thích. Con người khi đầu thai, linh hồn đi đâu? Nó dung hợp thành một thể với tinh cha huyết mẹ. Đó là một tế bào. Vì sao tế bào này ở trong tử cung lại lớn thành một cơ thể phức tạp như vậy? Bên ngoài có mắt, tai, mũi, lưỡi, thân; bên trong có ngũ tạng, lục phủ, không hề khiếm khuyết một tí nào. Nó lớn lên ra sao? Nhìn từ khía cạnh vật chất, như tinh trùng, trứng, quý vị xem trong đó có cái gì? Không tìm thấy. Đó là vật chất, bên trong bắt buộc phải có tinh thần.

Đầu thai, nghĩa là linh đi vào bên trong. Đạo Phật gọi là thần thức. Pháp Tướng Tông gọi là A Lại Da. A Lại Da này đi vào trong. Kỳ thật trong trạng thái này, dùng thuật thôi miên thật không thể nghĩ bàn! Thôi miên vào đó, nó có cảm giác,

biết được môi trường nó sinh sống, và nói ra, đúng là không thể nghĩ bàn.

Các nhà khoa học phương Tây đã làm qua thí nghiệm này. Họ đưa ra kết luận, người xưa nói về thai giáo rất có lý. Tuy chưa thành hình một con người, nhưng nó đã cảm nhận được sự khởi tâm động niệm của người mẹ. Ăn uống, ngủ nghỉ của người mẹ ảnh hưởng đến nó. Ở Trung Quốc, tôi tin rằng vấn đề thai giáo, tuyệt đối không phải thời Thái Nhậm mới bắt đầu. Thái Nhậm là mẹ của Chu Văn Vương, tuyệt đối không phải bắt đầu từ bà ấy. Trước thời bà ấy đã có rồi. Điều này, nói lên rằng từ thời xa xưa, tiền nhân đã hiểu được đạo lý này, đã biết được chân tướng sự thật này rồi, cho nên mới chú trọng vấn đề thai giáo như thế.

Cổ thánh tiên hiền dạy trẻ thơ, họ đã đem đạo lý này, viết vào trong *Tam Tục Kinh*. Đây chẳng phải là việc nhỏ mà là đại sự đấy. Trẻ thơ biết đọc *Tam Tục Kinh*. Ý nghĩa trong đó thâm sâu, “*Nhân chi sơ, tính bản thiện*” (Người mới sinh, tính vốn thiện). Câu này thật ghê gớm.

Nói về tự tính đấy! Thiện ở đây có nghĩa là gì? Thiện có nghĩa là vạn đức vạn năng trong tự tính. Các nhà khoa học ngày nay gọi là tiểu quang tử. Tiểu quang tử này, nhỏ hơn nhiều so với tinh trùng và trứng, không thể so sánh được. Mắt thường không thấy được tinh trùng, tiểu quang tử phải dùng kính hiển vi cao độ mới thấy được. Trong đó có gì?

Thông tin của vũ trụ, đều có đủ ở trong đó. Quý vị nên biết, trứng thụ tinh trùng, trong đó có đầy đủ thông tin của cả vũ trụ.

Quý vị chăm lo vun bồi cho nó, sao không thể vun bồi thành một vị thánh nhân chứ? Nếu hiểu được đạo lý này mà vun bồi, thì có thể vun bồi trở thành một vị Phật đấy. Vì sao? Bởi họ vốn là Phật, vốn là thánh nhân mà! Đây chẳng phải là gặp duyên, dần dần lớn lên không giống nhau đó sao? Duyên bất đồng mà! Người mẹ phải hiểu được đạo lý này, nghĩa là khi mang thai khởi tâm động niệm, ngôn ngữ tạo tác đều phải như lý như pháp. Đứa trẻ này hoàn toàn được hun đúc bằng chính khí, cho nó môi trường tốt.

Sau khi đứa trẻ chào đời, người mẹ phải làm tấm gương tốt cho nó. Cội rễ giáo dục là 3 năm – 1.000 ngày, từ khi đứa trẻ chào đời cho đến năm 3 tuổi, đây là thời điểm then chốt. Không phải là dạy nó đọc *Đệ Tử Quy*, mà cha mẹ phải thực hành *Đệ Tử Quy* cho nó thấy, là thân giáo chứ không phải ngôn giáo. Khi chào đời rồi, nó sẽ mở mắt nhìn, lỗ tai biết nghe, nó đang bắt chước, đang học đấy. Thực tế mà nói, chẳng phải chào đời nó mới học, mà ở trong tử cung của người mẹ, nó đã bắt đầu học rồi.

Điều này, mọi người không biết. Nếu không có thuật thôi miên thời cận đại, thì chúng ta cũng chẳng biết được. Nếu chỉ nghe lời đức Phật nói trong kinh, có lẽ chúng ta cho là

thần thoại, rất khó tin. Sau khi dùng thuật thôi miên, chúng ta mới biết được, đức Phật quá giỏi. Vì sao cuộc sống của một đứa trẻ trong tử cung người mẹ mà Ngài biết được? Có trong kinh điển. Cứ 7 ngày thai nhi trong tử cung lại có sự thay đổi, đức Phật nói rất rõ ràng. Ngài quá giỏi! Sao Ngài biết được? Thành Phật rồi, đúng là vô sở bất tri, vô sở bất năng. Không hỏi, Ngài như người không biết gì. Nhưng hỏi Ngài, thì điều gì Ngài cũng biết, Ngài sẽ giải thích một cách rõ ràng minh bạch. Ngài không hề có một chút tạp, một chút loạn nào.

Thành duyên khởi, nghĩa là kết quả hiện tiền, cho nên ý niệm thật sự không thể nghĩ bàn. Nó làm chủ tất cả. Ý niệm của con người chẳng thể không chính. Trong Phật pháp, chúng ta khởi tâm động niệm, không làm trái ngược *Đệ Tử Quy, Cảm Ứng Thiên, Thập Thiện Nghiệp*, đó là chính. 3 cội rễ Thích, Đạo, Nho, là nền tảng văn hóa truyền thống. Sau khi nắm vững 3 cội rễ này rồi, học ngũ luân, ngũ thường, tứ duy, bát đức của nhà Nho. Đó là gì? Là nền tảng của thánh hiền, cần cha mẹ và thầy giáo làm Tăng thượng duyên, quan trọng nhất là phải làm cho đứa trẻ thấy. Có được nền tảng này rồi, lại có duyên gặp được Phật pháp, chuyển từ thánh hiền thành Phật, Bồ tát. Trong đạo Phật gặp được bạn lành, gặp được vị thầy giỏi.

Con người thời nay thật đáng thương. Không biết được mình đến thế gian này để làm gì, thật đáng thương! Đến thế

gian này tự tư, tự lợi, tranh danh, đoạt lợi. Họ đến thế gian này để làm gì? Đến thế gian này tạo ác nghiệp, để chuẩn bị đi đâu? Chuẩn bị về 3 đường ác. Quý vị nghĩ xem, có oan ức không? Trong đạo Phật nói được thân người rồi, cần nên làm gì? Ở cõi Nhân gian nghiêm chỉnh tu tập, hướng thượng vươn lên, kiếp này ở cõi Người, kiếp sau ở cõi Trời. Cõi Trời có 28 tầng, từng tầng vươn lên, sau đó siêu việt luân hồi lục đạo, chứng quả A La Hán. Như thế mới không uổng một kiếp được làm người. Nếu không hiểu được đạo lý này mà làm càn làm bậy, thuận theo tập khí phiền não của mình, thì phiền phức lớn, lai sinh chắc chắn ở tam đồ.

Tam đồ khổ. Thời gian ở tam đồ dài. Vì sao vậy? Vì nghiệp chướng của mình phải tiêu trừ hết, tiêu trừ hết rồi mới được ra khỏi tam đồ trở lại cõi Người. Có được cơ hội lần nữa, quý vị phải hướng thượng vươn lên. Nếu không gặp được thiện duyên, mà gặp phải những tập khí ác, vẫn còn những tập khí ác trong tam đồ, lại gặp phải ác duyên thì phiền phức to. Vì thế, ở cõi Người được mấy ngày lại phải trở về ác đạo, trở về tam đồ rồi. Chẳng phải trong kinh *Địa Tạng* có nói như vậy sao? Mới ra được mấy ngày, sao lại trở về đó nữa rồi? Sự việc này chúng ta cũng thường thấy.

Chư Phật, Bồ tát thấy lỗi mà không trách điều này cũng rất tự nhiên. Thôi được, người cứ đi vài vòng, đi mệt rồi thì người sẽ giác ngộ, nghĩ rằng mình không thể làm nữa, khổ

quá rồi, không thể làm nữa! Như thế, quý vị mới nghĩ đến chuyện hướng thượng vươn lên. Niềm vui hướng thượng vươn lên đó, nói thiệt với quý vị, người thường không thể nào tưởng tượng được đâu, trong đó có chân lạc đấy. Ăn uống vui chơi ở thế gian này, tôi thường ví nó là hút thuốc phiện, chứ chẳng phải là chân lạc, chỉ cho con người chút cảm giác lâng lâng thôi. Học tam giáo Thích, Đạo, Nho đó mới là chân lạc. Cũng có nghĩa là không đi ngược lại luân lý, đạo đức, nhân quả, đó mới là chân lạc.

Đối với môi trường vật chất, cái đó không quan trọng, đó là gì? Là phúc báo, do tu mà có, chứ không phải của tự tính. Nếu quý vị thấy tính thì tốt rồi. Thấy tính thì phúc báo trong tự tính hiện tiền, đúng như lời người xưa nói: *“Lấy không tận, dùng không hết”*. Phúc báo đó là chân. Phúc báo khi chưa thấy tính là gì? Là do tu mà có, do lâm thời tu, không dùng được phúc báo của tự tính, nó không khởi dụng. Có đó, không hề tổn thất tí nào, nhưng không khởi dụng, không dùng được. Người này tu, phúc báo đó không ngoài tiền tài, thông minh trí tuệ, mạnh khỏe sống lâu. Đức Phật dạy chúng ta phương pháp tu lâm thời này, tu bố thí. Bố thí tài được giàu sang. Bố thí pháp được thông minh trí tuệ. Bố thí vô úy được mạnh khỏe sống lâu.

Ta thấy người có đầy đủ 3 phúc báo này. Lịch sử Trung Quốc có một người, có thiệt chứ không giả đâu, Hoàng đế

Càn Long đấy. Ông ta tự xưng mình là Lão Nhân Thập Toàn. Đời quá khứ tu nhiều phúc, nghĩa là tu 3 loại bố thí này. Quý vị xem, quý làm thiên tử, phú giàu 4 biển, làm hoàng đế 60 năm, làm Thái thượng hoàng 4 năm. Trong lịch sử Trung Quốc nói đến người có phúc không ai hơn được ông ấy. Trước thời Càn Long không có người như vậy, sau thời Càn Long cũng không có ai. Nguyên nhân gì? Trong đời quá khứ, chẳng phải một đời.

Làm một người lãnh đạo đất nước, thông thường mà nói không có 10 đời hành thiện, thì chắc chắn chẳng thể làm được, lấy đâu ra phúc báo lớn như vậy? Phúc báo như Càn Long, phải mấy chục đời tu tập, mới được hưởng quả báo như vậy. Nói cho quý vị biết, mấy chục đời tu tập, một đời làm hoàng đế là hết. Hưởng hết phúc báo rồi, hoàng đế Càn Long sẽ đi đâu? Đời sau lại đầu thai đến cõi Người này, nhưng không được huy hoàng như vậy nữa. Vì sao? Bởi ông ấy còn chút phúc dư, hưởng hết phúc báo nhưng còn chút phúc dư, giống như tập khí vậy, vẫn còn được mấy lần làm người ở cõi Nhân gian này. Cuộc sống cũng tạm ổn, nhưng đời sau kém hơn đời trước một chút.

Nếu thật sự thông minh giống như đức Phật Thích Ca Mâu Ni, đức Phật Thích Ca Mâu Ni cũng là vương tử, nếu không xuất gia là người kế thừa vương vị. Nói thật cũng không thua kém gì Càn Long đâu. Đời đời kiếp kiếp đức Phật

Thích Ca Mâu Ni tích lũy công đức, Ngài sẽ làm vị hoàng đế giỏi. Nhưng Ngài đã biểu diễn cho ta xem, Ngài làm Phật. Đời này, Ngài ở cõi Nhân gian tu chứng quả vị cứu cánh viên mãn, đúng là thông minh tuyệt đỉnh.

Chúng ta hãy bình tĩnh quan sát sự việc này, sẽ khai mở trí tuệ, sẽ không còn mê mờ trong vật chất dục vọng nữa. Một đời chứng được quả Phật cứu cánh viên mãn. Đó là gì? Là duyên bất đồng. Càn Long tu phúc báo nhiều như thế, từ nhỏ đã ở hoàng cung, ngày nay gọi là tiếp nhận nền giáo dục của hoàng gia. Đức Phật đã đi con đường này, năm 19 tuổi, đức Phật Thích Ca Mâu Ni rời khỏi gia đình, ra đi tham học, tiếp xúc với nhiều tôn giáo, tiếp xúc với nhiều nhà khoa học, tư tưởng của Ngài đã thay đổi. Môi trường không giống nhau. Ngài không trở về làm quốc vương nữa. Sau khi khai ngộ, Ngài bèn giảng dạy. Công đức dạy học rất lớn, 3 loại bố thí này đã đạt đến đỉnh cao.

Thứ nhất là bố thí tài. Đức Phật Thích Ca Mâu Ni không tiếp nhận bất cứ sự cúng dường nào. Tài gì? Bố thí nội tài, nghĩa là cơ thể, tinh thần, trí tuệ, sức lực, Ngài đã bố thí những thứ này. Quả báo bố thí nội tài, so với ngoại tài (tiền bạc), vượt trội hơn không biết bao nhiêu lần! Ngoại tài không thể so với nội tài. Đó là bố thí nội tài. Hàng ngày giảng kinh thuyết pháp là bố thí pháp. Giúp con người giải quyết những vấn đề nghi nan tạp chứng là bố thí vô úy.

Hàng ngày, Ngài làm công việc này, làm suốt 49 năm, viên mãn rồi. Quý vị nghĩ xem, một đời Ngài đã tích được bao nhiêu công đức! Không ai có thể sánh bằng Ngài. Vì sao Ngài phải thị hiện như vậy? Ngài làm cho chúng ta xem đây. Ngạn ngữ có câu: *“Chuyên môn xem phong cách, không chuyên môn xem tập nập”*. Giới không chuyên môn chẳng nhận ra, nhưng người chuyên môn thì thấy rõ ràng minh bạch. Thấy được rõ ràng rồi, sẽ có sự lựa chọn. Đó là gì? Là sự chọn lựa của trí tuệ.

Có thể nói rằng tôi vô cùng may mắn, cũng có nghĩa là gặp duyên thù thắng. Bản thân tôi không có năng lực lựa chọn, nhưng thầy giáo lựa chọn cho tôi. Bản thân tôi có lợi thế là biết nghe lời. Vì thế, khi ở Đài Loan quen biết 3 vị thầy. 3 vị thầy này dạy tôi, tôi vô cùng biết ơn! Khi đó, tôi không hề cúng dường cho 3 vị thầy này, không hề nộp một xu tiền học phí nào. Thầy Phương đặc biệt dành thời gian, lợi dụng vào ngày chủ nhật, mỗi tuần 2 giờ đồng hồ, học trò chỉ có một mình tôi. Lúc đó, đời sống sinh hoạt của tôi khó khăn. Thầy ấy biết, không nộp cho thầy một xu nào cả, vô cùng cảm ơn thầy! Đối với Chương Gia Đại sư cũng như vậy, tôi cũng không hề cúng dường cho Ngài một xu nào, theo học với Ngài 3 năm.

Sau khi Ngài viên tịch, tôi theo học với thầy Lý. Khi đó, tôi đã thôi việc rồi, đôi khi thầy Lý còn giúp cho tôi nữa. Tôi thiếu quần áo, thầy mua cho tôi, thật là hiếm có! Thầy giáo hướng

dẫn cho tôi con đường thành Phật. Nương vào đâu? Không gì khác ngoài việc nghe lời, nghe lời 100%. Có niềm tin đối với thầy giáo, có niềm tin đối với những điều mình học được. Tin tưởng mình có thể học tốt, không dám nói là học thật tốt, chỉ có thể nói là học tốt. Những điều này là nói về duyên. 3 vị thầy giáo của tôi đây không thể thiếu một người nào. Thiếu một người, thì tôi không thể thành tựu. Cuối cùng, phải có một người hộ trì nữa. Điều này rất quan trọng.

Ngày nay, học điều xấu rất dễ dàng, có nhiều người giúp quý vị. Học điều hay thì không dễ đâu, có nhiều người ganh tị, nhiều người làm chướng ngại. Họ luôn luôn muốn đánh gục quý vị, cho nên điều này phiền phức lớn. Phải có được vị hộ pháp tốt.

Khi tôi xuất gia, chỉ sống ở trong chùa 1 năm, sau đó thì sao? Sau đó không thể ở trong chùa nữa, họ không cho tôi ở. Vì sao? Bởi tôi học giảng kinh, nên họ không cần. Đạo tràng này không phải là giảng kinh, chỉ là tụng kinh bái sám thôi. Nếu tụng kinh bái sám, thì họ hoan nghinh, còn muốn giảng kinh thuyết pháp thì đi nơi khác vậy. Tôi không có chỗ nào để đi. Ở Đài Bắc có một đạo tràng nhỏ giảng kinh, cũng là người bạn xuất gia của tôi, Pháp sư Huệ Nhẫn. Ở HongKong quý vị biết vị này. Sau này, thầy đến HongKong. Thầy đã viên tịch mấy năm trước rồi. Thầy ấy thành lập một đạo tràng, rất nhỏ. Thầy tụng kinh bái sám để dành được một số tiền, mua được căn nhà mẫu giáo, ở Mộc San, Đài Bắc, Đài Loan. Thầy

mời tôi đến đó giảng kinh. Tôi ở đó khoảng 10 tháng. Quý vị nghĩ xem, ý niệm thay đổi rồi đó. Thầy Lý thường nói tâm tư nhiều thay đổi. Tâm tư phàm phu thay đổi bất thường.

Một hôm, thầy nói với tôi, thầy ấy muốn học giảng kinh. Khi đó, tôi đã học ở Đài Trung được một thời gian. Tôi học được gần 10 năm ở Đài Trung. Thầy ấy hy vọng tôi đem những gì mình học được ở Đài Trung, bắt buộc trong 3 tháng phải dạy lại cho thầy ấy biết. Tôi đâu có tài như vậy. Dù tôi có tài như vậy, nhưng trong 3 tháng chưa chắc thầy ấy đã học được. Nếu không được thì sao? Nếu không được, thì tôi phải ra đi.

Thời gian tôi ở đó có giảng mấy bộ kinh nhỏ, có một số thánh chúng. Cư sĩ Hàn khi đó cũng là thánh chúng. Gặp phải chuyện này, tôi có nói với cô ấy. Cô ấy rất nghĩa khí, người phương Bắc đấy, cảm thấy hơi bất bình. Cô ấy thương lượng với tôi, mời tôi đến nhà cô ấy ở, dẫn tôi về nhà xem. Nhà cô ấy là một căn độc lập kiểu Tây. Một căn nhà 2 tầng độc lập kiểu Tây. Con trai cô ấy ở tầng trên, có 3 phòng. Tôi đến đó xem xong, bèn dẫn cô ấy về Đài Trung, gặp thầy Lý, xin thầy Lý chỉ dạy. Thầy Lý đã đồng ý, cho nên tôi về nhà cô ấy ở. Quý vị nên biết, tôi đã ở nhà cô ấy 17 năm. Cô ấy giúp tôi tìm chỗ giảng kinh, như mượn phòng làm việc của bạn bè, mượn phòng của người ta. Vì thế, chúng tôi giảng kinh không cố định một chỗ nào.

Chỗ này giảng vài ba tháng lại phải đổi chỗ khác, mượn phòng. Bạn bè cô ấy mời một số người đến nghe, dần dần người đến nghe nhiều hơn. 17 năm sau, tôi mới có được một thư viện nhỏ. Thư viện đó, đại khái lớn gấp 3 lần phòng thu hình này thôi, thế là chúng tôi có một đạo tràng nhỏ ở Đài Bắc. Cô ấy đã giúp tôi 30 năm, giúp tôi 30 năm nên mới có sự thành tựu này. Ở nhà cô ấy, nên không có ai làm phiền, ngày nào cũng giảng, cũng tập luyện, gọt dưa nhiều lần đấy. Nếu không có duyên này, thì chẳng thể làm được. Khi đó chỉ có 2 con đường, một là tụng kinh bái sám, hai là hoàn tục. Chỉ có hai con đường, không còn cách nào khác. Quý vị nghĩ xem, khó khăn biết bao!

Chịu nhiều vất vả như thế, cho nên tôi phát tâm giúp cho những người trẻ. Người trẻ nào thật sự thích giảng kinh thuyết pháp, tôi sẽ cúng dường, tôi hộ trì. Thật sự không có người giúp quý vị học giảng kinh thuyết pháp đâu. Tụng kinh bái sám có tiền. Coi trọng đồng tiền thì tiêu rồi. Tiền xu thời xưa, người xưa đúng là có trí. Tiền xu ngày xưa hình tròn, ở giữa có lỗ hình vuông, nó giống cái gì? Giống như cái gông, khi phạm tội phải đeo vào cổ vậy. Tạo hình này dạy quý vị khi thấy tiền, phải biết rằng nó không phải là vật tốt. Chẳng thể không cần, nhưng phải hết sức cẩn thận, cho nên nó có dụng ý.

Quý vị thấy chữ “tiền”, đứng về mặt văn tự, một bên là kim, một bên là 2 con dao. 2 con dao nghĩa là gì? Là 2 người

tranh giành nhau. Nhìn chữ đó là bảo ta phải hết sức cẩn thận, không tốt đâu. Người mà mắt chỉ thấy tiền, thì tiêu đời rồi. Mắt thấy tiền, đó là địa ngục A Tỳ. Quý vị nên biết, trong một hình tròn, ở giữa có lỗ vuông, đó là cửa địa ngục đấy, sao quý vị lại chui vào đó?

Ngày nay, in thành ngân phiếu, thành tiền giấy. Ai dùng tiền giấy vậy? Quý dùng chứ không phải người dùng đâu. Từ đó, cho thấy người xưa rất có trí, người thời nay không thể nào sánh kịp.

“*Kinh vân*”. Kinh vân là chỉ cho kinh *Hoa Nghiêm*. Kinh *Hoa Nghiêm* nói: *Đa trung vô nhất tính, nhất diệt vô hữu đa*. (Trong nhiều không có tính một, một cũng không có nhiều). Chúng tôi thường giảng nhất đa bất nhị. Nhất chẳng phải định nhất, đa cũng chẳng phải định đa. Ở đây, nói về tất cả pháp là vô tính. Tính này không phải là chân tính, nó có nghĩa là tính chất của mỗi việc, cũng biến hóa vô cùng. Chúng ta phải đối phó cách nào? Đức Phật dạy: Không khởi tâm động niệm, pháp nhĩ như thị, nghĩa là tất cả pháp nó vốn như vậy, “chư duyên các dị”.

Chúng ta thấy động vật, con người có duyên của con người, súc sinh có duyên của súc sinh. Chủng loại của súc sinh rất nhiều, duyên của mỗi loài đều khác nhau. Thực vật cũng rất nhiều loại, tất cả đều không giống nhau. Ngay cả sơn hà đại địa cũng chẳng tương đồng. Chư duyên các dị, cho nên nó mới có thể hình thành.

Nhưng nói tóm lại một câu, là ý niệm của con người. Ý niệm của con người tốt, thì duyên sẽ thù thắng. Gia đình quý vị, người trong một gia đình, là do báo ân báo oán, đòi nợ trả nợ, rất phức tạp. Nếu ý niệm của quý vị chính, tiêu chuẩn của chính là luân lý, đạo đức. Khởi tâm động niệm, ngôn ngữ tạo tác, đều tương ưng với nhân, nghĩa, lễ, trí, tín, tương ưng với lễ, nghĩa, liêm, sỉ, tương ưng với trung, hiếu, nhân, ái, tín, nghĩa, hòa, bình, thì ý niệm của quý vị thuộc về chính, đạt đến chỗ chính. Tất cả những điều bất chính chịu ảnh hưởng của quý vị, sẽ biến thành chính hết. Tuy người tà nhiều, nhưng tà không thắng chính. Chỉ cần duy trì được chính niệm, tà niệm xung quanh sẽ được quý vị hướng dẫn dắt trở về chính.

Trong Phật pháp chính là tam học, lục hòa, tam quy, ngũ giới, thập thiện, chúng tôi thêm vào đó Sa di luật nghi nữa, cộng với lục độ, Phổ Hiền thập nguyện, như thế là đủ rồi. Nắm vững những đại cương này, thì tâm ý của người xuất gia sẽ được chính. Chính ở đây là căn cơ của chư Phật, Bồ tát. Làm thế nào để thành tựu? Nhất môn thâm nhập, trường thời huân tu. Như thế, quý vị sẽ được Tam Muội, sẽ khai ngộ. Người xưa làm như vậy, người thời nay cũng không ngoại lệ, đều có thể làm được.

Duyên của người thời nay so với duyên của người xưa, thì duyên của người xưa tốt. Xã hội thời xưa an định, ít cảm dỗ. Chính phủ có trách nhiệm bảo hộ nếp sống của xã hội

thuần chính. Nếp sống không đúng, chính phủ sẽ can thiệp. Ngày nay thì không được. Ngày nay, chế độ dân chủ mở cửa tự do, nếp sống của xã hội không có ai chịu trách nhiệm, không có ai lo, cho nên xuất hiện tà tri tà kiến. Giá trị quán thời nay bị điên đảo, coi tà pháp là chính pháp, xem chính pháp là tà pháp, cho nên con người có nhiều nạn. Sơn hà đại địa cũng bị nhiễm, cho nên động đất, bão táp, sóng thần, núi lửa thức dậy, độ nóng của địa cầu cao lên. Thiên tai tự nhiên, thực tế là do con người sống trên quả địa cầu tạo nên. Tâm họ khởi lên sự thay đổi kịch liệt, nên mới xảy ra những hiện tượng này. Ngày nay, những hiện tượng này đạt đến mức độ vô cùng nghiêm trọng.

Hình như năm ngoái, bộ phim *2012* của Mỹ chiếu lên, tôi cũng đi xem. Đã lâu lắm rồi, tôi không xem phim. Tôi bị học trò mời đi xem. Xem xong, tôi nói với mọi người, đây là ông trời cảnh cáo nhân loại chúng ta đấy, hãy mau chóng quay đầu. Nếu không quay đầu, quả địa cầu này có thể xảy ra trạng thái giống như trong bộ phim vậy, phát sinh những hiện tượng này.

Tôi gặp được nhân duyên hiếm có, nghĩa là đoàn tôn giáo của Malaysia, giáo chủ của đạo Thiên Chúa, phát khởi chuyến đi phỏng vấn Phạm Đế Cương, phỏng vấn Giáo hoàng, họ mời tôi cùng đi. Tôi cũng nhân cơ hội này, đến Italy một chuyến. Đặc biệt, dành thời gian đến tham quan thành cổ - thành Bành Bối, ở phía Nam La Mã, ngồi xe khoảng 3 giờ đồng hồ.

Đây là một thành cổ, 2.000 năm về trước, núi lửa thức giấc. Thành cổ này cách núi lửa khoảng 7 km. Không biết hiện nay nó còn khói hay không? Tôi thấy ngọn núi lửa đỏ. Khi nó thức dậy, bụi của núi lửa đã vùi lấp thành cổ này. Trong khoảng thời gian mấy giây thôi, thành cổ này không còn nữa. Sau này, người ta gạt lớp tro bụi ra, những nóc nhà trong thành cổ này không còn nữa, bị phá hủy hết, những bức tường còn giữ được, hoa văn trên những viên ngói đều rất rõ ràng, màu sắc của những bức tranh trên tường, đều duy trì được rất đẹp. Thấy rồi, nên biết được đó là nền văn minh rất cao, chỉ trong mấy giây là mất hết.

Khi tham quan, bản thân mình lãnh hội được, trạng thái khi đại thiên tai đến, không thể kịp, thậm chí không kịp kêu cứu nữa, không thể kêu được, mấy giây là xong. Đi xem rồi, tôi nói với quý vị đồng tham đạo hữu, đây là việc cảnh cáo trước mắt. Sống trong xã hội ngày nay, bất cứ lúc nào cũng có thể phát sinh thiên tai như vậy. Vì thế, trong lòng phải có sự chuẩn bị. Bất luận lúc nào, nơi nào, thiên tai như thế cũng có thể xảy ra. Trong lòng đã có sự chuẩn bị rồi, niệm Phật vãng sinh, không được có ý niệm nào khác. Cuối cùng, một niệm A Di Đà Phật, nguyện thứ 18 trong 48 nguyện của kinh *Vô Lượng Thọ*. Lâm chung một niệm, mười niệm chắc chắn được vãng sinh.

Sống trên thế gian này, hàng ngày phải xem như đây là ngày cuối cùng của mình. Phải quán như vậy, thì đối với thế

gian này sẽ không còn lưu luyến nữa, sẽ không tạo nghiệp nữa, không muốn làm điều gì, bởi đây là ngày cuối cùng của mình. Ngày cuối cùng, điều gì quan trọng nhất? Niệm Phật là quan trọng nhất. Vì thế, học trò của chúng tôi ngày nay phát tâm, thật hiếm có, đó là tâm Bồ đề, khuyên mọi người tu Lục Hòa Kính. Phải giảng rõ ràng minh bạch sự việc này. Tu Lục Hòa Kính, thời thời khắc khắc cầu vãng sinh, thành tựu chính mình, và giúp cho mọi người, bởi vì Lục Hòa Kính là chính. Ý niệm thuần chính sẽ ảnh hưởng đến người khác, ảnh hưởng đến thế giới vật chất, cho nên đây là việc tốt.



# **TỊNH ĐỘ ĐẠI KINH GIẢI DIỄN NGHĨA**



**TẬP 67**



**Giảng ngày 24 tháng 6 năm 2010**  
**Phật Đà Giáo Dục Hiệp Hội HongKong**  
***Chuyển ngữ: Hạnh Chơn***  
***Biên tập: Bình Minh***



**C**hur vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời xem tiếp “Đại thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải”. Hôm nay, chúng ta học tiếp về 10 nghĩa Duyên khởi, đoạn thứ 2:

*“2- Hổ biến tương tư nghĩa. Hổ biến tương tư giả, vị chư pháp sở khởi, cánh hổ châu biến, tương ưng tư trợ, phương thành duyên khởi dã. Như nhất duyên biến ứng đa duyên, thử nhất tắc cụ đa, nhất nhược bất đa, nhất tắc ứng bất biến, bất thành duyên khởi. Đương tri thử pháp giới trung, nhất duyên cụ đa, pháp pháp giai nhĩ, vô bất hổ biến tương tư”* (Ý nghĩa biến cùng khắp, giúp lẫn nhau: là các pháp được khởi, lại còn biến khắp, tương ưng trợ giúp, mới thành duyên khởi vậy. Ví như một duyên biến ứng nhiều duyên, một này ắt có đủ nhiều, nếu một không đủ nhiều, một ắt không ứng biến khắp, không thành duyên khởi. Phải biết trong pháp giới này, một duyên có đủ nhiều, pháp pháp đều như vậy, không pháp nào không biến khắp, giúp lẫn nhau).

Ở trước chúng ta học qua “Chư duyên các dị”. Bây giờ, học tiếp “hổ biến tương tư”, tức nói rõ về sự sinh khởi của các pháp trong vũ trụ. Kinh *Hoa Nghiêm* nói là vô lượng nhân duyên và đã được quy nạp thành 10 loại lớn, để tiện trong việc dạy học. Trước đây, chúng ta đã học qua 2 lần *Vọng Tận Hoàn Nguyên Quán*. 3 đoạn ở trước của *Vọng Tận Hoàn Nguyên Quán* nói về những chân tướng sự thật của vũ trụ, vạn vật, sinh mệnh, thậm chí nói đến cái “ta” từ đâu đến, tại sao sinh khởi. Vì sao lại sinh khởi? Nói về chân tướng sự

thật này. Trong *Hoàn Nguyên Quán* nói về cương lĩnh, và nói về điều này rất tường tận.

*“Hỗ biến tương tư”*: Trong *Hoàn Nguyên Quán* đưa ra ví dụ là nhất trần. Một vi trần chu biến pháp giới, một vi trần xuất sinh vô tận. Quý vị thử nghĩ xem, đây có phải là vô lượng nhân duyên không? Một vi trần hàm dung không-có. Câu này nói về duyên khởi một cách rất ráo tận cùng. Một vi trần cũng vậy, mà tất cả vi trần cũng như vậy.

*Hỗ biến*: Biến khắp lẫn nhau. Các nhà khoa học lượng tử ngày nay cho ta biết, mỗi tiểu quang tử trong lượng tử quần đều có hiện tượng dao động. Giới khoa học đem hiện tượng này ví dụ như một đài phóng xạ, như TV, như mạng internet. Cần phải biết khi nói đến chân tướng, thì mỗi tiểu quang tử là một đài phóng xạ, mỗi tiểu quang tử đều là một đài tiếp thu. Tốc độ nó phát đi rất nhanh, lập tức liền toả khắp pháp giới. Trên thực tế mà nói, hoạt động của tiểu quang tử siêu việt cả thời gian lẫn không gian. Nó không giới hạn chỉ trong thời gian và không gian, sự dao động yếu ớt trải khắp pháp giới như vậy, đó là hỗ biến.

*Tương tư* nghĩa là gì? Là xuất sinh vô tận. Vì sao? Vì tất cả những hiện tượng trong pháp giới đều là tổ hợp của những lượng tử này. Đây là giúp đỡ lẫn nhau, thành tựu thập pháp giới Y chính trang nghiêm. Vì thế, các nhà khoa học đã dùng một hình dung từ, hình dung một cách rất

rõ ràng. Ông ta nói hình như lượng tử quần trong vũ trụ, bên dưới của nó giống như một tầng lưới rất lớn vậy. Một tầng lưới rất lớn, hồ tương thông đạt, hồ tương liên kết với nhau. Vì thế, bất cứ một chút chấn động nhỏ nào, toàn bộ mạng lưới lập tức biết được. “*Hồ biến tương tư*” thực sự giống như một tấm lưới lớn vậy. Vì thế, nói: “*Chư pháp sở khởi, cánh hồ chu biến, tương ưng tư trợ*” (Lại còn biến khắp, tương ưng trợ giúp).

Ai ở đó chỉ huy? Những tiểu quang tử này nghe lời của ai? Sự sinh khởi của nó, xuất hiện của nó trong khoa học gọi là năng lượng. Có nguyên nhân không? Nó không có nguyên nhân. Khi nào bắt đầu? Không có bắt đầu. Trong Phật pháp nói “ở ngay đây”. Cách nói này là chân tướng sự thật. Không gian và thời gian đều từ phân biệt, chấp trước của chúng ta mà có. Tất cả hiện tượng sinh khởi, trong niệm đầu tiên không có phân biệt, không có chấp trước. Duy trì được niệm này, là duy trì ở nơi Nhất chân pháp giới, là ở Thật Báo Trang Nghiêm Độ của chư Phật Như Lai. Thực tế mà nói thì cũng chính là mỗi chúng ta, chính là Thật Báo Trang Nghiêm Độ của tất cả chúng sinh. Vì Thật Báo Trang Nghiêm Độ nó giống nhau, cùng chung một đạo lý. Trong đó có người, cây cỏ, hoa lá, cũng có sơn hà đại địa.

Vì sao lại có loại tình trạng này? Các nhà lượng tử học giúp đỡ chúng ta rất nhiều. Họ phát hiện tất cả vật chất đều là những lượng tử quần, do tần suất chấn động sai khác mà

sản sinh. Tần suất chấn động chậm một chút thì biến thành đá, thành khoáng vật, sơn hà đại địa, còn tần suất biến động nhanh hơn, thì biến thành thực vật, cây cỏ, hoa lá và nhanh hơn nữa thì biến thành động vật.

Ở trong Nhất chân pháp giới, chỉ có người, không có các động vật khác. Vì sao vậy? Vì động vật là súc sinh. Súc sinh là do ngu si chiêu cảm ra. Người ở trong Nhất chân pháp giới giác mà không mê, nên nó không có đường súc sinh. Chúng ta nói chỉ có cõi Trời, cõi Người. Trong lục đạo chỉ có cõi Trời, cõi Người, 4 cõi khác đều không có. Như thế, giới Cực Lạc có cõi Trời, cõi Người. Còn cõi Thật Báo Trang Nghiêm của chư Phật Như Lai có cõi Trời, cõi Người chăng? Không có. Vì người ở trong cõi Thật Báo đều minh tâm kiến tính. Minh tâm kiến tính là Bồ tát, không phải Bồ tát phổ thông mà là Pháp thân Bồ tát. Vì thế, ở trong đó chẳng những không có cõi Trời, cõi Người, đến cả cõi Dục giới thiên, Sắc giới thiên đều không có, cũng không có pháp giới Tứ thánh.

Tứ thánh là Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ tát, Phật. Thập pháp giới nó không có. Nó trên cả thập pháp giới, cho nên thế giới Tây Phương Cực Lạc vô cùng đặc thù, phiền não chưa đoạn cũng có thể vãng sinh, sinh vào cõi Thánh Phàm Đồng Cư của Phật A Di Đà. Đây là một thí dụ rất đặc biệt, thực sự tìm không thấy ở các thế giới khác. Do đó, chúng ta nói Tây Phương Cực Lạc có cõi Trời, cõi Người, không có A Tu La đạo, không có tam ác đạo, mặc dù mang theo

nghiệp tập đi đến Tây phương Cực Lạc. Đối với thế giới Cực Lạc không có duyên, thì những chúng sinh trong đường bất thiện sẽ không xuất hiện.

Duyên khởi, nó không có duyên này. Trong kinh, Phật dạy: Duyên chủ yếu của cõi A Tu La là gì? Là cống cao ngã mạn. Niệm Phật vãng sinh thế giới Tây Phương Cực Lạc, có tập khí cống cao ngã mạn, có chủng tử trong A Lại Da, nhưng trong thế giới đó không có cơ duyên để ta khởi cống cao ngã mạn. Tham là đường ác quỷ. Sân nhuế là đường địa ngục. Ngu si là đường súc sinh. Ở thế giới Cực Lạc, duyên của tham, sân, si đều đoạn rồi, mặc dù có tập khí. Tập khí là chủng tử nghiệp tập trong A Lại Da, không có duyên nó sẽ không hiện hành. Thế giới Cực Lạc này vô cùng thù thắng. Tham với tham tương cảm, sân với sân tương ưng. Thế giới Cực Lạc không có vật gì dẫn khởi quý vị phiền não. Chư Phật Như Lai thị hiện ở các thế giới khác. Sau khi chúng ta hiểu rõ cần phải giác ngộ phải học tập. Chúng ta không có cách nào để thay đổi thế giới này, thì cũng nên thay đổi chính mình.

Các vị Tổ sư thường nói: *“Hành hữu bất đắc, phản cầu chư kỷ”* (Hành động chẳng đạt, nên quay lại chính mình). Câu này, ý nói ta không có năng lực thay đổi người khác, nhưng ta có năng lực thay đổi chính mình. Tự mình thật sự đã thay đổi rồi, thì có ảnh hưởng người khác không? Có ảnh hưởng. Vì sao? Vì hổ biến tương tư. Làm gì có chuyện không ảnh hưởng. Ảnh hưởng dường như không có cảm ứng. Không

có cảm ứng là vì chúng ta nghiệp chướng sâu nặng. Ý niệm, tự tính biến hiện vật chất. Vật chất chính là tự tính, cho nên năng lượng của nó rất lớn, chỉ động một tí là chu biến pháp giới. Năng lượng của nó lớn như vậy đó. Như vậy, chúng ta có thể nghĩ chư Phật, Bồ tát trong mười phương pháp giới có bao nhiêu? Năng lượng các Ngài phát ra thông tin, ta đều nhận được. Khi nhận được không có cảm ứng là vì nghiệp chướng của chúng ta. Điều này, trước đây Chương Gia Đại sư nói với tôi.

Chướng ngại là gì? Chướng ngại này gọi là nghiệp chướng. Trong Phật pháp nói có 2 loại. Nghiệp chướng rất nhiều, nhưng có 2 loại lớn. Một là phiền não, hai là sở chấp. 2 loại nghiệp chướng này ngăn trở chúng ta không có cách nào cảm nhận được thông tin. Vậy phải làm sao? Phổ Hiền thập nguyện dạy chúng ta sám trừ nghiệp chướng. Nếu có thể sám trừ nghiệp chướng, thì thông tin của mười phương chư Phật, Bồ tát, chúng ta có thể cảm ứng được. Cảm ứng bất khả tư nghị.

Quý vị thử nghĩ xem, xã hội chúng ta bây giờ, các nhà khoa học họ rất thông minh, nên đã nghiên cứu và phát minh ra các khoa học kỹ thuật cao. Như mạng lưới truyền thông hiện nay của chúng ta, vệ tinh đài truyền hình không phải chính là nói hồ biến tương tư sao? Không phải là đạo lý này sao?

Sự thông minh của giới khoa học có thể đem phương thức truyền tin này dùng phương pháp khoa học kỹ thuật có thể làm đến “hỗ biến tương tư”. Chư Phật, chư Bồ tát minh tâm kiến tính, thì sao các Ngài làm không được. Vì thế, chúng ta càng nghĩ càng có niềm tin, càng nghĩ càng khẳng định là không sai. Chúng ta tin rồi, hiểu rồi, khẳng định rồi thì tiếp theo nên sám trừ nghiệp chướng, khiến năng lực của ta trở về với chính đạo.

Trong kinh điển Đại thừa, đức Phật thời thời khắc khắc khuyến khích chúng ta buông bỏ chấp trước, Chính Giác hiện tiền. Được như vậy mới bắt đầu có năng lực tiếp nhận một bộ phận thông tin. Thông tin này đến từ bốn phương tám hướng. Không những hiện tiền mà thông tin của quá khứ, vị lai toàn bộ đều có thể nhận được. Trong kinh, đức Phật nói: *“Thụ cùng tam tế, hoành biến thập phương”* (Dọc tận ba đời, ngang đến mười phương), cho nên nếu quý vị hỏi tại sao có năng lực lớn lao như vậy? Bởi vũ trụ là nhất thể. Điều này ở trước, chúng ta đã học qua. Nó là nhất thể, nên mới có sức mạnh lớn như vậy. Khả năng này trong tự tính vốn nó đã đầy đủ. Phàm phu nghiệp chướng nặng, không thể hiện được mà thôi.

Đức Phật dạy tất cả chúng ta đều có trí tuệ, đức tướng của Như Lai. Tuy nói có 3 sự việc, nhưng 3 sự việc này bao quát hết toàn thể vũ trụ. Đại thừa giáo thường nói Tính, Tướng, Lý, Sự, Nhân, Quả đều bao hàm trong đó. Đức Phật

không dạy chúng ta ngoài những điều này. Ngài chỉ dạy trở về tự tính mà thôi. Trở về tự tính là như đức Phật vậy, không có một tí sai biệt nào. Tất cả chúng sinh với tất cả chư Phật Như Lai là một chẳng phải hai.

Chúng sinh mê hoặc điên đảo, nên phân biệt mình với người, đồ kỵ, chướng ngại. Còn người giác ngộ thì không có. Người giác ngộ chỉ có một ý niệm là giúp đỡ chúng sinh chưa giác ngộ mau chóng giác ngộ. Đây là Tính đức. Pháp cũng như vậy. Điều này, nói rõ thêm những gì *Hoàn Nguyên Quán* đã nói: Hiện tượng sinh khởi của tất cả các pháp là xuất sinh vô tận. Đây mới thành duyên khởi.

Câu dưới nói rõ *“Như nhất duyên biến ứng đa duyên, thử nhất tắc cụ đa, nhất tức thị đa, đa tức thị nhất, nhất đa bất nhị* (Ví như một duyên biến ứng nhiều duyên, một này ắt có đủ nhiều, một tức nhiều, một và nhiều chẳng hai). Trong một có nhiều, nó hỗ tương nhau như một tấm lưới vậy. Một ô lưới là đầy đủ tất cả các ô lưới. Tất cả trong ô lưới thành tựu một ô lưới này, *“nhất tức thị đa, đa tức thị nhất, nhất đa bất nhị”*. Vì thế, *“nhất nhược bất đa”* (nếu một không đủ nhiều, một ắt không ứng biến khắp, không thành duyên khởi). Khi đã cảm ứng thì bất biến, bất biến nên *“bất thành duyên khởi”*.

Các nhà lượng tử lực học nói với chúng ta - Căn cứ vào nghiên cứu phát hiện của họ, mỗi lập tử nhỏ đều nên tôn trọng. Vì sao? Vì duyên khởi cần nương vào nó mà hỗ biến

tương tự, thiếu một cái cũng không được. Như trên thân của chúng ta, kết cấu của thân thể này. Bên ngoài có ngũ quan, bên trong thì có lục phủ, ngũ tạng, thiếu một cái đều không được. Đây là nói lớn để quý vị dễ hiểu, thiếu một cái cũng không được. Quá vi diệu!

Nguồn gốc vốn là một cái tế bào, tại sao lại lớn thành như vậy? Ai thao túng ở đó? Ai chủ tế ở đó? Điều này, nói không được. Các tôn giáo nước ngoài, thì nói là thần tạo. Vậy chúng ta hỏi nữa Thần do ai tạo? Trong Phật pháp không nói Thần tạo, mà nói Tự tính bản lai đều đầy đủ. Quý vị xem trí tuệ, đức tướng. Trí tuệ là tinh thần. Đức tướng ở trong vật chất. Một tiểu quang tử tổ chức lại thành một thân người. Thân người này dùng quang tử để tính, số lượng này là lấy đơn vị triệu để đếm. Tổng cộng có bao nhiêu ức triệu mới tổ hợp thành thân người? Trừ chúng ta ra, còn tất cả vật chất đều không ngoại lệ, đó chính là vật này hợp thành.

Giới khoa học nói tổ chức hợp thành không giống nhau, là tần suất chấn động không tương đồng, có nhanh có chậm. Và như vậy đã hình thành hiện tượng vật chất bất đồng, cũng là tần suất chấn động không đồng nhau; hiện tượng tinh thần không giống nhau; hiện tượng vật chất không giống nhau, chúng ta không dễ phát hiện. Nhưng hiện tượng tinh thần có thể phát hiện. Như chấn động khi chúng ta vui, khi chúng ta nổi giận. Cái này sai biệt rất lớn. Chúng ta cảm nhận được một cách rất rõ ràng. Khi nổi giận toàn thân nóng lên, còn

khi bị giật mình thì toàn thân phát lạnh. Rất dễ phát giác. Đây chính là tần suất chấn động không giống nhau.

Hiện tượng tinh thần và hiện tượng vật chất toàn là hiện tượng dao động, đến cuối cùng đều trở về dao động, Trong Nhất duyên, nhất định không thể thiếu chúng, gọi là “*pháp pháp giai nhĩ*”. Bất cứ pháp nào cũng đều như vậy. Vì thế, bất cứ pháp nào, nó đều là bình đẳng; bất cứ pháp nào đều rất quan trọng, không có cái nào là không quan trọng.

Ở trong tất cả pháp, bất cứ hạt cơ bản nào đều cũng quan trọng. Toàn bộ biến pháp giới, hư không giới, nhất định không thiếu nó được. Hạt cơ bản này có thể ở trên thân người, cũng có thể ở trên thân thực vật, cũng có thể ở trong khoáng vật. Nó là động chứ không phải tĩnh. Nó có thể ở trong quá khứ, vị lai. Nó siêu việt thời gian lẫn không gian. Hoạt động vượt qua thời gian và không gian. Khi xuất hiện, ta biết được đó là huyễn tướng. Khi nó tiêu diệt, thì trở về tự tính.

Trong kinh, đức Phật dùng nước biển làm ví dụ. Tự tính giống đại hải. Những hiện tượng này giống như nước biển nổi bong bóng vậy. Bong bóng có sinh có diệt. Khi sinh khởi nó từ nước biển ra, khi diệt thì trở về với biển lớn. Do vậy, đức Phật nói hiện tượng này gọi là bất sinh bất diệt. Trên thực tế, đức Phật dùng bong bóng và nước biển để ví dụ. Kỳ thực nó chính là tiểu quang tử mà các nhà lượng tử học

nói. Tiểu quang tử sinh diệt tốc độ rất nhanh. Nó sinh như thế nào? Nó từ tính sinh. Thể chính là tự tính. Nhất niệm tự tính động, liền xuất hiện thứ này. Khi động dập tắt, thì hiện tượng này không còn nữa. Tốc độ rất nhanh.

Tại sao chúng ta có thể nhìn thấy? Chúng ta nhìn thấy là tướng tích lũy liên tục. Tướng tích lũy liên tục sinh ra hiện tượng này, không có cái nào là không hỗ biến tương tư.

Trong kinh nói: *“Tri dĩ nhất cố chúng. Tri dĩ chúng cố nhất”* (Biết rõ một nên biết nhiều. Biết rõ nhiều nên biết một). 2 câu này trong kinh Phật đã nói.

Tri là gì? Tri tức là giác. Bất tri chính là mê. Nếu thật minh bạch, thì giác ngộ. *“Nhất tức thi đa, đa tức thị nhất, nhất tức nhất thiết, nhất thiết tức nhất”*. Vì biến pháp giới, hư không giới là chúng ta nói mười pháp giới Y chính trang nghiêm, sẽ dễ dàng lãnh hội hơn. Mười pháp giới Y chính trang nghiêm chính là “Nhất” - một.

“Nhất” trong Phật pháp nói là vi trần, nó *“hỗ biến tương tư”* mà thành. Lượng tử lực học ngày nay gọi là lượng tử. Đơn vị của lượng tử chính là tiểu quang tử. “Nhất” tuyệt đối không có “nhị”. Nó hoàn toàn tương đồng. Nên biết, bất kể tổ hợp hiện tượng vật chất gì, nó hoàn toàn bình đẳng, không có sai biệt.

Chư Phật, Bồ tát với phàm phu sai biệt, chính là giác và mê không giống nhau. Phật dạy chúng ta giác ngộ. Chúng ta

vốn là giác ngộ, nhưng hiện tại đang mê, làm sao để quay đầu? Là phải nhìn thấu suốt và buông bỏ, nên ở đoạn sau trong *Hoàn Nguyên Quán* dạy chúng ta “*ngũ chỉ lục quán*”. Chỉ là buông bỏ. Quán là nhìn thấu tất cả.

Nhìn thấu là hiểu rõ chân tướng sự thật. Thực sự hiểu rõ rồi, bất luận trước mắt là hiện tượng gì, ta cũng không khởi tâm động niệm, tự tính bản định. Tình trạng này trong kinh *Bát Nhã* nói là “*Bát Nhã vô tri*”. Trạng thái này gọi là “*Căn bản trí*”. Bát Nhã vô tri là Căn bản trí. Khi khởi tác dụng, thì Vô sở bất tri. Điều này lại khai thị cho chúng ta rất nhiều.

Chúng ta cầu trí tuệ từ đâu? Từ trong thiền định. Trước cầu vô tri. Lão Tử dạy chúng ta trước cầu vô vi, sau đó mới có thể vô sở bất vi, tác dụng của nó rất lớn. Năng lượng đó thực sự lớn đến biến pháp giới, hư không giới. Bát nhã vô tri khi khởi tác dụng thì Vô sở bất tri. Vì thế, bình thường, tâm cần phải thanh tịnh, một niệm cũng không sinh. Khi cảnh giới hiện tiền, không có gì mà ta không biết. Như vậy mới có thể chuyển cảnh giới, gọi là Cảnh tùy tâm chuyển. Đạo lý là như vậy.

3- *Câu tồn vô ngại nghĩa. Câu tồn vô ngại giả, vị phàm thị nhất duyên, yếu cụ tiền chi nhị nghĩa, phương thành duyên khởi vô ngại dã* (Ba: Ý nghĩa đều cùng tồn tại vô ngại. Nghĩa là phàm là một duyên phải đủ hai nghĩa nêu trước, mới được thành duyên khởi vô ngại).

Đó chính là *“Chư duyên các dị, hỗ biến tương tư”*. Ngày nay, chúng ta nói về Lục Hòa Kính. Đạo lý này chúng ta phải hiểu *“chư duyên các dị”*. Người đồng phát tâm tu Lục Hòa Kính rất đông, mà mỗi người đều không giống nhau, nhưng chúng ta cần phải *“hỗ biến tương tư”*, thì sự việc mới có thể làm một cách viên mãn. Vì vậy, mới gọi là *“câu tồn vô ngại”*. Đây mới có thể *“mới thành duyên khởi vô ngại”*.

Dưới đây là giải thích rằng: *“Nhiên tất do các dị, phương đắc dĩ duyên, tất do biến ứng, phương tự cụ đức”* (Tuy vậy, thấy đều do mỗi mỗi khác, mới được tiếp duyên, thấy đều do ứng biến, mới tự đủ đức).

Đức ở đây là Tính đức. Chắc chắn là do các loại duyên khác nhau. Trong Phật pháp nói vô lượng nhân duyên, thông thường quy nạp thành 4 loại lớn: Thân nhân duyên, Sở duyên duyên, Vô gián duyên và Tăng thượng duyên. Trong mỗi duyên đều có rất nhiều loại. Thân nhân duyên cũng có rất nhiều loại, nhưng cần phải nói đến căn bản, đó chính là tự tính - đây là một loại. Cũng giống như gốc rễ của cây vậy. Nhưng gốc rễ cây sẽ trưởng thành thân cây và cành cây; trên cành lại mọc lên nhánh cây; trên nhánh có lá, có hoa, có quả. Tất cả đều không rời căn bản này. Căn bản là tự tính.

Nhìn từ tự tính, vạn pháp là bình đẳng. Từ trong cái biến hóa tầng tầng lớp lớp của nó mà nói, thì tướng đều là hư vọng. Vì sao tướng là hư vọng? Vì tướng có sinh diệt, tướng

có biến hóa, bất luận là hình tướng như thế nào. Nhưng đạo lý này tất cả đều đầy đủ, không có ngoại lệ, mà còn là “tương tư”. Tương tư tức là hỗ tương ảnh hưởng. Ý niệm của tinh thần, phản ứng của hiện tượng vật chất. Khoa học gia nói là vướng víu, thì trong Phật pháp gọi là cảm ứng. Đối phương có cảm, chúng ta liền có ứng. Chúng ta có cảm, đối phương có ứng. 2 bên đều có cảm ứng, danh từ khoa học gọi là “vướng víu”, giống như vướng víu không dứt vậy. Đây chính là hỗ tương cảm ứng.

Cảm ứng cũng có mặt chính, mặt phụ. Mặt chính là tùy thuận Tính đức, còn mặt phụ là tương phản Tính đức. Bất luận là mặt chính hay mặt phụ, không kể là vô tình hay cố ý nó đều vậy. Tóm lại mà nói, mỗi niệm của ta đều đang phát xạ, và niệm niệm cũng đang tiếp thu, như vậy ta mới có thể “đới duyên”. Duyên tụ duyên tán. Khi duyên tụ, thì thành hình. Khi duyên tán, thì biến mất. Từ lâu, các nhà khoa học đã nói như vậy. Vật chất bất diệt, tinh thần bất diệt. Đây đều là chân tướng sự thật. Và đây cũng là “*pháp vô định pháp*” mà chúng ta học trước đây.

Nếu có sự nhất định, nó sẽ không có biến động. Nhưng nó không phải nhất định, chỉ cần gặp duyên nó sẽ biến hóa, đúng là xuất sinh vô tận. Tất cả pháp không cái nào chẳng như vậy. Trong cảm ứng hiển thị đầy đủ cái đức của nó. Đức là gì? Đức là hỗ trợ, cho nên “*Tự nhất đa nhất. Tự tại vô ngại*”. “*Tự nhất đa nhất*” ở sau có chú giải. Cái gì gọi là “*Tự*

*nhất đa nhất*”? Họ đưa ra một ví dụ *“vị như thập số trung”*. Một đến mười, nhất là chính mình *“tự nhất”*, đằng sau là nhị, tam, tứ, ngũ cho đến cửu, gọi là *“đa nhất”*. *“Tự nhất đa nhất. Tự tại vô ngại”*. Dùng giáo đoàn của chúng ta làm ví dụ là dễ hiểu nhất. Một ban có 10 người. 10 người này là một đoàn thể nhỏ. Đối với chính tôi mà nói là *“tự nhất”*, còn 9 người khác là *“đa nhất”*. *“Tự nhất vô nhất. Tự tại vô ngại”*. Tự nhất tự tại, đoàn thể chúng ta cũng tự tại.

Trong kinh dạy: *“Chư pháp vô sở y, đản tùng hòa hợp khởi”* (Các pháp không có chỗ dựa nào cả, chỉ là theo hòa hợp mà có). Tất cả pháp đều có hiện tượng này. Tất cả pháp không chỗ nương đều từ hòa hợp. Tức là chúng duyên hòa hợp mà hiện tướng hiện khởi. Hiện tướng là duyên tụ. Tướng không có nữa, thì duyên tan. Làm gì có hiện tướng này? Hiện tướng là giả, duyên tụ duyên tán. Từ chỗ này, ta mới nhìn ra tướng không có thật - tướng là giả. Tụ hay tán cũng là duyên. Có duyên, thì tướng tụ. Không có duyên, thì nó tán. Vì thế, vô lượng nhân duyên thành tựu Y chính trang nghiêm của mười pháp giới.

4- *Dị thể tương nhập nghĩa. Dị thể tương nhập giả, vị chư pháp dị thể, đệ tương thiệp nhập dã* (Bốn: Ý nghĩa khác thể mà đều hội nhập vào nhau, lần lượt cùng hội nhập vào nhau).

Loại này, không những là hiện tượng tinh thần vô cùng rõ rệt, mà hiện tượng vật chất cũng không ngoại lệ.

*“Cái chư pháp lực dụng, đệ tương y trì, phương thành duyên khởi, như nhất trì đa, tắc đa nhập nhất nội, như đa trì nhất, tắc nhất nhập đa nội dã”* (Bởi lực, dụng của các pháp lần lượt nương nhau duy trì, như một duy trì nhiều, thì nhiều hội nhập một, như nhiều duy trì một, thì một hội nhập nhiều vậy). Tất cả là nói về duyên khởi.

Trong cuộc sống sinh hoạt hằng ngày của chúng ta, những hiện tượng này toàn bộ đều trong cuộc sống hàng ngày. Khi ta nhìn sắc, nghe âm thanh, tinh thần khởi tác dụng là thụ, tưởng, hành và thức. Chúng ta nhìn thấy rồi, chúng ta tiếp nhận rồi. Tiếp nhận có hồi ứng, phản ứng. Hồi ứng là tinh thần tình cảm của chúng ta. Hợp với ý mình, thì tâm sinh hoan hỷ, thậm chí có ý niệm khống chế mãnh liệt, khởi sinh ý niệm chiếm lấy. Thực tế, đây là phiền não, còn không thích thì bài xích. Đây là phương diện tinh thần.

Về phương diện vật chất, thì như chúng ta uống ly nước. Nước với chúng ta khác nhau. Chúng ta uống vào, những vật chất này là “tương nhập”. Nó đi vào trong thân thể của chúng ta, cho nên ăn, uống, ngủ, nghỉ, thực sự là dị thể tương nhập với tất cả vật chất. Đây đều là thành tựu duyên khởi. Thành tựu cái gì? Thành tựu thân mạng này của chúng ta, trưởng thành của sinh mệnh là từng sát na. Nếu cắt đứt mọi ăn uống, giới khoa học nói thân mạng của một người, đại khái chỉ cần 7 ngày là không còn nữa. Ta cần phải dựa vào những vật chất bên ngoài để duy trì mạng sống. Trong duy trì này có vật

chất, có tinh thần. Vì thế, sinh hoạt vật chất và sinh hoạt tinh thần là duy trì sức khỏe và thọ mạng của chính mình, thậm chí, tình cảm và ý niệm của chúng ta trong cuộc sống hằng ngày. Những thứ này tất cả đều bao gồm trong “*dị thể tương nhập*”. Chúng ta có cho người khác không? Có, giúp đỡ lẫn nhau. Chúng ta cũng cho người khác, thực sự là tương nhập. “*Chư pháp lực dụng. Đệ tương y trì*”. Các pháp này là mười pháp giới Y chính trang nghiêm, hai bên hỗ tương để duyên nương tựa. Không phải vật giống nhau cũng có thể tồn tại độc lập. Tìm không cái gì độc lập tồn tại.

Nói cách khác, tất cả pháp trong thế gian và xuất thế gian, ta không thể nói cái nào hữu dụng, cái nào vô dụng. Không có đạo lý này. Chỉ cần có một pháp, nó nhất định có chỗ dùng. Vì bản thân chúng ta nhận thức không rõ ràng. Có một vài thứ, ta cho rằng nó vô dụng, nên muốn xoá bỏ. Nhưng sau khi diệt trừ, vấn đề lại xuất hiện. Vì không biết duyên khởi của toàn bộ vũ trụ là thăng bằng, cũng chính là sự thăng bằng của địa cầu sinh thái người thời nay nói. Tại sao? Vì nó là “*hỗ vi y duyên*”, thiếu một cái cũng không được. Thiếu một cái là có vấn đề, liền sinh ra biến hóa. Nhiều thêm một cái cũng sinh ra biến hóa. Duy trì thăng bằng là sinh hoạt lành mạnh nhất, sinh lý của con người cũng như vậy. Thể chất của mỗi người không giống nhau, là dị thể, chư duyên đều khác. Thích ứng của mỗi người không tương đồng. Chúng ta nói tập quán ẩm thực, tập quán sinh hoạt của mỗi người

đều không tương đồng. Điều này, không thể miễn cưỡng. Thể chất không giống nhau, có người ăn nhiều, có người ăn ít một chút. Nếu có thể thích ứng với với tình trạng thân thể của mình, thì đó là lành mạnh nhất. Vì thế, ta không thể ham muốn nhiều. Ham muốn nhiều đối với cơ thể không tốt.

Ta tham ăn, thích ăn, điều này không được. Ăn quá nhiều sẽ sinh ra bệnh. Làm sao phải khống chế tốt, ăn không nhiều không ít. Như vậy, mới có thể bảo vệ trạng thái sức khỏe tốt nhất. Do vậy ở đây, đức Phật nói cho chúng ta nguyên tắc này, để trong sinh hoạt hằng ngày ta vận dụng như thế nào cho linh hoạt, mới thật sự có lợi ích đối với chúng ta.

*5- Dị thể tương tức nghĩa. Vị chư pháp dị thể, cánh hỗ tương vọng, toàn thể hình đoạt dã” (Năm: Ý nghĩa khác thể mà tức là nhau. Nghĩa là các pháp tuy khác thể, lại cùng hướng vào nhau, toàn thể hình đoạt giữ vậy). Có nghĩa là gì? “Nhiên cụ hữu thể vô thể, phương thành duyên khởi, nhược nhất duyên hữu thể, năng khởi chư duyên, tức thị nhất duyên. Nhược nhất duyên vô thể, sở khởi chi duyên, tức thị chư duyên. Nhất duyên hữu thể, vô thể ký nhĩ, chư duyên hữu thể, vô thể diệt nhiên. Kinh vân: nhất tức thị đa, đa tức thị nhất” (Có Hữu thể và Vô thể, mới thành Duyên khởi. Nếu một duyên Hữu thể, có khả năng khởi các duyên, chính là một duyên. Hoặc một duyên Vô thể, được duyên khởi lên chính là các duyên. Một duyên Hữu thể, Vô thể đã vậy, nhiều duyên Hữu thể, Vô thể cũng vậy). Điều này ở sau có chú giải sơ lược.*

*“Toàn thể hình đoạt”* là nói *“hữu vô chi thể, cánh hổ hình tử dĩ đoạt”* (Hữu thể, Vô thể lại cùng chiếm đoạt lẫn nhau) là nói ý này.

*“Hữu vô”* là nói hiện tượng vật chất. Thông thường, chúng ta nói “không” và “có”, nhưng ở đây nói “hữu” và “vô”. “Vô” cũng có nghĩa là “không”. Trong cảnh giới của Hoa nghiêm không hữu bất nhị, không hữu nhất như. Dị thể tương tức này, đằng sau còn có tương nhập. Tương tức, nghĩa là không hữu làm sao có thể nói rằng không tức là có, có tức là không? Ý này rất thâm sâu.

*“Nhược nhất duyên hữu thể, năng khởi chư duyên”*. Duyên này là một pháp, nhân duyên của một pháp. Nhân duyên của pháp này hữu thể, năng khởi chư duyên. Đây là duyên. Nếu duyên này là vô thể, thì duyên nó khởi là chư duyên, đó chính là nhiều duyên. Trong đây có nhất duyên và đa duyên.

Chúng ta quan sát từ 4 duyên của đức Phật, thì Thân nhân duyên có thể chẳng? Thân nhân duyên nói chung là nghiệp tập chủng tử của A Lại Da. Cái này nhìn không thấy, vì nó không phải là vật chất. Trong A Lại Da bao hàm nghiệp tập chủng tử vô lượng vô biên. Chẳng những tự mình trong quá khứ, hiện tại tạo nên, bất luận là vô tình hay cố ý, A Lại Da đều ghi dấu lại. Đây là Thân nhân duyên gặp duyên khởi hiện hành, chủng tử rất nhiều không có hiện tướng. Điều này ở đây nói là thuộc vô. *“Nhược nhất duyên vô thể”*. Nó gặp

được duyên gì? Chúng tử nào bị nó dẫn phát ra liền khởi hiện hành. Đây là nói mười pháp giới:

Nhân pháp giới. Vì sao quý vị đến nhân gian? Là do duyên trong quá khứ đã giữ ngũ giới thập thiện. Đây là Thân nhân duyên đến pháp giới nhân.

Ngũ giới - trung phẩm thập thiện là nghiệp duyên của cõi Người. Thượng phẩm thập thiện là nghiệp nhân của cõi Trời. Quá khứ không tu thập thiện, thì không thể được thân người, là nhân của quá khứ tu thập thiện sẽ đến được nhân gian. Đây gọi là Thân nhân duyên.

Có Thân nhân duyên còn phải có Sở duyên duyên. Sở duyên duyên cũng là phiền não tập khí. Nói phiền não tập khí nó có ý, tức là ta nói đến ý thức. Trong ý thức thích con đường này. Nó ở trong trung ấm không quên con đường này, niệm niệm nghĩ đến con đường này, tâm tưởng sự thành. Ý niệm chủ tế tất cả. Ý niệm là nhân tố quan trọng nhất trong sự lựa chọn của ta. Vì thế, niệm Phật rất quan trọng. Niệm niệm của ta đều là A Di Đà Phật, ta sẽ chọn A Di Đà Phật, cái này rất quan trọng.

Nếu mỗi niệm đều ham muốn hưởng thọ ngũ dục, lục trần là đi đến đường Ngạ quỷ. Tham tâm là Ngạ quỷ. Sân nhuế là Địa ngục. Nhất định không thể có sân nhuế. Khi gặp bất cứ khổ nạn gì cũng không khởi tâm oán hận. Người khác hại tôi như thế nào, cũng không có tâm oán hận, cũng không

có tâm báo thù. Đây là thành tựu chính mình, đề cao chính mình. Nếu sai một niệm, thì đi đến ác đạo.

Nếu ta gây bất lợi cho người khác 3 phần, thì bất lợi cho mình ít nhất 7 phần. Hôm nay, chúng ta nói về duyên khởi pháp, điều này quan trọng hơn tất cả. Trong cuộc sống hằng ngày phải cẩn thận hết sức. Chúng ta từ vô thủy kiếp đến nay, đời đời kiếp kiếp không thoát ly luân hồi được, chính là chưa buông bỏ những tập khí này, nên mới tùy nghiệp lưu chuyển. Đây là sai.

Có nghiệp nhân của nhân đạo, đối với nhân gian vẫn còn lưu luyến. Nhân gian lưu luyến là gì? Thân tình là thứ nhất nợ thân tình. Ngoài ra, chúng ta thường nói là độc ác. Thích thì báo ân, oán hận thì phải báo thù, nghiệp nhân nó đến như vậy đó.

Cái này đều nói đến nhất duyên và đa duyên. Ta xem ở trong này, đa duyên rộng khắp có nhất duyên. Nhất duyên tìm được mục tiêu rồi nhất duyên hữu thể. *“Năng khởi chư duyên, tức thị nhất duyên”*, ví như đến nhân gian đi đầu thai. Đây là nhất duyên hữu thể. Ý niệm chủ yếu chính là A Lại Da. Thần thức đi đầu thai, có thân là có thể khởi chư duyên đây là nhất duyên. Còn duyên vô thể, duyên sở khởi nó vô cùng rộng rãi. Chúng ta cũng dùng tập khí chủng tử bao hàm trong A Lại Da. Duyên nào khởi hiện hành trước, thì đó là sức mạnh của duyên. Duyên này là Sở duyên duyên.

Vô gián duyên là kiên trì không thay đổi. Nếu ý niệm chuyển biến, lập tức khởi biến hóa. Ý niệm không thay đổi, thì nhất định hình thành, nhất định là kết quả. Như vậy, mới hiểu được trong kinh dạy chúng ta, toàn thể vũ trụ là vô lượng nhân duyên, không cách nào tính toán được. Vô lượng nhân duyên này cần phải biết đó là cái động đầu tiên, nhất niệm bất giác.

Nhất niệm bất giác này ở trong tự tính, biến thành A Lại Da. Do A Lại Da biến hiện thế giới, biến hiện chính mình. Mình là Chính báo, vũ trụ là Y báo. Ngoài tự thân ra, tất cả đều là Y báo. Trong Y báo có Y báo của người và việc, có môi trường của người và việc, môi trường vật chất, môi trường tự nhiên. Người không học Phật sẽ chẳng biết, không hiểu được chân tướng sự thật. Có phân biệt, có chấp trước, rất phiền phức. Nhưng sau khi học Phật, biết được phân biệt, chấp trước là sai lầm. Buông xả phân biệt, chấp trước, cảnh giới được nâng cao. Không nâng cao cảnh giới được là do phân biệt, chấp trước của ta buông chưa được.

Ngày nay, chúng ta hiểu rồi, thật sự minh bạch rồi, nhất định phải buông bỏ. Không buông bỏ, thì ai thiệt thòi? Chính mình thiệt thòi. Tự mình vĩnh viễn không thể thoát ly luân hồi lục đạo. Gặp môi trường này, đối với người tu mà nói là môi trường tốt. Vì sao? Tai nạn trước mắt quá quy mô, ta mới biết khổ, mới thật sự muốn thoát ly. Nếu hoàn cảnh là xã hội an định, thế giới thái bình, thì ta không muốn rời

bỏ. Cảm thấy nhân gian thật không tệ. Phật A Di Đà tiếp dẫn cũng không muốn đi. Cái tốt đẹp của thế giới ta hưởng thụ rồi, còn thế giới Cực Lạc chỉ nghe mà không nhìn thấy, nên tâm nguyện không kiên cố. Vì vậy, đối với người tu hành chân chính mà nói, môi trường không có tốt xấu, không có nhất định. Chỉ xem ý niệm của mình, cách nhìn của mình như thế nào. Nếu cảnh giác được, thì thế giới này thật không nên ở. Đây không phải là Tăng thượng duyên tốt sao? Nó có thể giúp ta giác ngộ, giúp ta một đời thành tựu.

Trước đây, tôi có nói 2 câu nói: Người trên thế gian này ai cũng là người tốt. Mọi việc đều là việc tốt. Người huỷ báng ta, sỉ nhục ta, trở ngại ta, hãm hại ta, đều là người tốt, làm gì có người xấu? Bất luận họ có ý niệm gì? Làm những việc gì? Nếu chúng ta giác ngộ rồi, tất cả đều nhận được ân huệ. Do đó, làm người cần phải luôn sống trong thế giới cảm ân, như vậy đối với chính mình rất tốt, nên nhất định phải dùng trí tuệ đi quan sát, không thể dùng tình cảm vì tình cảm rất phiền phức. Chúng ta dùng trí tuệ, không dùng tình cảm.

Trong kinh có câu nói rất hay: “*Nhất tức thị đa, đa tức thị nhất*”. Đây là câu mà trong kinh *Hoa Nghiêm*, đức Phật thường nói, có nghĩa là tương tức. Nhất đa là nhất thể, sau cùng là tương tức.

6. *Thế dụng song dung nghĩa. Thế dụng song dung giả, vị hội tiền di thể tương nhập tương tức. Nhị chủng giai dung*

*thông dã. Cái chư pháp thể dụng, giao thiệp vô ngại, phương thành duyên khởi. Dĩ thể vô bất dụng, cố cử thể toàn thị dụng. Dĩ dụng vô bất thể, cố cử dụng toàn thị thể* (Sáu: Cả hai Thể, Dụng đều dung thông. Nghĩa là hội đủ nghĩa Dĩ thể tương nhập tương tức đã nêu trước. Hai loại đều dung thông. Vì Thể - Dụng của các pháp giao tiếp vô ngại mới thành Duyên khởi. Vì toàn Thể đều có Dụng, toàn Dụng đều có Thể).

Đây là nói tất cả pháp, tất cả pháp có Thể có Dụng, không thể nói có Thể không có Dụng, hoặc là có Dụng không có Thể, điều này không thể. Thể, Dụng nhất định phải song dung. Đây chính là dĩ thể tương nhập mà ở trước đề cập. Còn ở sau nói đồng thể là tương nhập, *“dĩ thể tương tức, đồng thể tương nhập”*. Đây là 2 loại Thể và Dụng dung thông. *“Chư pháp thể dụng, giao thiệp vô ngại”* mới thành duyên khởi.

Có Thể có Dụng, không Thể không Dụng, có Thể không được nói là không có Dụng, nên nêu lên Thể thì hoàn toàn có Dụng. Đứng về mặt cơ bản mà nói, tự tính là Thể. Trong triết học nói là bản thể. Từ Thể khởi Dụng chính là mười pháp giới Y chính trang nghiêm, đây là tác dụng của nó, là nói sự duyên khởi của toàn bộ vũ trụ. Chúng ta thu nhỏ lại để xem, xem cái thân hiện tại của chúng ta. Thân này là Thể. Chúng ta đến thế gian này đương nhiên có tác dụng. Tác dụng gì? Trong kinh Phật nói rất hay, con người đến thế gian này để làm gì? Đức Phật nói một câu: *“Nhân sinh thù nghiệp”*. Con người đến để làm gì? Đến để trả nghiệp báo. Trong quá

khứ làm thiện tích đức, thì đến thế gian để hưởng phúc, còn quá khứ làm việc bất thiện, thì đến để nhận tội. Đức Phật đã giải thích như vậy. Cái thể này của chúng ta là khởi tác dụng như vậy. Nhưng những tác dụng và ý niệm biến hóa, nó khởi tác dụng bất đồng.

Nếu cuộc sống này của ta, không nhận được giáo huấn của chư Phật, Bồ tát, Thánh hiền, thì đúng là “*Nhân sinh thù nghiệp*”. Khi ta hưởng phúc hoặc nhận tội, trong đó ta lại đang tạo nghiệp, nên nghiệp và báo mãi mãi đeo bám không dứt. Nếu ta tạo nghiệp, thì đời sau lại phải thọ báo. Đời đời kiếp kiếp là nguyên nhân gì? Tức là nghiệp nhân nghiệp báo đang tuần hoàn. Ta cần phải thật sự nhìn việc này cho rõ ràng thấu đáo, thì sẽ biết đức Phật hình dung lục đạo là gì? Là khổ hải, khổ hải vô biên. Đức Thế Tôn khuyên chúng ta quay đầu là bờ. Vậy tại sao không quay đầu? Không quay đầu là mê, quay đầu là giác ngộ. Vì thế, dụng không giống nhau là do gặp duyên không giống nhau. Quý vị nghĩ xem, cái duyên này quan trọng biết bao nhiêu.

Duyên có thiện duyên, ác duyên, cũng là do quá khứ kết tập. Vậy nên bất luận cuộc đời này gặp thiện duyên hay ác duyên đều là duyên. Tự mình phải dùng trí tuệ để xử lý. Có trí tuệ, thì có thể chuyển biến tất cả duyên thành pháp duyên. Điều này, đối với chính mình có lợi ích rất lớn. Ngày xưa, chư vị cổ đức thường nói thế duyên. Duyên của thế gian này nặng nhất chính là tình chấp, rất khó đoạn, rất khó giải

trừ. Không có chân thật trí tuệ, thì làm chẳng được, mà chân thật trí tuệ ở trong hoàn cảnh hiện tại này vô cùng khó gặp. Muốn gặp được một thiện trí thức thật không dễ.

Trước đây, tôi ở tại Đài Trung, thầy Lý thường nói với tôi, một học sinh tốt muốn tìm một thầy giáo tốt không dễ dàng, có thể gặp mà không thể cầu. Nhưng thầy giáo tốt muốn tìm học trò tốt để truyền pháp của họ lại càng không dễ chút nào. Tìm ở đâu? Từ việc này khiến ta nghĩ đến ở thế giới, bất đồng quốc gia địa phương, thật sự có người truyền đạo pháp, rất khó! Đi đâu để tìm? Vì thế, rất nhiều người thành tựu đạo nghiệp mà không tìm được người truyền thừa. Vậy phải làm sao? Họ viết thành sách, đem những gì mình biết dùng văn tự ghi lại truyền cho người đời sau. Xem người đời sau có duyên đọc được sách này của họ không? Từ trước đã dùng phương pháp này, bây giờ khoa học kỹ thuật phát triển, nhiều thêm vài phương pháp.

Bây giờ có thể thu âm, quay phim. So với trước đây thì nhiều phương pháp hơn. Nhưng sau khi thiên tai đến rồi, sợ khoa học kỹ thuật mất đi, nếu không có điện chẳng phải tiêu tùng rồi sao? Thu âm và TV đều không thể khởi tác dụng, cho nên sách vẫn là đáng tin cậy hơn. Đó là lý do vì sao nhiều người coi trọng sách. Sợ đại thiên tai, tương lai sách không có phải làm sao? Họ khắc lên trên đá. Dụng tâm của người xưa, chúng ta không thể không bội phục, không thể không cảm ân. Động cơ của họ, dụng tâm của họ quá tốt, thật là

thuần tịnh thuần thiện. Nhưng đá vẫn có thể bị hủy diệt khi gặp thiên tai. Do vậy, theo tôi chỉ có in ấn ra sách, số lượng in có thể in 1.000 cuốn, đưa đến thư viện các quốc gia trên toàn thế giới cất giữ. Làm được như vậy, thì bất cứ thiên tai nào, nó cũng không huỷ tiêu toàn bộ, nhất định cũng có vài cuốn lưu lại. Cách bảo tồn này mới thật sự bảo tồn được. Vậy hữu thể ở đây nói Thể và Dụng. *“Cử thể toàn thị dụng”*, là nói tất cả pháp. Bất cứ pháp nào, có Thể, nhất định có Dụng. Dụng không rời Thể, Thể không rời Dụng. *“Hỗ bất tương ngại, giao triệc viên dung”*.

Chúng ta hiểu rõ đạo lý này, đương nhiên quan trọng nhất là trong đời này, dùng thân này như thế nào để dùng toàn bộ sinh mệnh của chúng ta? Khi đến ta không biết là nó tùy nghiệp lưu chuyển mà đến, cũng như đức Phật giảng vậy, là trả nghiệp mà đến.

Chúng ta rất may mắn, trong đời này có thể gặp được Thánh hiền chỉ dạy. Đây là phúc báo thật sự. Thánh hiền dạy bảo hy hữu khó gặp. Gặp được Thánh hiền chỉ dạy, thì nên học tập cho tốt, học rồi phải đem xiển dương rộng rãi. Chúng ta phải dùng tinh lực và thời gian của đời này phụng hiến cho chính pháp cứu trú. Phụng hiến cho tục Phật tuệ mạng. Việc này có ý nghĩa, có giá trị, không đến một cách vô ích.

Thứ nhất, là báo ân đức của cổ thánh tiên hiền. Tục Phật tuệ mạng, làm người truyền thừa chính pháp.

Thứ hai, là phổ lợi chúng sinh. Con người đến thế gian hạnh phúc chân thật, hạnh phúc lớn nhất là gì? Chính là tiếp thụ giáo dục của Thánh hiền. Chư vị Tổ sư biết rằng, mấy ngàn năm nay tiền nhân dạy bảo chúng ta, “*kiến quốc quân dân, giáo học vi tiên*”. Nhân loại đang hoạt động trong xã hội này, không kể là lớn hay nhỏ, chẳng ai là không lấy việc dạy học làm đầu, nên 2 từ “Tông Giáo” này gọi là đại học vấn.

Trong thời cổ, chỉ có trong đạo Phật mới nói đến “Tông Giáo”. Tại sao đạo Phật lại nói đến Tông giáo? Trong đạo Phật nói Tông môn, Giáo môn. Tông môn đơn thuần chỉ Thiền Tông. Thiền Tông gọi là Tông môn. Ngoài Thiền Tông ra, 9 tông giáo khác gọi là Giáo môn. Vì thế, chỉ đạo Phật xưng là Tông Giáo, không liên quan gì đến tôn giáo hiện nay. Điều này, quý vị cần phải biết. Tại sao lại phân ra 2 hệ thống? 2 loại phương pháp dạy học không giống nhau.

“Giáo môn”, ngày nay gọi là giáo dục chính quy, là do cạn mà sâu, học tập đúng lẽ đúng lối. Giống như giáo dục thời nay, có tiểu học, trung học, đại học, sau đại học. Giáo môn là dùng phương pháp học này, từ từ nâng cao lên. Tông môn giống như một số ít thiên tài vậy. Đây là lớp học đặc biệt, họ không cần trải qua nhiều thứ lớp như vậy. Nói cách khác, họ không cần có tiểu học, trung học, đại học, không có. Họ chỉ có sau đại học, chính là lớp học này. Đốn ngộ đốn chứng, người như vậy quá ít rồi. Thật sự, vài trăm năm cũng có thể

mới gặp được một 2 người như vậy. Đây không phải là giáo dục phổ thông, mà gọi là Tông môn.

2 từ “Tông Giáo” này nếu dùng cách nói của người xưa, thì Tông có 3 nghĩa: Chủ yếu, trọng yếu, tôn sùng. Xứng đáng để người sùng kính, tôn trọng. Giáo là giáo dục, là dạy học. 2 từ này kết hợp lại có nghĩa là gì? Là giáo dục chủ yếu, dạy học quan trọng, tôn sùng giáo hóa, gọi đó là Tông Giáo. Ý nghĩa này hay quá, nói lên rằng một người trong thế gian, không thể không học.

Tông Giáo, trong 2 từ này không có mê tín. Nó không liên quan đến mê tín. Nó là phá mê khai ngộ, quả là ly khổ đắc lạc. Những điều này, chư đại Thánh hiền đều biết. Nhân sinh tại thế sao lại có nhiều khổ nạn như vậy? Bởi ta mê, không hiểu được chân tướng sự thật.

Nói cách khác, ta đối với tất cả pháp trong thế gian và xuất thế gian đã nhìn sai, nghĩ sai. Do đó, ta nói sai và làm cũng sai. Sai rồi, đương nhiên là có quả báo bất thiện, phải chịu khổ chịu nạn. Làm sao mới có thể ly khổ đắc lạc? Giác ngộ là được. Sau khi giác ngộ, đối với tất cả các pháp ta đã nhìn thấy rõ ràng, đã suy nghĩ minh bạch, nên khi khởi tâm động niệm, ngôn ngữ tạo tác đều là chính xác. Tiêu chuẩn này trong Phật pháp nói, chính là tự tính.

Trong “*Hoàn Nguyên Quán*” nói Tứ tịnh đức, đó là Tịnh đức của tự tính. Quốc sư Hiền Thủ có nói 4 điều: “*Tùy duyên*

*diệu dụng. Uy nghi hữu tắc. Nhu hòa chất trực. Đại chúng sinh khổ*” (Tùy duyên diệu dụng. Uy nghi pháp tắc. Nhu hòa chất trực. Thay chúng sinh khổ). “*Thay chúng sinh khổ*” này có thể dùng trong xã hội hiện tại. Mọi người rất quen thuộc một câu nói, đó chính là toàn tâm toàn lực phục vụ cho nhân dân. Trong Phật pháp đối nhân dân thành chúng sinh, phạm vi của nó lớn hơn. Không chỉ là đối với người, mà phục vụ đối với tất cả chúng sinh. Đây là ai? Là chư Phật, chư Bồ tát. Triển khai Tứ tịnh đức, thì trong Phật pháp chính là giới luật. Văn hóa truyền thống xưa là luân thường đạo đức: Ngũ luân, Ngũ thường, Tứ duy, Bát đức. Đây là giáo dục. Người xưa dùng cái này trị thiên hạ. Trị thiên hạ bắt đầu trị từ đâu? Bắt đầu từ ý niệm. Đây là trí tuệ chân thật.

Chu Hy biên tập “*Tứ Thư*”, là cuốn sách mà thời xưa ai cũng phải đọc. Trong “*Đại Học*” đã nói hết những điều này. Bắt đầu học từ đâu? Từ Cách vật. Cách vật nghĩa là gì? “Vật” là vật dục, là dục vọng. “Cách” là hạn chế nó, không thể buông thả dục vọng. Phải tiết chế nó, phải khống chế nó. Dục vọng phải khống chế ở một phạm vi nhất định, không thể vượt qua. Vượt qua, thì tệ hại liền sinh. Đó không phải là lạc. Đó là khổ. Dục vọng càng thấp càng tốt.

Chư đại Thánh hiền cổ kim trong ngoài, đối với sinh hoạt vật chất chỉ yêu cầu ăn đủ no, mặc đủ ấm, có một ngôi nhà nhỏ ở thoải mái là đủ rồi, ngoài ra không cần gì nữa. Họ có thể sống vô cùng tự tại.

Thứ hai là “Trí tri”. Dùng Phật pháp để nói, thì “Cách vật” là phá Phiền não chướng. “Trí tri” là phá Sở tri chướng. Thật sự giống như lời Thang Ân Tử đã nói, Phật pháp làm phong phú nền văn hóa truyền thống. Dùng Phật pháp để giải thích, nếu trừ bỏ 2 chướng này, Bồ đề tâm không phải đã hiện tiền rồi sao? Vì thế, ở dưới là 2 câu: Thành ý. Chính tâm. Ý thành, tâm chính là tu thân rồi. Tu thân sau đó tề gia. Tề gia sau đó trị quốc. Trị quốc sau đó bình thiên hạ. Người xưa học cái gì? Đây toàn đều là giáo dục, một nền giáo dục viên mãn. Từ giáo dục căn bản bắt đầu cho đến cả một đời người, thật là sống đến già thì học đến già. Điều này, nói lên chúng ta sinh vào nơi này là nhân duyên tốt đấy. Có thể tiếp nhận được sự chỉ dạy của Thánh hiền, có được cơ duyên này.

2.000 năm trước, Phật pháp truyền đến Trung Quốc, người Trung Quốc hoàn toàn tiếp nhận. Vì sao? Vì Phật pháp với truyền thống Trung Quốc đồng một cái gốc. Chúng ta nói duyên khởi “tương tức tương nhập”, đồng một nguồn gốc là sao? Là hiếu thân, tôn sư. *Tịnh Nghiệp Tam Phức*, câu thứ nhất: “*Hiếu dưỡng phụ mẫu, phụng sự sư trưởng*”. Đây là căn bản gốc của giáo dục. Đây cũng chính là cái gốc của Phật pháp, nó hoàn toàn tương đồng. Gốc tương đồng, thì cành lá, hoa quả đều có thể tương tức tương nhập. Vì thế, trên toàn thế giới, giữa các dân tộc khác nhau, chỉ có người xưa hiểu được giáo dục. Có thể làm, có phương pháp, thành tựu hiệu quả.

Mấy ngàn năm nay, quốc gia này, khu vực này còn tồn tại là do giáo dục tạo thành. Ngày nay, vấn đề xuất hiện rồi làm sao giải quyết? Chỉ cần đem việc dạy học làm cho tốt, vấn đề liền được giải quyết. Tại sao? Vì giáo dục là dạy người. Mọi người là người tốt, mọi việc đều là việc hay. Quan trọng nhất là con người, cần phải dạy con người cho tốt. Chế độ là thứ hai, không phải quan trọng. Quan trọng là dạy tốt con người. Con người cần phải có chính tri kiến. Mục đích dạy học của người xưa là thánh hiền, cho nên từ trước dạy học, đọc sách. Vì sao phải đọc sách? Đọc sách chỉ tại thánh hiền. Mục đích của họ, phương hướng của họ là theo thánh nhân nhìn thẳng, theo thánh nhân học tập.

Dạy học trong Phật pháp là dạy ta thành Phật, thành Bồ tát. Phật là Thánh nhân, Bồ tát là Hiền nhân. Chúng ta đọc đến “*Thế dụng song dung. Chư pháp thế dụng. Giao thiệp vô ngại*”, thấy những câu này, “dụng” ngay hiện tiền, đặc biệt nói về chư pháp. Trên thế giới thời nay nói văn hóa đa nguyên. Vì sao? Vì tin tức phát triển, giao thông phương tiện nhanh nhẹn, địa cầu biến thành một nhà, quan hệ vô cùng mật thiết. Trên thế giới, chỗ nào có vấn đề, chúng ta đều sẽ bị ảnh hưởng.

Chúng ta không thể chỉ lo cho quốc gia mình cho tốt, chỉ quan tâm khu vực của mình cho tốt mà thôi, thì không được. Chúng ta muốn toàn thế giới đều tốt. Trên địa cầu tất cả cư dân đều hạnh phúc, chúng ta mới hạnh phúc thật sự. Thật là nhổ sợi lông mà động toàn thân. Chúng ta với địa cầu là

một sinh mệnh thể cộng đồng. Ta cần phải thể hội như vậy. Có thể làm được như vậy hay không? Đáp án là khẳng định, có thể làm được. Mọi người đều có suy nghĩ này, nhất là trên địa cầu hiện nay, thiên tai quá nhiều.

Lần này, chúng tôi phỏng vấn Giáo hoàng Phạm Đắc Cường là chủ giáo ở đây. Chúng tôi gặp mười mấy người. Mọi người đều có suy nghĩ như vậy, cần hợp tác, cần học tập qua lại, cùng nhau liên thủ để giáo hóa chúng sinh. Dạy cái gì? Dạy luân lý, dạy đạo đức, dạy nhân quả. 3 loại giáo dục này là phổ biến thế gian, phổ cập trên toàn thế giới. Như vậy, thiên tai mới có thể hóa giải. Địa cầu mới có thể phục hồi bình thường. Hóa giải chúng chủng thiên tai.

Ngày nay, những hiện tượng thiên tai khác thường xuất hiện quá nhiều, rất không bình thường mà trong quá khứ chưa từng nghe qua. Trong lịch sử không có ghi lại. Bây giờ, những thiên tai đều đã xuất hiện. Các nhà khoa học nói, trên địa cầu tai dịch xuất hiện, nguyên nhân thật sự là những người cư trú trên địa cầu này, ý niệm của họ có vấn đề, không như bình thường. Theo duyên khởi này mà nói, thì tất cả vạn pháp của toàn thế giới, đều có quan hệ hỗ tương mật thiết. Đúng như điều thường nói là nhổ sợi lông mà động toàn thân. Chỉ có cải chính ý niệm. Đoạn ác tu thiện, phá mê khai ngộ, vấn đề mới thực sự được giải quyết. Trở về với tự tính, trở về với sự giáo huấn của tiền nhân, hồi phục lại cái luân thường đạo đức, thì xã hội này cứu được rồi.



# **TỊNH ĐỘ ĐẠI KINH GIẢI DIỄN NGHĨA**



**TẬP 68**



**Giảng ngày 25 tháng 6 năm 2010**  
**Phật Đà Giáo Dục Hiệp Hội HongKong**  
***Chuyển ngữ: Hạnh Chơn***  
***Biên tập: Bình Minh***



**C**hur vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời xem tiếp “Đại thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải”. Hôm nay, chúng học tiếp đoạn trước “Duyên khởi thập nghĩa”.

*“7- Đồng thể tương nhập nghĩa. Đồng thể tương nhập giả, vị nhất duyên đa duyên vô biệt thể, cố danh vi đồng thể, nhược nhân duyên hữu lực, tắc năng trì đa nhất. Nhược đa nhất vô lực, tắc y bỉ nhất duyên. Thị cố nhất năng nhiếp đa, đa tiện nhập nhất, đa năng nhiếp nhất, nhất tiện nhập đa dã”* (Bảy: Ý nghĩa đồng, thể hòa nhập nhau. Nghĩa là một duyên, nhiều duyên không có Thể riêng nên gọi là đồng, thể. Nếu nhân duyên đủ lực thì có thể duy trì nhiều, một. Nhiều, một không đủ lực, thì dựa vào một duyên khác). Đoạn này nghĩa là đồng, thể tương nhập

Nhất duyên: Hiện tiền đây, đạo tràng nhỏ này của chúng ta. Mỗi người trong đạo tràng nhỏ, nhiều người như vậy tập hợp lại hình thành nên đạo tràng này. Đoàn thể là đa duyên. Mỗi phần tử trong đoàn thể đó là nhất duyên, đều phát tâm tu học Tịnh độ. Đặc biệt, hiện nay mỗi vị đều phát đại Bồ đề tâm để tu Lục Hòa Kính. Vì sao tu Lục Hòa Kính? Vì khi thiên tai xảy ra, chúng ta phải cứu mình, cứu gia đình, cứu xã hội, cứu đất nước, cứu thế giới, và cứu địa cầu này. Chúng ta đều có sứ mạng, đều có nghĩa vụ này. Ở trong tiểu đoàn thể, cùng nhau học tập, một người là nhất duyên, đoàn thể chính là đa duyên - đây gọi là đồng, thể.

Câu dưới nói: *“Nhược nhất duyên hữu lực”*. Đoàn thể của ta nhiều người như vậy, trong đó có một người có lực. “Lực” không dễ hiểu, ta nói đến phúc báo vậy một người có phúc - Ngạn ngữ có câu: *“Nhất nhân hữu phúc, liên đới nhất ốc”* (Một người có phúc ảnh hưởng cả nhà). Người trong đoàn thể nhỏ này đều có phúc hết, cho nên một người có lực “năng trì đa nhất”. “Đa nhất” là mỗi người. Mỗi người đều có lợi, đều được lợi ích, gọi là “đa nhất thọ huệ”. “Nhược đa nhất vô lực”, như giới khoa học nói, hiện nay họ bàn luận về việc hóa giải thiên tai.

Trên địa cầu này, hiện nay có hơn sáu mươi ức người. Đây là “đa”, đây là “đa nhất”. Hơn sáu mươi ức người này, đại đa số đều đang tạo tác vô số điều bất thiện. Tạo tác bất thiện, thực tế nói là không có phúc. Không nên nhìn thấy họ có tiền, họ có địa vị, cuộc sống hiện tại của họ vô cùng sung túc, thật hiếm thấy. Nhưng khi thiên tai xảy ra, cái gì cũng không còn nữa. Đời sau thì sao? Đời sau càng khổ, nên phúc là gì? Phúc không tách rời luân lý, đạo đức. Luân lý, đạo đức là phúc báo chơn chính nhất. Vậy học Phật, niệm Phật phúc báo còn lớn hơn gấp bội. Tại sao? Vì ta biết niệm Phật, phát nguyện cầu sinh Tịnh độ, thì trong đời này ta sẽ thành Phật.

Quý vị thử nghĩ xem, phúc báo của thế gian và xuất thế gian, có loại phúc báo nào có thể so sánh với quý vị? Biến pháp giới, hư không giới, đệ nhất phúc là thành Phật, trở về tự tính. Trong kinh điển Đại thừa, đức Thế Tôn dạy rằng:

*Tất cả chúng sinh đều có đức tướng, trí tuệ của Như Lai. Trí tuệ và đức tướng trong tự tính đều hiện tiền. Phúc báo này, dù mười phương chư Phật có nói đến vô lượng kiếp cũng không tận, cũng không hết. Phúc báo này quá lớn!*

Hiện nay trên thế giới, rất nhiều người không tu phúc mà tạo nghiệp! Nhưng “nhất duyên”, “đa nhất vô lực, tắc y bỉ nhất duyên”. Nhất duyên là thiếu số. Các nhà khoa học nói: Nếu trên địa cầu này, có được 8.000 người, cách tính này của họ là tính một trên một căn số bậc hai. Một trên một trăm sáu mươi ức căn số bậc hai, đại khái chưa đến 8.000 người. Đây là thiếu số, chúng ta đem nó tính làm một - nhất. 8.000 người tu phúc, sáu mươi ức người được nhờ, hưởng phúc của họ. Tuy tạo nghiệp cũng không đến nỗi gặp đại thiên tai, chính là ý này.

Quý vị nghĩ xem, như thế có thể tin tưởng được chăng? Một người có phúc có thể giúp nhiều người tạo nghiệp sao? Giới khoa học còn có một ví dụ vô cùng rõ ràng. Giả thuyết của họ là lấy một trăm vạn nhân khẩu ở thành phố, chỉ cần có 100 người có phúc là được rồi. Một trăm vạn mà 100 người thật sự tu phúc, đoạn ác tu thiện, chuyển mê khai ngộ, y theo giáo huấn của chư Phật, chư Bồ tát, chư cổ thánh tiên hiền siêng năng tinh tấn thực hành, sẽ có năng lực lớn lao như vậy. Có một số ít người, như đạo tràng này của chúng ta, 100 người cũng tìm không ra người thật sự phát tâm.

Được hay không? Người xưa có nói như vậy, quý vị đều nghe qua, đều biết là có chuyện như vậy. Cổ nhân nói tà không thẳng chính. Đa số người tạo nghiệp, đó là tà, tà tri, tà kiến, tà hành, tà nghiệp. Người chính tri chính kiến tuy rất ít, toàn thế giới chỉ có 8.000 người, nhưng có thể giúp được cho số đông. Một trăm vạn người trong đô thị chỉ có 100 người. 100 người này chính tri chính kiến, chuyển ác thành thiện, chuyển mê thành ngộ. Mỗi ngày, họ siêng năng nỗ lực theo cổ thánh tiên hiền, theo chư Phật, Bồ tát học tập, thì sức mạnh này rất lớn. Như thế, mới thật sự gọi là tà không thẳng chính.

Chúng ta sống trên thế gian này, cần phải lặng yên để phản tỉnh. Ta đến thế gian này, như lời đức Thế Tôn nói “*Nhân sinh thù nghiệp*” (Đời người trả nghiệp). Quý vị đến để làm gì? Trong kinh, Phật nói rất hay, đại đa số người là đến đền trả nghiệp báo. Sống trong quá khứ tu phúc, thì đến thế giới này để hưởng phúc. Còn sống trong quá khứ tạo nghiệp, thì đến thế giới này để chịu tội. Đây là điều đức Thế Tôn nói với chúng ta. Vì sao đến thế gian này? Do hai nguyên nhân này mà đến. Điều mà đức Phật Thích Ca nói là quả báo. Có phải nó bất biến chẳng? Không phải. Ở trước, chúng ta đọc qua, tất cả pháp không có tự thể, do duyên mà sinh, nên không có pháp nào là pháp nhất định. Nó thay đổi trong từng sát na. Vì sao bị biến đổi? Tùy theo ý niệm mà biến đổi. Tất cả pháp chắc chắn không tách rời ý thức của ta. Ý thức chính là ý

niệm. Ý niệm thiên biến vạn hóa. Niệm trước là ác, niệm sau là thiện, đó chính là biến. Biến nhanh, biến chặt chẽ. Sau khi biến rồi còn duy trì được, là lời dạy của thánh hiền. Chúng ta biết trong quá khứ có rất nhiều suy nghĩ sai lầm, rất nhiều quan niệm sai lầm, hiện nay rất phổ biến.

Con người nghĩ đến điều gì? Con người nghĩ đến tiền, nhìn đến tiền. Mắt chỉ thấy tiền, thì không thể thoát ra được. Đó chính là xã hội ngày nay, trên toàn cả thế giới, bất luận là quốc gia nào, địa phương nào cũng thế. Chúng tôi thường đi du lịch, đi tham quan nên biết. Giá trị quan thật là điên đảo. Người xưa coi tiền rất nhẹ, còn đạo đức thì rất coi trọng, nên xã hội xưa, người cũng có địa vị trong xã hội. Trước đây, trong xã hội này có câu: *“Sĩ, nông, công, thương”*. Người xưa sắp thứ tự này, ngày nay thì ngược lại, Thương sắp lên hàng đầu.

Thật vậy, khắp xã hội đều là thương nhân. Quý vị xem, thầy giáo dạy học cũng là học thương - học buôn. Đem việc học để mua bán. Nhà trường biến thành tiệm học. Bác sĩ là y thương. Bất kể làm nghề gì, họ đều đem tiền để ở hàng đầu, đây chính là thương. Điều này so với trước đây, thì hoàn toàn điên đảo, đem luân lý, đạo đức xếp ở sau cùng. Thậm chí, cuối cùng cũng không còn nữa, xem thường nó, không dùng, không cần nữa. Không cần những thứ này, có tiền là được rồi. Vì thế, quý vị hãy quan sát thật kỹ càng, đến cả tôn giáo cũng biến thành tiệm buôn.

Nếu nhìn theo thứ tự sĩ, nông, công, thương, thì có thể nhận ra. Sĩ, nông, công, thương, đây là bình thường. Nếu sĩ là thứ nhất, thì duyên này có lực, tốt! Họ có thể chỉ đạo nông, công, thương ở bên dưới, xã hội sẽ có trật tự. Nếu như đem đồng tiền xếp ở vị trí đầu tiên, điều này không thể được!

Thời nay là xã hội dân chủ, các vị quan trong xã hội dân chủ là tuyển cử. Tôi nghe nói, mà rất nhiều người nói với tôi. Tuyển cử chỉ cần quý vị có tiền, là có thể mua phiếu tuyển. Như vậy, chức vụ cũng biến thành “thương” rồi. Quý vị xem, họ có tiền để mua phiếu tuyển, sau khi được tuyển, họ nhất định sẽ trục lợi một số lớn về lại. Họ nhất định sẽ kiếm, một lần lợi gấp vạn lần. Hình như thế giới này hoàn toàn bị đồng tiền thống trị rồi. Thời cổ đại không phải như vậy. Cổ đại là luân lý, đạo đức, học thuật trong xã hội được người tôn trọng nhất.

Xã hội ngày nay có vấn đề, nhưng vấn đề ở đâu? Ở nơi điên đảo của sĩ, nông, công, thương, biến thành thương, công, nông, sĩ. Vấn đề là ở đây. Địa cầu cũng có vấn đề, rất nhiều thiên tai phát sinh. Nguyên nhân là gì? Nguyên nhân vẫn là giá trị quan điên đảo. Nguyên nhân thật sự là do con người làm ra. Trong kinh điển, đức Phật cũng nói như vậy. Nho giáo và Đạo giáo cũng nói như vậy. Hiện nay, đỉnh cao của lượng tử học cũng đã nói như vậy. Chúng ta không có lý do chẳng tin. Như vậy, xã hội loạn động và thiên tai tấp nập,

có biện pháp để cứu vãn chăng? Đáp án là khẳng định. Đây chính là *“Nhất duyên hữu lực”*.

Trong xã hội hiện nay, “Nhất duyên” là ai? “Nhất duyên” là người học tập nền văn hóa truyền thống. Là người học Phật, học Đạo, nhưng họ phải cần thực học mới được. Thực sự học Nho giáo phải lập chí làm Khổng Tử, làm Mạnh Tử, quý vị mới thực sự có thể học được! Người học Đạo giáo phải lập chí học Lão - Trang. Người học Phật giáo phải lập chí làm Phật.

Tối hôm qua tôi trở về, có người bạn đồng tu đến thăm tôi, nói cho tôi biết một thông tin. Có một vài đệ tử Phật, muốn ở Quảng Châu xây Chùa Lục Tổ - Thiền Tông Lục Tổ Huệ Năng Đại sư. Làm một ngôi chùa, đây là việc tốt! Hy vọng tương lai, tôi ở nơi đó giảng bộ *“Pháp Bảo Đàn Kinh”*. Tôi nhận lời ông ta. Được! *“Nhất duyên hữu lực”*.

Học Phật, quý vị nhìn Lục Tổ quá tốt. Ta phải biết khi Lục Tổ gặp Ngũ Tổ là 24 tuổi, đến Hoàng Mai đi tham vấn Ngũ Tổ. Ngũ Tổ hỏi Ngài: “Ông đến đây làm gì?”. Ngài trả lời: “Con đến làm Phật”. Lục Tổ với người khác không giống nhau. Người khác đến gặp Ngũ Tổ, Ngũ Tổ hỏi người đến làm gì? Họ trả lời con đến cầu bình an, cầu thăng quan phát tài. Đều là cầu cái này. Quý vị xem, Lục Tổ vừa mở miệng là nói mình đến làm Phật. Đại khái trong đời của Ngũ Tổ, chưa từng gặp một người như vậy. Ngài đến làm Phật và Ngài thực sự đã làm Phật rồi. Ngũ Tổ không có phụ lòng Ngài. Thực sự

đã giúp Ngài thành Phật. Đây là gì? Đây gọi là học Phật. Học Phật chính là phải học làm Phật, học làm Bồ tát. Thật sự học làm Phật, đó là được giáo hóa chúng sinh. Phật Thích Ca Mâu Ni thành Phật rồi, một đời giáo hóa.

Tôi nói với quý vị, Nho giáo, Phật giáo, Đạo giáo, 3 nhà đều là làm Thầy. Địa vị của họ trên xã hội đều làm Thầy, đều là dạy học. Trong 3 nhà, thành tích hiệu quả của Phật là lớn nhất, bởi được Hoàng thượng ủng hộ. Lão bá tính và nhân dân khi thấy Hoàng đế ủng hộ, vậy ai không muốn học! Trước đây, Phật giáo là do Hoàng thượng quản.

Thứ hai, Nho giáo cũng không tệ. Nho giáo là do Tể tướng quản, là quốc gia ủng hộ. Còn Đạo thì duyên kém hơn một tí, nhưng cũng không ít. Vì sao? Vì thành tựu của Đạo là thần tiên. Người muốn học thần tiên không ít. Người học thần tiên, thì đi đến Đạo giáo. 3 đạo này đều dạy học. Đạo Phật có “*Đại Tạng Kinh*”. Đạo gia có “*Đạo Tạng*”. Nho gia thì cận đại một vài học giả biên tập “*Nho Tạng*”. Quý vị đi xem điển tịch của 3 đạo thì sẽ biết. Dùng cách nói của thời nay, thì nó là học phái, nó là giáo dục, nên 3 đạo này ta không thể coi nó là tôn giáo. Nói đó là tôn giáo là nhìn sai. Trung Quốc không có tôn giáo. Nếu nói Trung Quốc có giáo, đó là Trung Quốc bái Tổ tông. Bái Tổ tông là kỷ niệm Tổ tông, không quên ân đức của Tổ tông. Đó là ý nghĩa quan trọng nhất, như Khổng Tử nói. Nếp sống này trong xã hội thực hành rất phổ biến, có thể nhận được cái đức, cái hậu cho dân.

Quý vị xem, đối với Tổ tông vẫn nhớ mãi không quên, thì đối với cha mẹ hiện tiền làm gì có lý là bất hiếu. Kỷ niệm Tổ tiên là khởi phát hiếu tâm cho con người, khởi động hiếu hạnh nơi con người. Ý nghĩa này rất thâm sâu.

Hiếu là gốc của văn hóa xưa, là gốc truyền thống giảng dạy. Không có gốc, thì làm sao có thành tựu, nên ý nghĩa này vô cùng sâu rộng. “*Nhất duyên hữu lực*”, chính là nói điều này. Nó “*Năng trì đa nhất, đa nhất vô lực*”, đó chính là “*Y bĩ nhất duyên*”. Vì thế, ở xã hội xưa, bất luận là môn nào, chẳng thể không nương vào hiếu kính. Phật pháp cũng như vậy. Pháp môn của Phật pháp là 84.000, đó là “đa nhất”. Còn “nhất pháp” là gì? Là hiếu dưỡng phụ mẫu, phụng sự sư trưởng. Đệ nhất phúc của *Tịnh Nghiệp Tam Phúc*, đây là “nhất pháp”, nên truyền thống văn hóa xưa là lấy hiếu thân, tôn sư làm căn bản. Phật pháp cũng lấy hiếu thân, tôn sư làm căn bản. Nho với Phật là đồng một cái gốc. Căn bản đã tương đồng, làm gì có đạo lý không dung hòa, tự nhiên dung hòa.

Những năm gần đây, chúng tôi tiếp xúc rất nhiều tôn giáo trên thế giới, đem kinh điển của họ triển khai để xem, cũng lấy hiếu thân, tôn sư làm căn bản. Nói cách khác, tôn giáo của toàn thế giới ắt có đạo lý dung hòa. Đây là Lý. Lý là ở đây. Tôn giáo từ đây mà sinh, quý vị quan sát kỹ, trên thế gian này có pháp nào không phải từ đây mà sinh!

Ngày nay, mọi người đều hy vọng xã hội êm ấm, tộc quần êm ấm, quốc gia êm ấm, thế giới êm ấm, Phật giáo nói vũ trụ êm ấm. Có thể làm được không? Có thể làm được. Đồng một tự tính, hiểu thân, tôn sư là Tính đức. Trong tự tính vốn có. Đây là “nhất pháp”, đây là *“Nhất pháp hữu lực”*, không phải là “vô lực”. Tất cả pháp đều có thể nương vào “nhất pháp” này. Đó chính là có phúc rồi. Nếu làm ngược “nhất pháp” này, thì thiên tai liền đến, chính là như vậy.

Đạo Phật thường nói: *“Khổ hải vô biên, hồi đầu thị ngạn”*. Nếu ta quay lưng với Tính đức, bất trung, bất hiếu, bất nhân, bất nghĩa, đó chính khổ hải vô biên. Ta thấy xã hội ngày nay động loạn, địa cầu biến dị, cái gì cũng không bình thường. Quý vị “hồi đầu”, sẽ tìm thấy “hữu lực” này. “Hữu lực” này chính là Ngũ luân, Ngũ thường, Tứ duy, Bát đức. Phật pháp nói là Tam quy, Ngũ giới, Thập thiện nghiệp đạo.

Chúng ta thực sự có thể học tập và lập tức có thể đạt được hiệu quả, tự mình thân tâm an lạc, phiền não ít, trí tuệ trưởng, gia đình hòa mục, sự nghiệp thuận lợi, xã hội an định, thế giới hòa bình. Lập tức nhìn thấy hiệu quả này. Nhất định phải nhớ, pháp không có pháp nhất định, tùy theo ý niệm mà chuyển. Ý niệm của con người thời này chuyển đổi sai hết rồi.

Thật may mắn, chúng ta ở trong thời đại này, được thân người, nghe được chính pháp, học tập văn hóa truyền thống, thân cận chư Phật, Bồ tát. Đây là phúc báo rất lớn. Đây là

nhân duyên vô cùng thù thắng! Chúng ta đã quay đầu, đã tìm được phương hướng, tìm được mục tiêu. Trở về với “hữu lực”, đây là *“Nhất duyên hữu lực”*. Ta siêng năng học tập, mỗi người đều “hữu lực”, thật sự phát tâm. Mọi người cùng nhau tu Lục Hòa Kính, mỗi người đều “hữu lực”. Hy vọng với sức mạnh này, quý vị phát huy ở gia đình mình. Tự mình tu Lục hòa, trở về nhà cùng cả nhà tu Lục hòa, rồi từ từ khiến thân bằng hảo hữu tu Lục hòa, những người lân cận tu Lục hòa. Thật tu, bắt đầu tu từ đâu? Từ *“Đệ Tử Quy”* bắt đầu, từ lễ kính chư Phật bắt đầu. Điều đầu tiên là học lễ phép.

Trước đây, ta sơ suất, gặp người không chào hỏi. Bây giờ đã hiểu rõ, chúng ta cần hòa mục. Không cần cầu người khác hòa với mình, nhưng mình phải hòa với người khác. Mình phải hòa với người, nhìn thấy người khác phải thân thiết chào hỏi. Cái này cần phải có trí tuệ, phải biết chừng mực và nắm bắt cho chuẩn, đặc biệt là sống ở đô thị. Bây giờ, toàn ở nhà chung cư, mọi người cùng ở dưới một ngôi nhà lớn, khi gặp mặt gật gật đầu mỉm cười hỏi thăm. Chừng mực này, thái độ này làm 3 tháng. Sau 3 tháng có thể cúi người một chút trước họ. Từ từ, họ sẽ quen. Nếu mới bắt đầu mà gặp mình 90° hành lễ, sẽ làm họ giật mình. Người này như vậy là sao, sẽ giật mình. Vì thế, cứ từ từ. Chúng tôi tin rằng, chỉ từ nửa năm đến một năm, nơi chung cư đó sẽ hòa mục, một người diu dặt quần thể này, quý vị phải thật sự làm mới

được. Thành tâm thành ý, thật thành tâm. Chủ động vì đại chúng phục vụ, kết duyên với đại chúng.

Như trước đây, tôi học giảng ở Đài Trung, thầy Lý nói với tôi, người giảng kinh hoằng pháp, thì pháp duyên vô cùng quan trọng. Có người không có pháp duyên, giảng thì không tệ, rất tốt, nhưng người nghe rất ít, không được mấy người nghe. Có vài người giảng không ra làm sao, nhưng pháp duyên tốt, thính chúng đặc biệt đông. Đây là đạo lý gì? Thầy Lý nói với tôi là do pháp duyên không giống nhau, quý vị cần phải kết duyên với người khác. Kết duyên cách nào? Khi thầy giảng kinh đây, giảng kinh hôm đó, những người học giảng kinh, ra trước cổng làm tiếp đón, đặc biệt là nhìn thấy người lạ, những người này, hoặc là mới đến, hoặc là từ vùng khác đến.

Chúng ta phải thân thiết tiếp đãi họ, dẫn họ tìm chỗ ngồi, lo cho họ. Đây chính là kết pháp duyên. Thầy Lý còn nói với tôi, mua một ít kẹo đem theo bên mình, một người đến nghe kinh đưa một cái kẹo để kết duyên. Như vậy, khiến người khác có thiện cảm. Khi người khác đến đạo tràng này, cảm thấy người ở đây rất thân thiết. Khách đến có cảm giác như được về nhà mình. Đây đều là đang tu Lục Hòa Kính. Bình thường ở nhà hoặc ở nhà lán giềng cũng vậy, đặc biệt là ở nơi chung cư, nhà nhà đều biết lo cho nhau. Trong Phật pháp nói là phải biết thăm hỏi. Còn điểm tâm nhẹ, một tuần có thể đưa một vài lần, tốn không nhiều, vô cùng có hạn, nhưng vui vẻ.

Ở đây, chúng tôi có đĩa, có những cuốn sách nhỏ để kết duyên. Có thể đem tặng cho nơi chúng ta ở. Họ thích thì giới thiệu cho họ, vấn đề là quý vị phải thật có tâm giúp đỡ người khác phá mê khai ngộ, ly khổ đắc lạc. Tâm này là Bồ đề tâm, là tâm độ chúng sinh. Có tâm đương nhiên cần phải có hành động. Sức một người không đủ, thì nhờ đoàn thể. Nương nhờ đoàn thể, vì đoàn thể có lực.

Bên dưới nói: *“Thị cố nhất năng nhiếp đa, đa tiện nhập nhất, nhất năng nhiếp đa”*. Chúng ta nói đến đạo tràng. “Tràng” này có đạo. Đạo là “nhất”, có thể “nhiếp đa”. Rất nhiều người có thể đến đây. *“Đa năng nhiếp nhất”*, “nhất” sẽ “nhập đa”, tự nhiên có thể dung nhập đoàn thể này. Đây nghĩa là *“đồng thể tương nhập”*.

8- *Đồng thể tương tức nghĩa*. *Đồng thể tương tức giả, vị bản nhất đa nhất, đồng thị nhất thể, cố tương tức dã* (Tám: Ý nghĩa đồng thể chính là cùng nhau. Nghĩa là Bản nhất, Đa nhất đồng là một thể, cho nên chính là cùng nhau).

Ví dụ, chúng ta nói “bản nhất” là một người có trí tuệ, “đa nhất” là đại chúng. Hoặc chúng ta nói trong việc dạy học, dùng ví dụ này cũng được, “bản nhất” là thầy giáo, “đa nhất” là học sinh, đồng là nhất thể, cho nên nó tương tức.

*“Cái bản nhất hữu thể”*, thể này là trí tuệ, là kỹ năng. *“Năng tác đa nhất”* là có thể cho mọi người, tức là chỉ đạo mọi người. Có năng lực này để dẫn dắt đại chúng. “Đa nhất”

là đại chúng. “Đa nhất vô thể”, những học sinh này không có trí tuệ của thầy, cũng không có năng lực kỹ thuật của thầy. “Do bản nhất thành”, thầy giáo chỉ đạo họ, dạy dỗ họ, học sinh đều thành tựu. Tất cả điều này đều thuộc về duyên khởi. “Đa nhất tức bản nhất dã”, sau khi học sinh học thành đạt, năng lực trí tuệ của thầy và trò là bằng nhau.

*Cố bản nhất hữu thể, tắc đa nhất vô thể, đa nhất hữu thể, tắc bản nhất vô thể* (Vì thể, bản nhất hữu thể, thì đa nhất vô thể; đa nhất hữu thể, thì bản nhất vô thể).

Đoạn này muốn nói gì? Mới đầu thầy giáo dạy học sinh, nhưng kết quả sau cùng quá tốt, học sinh vượt qua thầy giáo.

Người xưa thường nói: *“Thanh xuất ư lam, nhi thắng ư lam”* (Màu xanh sinh ra màu lam, mà màu lam hơn màu xanh). Dạy học như vậy là đã thành công. Nếu người thầy giáo giỏi này một đời dạy học, học sinh đều không thể vượt qua thầy, dạy học như vậy là thất bại. Vì sao? Vì thời nay là thời đại lớn, trình độ ngày càng thấp, thời đại này không như thời đại trước. Vậy thời này không bằng thời trước, thì trách nhiệm thuộc về ai? Thầy giáo chịu. Vì thầy giáo không tận tâm tận lực. Thầy giáo không giáo dục tốt.

Quý vị xem, cha mẹ kỳ vọng con cái, luôn hy vọng con cái giỏi hơn mình, là phúc của gia đình. Nếu đời này không như đời trước, thì suy yếu rồi. Nhà như vậy, thì sự nghiệp cũng như vậy. Khi quý vị kinh doanh một nghề, đời sau không

được như mình, lại thêm một đời nữa càng không được như vậy, thì sự nghiệp của quý vị coi như hết. Làm cách nào quý vị phải duy trì đời này hơn đời trước. Không có ngành nghề nào mà không như vậy. Chính trị cũng như vậy.

Quý vị xem, ngày trước làm quan đội cái mũ. Cái mũ đó gọi là “Tấn Hiền Quan”. Tầng ở trước thấp, tầng ở sau cao hơn, tượng trưng cho cái gì? Tầng ở trước là tượng trưng cho thời đại của tôi, tầng ở sau là tượng trưng cho đời sau, hy vọng thành tựu của đời sau vượt qua tôi. Vì sợ quên, nên cho họ đội mũ đó khi xử lý công vụ để họ nhớ lại. Học sinh mà không hơn thầy, như vậy là giáo dục thất bại. Thầy giáo cảm thấy xấu hổ, cho nên học sinh vượt qua thầy giáo là thành tựu nên có. Vì sao? Học trò đập lên trên vai thầy mà đi lên. Đây mới là thầy giỏi, thật sự là một người thầy.

Nhưng chúng ta cũng từng nhìn thấy, nghe thấy nhiều là thầy giáo không thích học sinh hơn mình. Học sinh giỏi hơn, thầy giáo sinh ra đổ kỵ. Chuyện này có không? Có! Từ xưa đã có rồi. Trong sử cũng ghi rất nhiều ví dụ, đây không phải là thầy giáo tốt. Nhưng thầy giáo đó rất có đức hạnh, rất có học vấn, chỉ là phiền não đổ kỵ quá nặng, không dễ gì hóa giải được nó. Phiền não này, sinh ra là có rồi. Nó từ đâu đến? Từ ngã mạn đến. Ngã mạn là một trong bốn đại phiền não của Mạt Na thức. Ngã mạn là không tốt, là chướng đạo, là tạo tội nghiệp.

Cha mẹ đối với con cái là trách nhiệm, phải nuôi dưỡng, phải dạy dỗ, phải thành tựu cho con cái. Thầy giáo đối với học sinh cũng như vậy. Nhưng ngày nay, thầy giáo không dễ tìm được. Thầy giáo của nhà trường là tiệm học. Thầy giáo đều biến thành thương nhân, vấn đề là mua bán tri thức. Cầm được tiền mới dạy, không cầm tiền thì không dạy. Cầm được tiền nhiều hơn nữa cũng chưa chắc đã thật tâm dạy, thật sự là quá khó. Đúng là thời thế đạo đức ngày càng đi xuống, nên vì sao ngày càng có nhiều thiên tai như vậy, thì chúng ta hiểu, sẽ minh bạch.

Chúng ta tự mình phải làm cách nào cũng đã biết rồi, là tận tâm tận lực đi giúp người. Nhưng thầy giáo muốn tìm một học sinh thật sự muốn học là việc không dễ dàng gì. Trước đây, thầy Lý nói với tôi mấy lần, một học sinh hiếu học, muốn tìm một vị thầy giáo tốt thật sự dạy họ, nhưng có thể gặp mà không thể cầu.

Trong một đời, nếu ta thật sự gặp được, thì khẳng định sẽ thành tựu. Có thể nói là chẳng thể không thành tựu. Có vị thầy giỏi nào, không hy vọng mình có truyền thừa. Mà còn hy vọng người truyền thừa này nhất định phải giỏi hơn mình. Vì sao? Vì thầy giáo sẽ đem tất cả kiến thức sở đắc truyền trao cho học trò. Học trò ngoài việc truyền thừa của thầy, họ còn phải học nhiều thứ khác, nên nhất định sẽ giỏi hơn thầy. Bất luận là tài năng hay đức hạnh, khẳng định phải hơn thầy. Được vậy, thầy giáo sẽ rất vui mừng.

Thầy giáo tìm được một người truyền thừa như vậy rất khó. Đến đâu để tìm? So với học sinh tìm thầy giáo còn khó hơn nhiều. Trong quá khứ, một thầy giáo tốt một đời tìm không được người truyền thừa, chỉ có một phương pháp là trước tác “trước thư lập thuyết”. Hy vọng hậu thế có người đọc được sách của mình, và học tập theo giáo huấn của mình. Trước mắt tìm không thấy, thì ký thác vào tương lai. Đây là ý chính của “trước thư lập thuyết”. Chúng ta hãy xem dụng tâm của cổ nhân, lương thiện biết bao và thuần chân biết bao. Hiện nay, thật là tìm không thấy.

Trong đời tôi, gặp được 3 vị thầy, thật là không dễ dàng chút nào. Bình tĩnh mà suy nghĩ, thì đây là nhân duyên vô cùng thù thắng. Tôi gặp được 3 vị thầy không phải là “học thương” - học buôn. Tôi chưa nộp một đồng học phí nào cho 3 vị thầy này, nhưng đã theo học với họ thời gian rất dài, không nộp học phí. Họ đặc biệt dành thời gian để dạy tôi, nên nhìn vào thực tế hiện nay, tôi nghĩ không bao giờ tìm được những người thầy như vậy nữa.

Câu cuối cùng là *“Đa nhất hữu thể, tắc bản nhất vô thể”*. Đa nhất hữu thể, như trong số học sinh, có người đắc Tam Muội, có người khai ngộ, có người chứng quả. Đôi khi thầy giáo chưa khai ngộ, chưa chứng quả, nhưng học sinh đã thành tựu.

9- *Câu dung vô ngại nghĩa. Câu dung vô ngại giả, vị dung tiền đồng thể, tương nhập tương tức, nhị chủng giai vô ngại dã* (Chín: Ý nghĩa đều dung thông vô ngại. Nghĩa là 2 loại đồng, thể tương nhập tương tức đã nêu trước đều dung thông vô ngại vậy).

Vô ngại chủ yếu chính là vì không có tự tính. Tất cả pháp không có tự tính. Tính mà vô tính, chính là chân như bản tính. Chân như bản tính không phải vật chất, cũng không phải tinh thần. Chẳng thể nói nó là không, cũng chẳng thể nói nó là có. Sự biến hóa của tất cả pháp là do ý niệm. Ý niệm chính là suy nghĩ. Suy nghĩ chuyển biến rất nhanh, cho nên không có định pháp. Thiện trong sát na có thể biến thành ác. Ác trong sát na thời gian có thể biến thành thiện. Then chốt là ở nơi ý niệm. Sự việc này đã được giới khoa học hiện đại phát hiện.

Các nhà lượng tử vật lý học, họ cũng đã phát hiện. Chứng minh những điều cổ thánh tiên hiền nói là thật chứ không phải giả. Hiểu rõ đạo lý này có thể thay đổi vận mệnh chính mình, có thể thay đổi vận mệnh gia đình mình, có thể thay đổi vận mệnh của thế giới. Và có thể thay đổi vận mệnh của địa cầu. Chính là nguyên lực này, là suy nghĩ này.

Tại sao ta không nghĩ điều thiện mà phải đi nghĩ điều ác? Nếu ta nghĩ điều ác, thì không có một pháp nào là chẳng ác. Nếu ta nghĩ thiện, thì không có một pháp nào là chẳng

thiện. Nhiễm, tịnh, thiện, ác chỉ trong một niệm. Một niệm tham, sân, si, mạn, nghi, chính là ma. Một niệm giới, định, tuệ, chính là Phật, Bồ tát. Khi hiểu rõ được đạo lý này, ta thật sự muốn cầu được hạnh phúc chơn chính viên mãn, niệm niệm đều là thiện niệm, được vậy tốt biết bao. Ý niệm nào là đại thiện? Ý niệm nào là vĩnh hằng? Ý niệm nào là phúc báo thứ nhất của thế xuất thế gian? Tôi nói với quý vị, chính là ý niệm A Di Đà Phật. Vì sao? Vì A Di Đà Phật là đức hiệu của tự tính chúng ta, chứ không phải người khác.

Rất nhiều người đã tham gia *Tam thời hệ niệm*. “*Tam thời hệ niệm*” do Trung Phong Thiền sư viết ra. Ngài là người sống dưới triều Nguyên. Trong lời khai thị. Ngài nói: “*Tự tính Di Đà, duy tâm Tịnh độ*”. Phật A Di Đà là ai? Là tự tính của chúng ta! Tự tính của ta gọi là A Di Đà. A Di Đà là Phạn ngữ, nghĩa là gì? “A” nghĩa là “vô”, “Di Đà” nghĩa là “lượng”-Tự tính.

Trong kinh *Hoa Nghiêm*, đức Thế Tôn nói, trong tự tính có vô lượng trí tuệ, vô lượng đức năng, vô lượng tướng hảo. Chỉ cần ta nghĩ ra được, có thể nói ra được, toàn là vô lượng. Vô lượng vô biên, vô tận vô số. Câu A Di Đà Phật này bao hàm tất cả. Là tổng danh xưng. Ta niệm ai? Niệm A Di Đà Phật chính là niệm tự tính. Đạo lý này, chân tướng sự thật này chẳng thể không biết.

Mật Tông nói Tam mật tương ưng, trong đó có quán tưởng. Câu A Di Đà Phật chính là tất cả. *“Nhất tức nhất thiết, nhất thiết tức nhất”* (Một tức là hết thấy, hết thấy tức là một) Nó bao hàm tất cả. Như vậy, ta sẽ hiểu khi ta đọc kinh *A Di Đà* hay là đọc kinh *Vô Lượng Thọ*. Một là tất cả, tất cả là một.

Tất cả kinh giáo mà mười phương ba đời tất cả chư Phật nói, đều ở trong bộ kinh này. Nếu ta thật sự thông hiểu bộ kinh này, thì mọi việc sẽ thông. Thông cái gì? Thông đến tự tính. Quý vị cần phải hiểu, bí quyết khai ngộ chính là nhất. Nếu là đa thì không cách nào khai ngộ. “Đa” là gì? Là tâm lực của ta không tập trung. Tuy học rất nhiều thứ, nhưng lực lượng bị phân tán, nên rất khó khai ngộ. Vì thế trước sau nên học một thứ. Cổ nhân nói rất hay, ta có thể dùng bao nhiêu thời gian? 3 năm. Quý vị xem *“Truyền Đăng Lục”*, *“Ngũ Đăng Hội Nguyên”*, trong đó người khai ngộ dùng bao nhiêu thời gian? Cũng chỉ là 3 năm hoặc 5 năm. 3 năm, 5 năm cái gì cũng không nghĩ đến, đều buông bỏ hết, chỉ nghĩ một thứ là họ phải định, vì định có thể khai ngộ! Bắt buộc là phải được định trước, sau đó mới khai ngộ. Không định, thì không biết đến khi nào mới hoát nhiên đại ngộ.

Nếu học nhiều, nhiều quá là không được. Nhiều quá thì tinh thần phân tán. Ý niệm phân tán, niệm lực không thể tập trung, thời gian cũng phân tán. Vậy ta học được những gì? Học cái mà hiện nay người thường giảng là học Phật học, chứ không phải học Phật. Phật học là tri thức không phải trí

tuệ. Người học Phật là họ cầu trí tuệ. Trí tuệ nhất định phải là *“Nhất môn thâm nhập, trường thời huân tu”* mới có thể đạt được.

Bất luận là Tông môn hay Giáo môn, Tiểu thừa hay Đại thừa, đạo lý chỉ có một, nguyên lý chỉ có một. Tông môn là nói tham ngộ, không dùng kinh điển. Ngày xưa, Tổ sư Đạt Ma truyền đến Trung Quốc là pháp môn “Quán tâm”. Sau đó, Tổ sư cải đổi thành “tham thoại đầu”. Giáo môn là một bộ kinh, một bộ luận. Kiên nhẫn, chuyên chú. Cứ bền chí một môn như vậy sẽ khai ngộ. Sau khi ngộ rồi, lại học rộng nghe nhiều. Chẳng phải không học rộng vì pháp môn vô lượng thế nguyện học. Chưa khai ngộ, thì không được. Chưa khai ngộ, họ không thể học, vì khi học nhiều quá, vĩnh viễn sẽ không khai ngộ. Sau khi ngộ mới học, học thêm nữa cũng quá dễ dàng. Được như vậy, quý vị sẽ giống như Long Thọ Bồ tát. Một bộ *“Đại Tạng Kinh”* cần bao nhiêu thời gian mới học hết? 3 tháng là học xong. Long Thọ Bồ tát như vậy.

Lục Tổ Huệ Năng cũng như vậy, vì họ đã kiến tính. 6 căn vừa tiếp xúc lập tức thấu suốt, đâu cần phải phí công sức! Những đạo lý này ta cần phải hiểu. Phương pháp đơn giản nhất, phương pháp ổn định nhất và cũng là phương pháp nhanh nhất. Là ta không cầu gì cả, ta chỉ nhất tâm nhất ý cầu vãng sinh. Lục Tổ Huệ Năng nói: *“Đãn đắc kiến Di Đà, hà sầu bất khai ngộ”* (Chỉ cần gặp Di Đà, lo gì chẳng khai ngộ). Điều này là thật, chứ không phải giả. Tổ sư không gạt người khác.

Ở đây, khai ngộ thật không dễ, nhưng đến thế giới Cực Lạc để khai ngộ lại rất dễ. Vì sao? Một câu A Di Đà Phật niệm 3 năm, ta quyết định được sinh Tịnh độ. Nhất tâm nhất ý, ngoài câu A Di Đà Phật ra, cái gì cũng không nghĩ. Quý vị xem Hoàng Trung Xướng không phải là điển hình cho ta thấy đó sao?

Trước đây vài năm, ở Thâm Quyển, mọi người đều biết có một thanh niên khoảng ba mươi mấy tuổi. Anh ta nghe trong đạo Phật có một vài phương pháp, anh ta rất mừng, đến thử, và anh ta đã đến làm thí nghiệm. Nhập thất ở Thâm Quyển, cư sĩ Hướng Tiểu Lợi hộ thất cho anh ta. Anh ta định thời gian 3 năm. Kết quả mới 2 năm 10 tháng, còn thiếu 2 tháng nữa là viên mãn, nhưng anh ta dự biết được giờ chết và đã ra đi. Đi một cách tự tại, rất thoải mái, không bệnh tật gì. Trong 3 năm đó, nhất tâm niệm Phật. Anh ta mỗi ngày đọc một bộ “*Vô Lượng Thọ Kinh*”, niệm danh hiệu Phật không gián đoạn. Tôi giảng về phương pháp của Pháp sư Đế Nhàn, anh ta học theo. Pháp sư Đế Nhàn dạy người thợ hàn, niệm một rồi thì nghỉ, nghỉ xong rồi thì tiếp tục niệm, không hề bị áp lực. không hề bị ràng buộc, rất tự tại. 2 năm 10 tháng đã thành công, đã về thế giới Cực Lạc làm Phật.

Chúng ta ở đây giảng kinh dạy học. Đây là “Khuyến chuyển” trong Tam Chuyển Pháp Luân, là khuyến khích mọi người. Hoàng Trung Xướng biểu diễn chiêu này là “Chứng chuyển”. Ông ta đã chứng minh cho chúng ta thấy. Quý vị xem, câu Phật hiệu này có lợi ích không. Thật lợi ích! Mỗi

ngày đọc một bộ kinh, anh ta không nghe nữa. Sinh đến thế giới Tây Phương Cực Lạc thân cận Phật A Di Đà. Vậy còn có pháp nào có chướng ngại, còn có pháp nào không thể thành tựu! Chúng ta học anh ta như vậy và tự mình cũng thành tựu. Nếu anh ta không vãng sinh, thì đạo tràng cũng thành tựu. Một vị có tâm như vậy chủ trì đạo tràng, đạo tràng có thể không thành tựu sao! Thật sự là trí tuệ viên mãn, đức hạnh viên mãn. Quý vị nghĩ xem, như vậy có thể cứu được thế giới không? Khẳng định có thể tiêu tai giải nạn. Vì thế, ta phải phát đại tâm và phải siêng năng thực hành. Sau khi học xong, quan trọng nhất là phải thực sự xả thân. Học rồi mà không ứng dụng cũng như chưa học.

Người học Tịnh độ, kinh điển của Tịnh Độ Tông là ít nhất trong các tông phái. “*Lục kinh nhất luận*”. Chỉ có 6 cuốn Kinh, 1 cuốn Luận là “*Vãng Sinh Luận*”. Chúng ta cần phải học hết sao? Không nhất định. Có thể học hết thì tốt, còn không thì trong 6 cuốn này chỉ học 1 cuốn là được. Mục đích học kinh giáo là gì? Chính là tiêu nghiệp chướng. Giúp chúng ta tin nguyện. Kinh giáo là giúp chúng ta đoạn nghi sinh tín. Sau khi thực sự đã tin, thì phát nguyện cầu sinh Tịnh độ. Thật tin và thật nguyện sẽ được vãng sinh. Kinh giáo có thể không cần thiết. Một câu Phật hiệu là được. Mỗi ngày phải đọc một bộ kinh, đó là để nhiếp tâm, vì chúng ta còn tập khí phiền não. Khi đọc bộ kinh này, sẽ làm cho tâm định lại, không cho vọng tưởng, phân biệt khởi dậy. Tác dụng là ở đây.

Kinh *Vô Lượng Thọ* phân lượng rất tốt, không nhiều không ít, có thể hàng phục được tập khí của ta. Trong ngày đó, ta niệm Phật A Di Đà, thì trong đầu không xen tạp vọng tưởng, chính là ý này. Người lớn tuổi đọc kinh *Vô Lượng Thọ* có khó khăn, phân lượng quá nhiều, nên đổi đọc kinh *A Di Đà*. “*A Di Đà Kinh*” ngắn, có thể đọc 1 biến, 2 biến, 3 biến. Đọc bao nhiêu biến, tự mình có thể quyết định.

Quý vị biết đọc kinh này để làm gì không? Đọc kinh này để hàng phục tập khí. Một biến là có thể hàng phục rồi, là được rồi. Một biến là được. Nếu đọc 1 biến vẫn còn tập khí, vẫn còn vọng tưởng thì đọc 2 biến. Phải nên hiểu vì sao mà tụng kinh này, điều này cần phải hiểu rõ. Không phải niệm để Phật A Di Đà nghe. Hoàn toàn là vì chính mình, cần phải biết điểm này.

Đồng thể đương nhiên “*tương nhập tương tức*”, đều không chướng ngại, “*cái thể vô bất dụng, tắc hữu đồng thể tương nhập*”. Có thể đương nhiên có dụng, ngược lại có dụng đương nhiên có thể. Thể và dụng không rời nhau. Khẳng định nó có tác dụng, nên nó có “*đồng thể tương nhập*”. “*Nhi vô tương tức chi nghĩa*”. Bên dưới nói: “*Dụng vô bất thể, tắc hữu đồng thể tương tức nhi vô tướng nhập chi nghĩa*”. 2 cái này hợp lại, “*kim ký toàn thể toàn dụng, tắc diệc nhập diệc tức dã*”. Có thể có dụng, có dụng có thể, nên tương tức tương nhập.

“*Duyên khởi thập nhĩ*” ở trong hết thấy pháp đều có thể nhìn thấy. Trong thân thể của ta cũng có thể nhìn thấy. Ví dụ như trong thân thể, có thể có dụng. Mắt là thể, tác dụng của nó là thấy. Mũi là thể, tác dụng là ngửi mùi. Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân bao hàm trong lục phủ, ngũ tạng. Mỗi cái đều có thể của nó. Nhưng cùng một thân thể, đồng ở trên một thân, nên tương tức tương nhập, không hề có chướng ngại. Thể có dụng là nó có đồng thể tương nhập, mà không tương tức. Nhưng có tác dụng gì? Dụng nhất định có thể, nó sẽ có đồng thể tương tức. Vì thế, ở trong bất kỳ cơ quan nào, đều có thể nhìn thấy tương dung, tương tức, tương nhập. Tất cả đều nhìn thấy.

Quý vị hãy quan sát trên nhiều góc độ, nhiều phương diện, mới thực sự có thể nhìn thấy hiện tượng của duyên khởi. Toàn bộ hiện tượng ở trong 3 loại trí tuệ gọi là Đạo chủng trí, chính là Nhất thiết pháp. Nguyên tắc nào hiện ra hiện tượng này. Trí tuệ này là trí tuệ của Bồ tát. Tam chủng trí là Nhất thiết trí. Đạo chủng trí là Nhất thiết chủng trí. Nhất thiết trí là A La Hán chứng được - tổng tướng của các pháp. Tổng tướng là gì? Tổng tướng là bất khả đắc.

Trong kinh *Bát Nhã* nói: “*Nhất thiết pháp vô sở hữu tất cánh không, bất khả đắc*” (Hết thấy pháp vốn không có, là cứu cánh Không, không thể đắc). Đây là nói về tổng tướng, hiện nay trong lượng tử lực học cũng đã phát hiện. Nhất thiết pháp là gì? Là tổng tướng. Là hiện tượng do ý niệm

liên tục tích lũy, nên tất cả tướng đều có thể trở về với một loại tần số ánh sáng. Tần số của vận tốc ánh sáng chính là lượng tử quần, đều có thể trở về. Điều này, nói rõ vạn pháp giai không, nên A La Hán chỉ biết “không” mà không biết “có”. Quý Ngài biết vạn pháp giai không, nên không chấp trước. So với A La Hán, Bồ tát hiểu hơn một bước nữa về “không”, cũng hiểu Nhất thiết vạn pháp này, do nguyên tắc nào biến hiện ra, sao lại phức tạp như vậy, sao lại nhiều như vậy? Trong kinh *Hoa Nghiêm* nói là vô lượng nhân duyên. Vô lượng nhân duyên quy nạp thành 10 loại lớn, nên ở trong bất cứ một pháp nào, ta đều có thể nhìn ra. Trong thân thể ta không chỉ có thể nhìn ra, mà còn rất rõ ràng. Thậm chí, đối với các khí quản trong thân, ở trong một khí quản cũng có thể nhìn thấy hoàn toàn.

Trong “*Hoàn Nguyên Quán*” cũng vậy. Hiền Thủ Quốc sư cử nhất trần cho chúng ta thấy. Nhất trần là gì? Nhất trần chính là một tiểu quang tử ở trong lượng tử. Có lẽ chính là nhất niệm mà Di Lặc Bồ tát đã nói. Nhất niệm đó hữu hình. Hình ở đây chính là hiện tượng vật chất, “*Hình giai hữu thức*”, đồng thời nó cũng có hiện tượng tinh thần. Trong một niệm này, đầy đủ vô lượng duyên khởi. Vì sao? Vì trong nhất trần đó có vũ trụ, có thế giới. Biến pháp giới hư không giới đều ở trong một vi trần đó. Các trần như thế, mỗi một hạt vi trần cũng đều như thế. Đây là cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn.

Sau cùng của *Hoa Nghiêm Kinh* là “*Phổ Hiền Hạnh Nguyên Phẩm*”. 40 quyển kinh văn, chính là nói cho chúng ta cảnh giới này. Quý vị hãy nhìn đề mục của phẩm này “*Nhập bất tư nghị giải thoát cảnh giới Phổ Hiền hạnh Nguyên phẩm*” - đây là tiêu đề của phẩm này. Phổ Hiền Bồ tát đã vào cảnh giới này, thế giới trong một vi trần. Trong vi trần thế giới còn có vi trần, và vi trần đó có thế giới trùng trùng vô tận. Cảnh giới này hiện nay giới khoa học còn chưa nói đến, chỉ nói đến phát hiện vi trần. Trong vi trần có thế giới, trong thế giới có vi trần. Trong vi trần còn có thế giới, thì điều này các nhà khoa học chưa nói tới. Vì thế, một vi trần đầy đủ vô lượng duyên khởi. Như vậy, chúng ta mới có thể lãnh hội được trí tuệ của Bồ tát, so với A La Hán cao hơn nhiều!

Trí tuệ của Như Lai gọi là Nhất thiết chủng trí. Nhất thiết chủng trí là gì? A La Hán là Nhất thiết trí, nghĩa là biết “không”. Bồ tát là Đạo chủng trí, nghĩa là biết “có”. Đạo chủng trí và Nhất thiết chủng trí hợp lại mới thực sự đạt đến cứu cánh viên mãn. Đó là trí tuệ của Phật. Đây mới gọi là trí tuệ cứu cánh viên mãn. Do đó, cảnh giới Phật chứng đắc gọi là Vô Thượng Chính Đẳng Chính Giác. Quý vị nhất định phải biết.

Đức Phật thường nói Nhất thiết, đều là nói chính chúng ta. Điều này, cũng phải hiểu cho rõ ràng. Từ trước đến nay, chưa từng nói đến ngoài tự thân ta ra. Trong tất cả kinh điển đều là nói chính mình. Chính mình với môi trường sinh hoạt

của mình. Tức là Y báo và Chính báo. Nhưng nhất định phải ghi nhớ đức Phật đã dạy, Y, Chính là một không phải hai. Câu nói này vô cùng quan trọng!

Y, Chính là một không phải hai, chúng ta mới thật sự thể hội được khắp pháp giới hư không giới với chính mình là một thể.

Trong Lục Hòa Kinh, *“Kiến hòa đồng giải”*, phải kiến lập trên cơ sở này. Đó là đại viên mãn. Ngày nay, tại sao ta phải làm như vậy? Vì nhất thể. Chúng sinh hạnh phúc, thì ta hạnh phúc. Chúng sinh vui vẻ, ta cũng vui vẻ. Chúng sinh chịu khổ, ta chịu khổ theo - là do nhất thể. Chúng ta mê muội quá sâu nặng, quá lâu, nên không dễ gì lãnh hội được.

Ví dụ, duyên giữa mẹ và con. Quý vị xem, mẫu thân đối với con cái quan tâm yêu thương săn sóc - đó là nhất thể. Trên thực tế vẫn còn 2 loại “thể” nữa. Nhưng ở Trung Quốc trên quan niệm là nhất thể. Mẫu tử là nhất thể. Mẫu tử nhất thể ở nơi mẫu thân là thật. Còn ở nơi con cái thì chưa biết, vì họ chưa lãnh hội được. Nơi mẫu thân xác thực là thật, là nhất thể, nên tình thương của người mẹ rất vô tư, nghĩa là cho ra mà không cầu hồi báo.

Từ xưa đến nay, nền giáo dục xưa dạy điều gì? Chính là dạy con cái phải biết chân tướng sự thật này, như vậy con cái mới biết hiếu thuận phụ mẫu, mới biết cảm ân. Lấy tình thương của phụ mẫu đối với họ mà đi đối đãi với cha mẹ.

Đây là mục tiêu thứ nhất của nền giáo dục truyền thống xưa. Điều này, tìm không thấy trong các dân tộc ở nhiều quốc gia trên thế giới. Sinh ở nơi này, làm một con người nơi này. Đối với chính mình, thì ân đức đó của tổ tông ngàn vạn năm trước. Cái tình cảm đó, không phải ta có thể lý giải. Nếu ta không biết nhất thể, thì tình cảm yêu thương này không sinh khởi được, bị mê muội rồi. Tình cảm yêu thương này là nó vốn có trong mỗi chúng ta. Nó vốn có trong tự tính, không phải từ bên ngoài đến, cũng không phải học được. Thầy giáo chỉ dạy dỗ ta, gợi ý cho ta, khiến Tính đức từ trong tự tính hiện ra mà thôi, chứ không phải thầy giáo cho ta. Thầy giáo chỉ gợi ý và dạy ta từ từ trừ bỏ chướng ngại, thì chân thành, chân tình của nội tâm sẽ hiển lộ. Một pháp như vậy, các pháp đều như vậy.

*10- Đồng dị viên mãn nghĩa. Đồng dị viên mãn giả, vị tiền cửu nghĩa hữu đồng hữu dị tổng hợp vi nhất, thành đại duyên khởi* (Mười: Ý nghĩa đồng - dị viên mãn, nghĩa là 9 nghĩa có đồng, có dị đã nêu trước tổng hợp làm một, thành đại duyên khởi).

Đại duyên khởi này trong Phật pháp nói là pháp giới hư không giới và bây giờ một số người gọi là vũ trụ, là đại vũ trụ. Sự xuất hiện của vũ trụ, trong vũ trụ, tất cả vũ trụ, thông thường, Phật pháp gọi là mười pháp giới Y chính trang nghiêm. Còn giới khoa học nói là vô số thiên hà và tinh cầu. Trong tinh cầu có sinh vật. Không có tinh cầu nào mà không

có, như người ta ra bên ngoài vũ trụ đi thám hiểm, đi đến tinh cầu khác phát hiện không có người. Trong Phật pháp nói không phải chẳng có người, mà bất đồng không gian duy thứ. Trong đó có người, chỉ là ta không nhìn thấy họ, họ không nhìn thấy chúng ta. Duy thứ của họ cao hơn mình, thì mình nhìn không thấy họ, nhưng họ nhìn thấy ta.

Không gian 3 chiều này là cõi Thánh Phạm Đồng Cư. Trên địa cầu này có thánh nhân ở trong đó. Chúng ta không nhìn thấy họ, nhưng họ nhìn thấy ta. Họ có thể nhìn thấy chúng ta. Ngũ Đài Sơn là đạo tràng của Bồ tát Văn Thù, thánh nhân ở nơi đó. Hàng phàm phu nhìn không thấy các Ngài, nhưng các Ngài sẽ nhìn thấy chúng ta. Nếu có nhân duyên đặc thù, có khi ta sẽ nhìn thấy họ.

Tổ sư Pháp Chiếu đời thứ tư của Tịnh Độ Tông, người thời nhà Đường. Ngài đến Ngũ Đài Sơn lễ bái Bồ tát Văn Thù, gặp được rồi, nhìn thấy Đại Thánh Trúc Lâm tự, đạo tràng thù thắng trang nghiêm. Bồ tát Văn Thù đang ở đó giảng kinh. Tổ sư Pháp Chiếu đi vào nghe hết một bài giảng, rồi thỉnh giáo Bồ tát Văn Thù. Bây giờ, đã đến thời kỳ Mạt pháp, chúng sinh, tức là một số đại chúng, nên học pháp môn nào dễ thành tựu? Bồ tát Văn Thù dạy Ngài pháp môn Niệm Phật, rồi còn niệm vài câu Phật hiệu. Ngài lãnh hội, truyền lại đời sau gọi là Ngũ Hội Niệm Phật, tức là phương pháp Niệm Phật.

Hiện nay, có cuốn *Phổ Ngũ Hội Niệm Phật*. Nhưng cuốn sách này là người đời sau biên tập lại. Những điều Ngài Pháp Chiếu truyền lại do Bồ tát Văn Thù dạy đại khái đã thất truyền, đã không còn người biết đến nữa. Ngũ Hội Niệm Phật là phương pháp Niệm Phật. Ngài rời Trúc Lâm tự, đi dọc đường, Ngài làm ký hiệu, chuẩn bị để lần sau đến lại, không bị lạc đường nữa. Ngài ra đi làm mấy lần ký hiệu, nhưng khi nhìn lại, không có, đạo tràng không còn nữa, một rừng núi hoang. Ngài chỉ còn hướng lên trên núi lạy vài lạy rồi đi, có duyên thì gặp được đạo tràng của Bồ tát.

Trong *Từ Bi Tam Muội Thủy Sát*, thấy Ngài Ngộ Đạt Quốc sư đi tham bái Ca Nặc Ca Tôn giả, đạo tràng A La Hán ở Tứ Xuyên, cũng là tình trạng như vậy. Trong rừng là một mảnh hoang sơn. Ngài Ngộ Đạt cùng Tôn giả có duyên. Tôn giả nói với Ngộ Đạt Quốc sư đến chỗ của Ngài. Khi nhìn thấy 2 cây đại thọ, thì đứng một bên chờ, và đạo tràng tự nhiên hiện ra. Vị La Hán này giúp Ngài trị mụt mắt người.

Khi trị lành ra đi rồi, Ngài quay đầu nhìn lại, chỉ còn một mảnh hoang sơn, đạo tràng không thấy nữa.

Ở thế gian này có thiên tai, nhưng chỗ các Ngài thì không. Vì sao? Vì ý niệm không giống nhau. Nhớ đến nhà, thì tương ứng với tự tính. Ngày nay, chúng ta chỉ tương ứng với phiền não. Vậy làm sao được? Khởi tâm động niệm đều là tự tư, tự lợi. Khởi tâm động niệm đều là danh văn, lợi dưỡng, đều là

ngũ dục, lục trần, đều là tham, sân, si, mạn. Như thế thì hồng mất. Hoàn toàn trái ngược với tự tính. Trong tự tính, những thứ này tuyệt đối không có.

Chư Phật, Bồ tát dạy chúng ta buông bỏ. Buông bỏ điều gì? Trong tự tính không còn, hoàn toàn buông bỏ là đúng rồi. Trong tự tính có gì? Nói với quý vị, một câu A Di Đà Phật bao hàm tất cả tự tính. Câu A Di Đà Phật này là Tính đức viên mãn của tự tính. Nếu câu A Di Đà Phật này, không rời tâm của ta, không rời miệng của ta, thì trên thế gian này, bất luận ở đâu ta đều được bình an, ta đều được chư Phật Như Lai hộ niệm, Long thiên thiện thần bảo hộ. Vì sao? Vì ta hoàn toàn tương ứng với Tính đức.

Đứng về Lý mà nói, từ Sự mà nói, thì ta thật sự là đệ tử của Di Đà. Phật A Di Đà ở mười phương thế giới, không có vị Phật nào không tôn kính Ngài, không tán thán Ngài, làm đệ tử vinh quang của Di Đà! Mười phương Như Lai tán thán thầy, đương nhiên cũng khen ngợi học trò, đối với học trò đặc biệt long trọng. Ta nên làm hay không? Nếu muốn làm, phải làm thật sự. Trong tâm ngoài Phật A Di Đà ra, không có những tạp niệm khác. Thân thể còn trên thế gian này, thì tùy duyên mà qua ngày sẽ không bị phan duyên, tùy duyên tự tại. Đối với người, với việc, với vật tự nhiên như không, không để trong tâm. Như vậy, ta sẽ chuyển phiền não thành Bồ đề. Chuyển ác nghiệp từ vô thủy kiếp đều biến

thành thiện nghiệp. Trong sát na liền chuyển được. Sau khi chuyển qua rồi, tâm tình của ta không giống nhau nữa. Tự tại vui vẻ vô cùng. Điều này là thật không phải giả.

*“Linh đa nghĩa môn, đồng thời cụ túc”*. Đa nghĩa môn, chính là vô lượng nhân duyên. Mười pháp giới Y chính trang nghiêm, đồng thời cụ túc, *“giai tất viên mãn dã”*. Bất cứ pháp nào cũng đầy đủ nghĩa đồng, dị viên mãn. Lớn thì đến hư không pháp giới, nhỏ thì đến một vi trần, đầu sợi lông.

Mười nghĩa Duyên khởi này đều là giải thích Mười nhân của Huyền môn vô ngại. Câu thứ 3: *“Duyên khởi tương do”*. (Duyên khởi do nhau), chúng ta đọc thêm câu này: *“Cố bỉ thử tất hữu khả viên dung chi lý, hòa dung chi lý”* (Cho nên, đây kia thấy đều có lý có thể viên dung, hòa hợp dung thông), sẽ thấy tự tính là hài hòa, tự tính là hòa bình. Bình là bình đẳng; hòa là hòa mục, hài hòa. Ta phải thật sự có nhận thức này. Đối với người, với vật, và với sự việc, ta có thể hài hòa chăng? Nếu không hài hòa là sai. Vì sao ta không hài hòa? Vì mê mờ tự tính. Vì sao ta hài hòa? Vì tự đã ngộ tính. Mê là phàm phu. Ngộ chính là Phật, Bồ tát. Học Phật là học cái gì? Học khai ngộ chứ không học gì khác.

Phật pháp trong thời đại này, con người trong xã hội ngày nay đã hiểu sai Phật pháp. Tại sao lại có sự hiểu lầm sâu nặng như vậy? Rất nhiều nguyên nhân, rất phức tạp. Chúng ta ngày nay có duyên, thực sự được thiện tri thức

dẫn dắt, nên ta hiểu rõ. Phải hiểu Phật giáo cho rõ ràng thật không dễ, vì không có duyên. Chúng ta thật sự nhận thức Phật giáo tức là giáo dục của đức Phật, phải siêng năng học tập cho tốt. Đối với chúng ta lợi ích rất lớn! Ở nơi thế gian này, không có lợi ích nào có thể so sánh với việc học Phật. Không có! Lợi ích này thật là ly khổ đắc lạc.

Người trong thế gian hiện nay đều kêu khổ, vậy tại sao không học Phật? Học Phật sẽ an vui. Nhưng họ nói đạo Phật là mê tín, là tôn giáo, nên không muốn tiếp xúc. Cũng khó trách họ. Vì sao? Ngày xưa, khi tôi chưa gặp thầy Phương Đông Mỹ cũng nghĩ như vậy, so với họ cũng không có gì khác, vô cùng cố chấp. Người thầy này không dễ, thầy muốn trong tâm mình, tôn kính thầy, ngưỡng mộ thầy, là phải thật nghe lời thầy. Thầy sẽ thật dạy quý vị, như vậy mới được. Trong tâm quý vị không cung kính thầy giáo, thì chẳng được.

Thật vậy, điều này cũng giống như Ấn Quang Đại sư thường nói: *“Một phần thành kính được một phần lợi ích. Thành kính mười phần, thì được mười phần lợi ích”*. Chúng tôi đối với thầy giáo có mười phần tâm tôn kính. Thực tế mà nói, tôi chưa được mười phần, chắc được khoảng năm đến sáu phần. Vì thế, tôi làm gần đến 60 năm rồi. Tín tâm này mỗi năm càng thêm sâu. Đối với ân đức của thầy giáo, thì mỗi năm tình nghĩa càng sâu nặng thêm.

Nghĩ đến nếu không có thầy giáo chỉ dẫn, thì làm sao tiếp xúc được. Mặc dù tiếp xúc rồi, nhưng không hiểu, nhìn không hiểu, nên ân đức này không gì sánh kịp, báo không hết! Phương pháp báo ân duy nhất, là đem những điều tốt mà mình học được, chia sẻ với tất cả đại chúng. Đây chính là báo ân. Trong đại chúng có người thiện căn thành thực, trong lúc chia sẻ họ cũng đã giác ngộ, họ cũng minh bạch và cũng có thể làm được. Chúng tôi luôn hy vọng, trong quý vị có người chơn chính học Phật, 3 năm, 5 năm thành tựu hơn tôi, là tôi đã thành công!

Từ đó, chúng ta thật sự có thể hiểu rõ “*duy tâm sở hiện, duy thức sở biến*”. Quan niệm này là thật. Biến pháp giới hư không giới, tất cả nhân sự vật với ta là một thể. Quan niệm này quan trọng hơn tất cả, chúng ta mới thật sự có thể hy sinh để giúp đỡ những chúng sinh khổ nạn. Xả thân vì người, như vậy sẽ giống điều gì? Mẹ hiền vì con cái mà không tiếc hy sinh tính mạng. Người mẹ có thể làm được. Trong cơn động đất, chúng ta có thể nhìn thấy những người mẹ bảo hộ con nhỏ của họ. Dùng thân thể mình bảo hộ những đứa con thơ. Họ đã chết, nhưng con thơ còn sống sót.

Ngày nay, chúng ta tu Lục Hòa Kính, giúp đỡ chúng sinh khổ nạn trên địa cầu. Chúng ta cần phải có tinh thần của người mẹ bảo hộ con. Phải có tình thương yêu này, vì chỉ có chân thành thương yêu mới làm được. Vì sao? Là vì nhất thể. Ta nên biết có sinh tử chăng? Không có! Thường nói

sinh tử là thân thể, còn linh tính thì bất diệt. Chúng ta không nói linh hồn, mà nói về linh tính. Linh hồn là mê, linh tính là giác ngộ. Học nhiều năm rồi, nên đem linh hồn chuyển biến thành linh tính, như vậy mới đúng.



# **TỊNH ĐỘ ĐẠI KINH GIẢI DIỄN NGHĨA**



**TẬP 69**



**Giảng ngày 26 tháng 6 năm 2010**  
**Phật Đà Giáo Dục Hiệp Hội HongKong**  
***Chuyển ngữ: Hạnh Chơn***  
***Biên tập: Bình Minh***



**C**hur vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời xem tiếp “Đại thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải”. Hôm nay, chúng ta tiếp tục học “Mười nhân Huyền môn vô ngại”

#### 4- PHÁP TÍNH DUNG THÔNG

*“Vị pháp giới chi tính, viên dung thông đạt vô ngại, nhiên nhất thiết sự pháp, y tính kiến lập, bất dị chân tính. Tính ký dung thông, sự diệc như chi, cố nhất nhất vi trần, các hàm pháp giới”* (Bốn: Nghĩa là tính pháp giới viên dung thông suốt vô ngại. Nhưng hết thấy Sự pháp nương tính mà kiến lập, không khác chân tính. Tính đã dung thông, Sự cũng như thế. Vì thế, mỗi một vi trần đều bao hàm pháp giới).

Đoạn này nói rõ về chân tướng sự thật, của thấy pháp tướng trong thế gian, xuất thế gian. Pháp tướng này chính là hiện tượng, nó rất nhiều, vô lượng vô biên, vô tận vô số. Nhưng nếu đem nó phân thành 3 loại lớn, thì sẽ bao quát tất cả, đều bao hàm rồi.

3 loại lớn:

- Loại thứ nhất là hiện tượng tinh thần. Đây là pháp tướng.
- Loại thứ hai là hiện tượng vật chất.
- Loại thứ ba là hiện tượng tự nhiên.

3 loại lớn này bao quát hết thấy. Cũng bao quát cả không gian duy thứ bất đồng. Đây là thuộc hiện tượng tự nhiên.

Pháp tính và pháp tướng là một. Pháp tính là thể, pháp tướng là hiện tượng. Hiện tượng từ đâu sinh ra? Là nương vào thể mà sinh ra. Thể đã là viên dung thông đạt vô ngại, vậy trên Sự, Tướng có còn chướng ngại chăng? Trên lý luận mà nói, thì không có chướng ngại. Nhưng khi ta quan sát những Sự, Tướng trước mắt, thì nó thật có sự chướng ngại. Chướng ngại từ đâu đến? Chướng ngại này là thật hay giả? Đức Phật nói không có chướng ngại. Chướng ngại mà chúng sinh thường cảm nhận này, nó không có thật, do từ vọng tưởng, phân biệt, chấp trước mà sinh ra. Nói cách khác là chính mình làm chướng ngại mình. Trên thực tế, tất cả sự vật thật sự không có chướng ngại, nên ta phải nói là không có chướng ngại.

Trong phòng này của chúng ta, vì sao ta không nhìn thấy được phòng bên cạnh? Đây không phải là chướng ngại rồi sao? Tại sao khi có một bức tường chắn lại, thì ta không đi qua được? Đây không phải là chướng ngại sao? Không sai! Con người chúng ta có chấp trước, nó sẽ tạo thành chướng ngại. Quý vị xem, chúng sinh của U Minh giới, chúng sinh của Thiên đạo, họ đối với điều này không có chướng ngại, dù cách tường như vậy nhưng họ vẫn ra vào tự tại. Chướng ngại của nhân gian này không làm chướng ngại được họ. Nhưng trong U Minh giới, họ lại có chướng ngại của chính họ. Do đây mà biết, chướng ngại sinh ra từ phân biệt, chấp trước. Vì thế, con người khi không có phân biệt, không có

chấp trước, còn có chướng ngại chăng? Quý vị nên biết lúc này không còn chướng ngại nữa, dù chỉ là tạm thời hay trong khoảng sát na. Khi trong tâm ta không có động niệm, sẽ thấy có kỳ tích xuất hiện. Một số người chúng ta nói kỳ tích xuất hiện, trên thực tế rất bình thường.

Chúng ta đọc bài tựa *“Viên Giác Kinh Giảng Nghĩa”* của Pháp sư Viên Anh. Trong đời của Pháp sư Viên Anh có 2 thứ rất giá trị. 2 thứ này là tác phẩm sau khi Ngài 70 tuổi, chứ không phải tác phẩm khi còn trẻ. Một bộ là *“Lãng Nghiêm Kinh Giảng Nghĩa”*. Một bộ nữa là *“Viên Giác Kinh Giảng Nghĩa”*. Bộ *“Viên Giác Kinh Giảng Nghĩa”* trong đoạn giảng nghĩa, Ngài có kể câu chuyện. Đây là trong văn Tựa *“Viên Giác Kinh Giảng Nghĩa”* nói, quyết định không phải giả, Lão Hòa thượng sẽ không bịa đặt sinh sự. Một hôm, Ngài ở trong phòng nơi thất của Phương trượng. Đột nhiên, nghĩ ra một việc và lập tức muốn đi làm. Sau khi từ chỗ ngồi đứng dậy, Ngài đi ra. Sau khi đi ra, đột nhiên nghĩ lại, cửa phòng của Ngài đang đóng hình như không mở, tại sao đi ra được? Quay đầu nhìn lại, cửa thật sự đang đóng, đi lui lại nhưng bước không vào. Không có chướng ngại, cửa không có chướng ngại.

Trong một sát na thời gian đó, Ngài không nghĩ đến cửa đóng. Ngài không nghĩ đến cửa, lập tức đã đi ra. Ý niệm thứ hai, ý niệm phân biệt, chấp trước khởi dậy là không được, bước vào không được nữa. Đây chính là ý thức của con

người phân biệt cái này là nhà, cái này là cửa lớn, còn cái này là cửa sổ,... Ta cứ phân biệt như vậy, chấp trước như vậy, thì chướng ngại sẽ khởi tác dụng. U Minh giới và Thiên đạo không có quan niệm này như chúng ta, nên họ đến đi tự tại.

Nhà của chính mình, chúng ta không có khái niệm này. Nhà của quỷ ở, chúng ta bước ra bước vào, giống như họ bước vào nhà nhân gian của chúng ta vậy, không chướng ngại, vì ta không nghĩ đến nó có chướng ngại. Thật là người và quỷ sống lẫn lộn, phòng nhà chồng lên nhau. Chướng ngại của họ, họ qua không được. Chướng ngại của chúng ta, ta qua không được. Chướng ngại của ta, họ có thể qua được, chướng ngại của họ, chúng ta cũng vô ngại. Điều này, không phải đã nói rõ chướng ngại từ đâu đến rồi sao? Từ phân biệt, chấp trước mà đến. Không có phân biệt, chấp trước thì không có chướng ngại. Trong Phật pháp gọi như vậy là Thần túc thông. Trong kinh điển, đức Phật dạy, người như thế nào được chứng đắc? Tam quả La Hán.

Chúng ta đều biết La Hán có tứ quả là sơ quả, nhị quả, tam quả, tứ quả. Tam quả La Hán không có chướng ngại, nên năng lực này gọi là Thần túc thông. Từ đó, cho thấy bậc thánh buông bỏ được nhiều chấp trước, nên chứng được quả vị thứ ba, nhưng vẫn còn một ít chấp trước. Nếu tiếp tục buông bỏ, họ sẽ chứng được tứ quả A La Hán. Tam quả là A Na Hàm, tứ quả là A La Hán. Họ còn kém một chút nữa là chứng quả A La Hán. Khi đến được cảnh giới này, sẽ không

có chướng ngại. Bồ tát thì càng không cần phải nói nữa rồi. Cảnh giới Bồ tát chứng được vượt qua A La Hán. Người cõi Trời không có chướng ngại, ta có thể lý giải. Thực sự là không có chướng ngại, nếu phân biệt, chấp trước nhặt đi.

Đương nhiên, nếu bảo ta đừng chấp trước, đây là chuyện không thể, nhưng phải nhìn nó nhẹ hơn. Chúng ta đừng coi trọng quá, trước làm nhẹ đi, từ từ mới có thể đoạn trừ nó. Phiền não giảm một phần, thì phẩm vị để vãng sinh thế giới Tây Phương Cực Lạc sẽ tăng lên một phần, chính là đạo lý này. Phiền não giảm hai phần, thì phẩm vị đến thế giới Cực Lạc tăng lên hai phần, có lợi ích rất lớn. Còn nếu ta thật sự buông bỏ chấp trước, thì được sinh về thế giới Cực Lạc chứ không phải ở cõi Đồng Cư, tức là vãng sinh vào cõi Phương Tiện. Nếu có thể không phân biệt, chấp trước, đối với tất cả pháp không chấp trước, vãng sinh thế giới Tây Phương Cực Lạc, nhất định là sinh vào cõi Thật Báo Trang Nghiêm, chứ không phải cõi Phương Tiện Hữu Dư. Nên biết rằng buông bỏ đối với chúng ta vô cùng quan trọng. Buông bỏ không phải chỉ là buông bỏ trên sự việc. Vì sao? Vì việc làm không có chướng ngại, Lý sự vô ngại, Sự sự vô ngại. Chướng ngại là ý niệm sai lầm của ta. Vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, đây là ý niệm sai lầm, với việc làm không liên quan. Đúng là ý niệm làm chủ tất cả.

Quý vị xem, khi ta có loại phân biệt, chấp trước là mỗi ngày phải ăn ba bữa cơm, không ăn một bữa là đói. Đây là

chấp trước. Nếu ta một ngày ăn một bữa, thì làm gì còn nghĩ đến cơm sáng hay cơm tối. Không có. Nhưng có đói chăng? Không đói, không có ý niệm này. Trong kinh, đức Phật dạy: *“Nhất thiết pháp tùng tâm tướng sinh”*.

Gần đây, chúng tôi có xem qua một thông tin, hình như là một người Ấn Độ. Nghe nói có sáu bảy mươi năm không ăn không uống, cũng không có đại tiểu tiện. Nhưng người vẫn sống rất bình thường. Được chăng? Được! Vì sao? Vì pháp tính viên dung, tính tướng không chướng ngại. Tại sao anh ta có thể làm được? Anh ta không có ý niệm này. Điều này, có thể nói là do anh ta thanh tịnh nên tâm hiện tiền. Đối với lục đạo phàm phu, đức Phật hiểu rõ ràng. Nếu bảo ta hoàn toàn không ăn, ta làm không được, nên Phật thị hiện ngày ăn một bữa. Lúc đức Phật còn tại thế, ngày ăn một bữa. Ngày ăn đúng Ngọ, tối nghỉ dưới gốc cây. Ngày một bữa cơm đủ không? Đủ. Nhưng chúng ta bây giờ đủ không? Không đủ. Chắc chắn không đủ. Nguyên nhân gì? Chúng ta tiêu hao năng lượng quá nhiều, cần phải bổ sung. Tiêu hao năng lượng nhiều nhất là gì? Không phải lao tâm cũng không phải lao lực, mà là vọng niệm. Vọng niệm tiêu hao năng lượng nhiều nhất.

Lúc trẻ, khoảng hai mươi mấy tuổi, tôi đã học Phật. Tôi tập không ăn cơm tối. Phương pháp của tôi là giảm thực, một ngày bớt một chút. Khoảng hơn 2 tháng, thì buổi tối không ăn, giảm từ từ sẽ trở thành thói quen. Tiết kiệm rất

nhiều việc và cũng tiết kiệm rất nhiều thời gian. Năm 31 tuổi, tôi theo thầy Lý Bính Nam lão cư sĩ, biết được thầy Lý ăn cơm ngày một bữa. Hình như sau khi ở Đài Trung một thời gian, tôi theo thầy Lý học tập, và tôi cũng không ăn cơm sáng nữa, Không khó! Tôi ngày ăn một bữa đến tháng thứ 8, mới nói với thầy Lý, tôi đã ăn một ngày một bữa. Thầy Lý hỏi: Bao lâu rồi? 8 tháng. Thầy Lý hỏi: Sao rồi? Rất bình thường! Thầy vỗ bàn một cái nói: Cố gắng duy trì như vậy!

Sinh hoạt đơn giản có thể không cầu người khác. Cổ nhân dạy: *“Nhân đáo vô cầu phẩm tự cao”* (Người đến chỗ không cầu, nhân phẩm tự nhiên cao). Sinh hoạt đơn giản, cần năng lượng rất ít. Nhưng một bữa cơm của tôi, so với một bữa cơm của thầy Lý, thầy Lý ăn còn ít hơn tôi. Thầy là người Sơn Đông, thích ăn thức ăn làm bằng bột mì, và nói với tôi, Ấn Quang Đại sư cũng như vậy. Trong *“Văn Sao”* nói: Dinh dưỡng của thức ăn làm bằng bột mì cao hơn dinh dưỡng của cơm. Ăn cơm ngày một bữa, tốt nhất là dùng thức ăn làm bằng bột mì. Ấn Quang Đại sư nói rất có đạo lý! Có khi vì thế, trong đời sống hằng ngày, thầy Lý đều dùng thức ăn chế biến từ bột mì, vô cùng đơn giản. Đều ở nơi ý niệm, có ý niệm này, vấn đề lập tức xuất hiện.

Sau khi tôi xuất gia thọ giới. Thọ giới hình như 1 tháng 3 ngày ở nơi giới đàn. Rất nhiều bạn đồng học phát tâm ăn cơm đúng Ngọ. Thọ giới rất mệt, bài học rất nhiều, phải lao tâm lao lực. Khi tôi đang thọ giới, hoàn toàn khai duyên ăn

ngày 3 bữa. Vì sao? Vì cần thể lực để ứng phó Phật sự này - 33 ngày Phật sự. Tôi không làm như thế.

Tôi nhìn thấy họ sơ phát tâm căn bản không có cơ sở, ăn mới chưa được 2 ngày thì đã đói không nhúc nhích nổi. Nếu ăn lại, thì cũng đã sao? Tôi duy trì lâu như vậy, gặp trường hợp này tôi không làm. Đây là tôi khai duyên, nên tất cả sự việc phải xem tình huống. Tình huống cho phép sinh hoạt bình thường, thì chúng ta sinh hoạt rất bình thường. Sinh hoạt không bình thường, ta phải có biện pháp biến thông. Không nên cố chấp, cố chấp là sai. Vì vậy, thế gian pháp và xuất thế gian pháp đều nói với ta phải thông quyền đạt biến. Khi có sự thay đổi, nhất định phải biết cần phải xử lý như thế nào tốt nhất. Nếu thân thể và tinh thần không tốt, thì trong một tháng này, giờ học dày đặc, ta làm sao học tập đây?

Học Phật, thầy giáo thường nói học Phật là học trí tuệ, không phải học mê hoặc. Trong Phật pháp nói rất rõ ràng, đặc biệt là pháp Đại thừa, pháp vô định pháp. Chúng ta đọc cái này thật sự hiểu rõ. Quý vị xem đoạn thứ hai nói: *“Pháp vô định tính, tâm hiện thức biến, tùy duyên nhi sinh, na hữu định pháp?”* (Pháp không có tính nhất định, tùy tâm hiện thức biến, theo duyên mà sinh, sao có pháp nhất định?). Mục tiêu tu hành, điều này chẳng thể không biết. Mục tiêu là gì? Ở nơi đề kinh này nói rất rõ ràng: *“Thanh tịnh, Bình đẳng, Giác”* là mục tiêu.

Trì luật rất tốt, hình như mỗi điều luật đều trì rất tốt không có sai phạm, nhưng tâm không thanh tịnh. Như vậy, có lợi ích chăng? Vô dụng. Trì luật thanh tịnh, tôi thấy nhiều người trì luật rất nghiêm, nhưng cống cao ngã mạn, coi thường người khác. Vì cho rằng, họ giới luật thanh tịnh, còn người khác đều không trì giới, đều không như họ. Tâm khởi cống cao ngã mạn là sai.

Giới luật trên hình thức, trên sự tướng nói nhân giới sinh định. Mục đích trì giới là gì? Mục đích trì giới là được định. Nếu cống cao ngã mạn, thì không được định, vì tâm không thanh tịnh. Vì sao tu định? Tu định là khai trí tuệ. Định sinh huệ. Trí tuệ chưa khai, thì định đó uổng công tu. Trì giới không đắc định, thì giới này không có hiệu quả. Vì thế, nhất định phải biết, ta tu như vậy mục đích ở đâu? Trì giới tâm được thanh tịnh. Tâm thanh tịnh, chính là định. Tâm thanh tịnh ở ngay trên đề kinh, là vì được bình đẳng tâm. Bình đẳng so với thanh tịnh càng khó. Được bình đẳng tâm là có thể khai trí tuệ, đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tính.

Quý vị xem, trong kinh có ghi rõ 3 tiêu chuẩn tu hành: Thanh tịnh tâm là A La Hán, Bích Chi Phật. Bình đẳng tâm là Bồ tát. Giác là chư Phật Như Lai. Nguyên tắc tổng quát, cương lĩnh tổng quát là buông bỏ, không buông bỏ không được. Tu hành thì bất luận tu pháp môn nào, tu có giỏi đến đâu, chỉ cần có một chút ngạo mạn là xong. Vì sao? Nếu như vậy trong tu hành họ chỉ có phiền não, không phải là Tam

muội. Tam muội là thanh tịnh tâm. Họ không phải Tam muội cũng không phải trí tuệ, mà sinh phiền não, còn tự cho rằng mình rất cao, cao hơn người một bậc, người khác không được như mình. Tâm ngạo mạn sinh khởi, như vậy là sai.

Phương pháp tu hành này, chính là những gì ngày nay chúng ta nói. Họ đang học Phật học, chứ không phải là học Phật. Học không tề, có thể nói huênh hoang khoác lác, thậm chí viết về bản thân. Phiền não tập khí một chút cũng không sửa đổi, đây là Phật học. Còn người học Phật không như vậy. Người học Phật là phải chuyển phiền não thành Bồ đề. Tại sao ta chuyển không được? Buông bỏ là chuyển được. Đoạn Pháp tính dung thông này, hiện tại trong lượng tử lực học có nói đến. Họ không phải nói Pháp tính viên dung, nhưng ý nghĩa hoàn toàn giống nhau.

Quan sát của các nhà lượng tử lực học, đã được khoa học chứng minh, đó là hiện tượng vật chất, là giả không phải thật. Vật chất là gì? Vật chất chính là lượng tử. Lượng tử là tiểu quang tử được gọi là lượng tử quần, chứ không phải là một tiểu quang tử. Nhiều tiểu quang tử tích tụ liên tục sinh ra một loại huyền tượng gọi là vật chất. Vì thế, các nhà khoa học nói, bất luận vật chất như thế nào, đều có thể đem nó trở về với quang tử. Quang tử tức là hiện tượng dao động, nên nó không phải thật. Hiện tượng vật chất là giả, họ cho rằng hiện tượng dao động là thật.

Hiện tượng dao động là gì? Hiện tượng dao động là vô minh. Vô minh tức là dao động. Họ có thể phát hiện hiện tượng này, thật không đơn giản. Loại dao động cực kỳ vi tế, trong Phật pháp nói một niệm bất giác mà có vô minh. Đây là hiện tượng vô minh. Cái này vừa mới phát hiện, không có gì giảng thấu triệt như trong kinh Phật. Kinh Phật giảng một cách vô cùng viên mãn.

Ở đây, đưa ra một ví dụ: *“Nhất nhất vi trần, các hàm pháp giới”*. Điều này ở trước chúng ta đã học rất nhiều, đó là nhất vi trần, Quốc sư Hiền Thủ đã viết trong *“Vọng Tận Hoàn Nguyên Quán”*. *“Vọng Tận Hoàn Nguyên Quán”* là do Ngài viết, nói như hiện nay là một cuốn luận văn. Cuốn luận văn này không dài, ở trong có 6 đoạn lớn. 3 đoạn trước là nói về nguyên khởi của vũ trụ, Ngài đưa ra ví dụ cũng là nhất trần. Nhất trần này không giống hiện nay. Các nhà khoa học lượng tử học, họ nói một tiểu quang tử mà hiện nay nói là thứ nhỏ nhất trong vật chất là tiểu quang tử. Tốc độ sinh diệt của nó vô cùng nhanh.

Trong kinh Phật, Bồ tát Di Lặc nói cho chúng ta biết nhất vi trần này tồn tại thời gian bao lâu? Chúng ta dùng đơn vị thời gian để tính là giây. Trong một giây thì tiểu quang tử chấn động bao nhiêu lần? Chấn động chính là sinh diệt. Một lần chấn động là một lần sinh diệt. Phải y theo kinh điển nói là một ngàn sáu trăm triệu lần sinh diệt. Một ngàn sáu trăm, đơn vị là triệu, chúng ta không cách nào tưởng tượng.

Vậy quý vị nghĩ phải cần bao nhiêu cái? Tiểu quang tử này tích lũy lại, ta mới có thể nhìn thấy nó? Bao nhiêu? Dù sao cũng phải nhìn một đồ vật mà mắt thịt có thể nhìn thấy, chí ít là trên một triệu tích tập vào một chỗ. Được vậy, chúng ta mới phát hiện cái mà nhục nhãn nhìn thấy là hiện tượng vật chất.

Tần suất chậm sẽ biến thành vật chất. Tần suất nhanh thì biến thành hiện tượng tinh thần. Nhanh hơn nữa là hiện tượng của giới tự nhiên. Như ánh sáng của mặt trời, mặt trăng và tinh tú, ánh sáng của chúng phát ra tần suất rất nhanh, nên vô lượng vô biên hiện tượng đều là tần số dao động không tương đồng sinh ra. *“Cố nhất nhất vi trần, các hàm pháp giới”*, đây là nói viên dung vô ngại. Pháp giới là đại vũ trụ, vi trần là tiểu vũ trụ, là vật nhỏ nhất trong vũ trụ. Chúng ta nói một đơn vị, trong một hạt vi trần có cả hiện tượng của vũ trụ.

Không phải chỉ nói đến hiện tượng tin tức ở trong đó. Những thứ này, hiện nay khoa học tiến bộ, chúng ta học tập Phật pháp cũng giúp được rất nhiều. Cái lớn này có thể rút nhỏ tại một điểm không? Bây giờ, chúng ta đã nhìn thấy. Quý vị xem, hiện nay đang dùng thẻ nhớ kỹ thuật số. Thẻ nhớ này lớn khoảng bằng móng tay út. Chắc là chưa bằng, chỉ bằng 1/4 móng tay út này, nhưng nó có thể lưu giữ rất nhiều tư liệu.

Chúng ta dùng máy ảnh kỹ thuật số, ở bên ngoài chụp không biết bao nhiêu hình ảnh, nhưng thẻ nhớ đó chỉ lớn

tí ti đây thôi, lớn không bằng cái móng tay. Nếu ta đem ảnh lưu trong đó, đem nó phóng to để lên trên màn hình, không phải rất giống cảnh thật ở bên ngoài sao? Vì thế, trong một vi trần cũng có thế giới. Khoa học mà so với Phật pháp thì còn kém xa.

Trong Phật pháp, một vi trần là một tí xíu thôi, nhưng trong đó có cả vũ trụ. Điều này, khoa học kỹ thuật còn chưa làm được. Có người tặng tôi bộ đĩa *“Tứ Khố Toàn Thư”*. Một bộ *“Tứ Khố Toàn Thư”* rất lớn, nó rất dày và giống như một bộ *Đại Tạng Kinh*, 1.500 cuốn, nhưng có thể thu gọn lại thành bao nhiêu đĩa? Mười mấy đĩa. Mười mấy đĩa một tay là cầm đi được. Một bộ *“Tứ Khố Toàn Thư”* này, muốn bỏ trong phòng nhiếp ảnh cũng bỏ không hết. Nhưng chỉ cần mười mấy đĩa là chứa đựng toàn bộ và bao hàm ở trong đó, chúng ta cảm thấy thật không thể nghĩ bàn. Phật pháp dạy, trong một vi trần có hư không pháp giới, so với khoa học kỹ thuật hiện nay cao minh hơn rất nhiều.

Phát minh của khoa học kỹ thuật không so sánh bằng. Tự tính vốn đầy đủ các hiện tượng này. Không ít người Ấn Độ cho rằng thiền định vượt qua khoa học kỹ thuật. Lợi ích của thiền định vượt qua khoa học hiện nay không biết bao nhiêu lần. Thực tế cho thấy khoa học còn có tác dụng phụ, còn có phát sinh sai lầm. Thiền định chắc chắn không có hiện tượng này, không có tác dụng phụ. Từ trong thiền định khai ngộ, sau khi khai ngộ, không chỉ là biết hết tất cả. Ở sau

còn có một câu: “*Vô sở bất năng*”, không có gì là không thể. Có thể đột phá không gian duy thứ, thì cự ly không còn nữa.

Trong các bạn đồng học có nhiều người từ xa đến, nên quý vị cần đến công cụ giao thông như máy bay, thuyền, tàu lửa,... Cần những công cụ giao thông này, còn phải bôn ba dọc đường rất cực khổ mới có thể đến được đây. Nếu quý vị có Thần túc thông, thì không gian không còn nữa, ý niệm vừa nghĩ đến, thì đã hiện thân ở đây rồi. Tốc độ của Thần túc thông quá nhanh! Thân tướng này ở nơi đó diệt rồi, thì ở đây hiện tiền, hầu như là nó đến cùng một lúc. Thân thể ở đó không nhìn thấy, thì ở chỗ này đã xuất hiện rồi. Không có cự ly mà chính là ở tại đây. Không có trước sau, mà ngay lúc này. Thử hỏi đây là đạo lý gì? Pháp tính viên dung chính là đạo lý này. Nó là viên dung, nó là thông đạt vô ngại.

Trong kinh *Hoa Nghiêm*, Phật dạy: “*Hoa tạng thế giới sở hữu trần, nhất nhất trần trung kiến pháp giới*” (Thế giới Hoa Tạng có các vi trần, trong mỗi vi trần thấy pháp giới). Trong mỗi hạt vi trần đều nhìn thấy pháp giới viên mãn, nên thật đúng một là tất cả, tất cả là một. Một vi trần chính là khắp pháp giới hư không giới. Mỗi một hạt vi trần đều là khắp pháp giới hư không giới. Trong kinh *Hoa Nghiêm*, chúng ta đọc đến ai có thể đi vào trong thế giới vi trần, để bái phỏng đạo tràng của chư Phật, Bồ tát, nghe kinh nghe pháp? Trong kinh nói là Ngài Phổ Hiền Bồ tát. Chúng ta nghe câu này rất hưng phấn, rất hoan hỷ. Vì sao? Vì người tu pháp môn Tịnh Độ, là người

nhất tâm muốn cầu sinh thế giới Tây Phương Cực Lạc. Người này chính là Bồ tát Phổ Hiền. Vì thế, chúng ta tu pháp môn này, không phải tu gì khác mà là đang tu hạnh Phổ Hiền.

Quý vị xem kinh *Vô Lượng Thọ*. Phẩm thứ hai “Đức Tôn Phổ Hiền”. Lại xem *Hoa Nghiêm Kinh* đoạn cuối “Phổ Hiền Bồ tát thập đại nguyện Vương đạo quy Cực Lạc”, là hạnh Phổ Hiền; tu Tịnh độ là tu hạnh Phổ Hiền. Thông tin này cho ta biết, người của thế giới Tây Phương Cực Lạc, mỗi người đều có thể nhập vào pháp giới của vi trần. Ngày nay, chúng ta lạy Phật một lạy chính là lạy mười phương sát độ vi trần pháp giới. Cung kính lễ bái này mới thật sự gọi là viên mãn.

Thập phương sát độ, hiện nay khoa học gọi là thế giới vĩ mô, đại thế giới. Pháp giới vi trần là thế giới vi mô. Hiện nay, giới khoa học nói lượng tử lực học chính là pháp giới vi mô. Trong mỗi vi trần đều có thế giới viên mãn, pháp tính dung thông.

## 5- NHƯ HUYỄN MỘNG

“*Huyễn mộng, huyễn giả, do như huyễn sư. Năng dĩ nhất vật vi chủng chủng vật, huyễn chủng chủng vật nhi vi nhất vật*” (Năm: Như Huyền mộng. Huyền mộng, Huyền giả, cũng như người làm ảo thuật, có thể dùng một vật làm thành các loại vật, các vật khác làm thành một vật).

“Huyễn” chính là hiện nay gọi là ma thuật. “Huyễn sư” chính là người làm ma thuật. Người làm ma thuật biến ra những trò này, tôi nghĩ rất nhiều bạn đồng học đều thấy qua. Đặc biệt là sau khi truyền thông môi giới phát triển, ở trên truyền hình, ta thường nhìn thấy loại ống kính này, họ có thể lấy vật không giống nhau để biến, chúng ta đều biết đó là giả. Thủ pháp của họ rất nhanh, chúng ta nhìn không ra sơ hở của họ.

Cũng có một ít người làm ma thuật, sau khi biến hóa, họ đem cách thức biến hóa chỉ cho chúng ta, chúng ta mới vỡ lẽ, mới hiểu rõ toàn là giả.

*“Mộng giả, như nhất mộng trung sở kiến quảng đại sự nghiệp, tự vị lịch thời cứu viễn”.* Đây là nói nằm mộng. Mộng là mỗi người trong chúng ta đều có kinh nghiệm này. Thật ra thời gian nằm mộng rất ngắn ngủi, nhưng trong giấc mộng cảm thấy thời gian rất dài. Người xưa có một bài văn *“Hoàng Lương Mộng”*. Trước đây, bài văn này từng có trong sách giáo khoa của cấp 2.

Chúng ta ngày xưa đọc sách cũng có đọc qua bài văn này. Nội dung bài văn này, đại khái viết về một vị tú tài rất nhiều vọng tưởng. Trên đường đi du lịch, đi cũng khá mệt rồi, nên vào nghỉ trong một ngôi miếu nhỏ. Lúc này, trong miếu có một đạo sĩ. Đạo sĩ đang ngồi thiền, bên cạnh ông ta nấu thức ăn. Thức ăn này là hạt cao lương. Hoàng lương là hạt cao

lương, hạt nhỏ. Nấu hạt nhỏ rất nhanh. Anh ta ngồi một bên ngủ gật, trong mộng rất đặc ý, anh ta mộng thấy mình đi thi đậu cử nhân, vài năm sau lại thi đậu tiến sĩ và trúng tuyển Trạng nguyên, sau đó làm quan, quan địa phương, và được thăng quan liên tục. Rồi mười mấy năm sau làm chức tể tướng, rất đặc ý.

Những người có ân với anh ta, anh ta liền báo ân. Những người không tốt, anh ta cũng báo thù. Cả một đời, đến khi cáo lão về quê cũng mấy mươi năm. Đến khi tỉnh ngủ, đạo sĩ đó nhìn anh ta không chớp mắt hỏi: *“Anh còn đặc ý không?”*. Đạo sĩ đã nhìn thấy tất cả, nhìn thấy hết. Hạt cao lương còn chưa nấu xong, nhưng trong mộng anh ta đã trải qua năm sáu mươi năm. Tích truyện này, người đời sau gọi là *Giấc mộng Hoàng lương*.

Đích thực đời người cũng như vậy. Đời người mấy mươi năm, thực tế mà nói thì vô cùng ngắn ngủi, chỉ một cái chớp mắt là qua đi rồi. Rất chính xác, đây là hoàn cảnh chân tướng hiện thực, không thể không biết.

*“Kinh vân: Như nhân thuỳ mộng trung, tạo tác chủng chủng sự, tuy kinh ức thiên tuế, nhất dạ vị chung tận”* (Kinh chép: Như người ngủ nằm mộng, làm ra đủ loại việc, tuy trải qua muôn ngàn năm, trong một đêm thấy hết). Con người khi đang nằm mộng, tạo tác trong mộng, tình huống trong mộng, tạo sự nghiệp có lớn đến đâu, như *“Hoàng Lương*

*Mộng*” đưa ra mộng làm đến chức Tể tướng, mộng đến cả cuộc đời thuận buồm xuôi gió, cáo lão hồi hương. Trong mộng thời gian cực kỳ ngắn.

Trong kinh, Phật dạy người đọc kinh *Kim Cương* rất nhiều. Đoạn cuối kinh *Kim Cương* có một bài kệ, Phật dạy: “*Nhất thiết hữu vi pháp, như mộng huyễn bào ảnh, như lộ diệc như điện, ưng tác như thị quán*”. Có thể nhìn được như vậy chính là cách nhìn của chư Phật, Bồ tát. Gọi là gì? Là chính tri chính kiến. Chúng ta sống trong thế gian này, người lớn tuổi cảm xúc không giống nhau. Khi còn trẻ, thời gian 10 năm dường như rất dài. 10 năm là thời gian rất dài. Khi lớn tuổi rồi, nghĩ lại 10 năm quá nhanh, sao lại một chút đã qua rồi. Thời gian ngắn hay dài có nhất định chăng? Không nhất định. Tùy theo cảm xúc của mỗi người mà nó không tương đồng. Trẻ con thường cảm thấy thời gian dài, vì chờ tết lâu quá!

Xã hội bây giờ, do khoa học kỹ thuật phát triển, một số người rất giàu có, cảm xúc này không như trước nữa. Trước đây là xã hội nông nghiệp, hình như tốc độ vô cùng chậm, không thể so với bây giờ. Trước đây, trong cảm xúc cái gì cũng chậm. Ra ngoài du lịch cũng đi bộ, một ngày có thể đi được bao nhiêu dặm đường? Từ sáng tinh mơ thức dậy, bốn năm giờ xuất phát, khoảng 10 giờ tối đến nơi. 120 dặm đường là 60 km, đi rất cực khổ. Quý vị xem hiện nay, đi xe hơi nửa tiếng là đến nơi, bộ điệu quá nhanh, mất hết nhân tình thế thái.

Ngày xưa, nhân tình thế thái rất nông hậu dù đó là người lạ căn bản không quen biết. Trong thời kỳ kháng chiến, chúng tôi là học sinh sơ tán, đi vài ngày, bất luận gặp ai, muốn ở nhà họ một đêm, họ đều nhiệt tình tiếp đãi. Chúng tôi cảm ân, cảm tạ. Lúc đó, không có nhà trọ cũng không có quán cơm. Tự mình phải đi tìm chỗ ở, tìm chỗ ăn. Chỉ có trong thành thị mới có nhà trọ, khách sạn, quán cơm. Ở nông thôn không có, trong thị trấn nhỏ đều không có.

Bây giờ nhớ lại quá khứ, mấy mươi năm thật như cái khảy móng tay. Thực sự như mộng, như huyễn. Phật dạy điều này, dụng ý là dạy chúng ta cần phải giác ngộ, vì sự thật giống như mộng, huyễn, bào, ảnh vậy. Nếu hiểu được ta sẽ buông bỏ. Sau khi hiểu rõ cần phải tìm cái gì? Phải tìm cầu sự vĩnh hằng, vì pháp hữu vi đều là pháp sinh diệt. Toàn là mộng, huyễn, bào, ảnh. Vĩnh hằng là gì? Vĩnh hằng là tự tính. Pháp tính là vĩnh hằng. Pháp tướng là vô thường. Điều này cần phải biết. Bây giờ, chúng ta coi như đã tìm được một mục đích cụ thể, đó là thế giới Tây Phương Cực Lạc.

Thế giới Cực Lạc có thật sự vĩnh hằng chăng? Không. Vì nó cũng là hiện tượng, mà *“phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng”*. Trong kinh điển, đức Phật không nói thế giới Cực Lạc là ngoại lệ. Ngài không nói như vậy. Cũng không nói thế giới Hoa Tạng là ngoại lệ. Phàm có tướng đều là hư vọng, đều là mộng, huyễn, bào, ảnh. Nhưng ở thế giới Cực Lạc có thể chứng được vĩnh hằng.

Thật vậy, Phật A Di Đà nói chính ta có thể chứng được. Đây là điều vô cùng thù thắng, vĩnh hằng là Thường tịch Quang. Đến thế giới Cực Lạc, mỗi người đều có thể chứng được Thường Tịch Quang, thực sự đưa chúng ta trở về với tự tính. Trở về tự tính chính là thành tựu quả Phật viên mãn.

## 6- NHƯ ẢNH TƯỢNG

*“Vị nhất thiết pháp tùng tâm sở hiện, nhi năng hàm minh liễu tính, do như minh kính, các các hồ hiện chư pháp ảnh tượng dã”* (Sáu: Như hình trong gương. Vì hết thấy pháp từ tâm hiển hiện, mà có thể hàm chứa tính rõ ràng, cũng như tấm gương sáng, hiện rõ các hình ảnh vạn tượng).

Ở đây, đưa ra ví dụ rất hay, giống như tấm gương vậy. Đưa ra ví dụ như cái gương. Vì sao? Vì từ tâm mà hiện. Tâm có kiến, văn, giác, tri, đây là tự tính vốn có. Tự tính nên kiến, văn, giác, tri, không có sinh diệt. Đây là Tính đức chân thật.

Khi mê không gọi là kiến, văn, giác, tri, mà gọi là thụ, tưởng, hành, thức. Nó biến thành A Lại Da. Quý vị xem, A Lại Da, 5 thức trước là nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân chính là thọ, nó có cảm thọ. Tưởng là thức thứ 6. Thức thứ 6 là tưởng. Hành là thức thứ 7. Hành là chấp trước. A Lại Da là thức. Thức là gì? Là chứa nhóm chủng tử, nó giống như cái kho vậy.

Từ vô lượng kiếp đến nay, ta tạo ra các tội nghiệp tập khí, đều ở trong A Lại Da. A Lại Da là cái kho tư liệu, là nhà kho. Khi ta khởi tâm động niệm, bất luận là thiện hay là ác, toàn

bộ ngôn ngữ tạo tác đều ghi ở trong đó. Đó là tài liệu lưu trữ. Tuy niên đại lâu rồi, việc làm trong nhiều đời trước, bây giờ không còn nhớ nữa. Vì sao thôi miên có thể nói ra được đời quá khứ? Vì có chủng tử trong A Lại Da. Trong khi thôi miên khiến ta khởi hiện hành, nó vẫn còn - chính là cái đạo lý này.

Chúng ta nhìn thấy báo cáo của Tiến sĩ Ngụy Tư, người Mỹ. Ông ta xuất bản 4 cuốn sách. Từng có một người thôi miên hồi ức đến tám mươi mấy đời trước, thời gian khoảng hơn 4.000 năm. Thời đó vẫn còn ở trong hang động, trong núi, hỏi anh ta tình hình sinh hoạt lúc đó, anh ta đều có thể nói ra. Như vậy nghĩa là sao? Là do tác dụng của thức, tức là ta không hề quên, nó đều ở trong đó. Tư liệu lưu trữ này đều có thể phân phối ra ngoài. Thôi miên có thể phân phối ra ngoài. Vậy thì quý vị thử nghĩ xem, sức mạnh của thiền định càng thù thắng hơn.

Thiền định có thể đột phá thời gian và không gian duy thức. Ở đây, hiện nay khoa học nói là nhìn xa. Có công phu thiền định, ở đây có thể nhìn thấy nước Mỹ, có thể nhìn thấy Âu Châu. Người ở đó họ đang làm việc gì, ta đều nhìn thấy rất rõ ràng. Họ nói những gì, ta cũng nghe rất rõ ràng. Đây là Thiên nhãn thông và Thiên nhĩ thông. Thời gian và không gian đã bị đột phá. Nếu ta muốn đến được nơi đó, không cần đến công cụ giao thông. Ý niệm vừa mới khởi, người đã đến nơi. Đây là nói mọi việc vô ngại.

Nhưng vì sao có thể thấy? Vì sao có thể nghe? Vì sao có thể hiểu rõ? Vì kiến, văn, giác, tri, trong tự tính đang khởi tác dụng. Phàm phu lục đạo mê; khi mê, kiến, văn, giác, tri, biến thành thụ, tưởng, hành, thức. Vì thế, trong tâm tự nhiên có thêm bộ phận tinh thần này, mà trong tự tính còn có trí tuệ viên mãn.

Đức Phật giảng có 3 loại: Trí tuệ, đức, tướng hảo. Kiến, văn, giác, tri, là đức. Tướng hảo, nó có thể hiện ra thế giới vật chất, nên thế của thế giới vật chất là tự tính. Tự tính biến thành hiện tượng vật chất. Sao lại biến thành hiện tượng vật chất? Hiện nay, giới khoa học giải thích là do hiện tượng dao động. Hiện tượng dao động này ta có thể lý giải. Ngày xưa, học Phật, thầy giáo cũng có nói đến “*Nhất niệm bất giác*”. Nhất niệm bất giác là dao động rất vi tế, chúng ta có thể lý giải. Nhưng vi tế đến mức độ nào, thì còn chưa biết. Thực tế mà nói, lúc đó lý giải còn rất mơ hồ, không rõ ràng. Nhìn thấy những báo cáo của giới khoa học, chúng ta hiểu được, từ từ cũng đã minh bạch, đã rõ ràng, mới biết rằng tần số dao động không giống nhau. Do nó tích lũy liên tục hiện tượng này, nên bên trong xuất hiện hiện tượng vật chất. Hiện tượng vật chất trên thực tế là tích lũy của ý thức, chính là ý niệm. Không thể nói trong ý niệm không có vật chất. Trong ý niệm có vật chất. Tuy có, nhưng mắt thịt chúng ta nhìn không thấy. Kính hiển vi cũng không nhìn thấy. Gần đây, giới khoa học mới phát hiện, mới đem hiện tượng này

nói ra, so với trong kinh đức Phật nói thì gần giống nhau. Dùng nó để giải thích kinh Phật, chúng ta sẽ rõ ràng.

Vì thế, kiến, văn, giác, tri, nó như tấm gương sáng như trong kinh Phật đã nói: *“Các các hồ hiện, chư pháp ảnh tượng”*. *“Các các hồ hiện”*, chúng ta dùng cách giải thích của Pháp Tướng Tông sẽ rõ. Mắt có thể nhìn thấy cảnh giới bên ngoài. Con mắt giống như máy ảnh vậy, nhìn thấy nhưng nó không biết. Vậy ai biết? Thức thứ 6 biết. Thức thứ 6 là phân biệt thức. Nếu như không có mắt, thì thức thứ 6, ý thức cũng không biết. Vậy thức thứ 6 làm sao mà biết? Thức thứ 6, ý thức là từ Nhãn thức. Nhãn thức có tướng phần, khi nó chiếu là có tướng phần.

Như chúng ta chụp hình vậy, nó có phim ảnh. Thức thứ 6 là nhìn phim ảnh đó mà biết. Thức này có thể tiếp xúc ngoại duyên không? Không thể. Nó nhất định phải thông qua Mắt mới có thể nhìn thấy, thông qua Nhĩ nó mới có thể nghe. Không có 5 thức trước, nó không khởi tác dụng. Cũng như ta xem TV, cảnh trên màn hình do đầu nhiếp ảnh phát ra. Mắt chúng ta giống như là thức thứ 6, nên chúng ta nhìn hình ảnh đó nhưng không nhìn thấy hiện trường. Hiện trường vĩnh viễn nhìn không thấy. Hiện trường là gì? Hiện trường là hiện trường của A Lại Da thức.

Đến khi nào mới có thể nhìn thấy hiện trường? Chuyển thức thành trí sẽ nhìn thấy hiện trường. Vậy chúng ta phải

chấp trước, sau khi nhìn thấy, sau khi khởi phân biệt liền khởi ý niệm, tôi muốn khống chế nó, tôi muốn chiếm hữu nó. Đây không phải là thức thứ 6, mà là thức thứ 7. Thức thứ 7 làm sao mà biết? Thức thứ 7 nhìn thức thứ 6 truyền cảnh giới tướng qua, như truyền tin vậy, nhưng cách một tầng. Nó từ tướng phần của thức thứ 6, nhìn thấy tướng phần của thức thứ 6, làm động ý niệm phải khống chế. Sau đó, nó đem ý niệm này truyền cho tiền ngũ thức. Khi tiếp nhận, tiền ngũ thức chấp hành, nghe mệnh lệnh của nó. Nghĩ phương pháp gì đó để đi khống chế, đi chiếm hữu. Từng lớp từng lớp vậy. 8 thức và 51 tâm sở. 51 tâm sở giống như cán bộ của nó, nghe mệnh lệnh của họ để hành sự, còn 8 thức là người lãnh đạo.

Thông tin được thu thập từ nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân. Những cái này thu thập ở bên ngoài. Thu thập ở trong đó có tướng phần, từng tầng từng tầng vậy. *“Các các hồ hiện, chư pháp ảnh tượng”*, nên Duy thức giảng vô cùng kỹ càng. Duy thức là Tâm lý học trong kinh điển Phật giáo, nếu quý vị xem *Kinh Luận* của Duy thức. Khoa Tâm lý học của Đại học nói về Duy thức, quý vị sẽ không xem nổi, chắc chắn không thể hiểu nổi.

Trong kinh Phật giảng về Tâm lý học rất tỷ mỉ, giảng rất hay, sau khi hiểu rõ rồi thì toàn là huyền tướng. Đức Phật dạy: *“Nhất thiết hữu vi pháp, như mộng huyễn bào ảnh”*. Ảnh tượng này là ảo ảnh, tướng này vô cùng rõ ràng. Sau khi

biết được mới hiểu ra, vốn dĩ chúng ta thấy sắc, nghe âm thanh là có một cách thức phức tạp như vậy, tuyệt đối không phải đơn giản. Mắt có thể nhìn nhưng không thể phân biệt, không thể chấp trước. Thấy sắc, nghe âm thanh thì ai là người phân biệt? Ý thức phân biệt. Ai chấp trước? Mạt Na thức là thức thứ 7. Ai chịu trách nhiệm ghi nhớ, đem tất cả ghi lại? Là A Lại Da thức. A Lại Da thức là phòng tư liệu, tất cả đều cất giữ trong đó.

Ví dụ như chúng ta gặp người này, lần thứ hai gặp lại vì sao vẫn nhớ anh ta? Vì ở trong có tài liệu dự trữ. A Lại Da thức có tài liệu dự trữ. Bên này nhìn thấy, thì bên kia đem tài liệu dự trữ ra đối chiếu, là nó không sai, rất phức tạp. Trình tự rất phức tạp, nhưng tốc độ rất nhanh, tốc độ nhanh đến khiếp người. Đây là nói đến Tâm lý học Phật giáo. Pháp tướng là nói đến Tâm lý học.

*“Kính vân: Viễn vật cận vật, tuy giai ảnh hiện, ảnh bất tùy vật, nhi hữu viễn cận”* (Kính ghi: Vật tuy có gần xa, nhưng hình ảnh trong gương không phụ thuộc gần xa). Thực sự, chúng ta đối với tất cả vật tướng có cự ly xa đều gần ở trước mắt, giống như máy quay phim vậy. Vừa mở ống kính ra, thì xa hay gần tất cả đều chiếu vào hết. *“Ảnh bất tùy vật”*. Vật là vật tướng ở bên ngoài. Ảnh là ta chụp lại. Có tùy vật chăng? Không tùy vật, không có liên quan gì với nó cả, nhưng trong hình ảnh đó có thể nhìn thấy gần xa. Quý vị có cảm xúc này, cảm xúc này là vọng niệm, cũng đều không phải là chân thực.

Đức Phật nói cho ta biết những hiện tượng này, chỉ có một mục đích, là sau khi hiểu rõ, ta tự nhiên biết buông bỏ. Giác ngộ thật sự, thì không có vọng tâm.

Vọng tâm là gì? Phân biệt, chấp trước là vọng tâm; khởi tâm động niệm cũng là vọng tâm. Điều này quá khó. Không khởi tâm, không động niệm vô cùng khó, Pháp thân Bồ tát mới có thể chứng được. Ở trong mười pháp giới đều dùng tâm, ý, thức. Tứ thánh pháp giới dùng phải chính. Điều này, chúng ta cần phải học tập. Tại sao dùng phải chính? Chính là phải chân thật, biết nghe lời. Nghe lời của chư Phật, Bồ tát. Hoàn toàn y theo lời dạy mà tu hành. Đây tức là dùng phải chính.

Trong kinh điển giảng về lý luận là chính tri, chính kiến. Trong giới luật định ra những điều luật đó là chính ngữ, chính hành. Dạy chúng ta không vọng ngữ, không lường thiệt, không ý ngữ, không ác khẩu, đây là chính ngữ. Chính hành là không sát sinh, không trộm cắp, không tà dâm, không tham, không sân, không si. 10 điều này đều có thể làm được, làm đến viên mãn. Nói với quý vị là được thành Phật. Đại cương chỉ có 10 câu. 10 câu đó, thì trong mỗi câu đều bao hàm 9 câu kia, nên biến thành 100 câu. Trong 100 câu đó mỗi câu lại bao hàm 99 câu khác. Như ở trước giảng, trong một vi trần đều có pháp giới, trùng trùng vô tận, nên tế hạnh của Bồ tát là 84.000. 84.000 từ đâu đến? Từ *Thập thiện nghiệp*. Triển khai *Thập thiện nghiệp* chính là 84.000 tế hạnh. Đó là viên mãn.

Chúng ta hiện nay mới bắt đầu tu là học 10 điều (thập thiện). Khi tu tốt 10 điều này rồi, phát triển thành 100 điều, trong mỗi điều lại có 10 điều khác, trùng trùng vô tận. Chỉ có 84.000 thôi sao? Không. Đức Phật giảng 84.000, ở sau không nói quý vị cũng tự sẽ biết, trùng trùng vô tận! Hiểu rõ đạo lý này, thì quý vị sẽ biết. “*Đệ Tử Quy*” có 113 sự việc. Có phải chỉ có 113 chuyện? Không chỉ có thế. Trong mỗi sự việc đều có 113 việc khác. Hiểu được đạo lý này mà hạ công phu, quý vị mới có thể trở thành Thánh nhân. Nếu ta chỉ biết 113 sự việc này, không thể đem một sự việc triển khai nó ra, trong sinh hoạt hàng ngày không ứng dụng hoạt bát, là vì ta không có trí tuệ.

Trong xã hội này, có thể miễn cưỡng nói ta là một người tốt, nhưng không phải quân tử. Quân tử là đưa ra 1 mà phản ứng 3, nghe 1 biết 10. Nói cho quý vị biết 1 việc, trong 1 việc đó sẽ hiểu được 10 việc, đó là quân tử. Hiền nhân còn giỏi hơn gấp bội, nhưng đến được Thánh nhân mới viên mãn. Chúng ta xem cổ thánh tiên hiền, xem đức Phật thuyết pháp, xem chư vị tổ sư giảng kinh. Quý vị xem, quý Ngài chú giải rất đơn giản, điểm đến là dừng. Nhưng người bây giờ, thì không được. Điểm đến là dừng đó của cổ nhân, chúng ta nhìn không hiểu. Không biết họ đang nói gì, nhất định phải dài dòng, nhất định phải nói kỹ mới hiểu.

Khi đức Phật còn tại thế, có cần phải đi giảng kinh chăng? Không cần giảng. Nhưng trong kinh ghi chính là đức Phật

giảng. Có cần phải giải thích không? Thính chúng vừa nghe đã hoàn toàn hiểu rõ. Có thể thấy được đây là căn tính, đời này không như đời trước. Nguyên nhân là gì? Trong xã hội đời này phức tạp hơn so với đời trước, nhưng người bây giờ gọi là tiến bộ, thời đại này tiến bộ hơn thời đại trước. Tiến bộ nhanh quá, khiến đầu óc con người đều hồ đồ hết.

Ngày xưa, khi chưa tiến bộ, đầu óc rất tỉnh táo. Vì sao? Vì họ không có nhiều thứ lộn xộn như thế. Quý vị nói bây giờ đầu óc chứa đựng biết bao nhiêu? Mỗi ngày xem TV, lên mạng, xem báo, xem tạp chí. Xem như vậy, đầu óc quá phức tạp. Trong xã hội ngày xưa, hoàn toàn không có. Chúng ta là người nông thôn, sinh trưởng tại thôn quê. Người thôn quê chỉ biết cái gì? Thật như cổ nhân nói *“Nhật xuất nhi tác, nhật một nhi tức”*. Mặt trời lên đi làm, mặt trời lặn thì nghỉ, hỏi gì họ cũng không biết. Đầu óc họ rất đơn thuần, nên con người rất chân thật. Người có học nói họ đều tin. Đối với người có học, họ vô cùng tôn trọng, bởi những người ấy đã học qua đạo của Thánh hiền.

Sĩ, nông, công, thương, trong vô hình đã hình thành giai cấp. Người đọc sách tuy hoàn cảnh vật chất rất bần cùng, là tú tài nghèo, nhưng rất có địa vị. Trong xã hội, mọi người đều đối với họ rất tôn trọng, nghe lời họ. Ngày xưa, không có cảnh sát, cũng không có pháp quan. Trong nông thôn có tranh chấp, phát sinh vấn đề thì phải làm sao? Tìm người có học đến nói lý lẽ. Họ nói là xong, không có ai không phục, xã

hội mới có thể an định, thiên hạ thái bình. Ngày nay, tri thức bộc phát, thiên hạ đại loạn, chúng ta kỹ càng nhớ lại, lắng yên để quan sát, sẽ nhìn thấy hết.

## 7- NHÂN VÔ HẠN

*“Vị vãng tích nhân trung, xưng pháp giới tính, tu vô lượng thù thắng chi nhân. Cổ kim đắc quả, diệu dụng vô biên”* (Bấy: Trong nhân xưa kia, xưng tính pháp giới, tu vô lượng nhân thù thắng. Xưa nay đắc quả diệu dụng vô biên).

Nhân này không phải là nhân khác, là nói cái nhân tu hành. Ngày nay, ta gặp được Phật pháp. Sau khi gặp được có thể sinh tâm hoan hỷ, có thể phát tâm học tập kiên nhẫn, do trong quá khứ nhân dày! Không chỉ một đời một kiếp mà là nhân trong nhiều đời. Những gì ta tu học đều gọi là pháp giới tính. Giáo huấn của thánh hiền, khai thị của chư Phật, Bồ tát, đều từ trong Tính đức mà ra.

Chư Phật, Bồ tát giảng kinh hoàn toàn là từ trong tự tính mà ra. Ý này, một số người rất khó hiểu. Bây giờ, người với người nói chuyện trong sinh hoạt hằng ngày, khởi tâm động niệm không phải từ tự tính. Vậy từ đâu? Từ ý thức. Ý thức là gì? Là để tư duy suy xét, điều này nên nói làm sao, nên làm như thế nào, đều phải thông qua suy xét. Suy xét là thức thứ 6. Thức thứ 7 chấp trước đối với ta có lợi ích không? Đây là thức thứ 7, nên nó không gọi là tính. Người được xưng tính, khi khởi tâm động niệm không có ta là xưng tính, còn ta thì

không gọi là tính. Vì sao? Vì Mạt Na thức ở trong đó. Nó ở trong làm chướng ngại.

Khi không có Mạt Na, khởi tâm động niệm là đại công vô tư. Vì tất cả chúng sinh mà nghĩ, vì tất cả chúng sinh mà làm, tuyệt đối không có vì chút lợi ích nào cho mình ở trong đó. Nếu có một chút lợi ích cho mình xen lẫn trong Mạt Na thức, là từ trong tình thức mà sinh ra. Từ tình thức chính là trong A Lại Da thức sinh ra. Là vọng tâm không phải chân tâm. Chân tâm là tự tính, nên tu nhân vô lượng thù thắng, đời đời kiếp kiếp, bất kể là thành Phật hay không phải một đời thành tựu.

Một đời của Đại sư Huệ Năng sao lại nhẹ nhàng như trở bàn tay, chỉ vài câu là có thể đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh? Đây do nguyên nhân gì? Là do đời đời kiếp kiếp trong quá khứ tu tập nhiều, nên ngay đời này, Ngài đã thành thực. Giống như hoa quả, chúng ta ở trong vườn trái cây, nhìn thấy trái chín rồi, ta mới đi hái, còn chưa chín, thì qua vài ngày nữa. Đợi nó chín rồi mới hái nó. Điều này cho thấy mọi việc đều phải thông qua thời gian, phải thông qua vô lượng nhân duyên. Chúng ta thấy Ngài Huệ Năng, Ngài đã thành thực, không có gì kỳ lạ.

Chúng ta còn phải thông qua nhiều đời nhiều kiếp, cũng sẽ xuất hiện như Huệ Năng Đại sư. Nhưng chúng ta không cần phải đi đường vòng. Đó là con đường vòng không phải đường thẳng. Thành tựu đến thế giới Tây Phương Cực Lạc là

đường thẳng, tuyệt đối không đi đường cong. Bất luận nhân trong quá khứ chúng ta là cạn hay là sâu, không cần đếm xỉa đến nó. Chỉ cần gặp được Tịnh Độ, nắm bắt pháp môn này, tức nắm bắt Phật A Di Đà là khẩn thiết nhất.

Biết được tất cả pháp trên thế gian này như mộng, huyễn, bào, ảnh, không phải thật, ta sẽ không cần nghĩ về nó, không cần chấp trước nó nữa. Có cũng tốt, không có cũng tốt, rất tự tại. Mất rồi, người khác dùng, tốt thôi. Đồ vật cuối cùng phải có người dùng. Họ dùng và tôi dùng chẳng phải giống nhau sao? Hà tất ta phải chấp trước? Như vậy, tâm lượng sẽ được mở rộng ra. Nếu những lý lẽ và sự việc này không làm cho rõ ràng minh bạch, không dễ gì buông bỏ được. Rõ ràng, minh bạch, thì buông bỏ quá dễ dàng.

Bây giờ, chúng ta đã biết nó là cần thiết nhất, không có gì ngoài khác. Cứu địa cầu quan trọng, nhưng vãng sinh so với cứu địa cầu còn quan trọng hơn. Nên như thế nào? Dem chuyện vãng sinh để ở đầu tiên, cứu địa cầu sắp hàng thứ hai là đúng. Cần cứu độ tất cả khổ nạn cho chúng sinh.

Ta không cứu được chính mình, còn có thể cứu người khác chẳng? Chính mình làm sao cứu được mình? Chỉ cần trong tâm có Phật A Di Đà, trên miệng có Phật A Di Đà. Nơi miệng không quan trọng, trong tâm quan trọng nhất. Thật phải có Phật A Di Đà sẽ được cứu. Trong cuộc đời này nhất định được vãng sinh.

Trừ Phật A Di Đà ra, cái gì cũng đều buông bỏ hết, bởi “*phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng*”. Sau đó, mới có thể thật sự làm đến tùy duyên diệu dụng. Tùy duyên diệu dụng là gì? Là tùy duyên bất biến. Có thể tùy duyên với tất cả chúng sinh. Bất biến là gì? Là Phật A Di Đà, như như bất động. Trong tâm chỉ có A Di Đà Phật, ngoài ra không chứa gì thêm nữa. Đây gọi là tùy duyên diệu dụng. “*Uy nghi hữu tắc*”, đó chính là Lục Hòa Kính mà chúng ta học. Uy nghi có nguyên tắc làm để người khác thấy. Hy vọng mọi người quay đầu là bờ.

Từ ở đâu quay đầu? Từ mê hoặc điên đảo quay đầu, từ sai lầm quay đầu. Chuyển ác thành thiện, chuyển mê thành ngộ, chúng ta làm cho họ thấy. Phương pháp không gì khác. Chỉ cần thực hành *Đệ Tử Quy*, thực hành “*Cảm Ứng Thiên*”, chính là một tấm gương tốt, có thể cứu xã hội này, cứu những chúng sinh khổ nạn và có thể cứu địa cầu.

Trong Lục Hòa Kính, Thân đồng trú, Khẩu vô tránh, Ý đồng duyệt. Cần phải thực hành được như thế. 3 điều này chính là trong Tứ đức thường nói là “*Uy nghi hữu tắc*”. Thân thể chúng ta làm như thế nào? Là tùy thời, tùy chỗ nuôi dưỡng thành tập quán này. Chân chính, chân thành, thương yêu tất cả chúng sinh, quan tâm đến tất cả chúng sinh, lo lắng cho tất cả chúng sinh, giúp đỡ tất cả chúng sinh. Chúng ta khởi tâm động niệm, hành vi tạo tác, đều là giúp đỡ tất cả chúng sinh, chứ không vì mình. Nếu niệm này thật thành tâm, thì

tùy thời có thể vãng sinh. Vì ta đối với thế gian không còn lưu luyến, nên tùy thời có thể vãng sinh.

Do đó, công phu niệm Phật, niệm đến đây là thuần thực. Ở trong Tịnh Độ Tông nói chúng sinh căn cơ chín mùi, quyết định được vãng sinh. Như vậy là chúng ta còn có duyên, trễ vài ngày rồi đi cũng không sao. Hy vọng mọi người nhìn thấy gương tốt này có thể hồi đầu. Như vậy là tốt rồi. Vì sao? Vì chúng sinh với ta là một thể. Không cô phụ đại nguyện phổ độ chúng sinh của Phật A Di Đà. Điều này, ta phải cần nghĩ đến. Chúng ta ở thế giới này thêm vài ngày, là giúp đỡ Phật A Di Đà tiếp dẫn đại chúng, nếu công việc này làm viên mãn. Thế nào gọi là viên mãn? Chẳng hạn như quý vị ở đây, không làm được gì, mọi người không tin tưởng, không nghe theo, đây là không có duyên, lúc này có thể đi. Nếu vẫn còn một người có thể tin, có thể phát nguyện, thì đệ tử của Phật không bỏ một ai, sẽ vì người này ở thêm vài ngày. Nếu một người cũng không có thì có thể ra đi, không cần phải ở nhiều. Nhân duyên là vô hạn, cần phải hiểu.

Ngày nay, chúng ta phát nguyện này, nguyện chân thành, nguyện khẩn thiết, không đi không được. Tôi nói với quý vị, ngày nay quý vị tu nhân thù thắng này, chính là nhân viên mãn. Nếu sinh trong quá khứ ta tu ít, thì nhất niệm này có thể bổ túc. Vì thế, pháp không có pháp nào nhất định, có thể tăng có thể giảm.

Nếu còn một niệm tham đắm thế gian, chưa muốn đi, thì nhân này lập tức lại thiếu, lại bị giảm ít. Ý niệm khẩn thiết lập tức được gia tăng, tăng giảm thêm bớt, không phải pháp nhất định, không cần hoài nghi. Đại khái, trong quá khứ ta tu nhân thù thắng ít, không nhiều như người khác, nếu ta thường nghĩ, thì càng nghĩ càng ít. Vì sao? Vì ý niệm của tất cả pháp từ tâm tưởng sinh ra. Phải nghe hiểu đạo lý này.

Không nên có mặt trái của tư tưởng. Có mặt trái của tư tưởng, quý vị sẽ đọa lạc trong mặt trái đó. Có mặt chính của tư tưởng sẽ nâng cao thành mặt chính. Nhớ rằng tất cả pháp từ tâm tưởng sinh. Không có trước sau, không có nhiều ít, một niệm kiên định đầy đủ viên mãn. Phải hiểu đạo lý này. Ai làm cho rõ ràng, thì người đó minh bạch. Tín nguyện thành tựu, họ không chỉ được cụ túc, mà còn được phẩm vị vãng sinh.

Thiền Đạo Đại sư nói rất hay: *“Tứ độ cứu phẩm tổng tại ngộ duyên bất đồng”* (Bốn cõi chín phẩm chính ở chỗ duyên ngộ bất đồng). Câu này nói quá hay. Có liên quan đến việc tu nhân trong quá khứ chăng? Không có quan hệ, chỉ do đời này gặp duyên không giống nhau. Nếu gặp được duyên tốt, có thiện tri thức đem sự tình nói rõ ràng, minh bạch, thì ngay lập tức được đề cao.

Ngày nay, chúng ta gặp được duyên này thật quá may mắn. Phật pháp trong mấy nghìn năm trước, mọi người đều không gặp được. Vì duyên gì? Hạ Liên Cư sĩ sưu tập một bộ

kinh, đến năm Dân quốc mới làm xong. Duyên này quá thù thắng. Tập đại thành 5 loại nguyên bản dịch, khẳng định hóa độ chúng sinh thời Mạt pháp trong 9.000 năm, đều dựa vào cuốn sách này. Cái thứ hai là gặp được Hoàng Niệm Tổ lão cư sĩ, quý vị xem, chú giải này làm quá tốt. Cuốn sách này làm xong chú giải, không bao lâu thì ông ra đã đi. Duyên này là hy hữu khó gặp. Trong tay tôi còn giữ một cuốn.

Hạ lão cư sĩ ban đầu sưu tập nguyên bản. Bản này đính chính 10 lần mới trở thành sách cố định. Cuốn sách lần thứ nhất trong tay tôi có một bộ. Tôi đã nhờ bạn đồng tu ở Đài Loan in ra 1.000 cuốn, để làm gì? Để làm kỷ niệm. Quý vị xem, ban đầu lão cư sĩ phân ra 37 phẩm. Tôi nghĩ đại khái, ông dùng 37 đạo phẩm. Dùng số chữ 37 phẩm, nhưng sách cố định cuối cùng lại phân thành 48 phẩm. Hợp với 48 lời nguyện của Phật A Di Đà.

Lúc trước, Từ Châu Pháp sư và Hạ lão cư sĩ là người cùng thời đại, từng ở Tế Nam dùng cuốn sách sưu tập ban đầu của Hạ Liên Cư sĩ giảng qua một lần, còn có nhận xét. Phần nhận xét này, Hoàng Niệm Tổ lão cư sĩ tặng cho tôi. Bây giờ, tôi in 1.000 cuốn, đem lời nhận xét này in ở trước. Lời nhận xét là của Từ Châu Pháp sư, còn sưu tập là Hạ Liên Cư sĩ, bảo tồn nguyên diện mạo để làm kỷ niệm. Rất hiếm!

Chúng tôi gặp được duyên này, đến cả Ấn Quang Đại sư cũng không gặp được, không dễ dàng, phải trân trọng!

Đọc kinh này, xem đến phần chú giải, mới hoàn toàn minh bạch. Hiện nay, có thêm báo cáo của giới khoa học, chỉ cần đối chiếu, thì thật không phải giả. Đầy đủ tín tâm kiên định, nguyện vọng khẩn thiết.

Con người từ vô thủy kiếp đến nay tu tập thiện căn, chúng ta có thể trong một niệm bồ tát toàn bộ. Nhất niệm là bồ tát rồi. Không cần hăm mộ người khác, chúng ta có thể còn vượt qua họ. Đây đều là thật không phải giả.

Hiện nay, con người nói đến tâm thái, thì trong Phật pháp nói là tâm niệm. Sức mạnh này thật không thể nghĩ bàn. Các nhà khoa học nói một câu như vậy, ý niệm của con người có thể làm dao động một ngọn núi lớn. Nó có sức mạnh lớn như vậy. Lời nói này, chúng ta tin. Vì thế, ý niệm phải thuần, ý niệm phải chính.

*“Kinh vân: Vãng tu thắng hạnh vô hữu duyên, kim hoạch thần thông diệc vô lượng”* (Kinh ghi: Xưa tu hạnh thù thắng không có duyên, nay được thần thông cũng vô lượng). Thần thông của chúng ta thông đến thế giới Cực Lạc, không nên coi thường mình.

## 8- PHẬT CHỨNG CÙNG

*“Phật chứng cùng giả, vị Phật chứng quả cùng cực”* (Tám: Phật chứng cùng, quả Phật chứng đến tốt cùng), chính là ta đã thành Phật. Những gì ta chứng được, chính là những gì ta thấu triệt để đạt đến cứu cánh viên mãn. *“Cố tam giác viên minh, lục*

*thông tự tại, xứng pháp giới tính, thuyết viên mãn kinh*” (Cho nên, tam giác viên minh, lục thông tự tại, xứng tính pháp giới, thuyết kinh *Viên Mãn*). Kinh *Viên Mãn* chính là “*Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh*”, cũng chính là “*Đại thừa Vô Lượng Thọ Kinh*”. Kinh *Vô Lượng Thọ* và kinh *Hoa Nghiêm* hoàn toàn tương đồng. Kinh *Hoa Nghiêm* nói tỉ mỉ, kinh *Vô Lượng Thọ* là lược thuyết, nhưng nội dung hoàn toàn tương đồng. Kinh này là do Phật thuyết. Tam giác viên mãn.

Tam giác là tự giác, giác tha, giác hạnh viên mãn. A La Hán chứng được là tự giác. Bồ tát chứng được là tự giác, giác tha, nhưng còn chưa viên mãn. Đến Phật mới thật sự viên mãn. Tam giác viên minh, lục thông tự tại. Thiên nhãn thông, Thiên nhĩ thông, Tha tâm thông, Túc mạng thông, Thần túc thông, Lậu tận thông, được đại tự tại.

Vì thế, “*Xứng pháp giới tính, thuyết viên mãn kinh*”. Biến pháp giới hư không giới, nhất thiết Sự, Lý, Nhân, Quả, Tính, Tướng, đều nói một cách rõ ràng minh bạch. “*Kinh vân: Phật trụ thậm thâm chân pháp tính, sở lưu viên mãn tu đa la, thị dã*” (Kinh ghi: Phật trụ ở pháp tính chân thật rất sâu xa, lưu xuất nói ra các kinh là nghĩa đó vậy). Thập Huyền Môn, ở trong tất cả kinh điển, chỉ có kinh *Hoa Nghiêm* có, còn các kinh khác không có ý nghĩa của Thập huyền. Nhưng trong kinh *Tịnh độ* có, kinh *Vô Lượng Thọ* có, kinh *Di Đà* cũng có. Thật quá tuyệt vời!

Chúng ta xem “*Di Đà Kinh Sớ Sao*” của Liên Trì Đại sư, chính là chú giải của kinh *Di Đà*. Liên Trì Đại sư dùng *Hoa Nghiêm Thập Môn* khai mở để giảng giải kinh *Di Đà*, nên 3 bộ kinh này, trước đây chư vị cổ đức gọi là đại bản, trung bản, tiểu bản. *Đại bản Hoa Nghiêm*, *Trung bản Vô Lượng Thọ*, *Tiểu bản A Di Đà*. 3 cuốn này là một bộ kinh. Sao lại 1 bộ kinh? Vì nó cùng một phương hướng, cùng một mục tiêu là thế giới Tây Phương Cực Lạc.

Cuối cùng của kinh *Hoa Nghiêm*, Phổ Hiền Bồ tát thập đại nguyện vương đạo quy Cực Lạc, nhìn thấy Thiện Tài đồng tử 53 lần đi tham cầu học đạo. Lần thứ nhất là bái phỏng Đức Vân Tỳ kheo. Ngài tu gì? Ngài tu pháp môn Tịnh Độ. Điều này, rất quan trọng không thể không biết. Người xưa nói “*Tiên nhập vi chủ*” (Vào trước là chủ). Vị thầy đầu tiên của Thiện Tài, ra đi tham học vị thầy đầu tiên là pháp môn Tịnh Độ, chuyên niệm A Di Đà Phật cầu sinh thế giới Cực Lạc.

Lần tham học cuối cùng, quý vị xem lần đầu lần cuối. Cuối cùng là Phổ Hiền Bồ tát thập đại nguyện vương đạo quy Cực Lạc. Thiện Tài học cái gì? Thiện Tài chắc chắn là chuyên tu pháp môn Tịnh Độ. Vậy 53 lần tham học thì sao? 53 lần tham học là vì tùy hỷ công đức, quảng độ hữu tình. Vì thế, pháp môn nào, Thiện Tài cũng học qua, và Ngài đều thấu triệt, đều thông đạt, một chút chướng ngại cũng không có. Muốn học cái gì thì dạy cái đó, cuối cùng chỉ quy về Tịnh Độ, đã hiển thị ý nghĩa này ở trong đó. Tu pháp môn đó mà

có chướng ngại, thì không thể thành tựu, nên phải nhanh quay đầu. Ta đi con đường này không có ai là không thành tựu. Đây là Thiện Tài đồng tử làm gương, chứng minh cho chúng ta thấy.





# **TỊNH ĐỘ ĐẠI KINH GIẢI DIỄN NGHĨA**



**TẬP 70**



**Giảng ngày 27 tháng 6 năm 2010**  
**Phật Đà Giáo Dục Hiệp Hội HongKong**  
***Chuyển ngữ: Hạnh Chơn***  
***Biên tập: Bình Minh***



**C**hur vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời xem tiếp “Đại thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải” trang 60, hàng thứ 3. Nhưng chúng ta cần phải học tiếp “Thập nhân Huyền môn vô ngại”, vì còn 2 điều nữa.

### 9- THÂM ĐỊNH DỤNG

*“Thâm định dụng giả, vị nhập thậm thâm đại định, nhi khởi diệu dụng dã, cái dĩ hải ấn đẳng chư tam muội lực, linh nhất thiết pháp, bình nhiên tề hiện, vô ngại viên dung”* (Chín: Dụng của định sâu, là nhập vào đại định rất sâu, mà khởi diệu dụng. Vì các lực Tam Muội như Hải Ấn, v.v... khiến cho hết thấy pháp cùng hiện rõ ràng dung thông vô ngại). Chúng ta xem đến đoạn này.

“Thâm định” chính là thanh tịnh, bình đẳng tâm, là chân tâm. Khi Ngài Huệ Năng khai ngộ, Ngài đem tự tính chính là chân tính mà Ngài ngộ được và dùng 5 câu để miêu tả cái hình dáng của chân tính này. Trong đó, câu thứ 4 nói: *Đâu ngờ tự tính vốn không dao động*. Ngài đã nhìn thấy chân tâm. Tự tính chính là chân tâm. Chân tâm không bao giờ bị dao động, như như bất động. Do đây mà biết, ý niệm của ta không phải là chân tâm.

Quý vị hãy quan sát ý niệm. Niệm trước diệt đi, thì niệm sau liền sinh khởi, nó vĩnh viễn không gián đoạn. Gián đoạn là tốt, cắt đứt là tốt, nhưng nó không đoạn. Phiền phức chính

là nó không đoạn. Nó không đoạn được, thì phiền phức ở chỗ nào? Không đoạn được, chính là luân hồi lục đạo. Khi đã đoạn được, thì lục đạo luân hồi tự nhiên cũng không còn nữa. Từ đó cho thấy, trong tự tính chân tâm không có lục đạo. Chẳng những không có lục đạo, mà đến mười pháp giới cũng không có.

Ở trên nói mười pháp giới, lục đạo tức là nói đến Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ tát và Phật. Đến Phật cũng không có, đây mới là chân thật. Vì vậy, mười pháp giới đều là duyên khởi, đều là nhân duyên sinh pháp, toàn là vọng tâm, toàn là hư vọng. Trong kinh *Kim Cương*, Phật dạy rằng: “*Phàm sở hữu tướng, giai thị hư vọng*”.

Vì vậy, học Phật thực tế mà nói, không chỉ Phật pháp mà thế gian, xuất thế gian, bất cứ pháp nào, quý vị cũng cần phải hiểu một cách rõ ràng minh bạch, nghĩa là cần phải định tâm. Do đó, tu định trong thời cổ Ấn Độ, tôn giáo tu định, học thuật cũng tu định, nên thành tựu của họ mới thù thắng như vậy. Nếu không tu định, thì sự thành tựu đó chỉ có giới hạn mà thôi. Giống như triết học và khoa học cận đại vậy, vì họ không tu định, nên dù phát minh ra rất nhiều thứ nhưng thành tựu không thù thắng. Trong này, có thể nói là toán học đã cung cấp một cống hiến lớn lao. Trong toán học phát hiện ra nguyên lý, khả năng tính, sau đó lại dùng cơ giới tính vi đi cầu chứng tìm tòi. Dùng phương pháp này cũng phát hiện không ít, nhưng những phương pháp này trong kinh điển,

đức Phật dạy là nó có giới hạn. Họ có thể hiểu được vũ trụ, thế giới vĩ mô cũng hiểu được vũ trụ, vì quan thế giới có thể hiểu được vi trần. Nhưng hiện tượng trong vi trần, họ không thể nào hiểu được, không biết được. Ngoài thế giới vĩ mô ra, họ cũng không hiểu được gì.

Ngoài ra, đó chính là tự tính, cho nên họ có thể duyên. Tức là đối với bên ngoài có thể duyên hư không pháp giới, còn bên trong thì duyên A Lại Da thức, mà không duyên được tự tính. Tự tính nhất định cần định công, bắt buộc phải buông bỏ tất cả mọi ý niệm, thì chân tướng lập tức hiện tiền. Nó là chân thực, cho nên không cần tìm kiếm, ta tự nhiên mà hiểu rõ. Trong Phật pháp, thường nói 84.000 pháp môn, vô lượng pháp môn, quý vị nhất định phải biết. Pháp là phương pháp, môn là con đường vào cửa. Có rất nhiều phương pháp để minh tâm kiến tính, chứ không phải một. Con đường để vào cửa rất nhiều, nhiều đến mức độ nào? Điều này, chúng ta không cách nào tính lường được.

84.000 pháp môn chỉ là cách nói quy nạp trong khi đức Thế Tôn thuyết pháp mà thôi, còn trên thực tế thì vô lượng. Vô lượng từ đâu có? Vô lượng từ vọng niệm của A Lại Da mà có. Tức là nói khi khởi tâm động niệm, phân biệt, chấp trước vô lượng vô biên mà có.

Vô lượng vô biên tạp niệm, bây giờ trong khoa học nói tần suất dao động, tần suất vô lượng vô biên. Bất cứ tần số

nào, chỉ cần quý vị bất động tức là kiến tính. Còn khi ta chấn động, dù chỉ một cái động vô cùng vi tế hay là vô cùng nhanh chóng, đều không được. Quý vị nhìn thấy hiện tượng này là hiện tượng dao động, giống như ta đang nhìn nước biển vậy. Những gì ta nhìn thấy là sóng biển cuộn cuộn, nhưng thật ra những đợt sóng đó chính là nước biển. Vậy đem nước biển so sánh với tự tính và đem sóng biển so sánh với A Lại Da, thì thích hợp vô cùng. Thật vậy, nó là một không phải hai. A Lại Da nương vào tự tính mà sinh khởi, cũng như sóng nương vào nước mà sinh khởi vậy. Khi nào mới có thể nhìn thấy biển lặng? Khi sóng không còn, thì tự nhiên biển lặng, chính là đạo lý này vậy. Vì thế, không học định là không được.

Chúng ta niệm Phật có phải là tu định không? Phải. Khi ta niệm một câu Phật hiệu sẽ làm cho tâm mình định lại. Vì thế, bất luận là khởi ý niệm gì, thiện niệm cũng tốt, ác niệm cũng tốt, điều này không cần biết. Chỉ cần có ý niệm là tâm liền động, không phải tịnh. Ý niệm dập tắt, thì tâm liền tịnh, bất kể chúng ta dùng phương pháp gì. Trong 84.000 pháp môn, chúng ta dùng phương pháp Trì danh hiệu Phật. Điều này, quý vị phải biết, bất luận ý niệm nào trôi dạt, như cổ nhân dạy: *Không sợ niệm khởi, chỉ sợ giác chậm*. Giác là gì? Là cần phải dập tắt ý niệm. Đây là giác.

Chúng ta là người niệm Phật, bất kể là khởi ý niệm nào, chỉ cần ý niệm vừa khởi, phải cảnh giác được rằng, ý niệm tôi đang sinh khởi. Ý niệm thứ hai phải đổi thành A Di Đà Phật,

chỉ cho phép có một ý niệm duy nhất là A Di Đà Phật, chứ không cho phép bất cứ tạp niệm nào xen vào. Đây gọi là biết niệm Phật, biết dụng công. Cứ không ngừng dùng câu A Di Đà Phật để đè bẹp tất cả những ý niệm. Cuối cùng, câu A Di Đà Phật cũng không còn nữa là kiến tính. Nếu còn câu A Di Đà Phật, thì không thể nhìn thấy tính được. Vì sao? Vì nó còn dao động, dù là một dao động nhỏ. Nhưng dao động này rất có trật tự, rất bình tĩnh, rất ôn hòa, chứ không phải lộn xộn.

Kiến tính, tức chúng ta tu hành đã viên mãn rồi. Tùy theo ý niệm này của chúng ta, cũng chính là công phu thiền định. Tiểu định thì nhìn thấy tiểu bộ phận, đại định thì nhìn thấy được rộng lớn hơn. Cứu cánh viên mãn của định, thì quý vị sẽ nhìn thấy được tất cả. Tùy theo công phu sâu hay cạn, mà cảnh giới của quý vị không giống nhau. Nhất định phải đến thậm thâm đại định. Đây chính là cảnh giới đức Phật chứng được - cứu cánh viên mãn.

Ta thấy Huệ Năng Đại sư thường nói, đó mới là cứu cánh viên mãn. Cứu cánh viên mãn khi nào chứng được? Trong kinh *Hoa Nghiêm* nói: *Bậc Sơ Trụ Bồ tát liền chứng đắc*. *Hoa Nghiêm* là Viên giáo, còn *Biệt giáo* là bậc Sơ Địa Bồ tát chứng đắc. Cảnh giới chứng đắc của các vị Bồ tát này định công là giống nhau, nhưng trí tuệ thì bất đồng.

Trí tuệ của Viên giáo cao, trí tuệ của Biệt giáo kém hơn một chút. So sánh 2 bên, thì công phu giống nhau, nhưng trí

tuệ thì sâu cạn bất đồng. Vì thế, viên đốn căn tính vô cùng đáng quý. Căn tính cũng là trải qua thời gian rất dài huân tu mới thành tựu được. Tại sao tác dụng của định thù thắng như vậy? Các nhà khoa học hiện đại đều biết, sự tồn tại của không gian duy thứ xác thực là bất đồng. Từ trên lý luận mà nói, không gian duy thứ là vô hạn. Trước đây, Hoàng Niệm lão nói với tôi, ông ta học khoa học, trên thế giới khoa học chứng minh, ít nhất có 11 loại không gian duy thứ không giống nhau. Điều này, đã được chứng minh, còn những điều chưa chứng thực trên lý luận là không có hạn lượng. Trong Phật pháp Đại thừa, chúng ta có thể lãnh hội được điều này.

Tại sao? Không gian duy thứ từ đâu đến? Điều này, giới khoa học không nói ra. Nhưng chúng ta học Phật đã thể hội được nó đến từ đâu. Nó đến từ vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Chỉ cần có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, liền có không gian duy thứ. Vì nó là chế tạo, nên khi buông bỏ vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, thì không gian duy thứ tự nhiên không còn nữa. Nếu ta buông bỏ một bộ phận, đối với Nhất thiết pháp không còn chấp trước.

Đây là buông bỏ một bộ phận rất nhỏ, không chấp trước nữa, không gian duy thứ trong lục đạo cũng không còn. Nhưng bên ngoài lục đạo thì có, chỉ là ta không nhìn thấy. Điều này, trong Phật pháp có nói. Định mà Tiểu thừa A La Hán, Bích Chi Phật chứng được, đó là thâm định. Vì trong lục đạo cũng tu định. Tứ thiên thiên cũng tu định. Nếu không có

định công, thì nhìn không thấy nó có không gian duy thứ. Nếu định công, có thể đột phá sơ thiền, thì ta nhìn thấy sơ thiền, còn đột phá được nhị thiền, thì nhìn thấy nhị thiền. Định công của Tứ thiền thiên có 4 cấp bậc. Cao hơn một chút là Vô sắc giới thiên cũng có 4 cấp bậc gọi là Tứ thiền, hợp lại gọi là Bát định. Phật dạy, đây là Thế gian thiền định, chính là trong lục đạo, không có cách nào đột phá lục đạo. Nếu sâu hơn một chút, sẽ đột phá được.

Trong kinh *Lăng Nghiêm*, nói đến định thứ 9. Tứ thiền bát định vẫn còn trong lục đạo, nhưng định thứ 9 thì đột phá vượt ra ngoài lục đạo. Định thứ 9 đi đến đâu? Đi đến tầng thấp nhất của Tứ thánh pháp giới là Thanh Văn pháp giới. Cao hơn định công này một tầng là Duyên Giác pháp giới, cao hơn nữa là Bồ tát pháp giới, và cao hơn thêm nữa là Phật pháp giới. Tất cả đều không đi ra ngoài mười pháp giới. Ra khỏi lục đạo, nhưng không ra khỏi mười pháp giới. Nếu ra khỏi mười pháp giới, ở giai đoạn này gọi là Thâm thâm đại định. Đây là gì? Là tự tính bản định. Định công này đã đạt đến tự tính bản định.

Huệ Năng Đại sư nói “*Đâu ngờ tự tính vốn không dao động*”, là Ngài đã đến cảnh giới này rồi. Cảnh giới này là Viên giáo Sơ Trụ trở lên. Trong *Hoa Nghiêm Kinh*, Sơ Trụ Bồ tát đã thoát ly mười pháp giới. Họ đi đâu? Đến cõi Thật Báo Trang Nghiêm của chư Phật Như Lai. Các Ngài chứng được quả vị hoàn toàn tương đồng với cứu cánh quả địa Phật quả,

chỉ là tập khí vô thỉ vô minh còn vướng lại một ít chưa đoạn trừ sạch. Nếu đoạn sạch hoàn toàn rồi, thì họ không còn ở nơi cõi Thật Báo nữa, cho nên cõi Thật Báo cũng không phải thật. Cõi Thật Báo từ đâu đến? Từ A Lại Da hiện ra.

Thế giới đó với thập pháp giới của chúng ta không giống nhau. Thập pháp giới có biến dị và biến hóa, nhưng thế giới đó không có biến hóa. Các vị nên nhớ rằng, vào trong thế giới đó, thân tướng được trẻ mãi, vô lượng thọ, không già yếu. Con người không có biến hóa, sơn hà đại địa cũng không biến hóa, cây cỏ, hoa lá cũng không biến hóa. Đúng là cảnh giới trường sinh bất lão trong tâm tưởng của những kẻ phàm phu như chúng ta. Cảnh giới bất sinh bất diệt. Đây là cõi Thật Báo. Tập khí vô thỉ vô minh đoạn trừ rồi, họ lại bước cao thêm một bậc. Sinh vào chỗ nào? Vào trong Thường Tịch Quang Độ.

Đây có thể là điều mà giới khoa học đề cập đến. Vũ trụ này, tại sao đến cuối cùng thì không còn thấy nữa. Theo cách nói của giới khoa học, giả sử vũ trụ này có 100 phân tử, hiện tại các nhà khoa học có thể lý giải, quan sát được chỉ có 10%, 90% còn lại thì không nhìn thấy. Không biết nó ở đâu? Đại khái 90 % của vũ trụ này đã trở về Thường Tịch Quang rồi. Thường Tịch Quang không phải vật chất, cũng không phải tinh thần, không có bất cứ hiện tượng nào, nên bất cứ điều gì, đều đo lường không đến. Chỉ có tập khí vô thỉ vô minh đoạn sạch rồi, ta tự nhiên hoàn toàn thông suốt.

Tuy Thường Tịch Quang cái gì cũng không có, nhưng không thể nói là không. Vì trong Thường Tịch Quang có vô lượng trí tuệ, vô lượng đức tướng. Trong kinh điển Đại thừa, đức Phật thường tán thán, tất cả chúng sinh đều có đức tướng, trí tuệ Như Lai. Đó chính là tán thán Thường Tịch Quang, tán thán tự tính của con người, cũng chính là tự tính của mỗi người, tự tính của mỗi chúng ta. Đây là cảnh giới cứu cánh viên mãn của Phật.

Hải ấn chính là Như Lai sở chứng. Dem cái sở chứng của mình ví thành đại hải. Đại hải này là tính hải, tức là tự tính, tự tính đại hải. Ấn tức là chúng ta giống như mặt nước. Nước khi bình lặng, thì như tấm gương vậy. Nó có thể đem cảnh giới bên ngoài, cảnh giới tướng này tất cả đều chiếu vào trong gương một cách rõ ràng. Ấn ở đây có nghĩa là như vậy. Loại Tam Muội lực này chính là cứu cánh viên mãn của đại định, có thể đem cảnh giới của tự tính biến hóa, chính là thập pháp giới Y chính trang nghiêm chiếu soi tất cả, rõ ràng minh bạch, thấu suốt hoàn toàn.

*“Linh nhất thiết pháp, bình nhiên tề hiện, vô ngại viên dung”*. Không chỉ hiện tiền đều chiếu vào trong đó, mà quá khứ, vị lai đều ở trong đó. Đây gọi là vô ngại. Vì thế, trong đó có thể nhìn thấy quá khứ, có thể nhìn thấy tương lai. Trong nhà Phật thường nói: *“Hoàn cảnh thập phương, thụ cùng tam thế”*, nghĩa là nhìn thấu tất cả, không có chút chướng ngại nào.

Câu ở dưới đây là dẫn chứng kinh điển. Trong kinh *Hoa Nghiêm*, đức Phật dạy: “*Nhập vi trần số chư tam muội, nhất nhất xuất sinh trần đẳng định*” (Nhập các Tam Muội nhiều như số vi trần, trong mỗi vi trần xuất sinh các định). Ngày nay, gọi là thế giới vi mô.

Dùng vi trần làm số lượng. Số này đếm không hết số vi trần Tam muội. Mỗi vi trần Tam muội xuất sinh trần đẳng định, đại định của vi trần số. Câu này có ý nghĩa gì? Như loại vi trần vô cùng nhỏ, ngày nay nói về tiểu quang tử trong lượng tử lực học. Lượng tử quàn vô cùng nhỏ, cái định vô cùng yếu ớt như vậy đều không nhiễu loạn, nó đều bất động, hưởng gì là sóng to gió lớn? Như vậy, con sóng nhỏ rất vi tế đều bất động, giống như Ngài Huệ Năng đã nói, nó vốn không dao động, thực sự nhìn thấy chân tính. Cái mà quý vị nhìn thấy nó dao động, đó là A Lại Da, là vọng tâm.

Vọng tâm từ chỗ vô cùng vi tế, tức là dao động của vi trần này đến toàn bộ đại vũ trụ, đều không thể nào nhiễu loạn được nó. Đây là tác dụng của thâm định. Điều này vô cùng quan trọng. Chúng ta cần phải tu định. Tu ở đâu? Tu ngay trong cuộc sống hằng ngày. Tu trong lúc làm việc, trong những lúc đối nhân xử thế. Tu bằng cách nào? Tu không chấp trước là Tiểu thừa định. Tu không phân biệt là Bồ tát định. Tu không khởi tâm không động niệm là Như Lai định.

84.000 pháp môn, vô lượng Tam muội, đều không tách rời nguyên tắc này. Nắm bắt được nguyên tắc này, thì ứng dụng của ta vô cùng linh hoạt. Mắt nhìn thấy cảnh giới bên ngoài, nhưng không vì ngoại cảnh mà dao động, lúc này nhãn căn ở trong sắc trần mà đắc Tam muội, không bị sắc trần làm nhiễu loạn. Nếu có định công, sẽ nhìn thấu suốt cảnh giới bên ngoài.

Chân tướng của Cảnh giới tướng là gì? Chân tướng như Phật thường nói: *“Phàm sở hữu tướng, giai thị hư vọng”*. Ta có thể ở trong cảnh giới tướng nhìn ra được điều mà ngày nay các nhà lượng tử học đã nói. Tất cả những vật chất hiện tượng là do ý niệm liên tục tích lũy thành một loại ảo giác, nó không phải thật. Mỗi loại hiện tượng đều có thể quay về trạng thái dao động. Đây là gì? Là trong tướng ta đã nhìn thấy tính. Tính, Tướng nhất như. Tính, Tướng bất nhị - Trong tướng nhìn thấy tính.

Tai nghe âm thanh. Tai ở đây không gọi là nhĩ thức mà gọi là tính nghe. Tính nghe ở nơi âm thanh đắc được Tam muội, thành tựu Tam muội. Khi ta ăn thức ăn, vị căn ở nơi vị trần nhập định. Nhập định có biết gì không? Biết rất rõ ràng. Đó là gì? Đó là trí tuệ. Như như bất động, đó là đại định. Thật diệu dụng! Điều này không thể không biết, cần phải tinh tấn. Trong cuộc sống hằng ngày, nếu thực hành được thì quý vị sẽ biết.

## 10- THẦN THÔNG GIẢI THOÁT

Trong 10 điều này cũng có thứ tự, không được lộn xộn. Sau khi được định mới có thần thông. Thần thông chính là diệu dụng - thần thông giải thoát. “Giải thoát tức nghĩa tự tại”. Tự tại đương nhiên không có chướng ngại, mà có chướng ngại thì không có tự tại.

*“Vị Phật dĩ thần thông bất tư nghị giải thoát chi lực, linh nhất thiết pháp ư nhất pháp trung kiến lập, hiển hiện viên dung tự tại”* (Vị Phật dùng lực thần thông không thể nghĩ bàn, khiến cho hết thấy pháp được kiến lập trong một pháp, mà hiển hiện dung thông tự tại). Đây là thật. Nếu chúng ta nói thật có thể lãnh hội, thật không hoài nghi nữa, khẳng định đức Phật nói câu này. Và đây cũng là điều Phật đã nói.

Chư vị Tổ sư thường dạy rằng: *“Nhất kinh thông, nhất thiết kinh thông”*. Một pháp môn thành tựu, thì tất cả pháp môn đều thành tựu. Trong đây nói là, chúng ta đưa ra ví dụ để giải thích nhất kinh thông này, nó không phải chỉ trong kinh điển Phật giáo, mà tất cả kinh điển của cổ thánh tiên hiền đều thông hết. Vì sao? Vì trong một pháp đã kiến tính. Pháp pháp đều là tự tính không có ngoại lệ. Vậy thì làm sao không thông? Đương nhiên thông. Do đó, phương pháp học tập sẽ thực sự đạt được. Thế mới biết các vị cổ đức thường nói *“Nhất môn thâm nhập, trường thời huân tu, kỳ lai hữu tự”*. Họ rất có đạo lý, chứ không phải nói tùy tiện. Đây không

phải là kinh nghiệm, mà là thông đạt tự tính. Chân tướng sự thật tác dụng tính tướng. Nó là như vậy. Nhưng quý vị cần phải thật sự kiến tính. Quý vị chỉ nên chọn 1 đường duy nhất, nếu đi 2 đường sẽ rất khó, đi 3 con đường lại càng khó hơn và không có hy vọng, còn đi 4 con đường sẽ gặp ngã tư, khiến quý vị càng đi càng thêm mê muội. Đạo lý thật sự ở chỗ này.

Do vậy, chỉ cần quý vị kiến tính, quý vị trong một pháp, kiến lập Nhất thiết pháp trong một pháp, một pháp cũng là Nhất thiết pháp bởi đức Phật dạy: *“Nhất pháp không, nhất thiết pháp không”*. Được như vậy tâm của quý vị mãi mãi định. Cảnh giới của định là gì? Chưa có ai hỏi quý vị, thỉnh giáo quý vị, lúc này tâm của quý vị là một mảng trống không, cái gì cũng không. Đó là gì? Là Bát nhã hiện tiền, là thể của Bát nhã, chính là đại định.

Trong kinh *Bát Nhã* nói *“Bát nhã vô tri”* toàn là định cảnh. Nếu có người đến hỏi quý vị, thì giống như ném hòn sỏi vào trong nước vậy, sẽ gợi lên những gợn sóng lăn tăn. Quý vị lập tức trả lời, không gì là không biết, hiểu hết các pháp trong thế gian và xuất thế gian. Hàng phàm phu chúng ta tập khí nhiễm ô sâu nặng, nhìn thấy người trong thế gian này học rộng hiểu nhiều, chúng ta cũng muốn đọc qua và học hỏi tất cả. Kết quả thì sao? Đã làm lãng phí rất nhiều thời gian và tinh lực, nhưng không hiểu thêm được gì. Những điều học được là tri thức, những tri thức này trong nhà Phật gọi là

Sở tri chướng. Quý vị xem, ngoài Phiền não chướng ra, lại có thêm một loại chướng ngại nữa. Chướng ngại điều gì? Chướng ngại minh tâm kiến tính của quý vị.

Đức Thích Ca Mâu Ni Phật từ bi, lúc chưa xuất gia, Ngài thể hiện cho chúng ta thấy. Ngài là người thông minh hiếu học, người trong thế gian đều tán thán. Năm 19 tuổi, Ngài ra đi tìm đạo, học đạo 12 năm, cho đến năm 30 tuổi. Các tôn giáo đương thời, những bậc cao nhân trong giới học thuật, Ngài đều thân cận học hỏi. Đức Thích Ca Mâu Ni lúc đó đúng là quảng học đa văn. Ngài đã cho chúng ta thấy, đi theo con đường này là sai lầm, không giải quyết được vấn đề.

Các tôn giáo Ấn Độ đương thời, giới học thuật đều coi trọng định công, không ai không tu thiền định. Vì thế, tứ thiền bát định trong thời kỳ ấy là hiện tượng phổ biến, không chỉ đạo Phật mới có. Trong kinh điển giảng tứ thiền bát định là nói về thời đại đó, không ít người cũng đang học. Lục đạo đã nhìn thấy, không gian duy thứ đã đột phá rồi. Bên trên là cõi Trời Phi tưởng phi phi tưởng, ở dưới đến Địa ngục A Tỳ, chướng ngại này đột phá rồi, nhưng vẫn còn vấn đề là lục đạo từ đâu đến? Tại sao có lục đạo? Ngoài lục đạo ra còn có thứ gì nữa không? Vấn đề này, các tôn giáo chưa người nào trả lời được, giới học thuật cũng như vậy.

Vì thế, Phật Đức Thích Ca Mâu Ni thể hiện cho chúng ta thấy, khi Ngài nhập định dưới cây Bồ đề, đã đem sở học

của 12 năm tham cứu buông bỏ tất cả. Ngài buông bỏ Sở tri chướng rồi hoát nhiên đại ngộ. Điều này, trong kinh đã ghi chép: Khi sao mai vừa mọc, Ngài hoát nhiên đại ngộ. Đây mới là minh tâm kiến tính, mọi vấn đề đã được giải quyết. Đã hiểu rõ lục đạo từ đâu đến, cũng đã biết tại sao có lục đạo, ngoài lục đạo còn có thế giới không? Thế giới rộng lớn vô cùng.

Chúng ta cũng đọc thấy trong kinh *Hoa Nghiêm*, như “*Hoa Tạng Thế Giới Phẩm*” - Thế giới vĩ mô. “*Thế giới thành tựu phẩm*”, thế giới tại sao mà đến? Điều này, chính là nói ở đây: “*Linh nhất thiết pháp, bình nhiên tề hiện*”. Hết thảy pháp kiến lập trong một pháp. Đây là cảnh giới mà đức Phật Thích Ca Mâu Ni đã thành tựu khi tròn 30 tuổi.

Sau khi đạt được thành tựu này, Ngài bắt đầu đi giáo hóa. Suốt cuộc đời giáo hóa độ sinh, cho đến năm 79 tuổi, Ngài viên tịch. Trong kinh thường nói: Hơn 300 hội giảng kinh, 49 năm thuyết pháp. Suốt 49 năm giáo hóa, Ngài chưa từng ngơi nghỉ, một người cũng dạy, hai người cũng dạy, thường niên giảng kinh, tiếng đồn ra ngoài. Người mộ danh đến học đạo càng không thể đếm kể. Đệ tử tùy tùng có 1.255 người. Số đệ tử này không rời xa Ngài. Đức Phật đến đâu đều theo đến đó, cuộc sống thật thà đơn giản không phiền đến ai. Họ không có phòng nhà, buổi tối ở đâu? Các Ngài ở dưới gốc cây. Thời đó, rừng nguyên thủy rất nhiều, đến đâu cũng đều nhìn thấy, cho nên các Ngài buổi tối tọa thiền dưới gốc cây,

ban ngày thì đi khất thực, ăn ngày một bữa. Cuộc sống đơn giản thông dong tự tại.

Thật giống như 2 câu đầu trong *Luận Ngữ* nói: “*Học nhi thời tập chi, bất diệc duyệt hồ. Hữu bằng tự viễn phương lai, bất diệc lạc hồ?*”. “Bằng” ở đây là gì? Là học sinh, là người đến tham vấn. Mỗi ngày, đều có người đến tham học, thỉnh giáo Ngài. Thời gian ngắn thì chỉ vài giờ rồi đi, còn thời gian dài thì cũng vài tháng, nhưng cũng có người theo Ngài một vài năm mới đi. Ai muốn học điều gì, thì Ngài dạy điều đó, muốn hỏi Ngài cái gì, Ngài đều biết tất cả, không hề chướng ngại, đúng là hiển hiện viên dung tự tại. Kinh dạy rằng: “*Ư nhất trần trung kiến lập tam thế nhất thiết Phật pháp*” (Trong một vi trần kiến lập hết thảy Phật pháp ba đời). Tam thế là quá khứ, hiện tại và vị lai. Nhất thiết Phật pháp, tức là đối với hết thảy pháp, giác mà không mê, đối với Nhất thiết pháp thật sự đã chứng đại viên mãn.

Đến đây là hết phần *Thập nhân huyền môn vô ngại*. Chúng ta ta xem tiếp đoạn văn bên dưới, ở trang 60, dòng thứ 3. Phẩm *Tích Công Lũy Đức*, thứ 8 của kinh này.

Kinh văn nói: “*Pháp Tạng Tỷ khiêu trụ chân thật tuệ, đồng mãnh tinh tiến, nhất hướng chuyên chí trang nghiêm diệu độ*”. Chương này nói về lịch sử của thế giới Cực Lạc. Thế giới Cực Lạc làm sao mà có? Chính là thành tựu từ nguyện lực của Phật A Di Đà, tức là nói Ngài ở trong đại thế giới. Đại học

Phật giáo Biện Nhất Sở, trường đại học Phật giáo này như một con rồng vậy, tức là nói từ trường mầm non Phật giáo, cho đến sau đại học. Làm sao mà biết được? Vì nó có 4 cõi, có cõi Phàm Thánh Đồng Cư. Cõi Phàm Thánh Đồng Cư là hạ phẩm, hạ trung phẩm, hạ thượng phẩm. Nó có 9 phẩm, giống như bậc tiểu học và trung học cơ sở vậy.

Phương Tiện Hữu Dư Độ, có thể so với trung học phổ thông và đại học. Thanh Văn và Duyên Giác là trung học. Bồ tát và Phật là đại học. Đây là nói Phương Tiện Hữu Dư Độ trong phẩm thứ 9. Cao hơn nữa là Thật Báo Trang Nghiêm Độ của A Di Đà Phật - đó là sau đại học, cho nên nó rất hoàn chỉnh. Họ ở đó học tập và được mười phương chư Phật tán thán. Học sinh từ đâu đến? Là mười phương chư Phật Như Lai đều đem đệ tử của họ đến đây học, là cũng như đưa đệ tử đến thế giới Cực Lạc vậy.

Chúng ta làm sao biết được? Là Đức Phật Thích Ca Mâu Ni giới thiệu. Đức Phật Thích Ca nếu không giảng cho chúng ta những điều này, không giới thiệu cho chúng ta, chúng ta làm sao biết có thể giới Cực Lạc? Hơn nữa, thật sự muốn đến thế giới Cực Lạc để tu học, không khó. Điều kiện cơ bản có 3 điều: Tín, Nguyện, Hành. Quý vị thật sự tin, thật sự muốn đi và thật sự dám buông bỏ tất cả, nhất tâm niệm Phật là được rồi. Điều kiện này đã đạt được, thì được sinh vào Phàm Thánh Đồng Cư Độ. Đây là ưu điểm lớn nhất của thế giới đó, mà các bậc cao tăng thường nói. Đức thứ nhất của cõi Di Đà

Tịnh độ là gì? Là thọ mạng dài lâu. Phật vô lượng thọ và mỗi người đều vô lượng thọ.

Ở tha phương thế giới cũng giống như thọ mạng của chúng ta ở cõi này, nó rất ngắn. Chưa học thành công, thọ mạng đã đến rồi, đời sau lại được thân người và tiếp tục học, ít nhất phải bỏ lỡ 20 năm. Quý vị thử nghĩ xem, thành tựu đó khó khăn đến đâu. Những gì học được trong quá khứ, thì trong A Lại Da có một vài chất liệu của sự tu học này. Khi đầu thai chuyển thế, thời trong 20 năm đó đã chịu rất nhiều ô nhiễm. Nhưng vì có duyên, nên đến lúc đó nhất định có thiện tri thức đến giúp đỡ cảnh tỉnh, quý vị lại đến học tập một lần nữa. Học tập chưa thành tựu thọ mạng lại đến rồi, đời đời kiếp kiếp đều như vậy, mấy mươi kiếp cũng không thể thành tựu.

Nếu đối với pháp môn Tịnh Độ không có niềm tin, không chịu tiếp nhận, một chút biện pháp cũng không. Gặp được pháp môn này, phải tin tưởng, phải phát nguyện và chịu buông bỏ tất cả pháp môn, thì không có gì là chẳng thành tựu. Vì vậy, pháp môn này gọi là pháp môn khó tin. Rất khó tin, nhưng thành tựu thì thật dễ dàng. Khó tin mà dễ hành trì, vững vàng, bảo đảm quý vị sớm thành tựu. Đây là nói đến Phật A di Đà kiến tạo đạo tràng này, trường học này. Quý vị trú trong chân thật tuệ, đồng mãnh tinh tấn, đây gọi là trí tuệ tự tính bất nhã.

Dũng mãnh tinh tấn cũng có người hướng dẫn, thầy giáo hiểu rõ học sinh này, có hoài bão, có cái nhìn xa, tâm lượng rất lớn, Tự Tại Vương Như Lai. Họ cũng đi tham học, tham học bao nhiêu nơi? Biến pháp giới, hư không giới, tất cả đạo tràng của chư Phật, không thiếu chỗ nào, như đức Phật Thích ca Mâu Ni năm xưa ở Ấn Độ tham học vậy. Tất cả các tôn giáo, học phái, Ngài đều học qua. Đây là dũng mãnh tinh tấn. Ngài có một phương hướng, một mục tiêu, chuyên chí trang nghiêm diệu độ, chính là thế giới Tây Phương Cực Lạc. Ngài nắm bắt được điểm then chốt trong các đạo tràng của chư Phật. Nếu có khuyết điểm, có giới hạn, Ngài liền xả bỏ hết, cho nên đã kiến lập nên một hoàn cảnh tu học cực kì hoàn mỹ, chứ không phải ngẫu nhiên mà có.

*“Cố tri Cực Lạc y chính thanh tịnh trang nghiêm, giai chân thật tuệ chi sở lưu hiện”* (Vì vậy, biết Y báo, Chính báo của cõi Cực Lạc thanh tịnh trang nghiêm đều từ trí tuệ chân thật lưu xuất hiển hiện). Câu này rất quan trọng, vì đó là Chính báo của Cực Lạc thế giới. Trong toàn bộ thế giới, Chính báo là Phật A Di Đà, ngoài ra là Y báo.

Y báo chính là mười phương ngưỡng mộ Phật A Di Đà, nên niệm Phật để được vãng sinh về đó. Người từ nơi chúng ta vãng sinh đi, tôi đi rồi, đến Cực Lạc thế giới, tôi là Chính báo, A Di Đà Phật là Y báo của tôi. Ý nghĩa của Y báo, Chính báo này, cần phải hiểu rõ ràng, minh bạch.

Trong kinh *Hoa Nghiêm* nói chủ-bạn viên dung. Tôi là chủ, còn A Di Đà Phật là bạn của tôi. Quý vị là chủ, tôi và A Di Đà Phật là bạn của quý vị. Bất cứ ai cũng đều làm chủ, và bất cứ người đều là bạn - chủ bạn viên dung. Thanh tịnh, Bình đẳng, Giác, như *“Vãng Sinh Luận”* nói: *“Tam chủng trang nghiêm nhập nhất pháp cú, nhất pháp cú giả thanh tịnh cú, thanh tịnh cú giả chân thật trí tuệ vô vi pháp thân, cố tri diệu thủ trang nghiêm, tức thị thanh tịnh pháp thân, vô nhị vô biệt”* (Ba loại trang nghiêm vào một câu pháp. Một câu pháp là câu thanh tịnh. Câu thanh tịnh là trí tuệ chân thật, pháp thân vô vi. Vì thế, Diệu thủ trang nghiêm chính là pháp thân thanh tịnh, không hai không khác).

Trong *Vãng Sinh Luận*, nói 3 loại trang nghiêm. Thứ nhất là Phật trang nghiêm, thứ hai là Bồ tát trang nghiêm, thứ ba là Quốc độ trang nghiêm. Thế giới Tây Phương Cực Lạc là như vậy. *Vãng Sinh Luận* tán thán thế giới Tây Phương Cực Lạc. Phật là A Di Đà Phật. Bồ tát, hạ hạ phẩm vãng sinh. Thánh Phàm Đồng Cư Độ là hạ hạ phẩm vãng sinh. Sinh đến Cực Lạc thế giới chính là Bồ tát, còn không phải là phổ thông Bồ tát, được oai thần bản nguyện của Phật A Di Đà gia trì, mỗi mỗi đều là A Duy Việt Trí Bồ tát. Thật tuyệt!

Pháp môn này gọi là pháp khó tin, là chính điều này. A Duy Việt Trí Bồ tát là người thế nào? Trong kinh *Hoa Nghiêm*, nói là bậc Sơ Trụ trở lên, vượt qua thập pháp giới. Vượt qua thập pháp giới thật không đơn giản! Chúng ta ở nơi thế gian

này tu, cần tu bao nhiêu năm? Luận kiếp mà tính. Tại sao khi vãng sinh, thì làm A Duy Việt Trí Bồ tát? Có rất nhiều Bồ tát không tin, sao có chuyện dễ vậy? Nhưng đó là sự thật, là do oai thần bản nguyện của Phật A Di Đà gia trì.

Phàm đến thế giới Cực Lạc đều làm A Duy Việt Trí Bồ tát. *“Tam chủng trang nghiêm nhập nhất pháp cú”*. Nhất pháp cú chính là Thanh tịnh cú. Thanh tịnh cú là gì? Là *“chân thật trí tuệ vô vi pháp thân, cố tri diệu độ trang nghiêm tức thị thanh tịnh pháp thân, vô nhị vô biệt”*. Vậy chúng đắc thanh tịnh pháp thân, chỉ cần sinh đến thế giới Tây Phương Cực Lạc, thì sợ gì Phàm Thánh Đồng Cư Độ hạ hạ phẩm vãng sinh. Đến thế giới Cực Lạc, thì đều chúng đắc Thanh tịnh pháp thân, đạt được lợi ích thù thắng này.

Suốt 49 năm thuyết pháp độ sinh, đức Thế Tôn nói tất cả kinh, nhưng chưa nói đến điều này. Chỉ có trong kinh *Vô Lượng Thọ*, nói với chúng ta như vậy, nói đến thế giới Tây Phương Cực Lạc. Trong thập phương chư Phật quốc độ không có đề cập. *“Nhất đán khai đạt minh triệt”* (Một sớm trí tuệ khai mở sáng suốt). Khai là tâm khai, liễu đạt. Chúng ta nói khai ngộ, thông đạt, minh bạch, thấu triệt rồi. *“Tự nhiên trung tự nhiên tướng”* (Tướng tự nhiên trong tự nhiên). Tự nhiên là tất cả hiện tượng. Hết thấy hiện tượng là tướng tự tính bản nhiên. Nó ở đâu? Ở ngay đây. Do chúng ta mê muội không biết tất cả hiện tượng là tướng tự tính bản nhiên. Chúng ta không hề biết.

Tự nhiên có căn bản, tự nhiên quang sắc tham hồi chuyển biến tối thắng. Căn bản của Nhất thiết hiện tượng tự nhiên. Căn bản chính là nói chắc chắn là có tự tính. Căn bản là tự tính, là tất cả hiện tượng tự nhiên. Chúng ta thường nói các pháp không có tự tính. Tính của vô tự tính chính là căn bản, là chân như tự tính, nó không có tự tính của chính mình. Tính của nó là chơn như tự tại, mà chân như tự tại thì ai cũng có, như trên mặt biển, nổi lên rất nhiều bong bóng, mỗi cái bong bóng đều không có tự tính. Căn bản là gì? Căn bản là nước biển. Tất cả bóng nước đều nương nước biển mà hiển hiện, rồi nước biển bóng nước làm sao tồn tại? Chúng ta đem bong bóng nước so sánh với Nhất thiết vạn pháp, nước biển tức là căn bản, cho nên tất cả hiện tượng tự nhiên khẳng định có căn bản. Căn bản này là chân tính.

*“Tự nhiên quang sắc tham hồi”*. Cái tự nhiên thứ nhất là nói về chúng sinh, chúng duyên hòa hợp mà sinh khởi hiện tượng. Hiện tượng quang minh sắc tướng này gọi là quang sắc. Tham hồi là tham nhập hồi chuyển. Những điều này hiện nay giới khoa học đang nghiên cứu. Hiện tượng của vật chất và tinh thần, cái mà họ phát hiện với những gì trong kinh nói hoàn toàn tương đồng. Chuyển biến tối thắng tức là biến hóa vô cùng. Ở trong *Hoàn Nguyên Quán* với những gì chúng ta nói là xuất sinh vô tận.

*“Uất đơn thành thất bảo”*. “Uất đơn” là Bắc châu. Chúng ta nói đến tứ đại châu: Đông, Nam, Tây, Bắc. Địa cầu này là

Nam Diêm Phù Đề châu. Bắc châu nó không ở trên địa cầu chúng ta, nó là một tinh cầu khác. Bắc châu, tự nhiên sinh ra y thực quý báu, là những cái mà cuộc sống của chúng ta vô cùng cần thiết. Đây là gì? Là Bắc Câu Lô châu. Ở châu này không có Phật pháp. Người sống ở đó rất tự tại, phúc báo cũng rất lớn, nên nhà Phật thường nói phú quý học đạo là khó. Người ở Bắc Câu Lô châu không tiếp thu Phật pháp, thọ mạng của họ đến 1.000 tuổi, hầu như không có yếu mệnh. Những hưởng thụ vật chất là tùy tâm sở nguyện, muốn cái gì được cái đó. Cuộc sống rất tự do thoải mái, phúc báo quá lớn nhưng không có Phật pháp. Vì thế, Bồ tát Vi Đà, quý vị xem trong tự viện thường nói Tam châu cảm ứng. Bắc châu không cảm ứng, bởi người Bắc châu không cần. Vì thế, Ngài Vi Đà hộ trì 3 châu. Đó là Đông Thắng Thần châu, Tây Ngưu Hóa châu và Nam Thiệm Bộ châu. 3 châu này cảm ứng, nhưng Bắc Câu Lô châu thì không. Bắc châu phúc báo rất lớn!

*“Hoành lâm thành vạn vật”*. Hoành là không gian, lâm là ôm lấy. Hết thấy pháp đều là tự nhiên sinh. Thế giới này của chúng ta có không ít thứ, nhưng phải cần công nhân đi trồng trọt. Nhưng ở Bắc châu không cần, hoàn toàn là tự nhiên, đến đâu cũng thế, cho nên không thiếu gì. Đây gọi là Thọ Lạc Vô Cực, chính là thế giới Tây Phương Cực Lạc.

Trong kinh nói: *“Nhất đán khai minh, kỳ sở khai minh giả, đương nhân chi tự tâm dã, thất bảo dự vạn vật, Phật chi quốc độ dã, do tự nhất tâm, nhi hiện diệu độ”* (Một mai sáng suốt, đương nhân chi tự tâm dã, thất bảo dự vạn vật, Phật chi quốc độ dã, do tự nhất tâm, nhi hiện diệu độ) (Một mai sáng suốt,

người ấy tự tâm, vạn vật thất bảo, quốc độ Phật do tự tâm mình mà hiện quốc độ nhiệm mầu).

Đây là giải thích trong kinh văn nói về đoạn này. “*Nhất đán khai minh*”, tức là nói hoát nhiên đại ngộ. Ngộ, khai minh là gì? Là tâm của chính mình, minh tâm kiến tính. Khi đã minh tâm kiến tính, thì thất bảo và vạn vật, cõi Phật tự nhiên mà hiện. Cõi Phật làm sao mà hiện? Là tự tâm hiện, không phải đến từ bên ngoài. Sau khi khai ngộ, quý vị mới biết “*Tự tính Di Đà. Duy tâm Tịnh độ*”. Thế giới Cực Lạc, A Di Đà Phật từ đâu đến? Từ trong tự tính của chúng ta biến hiện ra, liên quan mật thiết với chúng ta.

Quý vị hiểu rõ chân tướng sự thật này rồi, mà muốn vãng sinh thế giới Cực Lạc, làm gì có lý không được vãng sinh? Vì thế, 2 câu này cũng ở trong Tam thời hệ niệm của Trung Phong Thiền sư. Di Đà chính là Di Đà trong tâm của mình, Tịnh độ là Tịnh độ tự tính biến hiện. Tâm ta chính là A Di Đà Phật và ngược lại A Di Đà Phật chính là tâm ta. Quý vị thật sự hiểu được sự liên quan của chúng ta với Phật và Cực Lạc thế giới rồi, mới thấy có rất nhiều người dần dần giác ngộ. Nói một cách khẳng định rằng: quê hương của mình ở Cực Lạc thế giới, vãng sinh là trở về nhà. Cả một thời gian dài mãi lưu lạc bên ngoài, cực khổ trăm bề, bây giờ muốn hồi đầu. Quý vị thử nghĩ xem, lưu lạc bên ngoài dễ hay trở về nhà dễ. Trở về so với lưu lạc đương nhiên dễ, những lời này đều là thật.

*“Do tự nhất tâm, nhi hiện diệu độ”* (Do từ nhất tâm mà hiện diệu độ). Đây là tâm hiện. *“Do tâm hồi chuyển, dĩ thành thế giới, thị cố sự sự vô ngại, viên minh cụ đức”* (Do tâm hồi chuyển mà thành thế giới. Vì thế, Sự sự vô ngại trọn vẹn đủ đức). Ý niệm của tâm, ngày nay các nhà khoa học cũng phát hiện, sức mạnh của ý niệm rất lớn. Thế giới của ý niệm có thể chuyển biến vũ trụ. Thập pháp giới Y chính trang nghiêm là do tâm xoay chuyển biến hiện ra. Do đó, nếu minh bạch nguyên lý này và biết rõ tính duyên khởi, thì ta hiểu Sự sự vốn vô ngại, vốn là viên minh cụ đức. Viên là viên mãn, minh là quang minh, các đức đầy đủ, không thiếu thứ gì.

Trong kinh dạy: *“Khai hoa hiển thị chân thật chi tế. Chân thật chi tế giả, chân như thật tướng chi bản tế”*, tức là sự thật chân tướng mà ngày nay chúng ta đề cập. *“Cố tri sở hiển hiện giả, đương tương tức đạo, tức sự nhi chân, nhất nhất vô phi chân như thật tướng”* (Cho nên biết những thứ hiển hiện là đạo ngay tại đây, tức sự mà chân, mỗi mỗi không gì không phải chân như thật tướng). Ở đâu? Ở ngay trước mắt. Trong Đại thừa giáo, đức Phật thường nói: *Ngoài tâm không có pháp. Ngoài pháp không có tâm*. Pháp là thập pháp giới Y chính trang nghiêm, đều là tâm hiện thức biến. Đã minh bạch, khẳng định và hiểu rõ rồi, quý vị sẽ khẳng định và tin tưởng 2 câu này.

*“Sở hiển hiện giả”*. Lục căn của chúng ta đối với cảnh giới lục trần, nó hiển hiện một cách rõ ràng minh bạch. *“Đương*

*tướng tức đạo, tức sự nhi chân*”, “Đạo” và “chân” ở đây là chỉ tự tính. Các bậc cổ đức đã khai ngộ, đã kiến tính. Tính này như thế nào? Ở trong hiện tướng tùy tiện chỉ một tướng, tất cả là tự tính. Giống như thầy giáo gật đầu đồng ý, rồi ấn chứng cho họ. “Tức sự”, trong sự tướng cũng như vậy, Các bậc cổ đức, khi bị thầy giáo tra vấn, học trò giơ tay và thầy giáo đồng ý, cũng khai ngộ rồi.

Đây là câu chuyện của thiền môn, nói về công án. Khi mới học Phật pháp, tôi rất thích đọc những sách này. Bây giờ, đã nhiều năm chưa đọc lại nó, đã quên tên rất nhiều người, tên triều đại cũng quên. Chỉ nhớ được câu chuyện như vầy: Ngày xưa, có một tiểu Hòa thượng rất nghịch ngợm, nhưng cũng rất thông minh. Một hôm, Lão Hòa thượng hỏi mọi người, Ngài đưa một ngón tay.

Thời đó, người xuất gia trên người đem theo giới đao, lão Hòa thượng liền rút giới đao ra, một nhát chặt đứt ngón tay, tiểu Hòa thượng liền được khai ngộ. Quý vị xem, đưa lên một ngón tay mà được khai ngộ, cắt đứt một ngón tay mà khai ngộ rồi. Ngài chỉ bắt chước, học người khác, quý vị xem đó chính là pháp không định pháp. Quý vị giúp người khác khai ngộ như thế nào? Đó chính là trí tuệ chân thật, thật sự có đức hạnh. Hiểu được điểm then chốt này, thì chỉ cần một cử động là lập tức khai ngộ. Quán căn cơ đó là đại học vấn. Chạm đến, trong một sát na là khai ngộ.

*“Nhất nhất vô phi chân như thật tướng”*. Bất cứ pháp nào, cảnh giới mà 6 căn tiếp xúc, không có pháp nào chẳng phải chân như, không có pháp nào chẳng phải thật tướng, cũng không có pháp nào chẳng phải tự tính. *“Diệc tức nhất nhất vô phi tự tâm”*, cũng tức là mỗi mỗi không gì không phải chân tâm của mình.

*“Thị cố siêu tình ly kiến, viên cụ thập huyền dã”* (Vì thế, vượt tình, lìa kiến trọn đủ Thập Huyền Môn). *“Siêu tình ly kiến”* mới khai ngộ được. Nếu có tình chấp, thì không thể khai ngộ. Nếu còn kiến giải cũng không thể khai ngộ, vì kiến giải là Sở tri chướng, mà tình chấp là Phiền não chướng. Nếu không buông xả 2 thứ này, hoặc không buông hết, đều không cách nào khai ngộ được.

Do đó, điều kiện để khai ngộ là “siêu tình ly kiến”. Phải vượt qua tình chấp. Điều này rất khó. Ở đây, muốn nói rằng khó khăn nhất của Phiền não chướng là thân tình. Làm sao để có thể buông bỏ tình thân? Buông bỏ thân tình có phải là vô tình chẳng? Không phải. Sau khi xả bỏ thân tình mới có chân tình, vì thân tình này là giả, gọi là hư tình giả ý, làm gì có thật? Nó luôn thay đổi. Điều này, chúng ta nên biết. Chân tình là vĩnh hằng bất biến, vì tự tính không thay đổi mà. Khi chúng ta mê thất tự tính, chân tình sẽ trở thành hư tình giả ý. Cái mà mọi người đang chấp trước là không thật, là hư tình giả ý. Khi chân tình xuất hiện, gọi là đại từ đại bi, vô duyên đại bi, đồng thể đại bi, đây thật là vĩnh hằng bất biến.

Tình thương của chư Phật, Bồ tát đối với tất cả chúng sinh, vượt trên tình mẫu tử rất nhiều, không cách nào so sánh được. Vì sao? Vì nó là tự tính. Từ trong tự tính lưu xuất ra, vĩnh hằng bất biến, cho nên viên mãn thập huyền. Chúng ta học qua Thập Huyền Môn, viên mãn cụ túc. Tất cả pháp, bất cứ pháp nào, cũng đầy đủ Thập Huyền. Như vậy mới nói về Tính, Tướng, Lý, Sự, Nhân, Quả của tất cả pháp một cách viên mãn. Bất kể pháp nào cũng đều viên mãn, bình đẳng.

Trong kinh nói một vi trần với pháp giới hư không giới đều bình đẳng, huống gì các pháp khác?

Pháp giới hư không giới, ngày nay gọi là thế giới vĩ mô. Một vi trần là vi quan thế giới. Vi quan và hồng quan là một không phải hai. Một là tất cả, tất cả là một. Một là vi quan, tất cả là hồng quan. Hồng quan đầy đủ “thập huyền”, vi quan cũng đầy đủ “thập huyền”.

*“Hoa Nghiêm chi độc thắng, đoạn tại thập huyền”* (Hoa Nghiêm hơn hết vì có Thập Huyền Môn). Trong tất cả các kinh, *Hoa Nghiêm* vượt lên tất cả. Thù thắng chỗ nào? Vì kinh *Hoa Nghiêm* rất viên mãn, rất thấu triệt. Còn các kinh khác phần nào quan trọng, thì đức Phật giảng chi tiết, phần còn lại thì không. Một thể có rất nhiều mặt, ví dụ như chúng tôi giở nắp ly này ra, quý vị nhìn từ bên này, thì thấy cái nắp này tròn, nhô ra. Nếu nhìn từ bên kia thì cũng thấy tròn, nhưng lõm xuống, nhìn từ phía này lại thấy như vậy, hình

dáng không giống nhau. Điều này nói lên rằng, đức Phật nói những bộ kinh khác là giảng về một mảng nào đó, chứ không phải đầy đủ mọi mặt. Nhưng *Hoa Nghiêm* nói đủ mọi mặt, nên kinh *Hoa Nghiêm* vượt lên tất cả là ở chỗ này. Tất cả các kinh hợp lại chính là “*Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh*”.

Kinh *Hoa Nghiêm* triển khai tất cả các kinh. Trong kinh *Hoa Nghiêm* có nói từng bộ phận, giảng mặt này. Nhưng ngoài ra, khi đức Phật giảng, thì dạy đặc biệt rõ ràng, nhưng nó không hoàn chỉnh. Còn *Hoa Nghiêm* thì hoàn chỉnh, nên nói kinh *Hoa Nghiêm* vượt lên tất cả là vậy.

Kinh *Hoa Nghiêm* đầy đủ Thập Huyền. Kinh *Vô Lượng Thọ* cũng đầy đủ Thập Huyền. Đoạn này, chúng ta thấy chư vị Tổ sư dẫn chứng kinh văn trong bản kinh. Trong Thập Huyền Môn, mỗi môn đều có trong kinh văn, cho nên bên dưới nói: “*Kim bản kinh diệc cụ*”. *Vô Lượng Thọ Kinh* cũng đầy đủ Thập Huyền Môn, chứng minh bản kinh không khác *Hoa Nghiêm*, nghĩa là bộ kinh này với *Hoa Nghiêm* không khác.

“*Hoa Nghiêm mạt hậu dĩ Thập Đại Nguyên Vương đạo quy Cực Lạc. Kim bản kinh toàn hiển Tịnh tông đạo dẫn phàm thánh đồng quy Cực Lạc. Cố xưng bản kinh vi trung bản Hoa Nghiêm thành hữu cứ dã*” (Cuối kinh *Hoa Nghiêm* dùng Mười Đại nguyên vương dẫn về Cực Lạc. Nay kinh *Vô Lượng Thọ*

này toàn hiển bày Tịnh Tông hướng dẫn phàm, thánh đồng về Cực Lạc, cho nên gọi kinh này là *Trung bản Hoa Nghiêm*, thật có căn cứ vậy).

Có căn cứ. Trong lúc đức Phật giảng dạy Đại thừa giáo, trong kinh có nói Bồ tát không tu hạnh Phổ Hiền, thì không thể viên thành Phật đạo. Nói cách khác, chư vị Bồ tát muốn thành Phật, nhất định phải tu hạnh Phổ Hiền. Còn người tu Tịnh độ thì sao? Họ cũng đều tu hạnh Phổ Hiền.

Quý vị xem cuốn kinh này của chúng ta, 48 phẩm của Hạ Liên Lão hội tập, phẩm thứ 2, quý vị xem đề mục “*Đức Tôn Phổ Hiền*”. Phẩm này nói rõ nhập môn của Tịnh Độ Tông là tu hạnh Phổ Hiền. Trong kinh cũng đã nói rất rõ ràng như thế. Ở trang 114, câu đầu tiên: “*Hàm cộng tôn tu Phổ Hiền đại sĩ chi đức, cụ túc vô lượng hạnh nguyện, an trú nhất thiết công đức pháp trung*” (Đều cùng tôn kính tu đức của Phổ Hiền đại sĩ, đầy đủ vô lượng hạnh nguyện, an trú trong hết thảy các pháp công đức). Đây là cảnh giới của người tu Tịnh độ, câu đầu tiên của phẩm thứ 2. Vì thế, Hạ Liên Lão đặt đề mục cho phẩm này là “*Đức Tôn Phổ Hiền*”. Sự liên quan của Tịnh độ với Phổ Hiền Bồ tát vô cùng mật thiết. Ở nơi Hoa Tạng thế giới, Bồ tát Phổ Hiền là tượng trưng của Hành môn.

Quý vị! Gia đình chúng ta thờ Phật, tượng Phật là tượng trưng, không thể coi như là một vị thần được. Nếu quý vị coi đó như vị thần là sai lầm, là mê tín. Tượng Phật là để cảnh

tỉnh chính mình. Thờ Phật công đức rất lớn, vì sợ chúng ta quên tính Phật, nên sớm tối đến trước Phật đường, lễ Phật để cảnh giác mình. Chúng tôi ở đây giảng kinh, đằng sau là Hoa Nghiêm Tam Thánh. Ở giữa là Tỳ Lô Giá Na Như Lai, còn 2 bên là Văn Thù và Phổ Hiền Bồ tát. Ngồi trên đại tượng là Ngài Phổ Hiền, còn trên sư tử là Ngài Văn Thù. Ngài Văn Thù tượng trưng cho Giải môn, trí tuệ. Phổ hiền tượng trưng cho thực tiễn, thật sự tu tập.

Bồ tát Phổ Hiền dạy chúng ta tu hành 10 đại cương, cần ghi nhớ! Điều thứ nhất dạy ta lễ kính chư Phật, đối với mọi người mọi việc và mọi vật cần có lễ phép, phải biết lễ kính. Khi đối nhân, tâm chân thành phải phát xuất từ nội tâm, phải cung kính. Tại sao mà đối với người phải cung kính? Vì họ vốn là Phật. Trong kinh *Hoa Nghiêm*, đức Phật dạy: *“Tất cả chúng sinh vốn là Phật”*.

Bây giờ, họ là một vị Phật hồ đồ, vì đang mê mờ chưa giác ngộ, nhưng họ là Phật, chẳng thể nói họ không phải Phật. Vì thế, chúng ta chỉ có thể nói họ là vị Phật hồ đồ. Chúng ta cung kính đối với đức Phật Thích Ca và Phật Di Đà như thế nào, thì cũng dùng tâm như thế đối mọi người. Xem tất cả mọi người là Phật Thích Ca, là Phật Di Đà. Như thế là chúng ta biết học.

Kính lễ chư Phật, chúng ta đã làm được rồi, nhưng còn đối với mọi vật như bàn, ghế, tấm ván, đèn,... thì ta không

thể nhìn thấy nó cũng xá chào 90°. Nếu nghĩ vậy thì ta đã sai. Cung kính nó bằng cách nào? Bằng cách đem nó để chỉnh tề, rồi lau chùi sạch sẽ, như vậy là cung kính với nó rồi. Vì thế, ta nên biết đối với tất cả vạn vật, cỏ cây, hoa lá, đều phải chăm lo chu đáo.

Đối với sơn hà đại địa cũng cần có tâm cung kính. Vì sao? Vì tất cả đều là chân tính, đều do tự tính biến ra. Những thứ đó đều là tự tính. Tự tính ở đâu? Chỗ nào cũng có, lúc nào cũng có, thiên biến vạn hóa. Tại sao có thể thiên biến vạn hóa? Nó tùy theo tâm niệm của chúng ta mà biến hóa ra. Khi ta khởi niệm thiện, thì không có thứ gì là không phải thiện. Chúng ta niệm niệm bất thiện, thì không có thứ gì là không bất thiện, chính là đạo lý này.

Tây Phương Cực Lạc thế giới tốt, cũng không có nguyên nhân nào khác. Đức Phật A Di Đà dạy giỏi, ngày ngày giảng kinh dạy học, tất cả mọi người đều tiếp thụ giáo dục. Đây là ưu điểm lớn nhất, nó là một quốc độ mới xuất hiện. Nơi này lịch sử chưa lâu.

Trong kinh dạy, thế giới Cực Lạc từ kiến lập đến nay mới chỉ có 10 kiếp, cho nên thời gian không dài. Phạm muốn đi đến đó phải có điều kiện của nó. Không hợp điều kiện, thì không thể đi được. Điều kiện là gì? Là thiện căn, phúc đức và nhân duyên. Trong kinh *Di Đà*, đức Thế Tôn dạy rằng: *“Bất khả dĩ thiếu thiện căn phúc đức nhơn duyên đắc sinh bỉ*

*quốc*”. Kinh dạy quá rõ ràng. Phàm sinh đến cõi Cực Lạc đều phải là nhiều thiện căn, phúc đức, nhơn duyên, thêm nữa là Tín, Nguyện, Hành. Khi đã có thiện căn, phúc đức, nhơn duyên, thì có thể Tín, có thể Nguyện và có thể Hành và quyết định được sinh Tịnh độ. Đơn giản như vậy thôi!

Thiện căn là gì? Là năng tín, năng giải. Khi tiếp xúc với một pháp môn mà có thể tin tưởng lý giải không hoài nghi gọi là thiện căn.

Phúc đức là gì? Phúc đức là năng hành, nghĩa là thật sự tu.

Còn nhân duyên? Nhân duyên của người là gặp được thiện hữu. Đức Thế Tôn đã dạy cho chúng ta biết pháp môn này. Nếu gặp được kinh điển, gặp được đạo tràng tu tập như vậy, đều là nhờ nhân duyên. Vì thế, nói năng tín, năng giải, thật tu, chân thật niệm Phật, cộng thêm môi trường tu học tốt như vậy, thì sao không thành tựu?

Chúng ta học qua kinh *Hoa Nghiêm*, thấy Thiện Tài đồng tử, Ngài là biểu pháp, làm tấm gương của một đời tu hành thành Phật để chúng ta noi theo. Thành tựu một đời của Ngài là chứng đắc cứu cánh viên mãn. Chúng ta thấy trong kinh *Hoa Nghiêm*, thầy của Ngài là Văn Thù Sư Lợi Bồ tát, và Ngài đã khai ngộ trong hội thuyết pháp của Văn Thù Bồ tát, như chúng ta thường nói minh tâm kiến tính, đại triệt đại ngộ. Ngộ rồi khởi tu. Sau khi ngộ mới khởi tu. Khởi tu là gì? Là tuy đã ngộ rồi, nhưng tập khí phiền não vẫn tồn tại, phải

trừ sạch những thứ này, mới có thể chứng quả. Hai vị Bồ tát này, chúng ta dùng cách nói đơn giản nhất, nghĩa là Bồ tát Văn Thù dạy ta nhìn thấu, còn Bồ tát Phổ Hiền dạy chúng ta buông xả. Vì thế, Bồ tát Văn Thù là tuệ giải - lý giải, Bồ tát Phổ Hiền là thật tu. Sau khi Thiện Tài khai ngộ, Bồ tát Văn Thù kêu Thiện Tài đi tham học, 53 lần đi tham vấn cầu học, thì thành tựu.

53 tham là gì? Chính là xã hội thực tế hiện tại, trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày, như công việc, đối nhân xử thế. 53 tham là tượng trưng cho nam, nữ, già, trẻ, các ngành các nghề trong xã hội, và tất cả đều tiếp xúc. Người tốt cũng tiếp xúc, người xấu cũng tiếp xúc, và tiếp xúc với bất cứ người nào. Đó là gì? Là qua sự việc để luyện tâm. Ở trong cách đối nhân, xử thế, tiếp vật để rèn luyện, xem quý vị có thể thông qua các cửa này hay không? Đây là chân thật trí tuệ.

Ngày xưa, thầy Phương giới thiệu kinh *Hoa Nghiêm* cho tôi, nói đây là chân trí tuệ, đã thông qua kiểm nghiệm. Tức là các ngành, các nghề trong xã hội đều tiếp xúc qua, từ để vương cho đến phạm phu tiểu tốt. Từ người học rộng phẩm đức cao sang, cho đến người tạo các ác nghiệp không biết một chữ đều tiếp xúc hết. Tiếp xúc để luyện gì đây? Luyện không khởi tâm, không động niệm, không phân biệt, không chấp trước. Luyện như vậy thành tựu được gì? Trong kinh nói là thành tựu Thanh tịnh, Bình đẳng, Giác. Nếu không thông qua thử thách thực tế này, thì làm sao biết được tâm

thanh tịnh, bình đẳng, giác? Cần thông qua, điều này không dễ. Giải ngộ dễ dàng, nhưng chứng ngộ thì rất khó, cửa ải nào cũng phải thông qua.

Người mà Thiện Tài đi tham học lần thứ nhất là một vị xuất gia - Tỷ khiêu Cát Tường Vân. Vị Tỷ khiêu này tu pháp môn gì? Là chuyên niệm A Di Đà Phật cầu sinh Tịnh độ. Người xưa thường nói *“Tiên nhập vi chủ”* (Vào trước là chủ). Đây là vị thiện tri thức đầu tiên, do Bồ tát Văn Thù giới thiệu để Thiện Tài đến tham học. Chúng ta cũng biết, thầy của Thiện Tài là Văn Thù Sư Lợi. Văn Thù Sư Lợi từ pháp môn này mà thành tựu. Thiện Tài là môn sinh đặc ý được thừa truyền đại pháp của thầy mình, khẳng định không thay đổi pháp môn của thầy. *“Tứ Thập Hoa Nghiêm”*, quyển thứ 39, nói Văn Thù và Phổ Hiền đều phát nguyện cầu sinh Tây Phương Cực Lạc.

Tỷ khiêu Cát Tường Vân giảng pháp khai thị cho Thiện Tài, nói về 21 loại pháp môn Niệm Phật. 21 không phải đơn thuần là con số, mà nó tượng trưng đại viên mãn. Mật Tông cũng tượng trưng cho đại viên mãn, vì tượng trưng của Mật Tông là Đại thừa, Tiểu thừa, Hiền giáo, Mật giáo, Tông môn, Giáo môn, tất cả đều có. Do đó, thầy Phương cho rằng đây là khái luận triết học trong kinh Phật.

Vì thế, 21 pháp môn này là đem 84.000 pháp môn, vô lượng pháp môn thu tóm quy nạp vào pháp môn Tịnh Độ. Toàn là pháp môn Niệm Phật, không có pháp nào chẳng phải

là pháp môn Niệm Phật. Đúng là một là tất cả, tất cả là một. Chúng ta đã thấy trong kinh *Hoa Nghiêm*, đây là Thập Huyền Môn, thật không thể nghĩ bàn!

Đến lần học đạo cuối cùng, Bồ tát Phổ Hiền thập đại nguyện vương dẫn về Cực Lạc, thì chúng ta hiểu rõ. Đầu và cuối là Tịnh độ, chúng ta sẽ biết được ở giữa. Ở giữa là 51 vị tham vấn. Ta thấy Thiện Tài đi tham học, có lễ bái, tức là lễ kính chư Phật, có tán thán, cúng dường, sám trừ nghiệp chướng. Sám trừ nghiệp chướng ở đâu? Là nghe thiện tri thức khai thị, gạt bỏ lo lắng của mình, đó là nghiệp chướng. Và cảm ân đối với vị thiện tri thức này.

Cuối cùng là luyến đức lễ từ, có nghĩa là gì? Tôi đã đến đây tu học, và cảm ơn sự chỉ dạy của Ngài. “Lễ từ” là gì? Nghĩa là tôi không học pháp môn này, mà chỉ học pháp môn Niệm Phật. Pháp môn nào Ngài cũng đều đi tham học và hiểu rõ tất cả, nhưng cuối cùng chỉ chọn cách niệm Phật. Cảm ơn sự chỉ dạy của người là luyến đức. Lễ từ là lễ bái, từ chối không học pháp môn này.

Quý vị nhìn xem, cuối cùng vẫn là “*Nhất môn thâm nhập, trường thời huân tu*”. Nhất môn thâm nhập là không nghi, không trở ngại, đi tham học khắp nơi. Thành tựu Hậu đắc trí cho mình một cách viên mãn, chính là Vô sở bất tri. Tuy Vô sở bất tri, nhưng tâm của Ngài như như bất động, vẫn niệm Phật cho đến cùng.

Vì thế, lần tham vấn thứ 53 trong hội Phổ Hiền, Ngài chứng đắc cứu cánh viên mãn Phật quả. Điều này, gọi cho chúng ta biết rất nhiều. Đương nhiên học tập không dễ. Vì sao? Vì được khai ngộ rồi mới có thể học, còn chưa khai ngộ thì trước phải học cho khai ngộ. Sau khi khai ngộ, phải trải qua việc luyện tâm. Như vậy, mới thật sự khởi đại dụng. Ở đây tức nói là “diệu dụng vô phương”.

Phần cuối của kinh *Hoa Nghiêm*, lấy thập đại nguyện vương dẫn về Cực Lạc. “*Kim bản kinh toàn hiển tịnh tông, đạo dẫn thánh phàm, đồng quy Cực Lạc. Cố xưng bản kinh vi trung bản Hoa Nghiêm, thành hữu cứ dã*” (Nay kinh này hoàn toàn hiển bày Tịnh Tông, hướng dẫn thánh, phàm đồng về Cực Lạc. Vì thế, nói kinh *Vô Lượng Thọ* này là *Trung bản Hoa Nghiêm*, thật là có căn cứ vậy). Điều này xác thực là có kinh điển làm căn cứ, không phải tùy tiện nói ra. Gọi kinh này là “*Trung bản Hoa Nghiêm*”, là Bành Tế Thanh cư sĩ thời Càn Long, nhà Thanh, nói.

Bành cư sĩ cũng không phải là người phổ thông. Ông ta thông Tông, thông Giáo, Hiển Mật viên dung, thông minh tuyệt đỉnh. Ông thi đỗ tiến sĩ, nhưng chưa từng ra làm quan, nhất tâm niệm Phật, trong Phật pháp có thành tựu rất lớn. Ông có một trước tác “*Hoa Nghiêm Niệm Phật Tam Muội Luận*”, cho nên ông ta là người đầu tiên nói ra câu này: “*Kinh Vô Lượng Thọ tức là trung bản Hoa Nghiêm*”.

*“Hựu cứ ‘Yếu Giải’ phán tiểu bản viết: Hoa Nghiêm áo tạng, Pháp Hoa bí tuỷ, nhất thiết chư Phật chi tâm yếu, Bồ tát vạn hạnh chi nam, giai bất xuất ư thủ hỷ” (Lại Yếu Giải nhận xét về tiểu bản: Tạng sâu Hoa Nghiêm, cốt tuỷ Pháp Hoa tâm yếu của hết thầy chư Phật, chỉ nam của Bồ tát Vạn Hạnh, đều không ra ngoài kinh này).*

Đây là điều mà Ngẫu Ích Đại sư nói vào cuối thời nhà Minh. Ngẫu Ích Đại sư là Tổ sư đời thứ 9 của Tông Tịnh Độ. Ngài viết cuốn *“Yếu Giải”* này chính là chú giải cho kinh *Di Đà*, đơn giản, chặt chẽ và viết trong 9 ngày là hoàn thành. Cuối sách, Ngài có viết một đoạn văn Bạt ngắn, ghi lại thời gian viết sách này. Ấn Quang Đại sư thời cận đại đối với cuốn *“Yếu Giải”* này đã viết lời bình rằng: “Cho dù cổ Phật tái sinh, để viết chú giải cho kinh *A Di Đà*, cũng không thể hơn cuốn này”. Lời tán thán của Ấn Quang Đại sư là tán thán đến tối đa, tán thán đến đỉnh điểm.

Trước đây vài năm, tôi ở Singapore, có một hôm Diễm Bồi Pháp sư, người bạn cũ của tôi, hỏi tôi: “Sự tán thán của Ấn Quang Đại sư đối với cuốn *Yếu Giải* có phải là hơi quá đáng không?”. Tôi nói với Pháp sư: “Vừa đúng mức, không có gì quá đáng”. Đây là sự thật không giả dối đâu.

*“Hoa Nghiêm áo tạng, Pháp Hoa bí tuỷ”* đều ở trong Tịnh độ. Là tâm yếu của hết thầy chư Phật, là chỉ nam của Vạn Hạnh Bồ tát. Một cuốn kinh *Di Đà* nho nhỏ mà đầy đủ tất cả.

Vậy kinh *Vô Lượng Thọ* đương nhiên càng đầy đủ. Chúng ta muốn học Phật, bộ kinh này là đủ rồi, là viên mãn rồi. Nếu sợ phiền phức, muốn đơn giản một chút thì học kinh *Di Đà*. Còn khi muốn học nhiều một chút, hiểu nhiều một chút, thì học kinh *Vô Lượng Thọ*. “Nhất môn thâm nhập, trường thời huân tu”, chắc chắn có thể đắc niệm Phật Tam Muội, chắc chắn có thể khai ngộ. Khai ngộ vãng sinh sẽ sinh về cõi Thật Báo Trang Nghiêm, còn đắc Tam Muội vãng sinh thì sinh về cõi Phương Tiện Hữu Dư, đều không ở cõi Đồng Cư. Ở cõi Đồng Cư là chỗ chưa khai ngộ, chưa đắc Tam Muội, chúng ta cần phải biết điều này. Hơn nữa, Cực Lạc không xa rời Hoa Tạng thế giới, Di Đà tức là Tỳ Lô Giá Na.

Tôi ở Singapore giảng kinh này. Tôi nhớ lúc đó tôi nương vào cuốn chú bên lề của thầy Lý để giảng. Có người hỏi tôi sự liên quan giữa Cực Lạc thế giới và Hoa Tạng thế giới. Tôi đưa ra ví dụ: Hoa Tạng thế giới là Singapore, Cực Lạc thế giới là đường Ô Tiết, đây là con đường phồn hoa nhất Singapore. Thật vậy, vì Hoa Tạng thế giới là một con đường rất phồn hoa, rất náo nhiệt. Di Đà là báo thân, còn Tỳ Lô Giá Na là pháp thân. Như vậy, Báo thân Phật, tức là Pháp thân Phật, cho nên nói bản kinh này là Viên giáo, ai nói không phải? Người xưa phân Tịnh Tông, kinh *A Di Đà*, kinh *Vô Lượng Thọ* là Viên giáo, giống như *Hoa Nghiêm* vậy. Nhưng sự phân giáo này tương sai biệt trong bình đẳng. Nếu người đạt đến chỗ viên mãn, thì pháp pháp đều viên mãn, bình đẳng, không

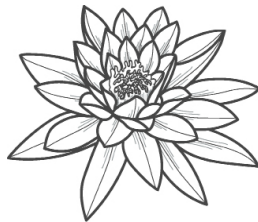
cao thấp. Đây là tướng bình đẳng trong sai biệt. Điều này, không phải giảng trong khi dạy, mà ở nơi người học tập như chúng ta. Chúng ta là người học tập, nếu là Viên đốn căn tính, thì không có gì để nói. Còn không phải Viên đốn căn tính, thì đây cũng là Viên giáo. Vì trong Viên giáo cũng có sai biệt.



# MỤC LỤC



|             |     |
|-------------|-----|
| TẬP 61..... | 5   |
| TẬP 62..... | 45  |
| TẬP 63..... | 87  |
| TẬP 64..... | 135 |
| TẬP 65..... | 175 |
| TẬP 66..... | 217 |
| TẬP 67..... | 261 |
| TẬP 68..... | 297 |
| TẬP 69..... | 335 |
| TẬP 70..... | 377 |



HỘI LUẬT GIA VIỆT NAM  
NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC  
65 Tràng Thi - Quận Hoàn Kiếm - Hà Nội  
Email: nhaxuatbanhongduc65@gmail.com  
Điện thoại: 024.39260024 Fax: 024.39260031

**TỊNH ĐỘ ĐẠI KINH GIẢI DIỄN NGHĨA - QUYỂN 7**

*Chủ giảng:* **LÃO PHÁP SƯ TỊNH KHÔNG**

\*\*\*\*\*

*Trưởng ban biên dịch:* TK. Thích Đồng Bổn

Chịu trách nhiệm xuất bản  
**Giám đốc Bùi Việt Bắc**  
Chịu trách nhiệm nội dung  
**Tổng biên tập Lý Bá Toàn**  
Biên tập: **Phan Thị Ngọc Minh**  
Sửa bản in: **TT Phật Học Chánh Trí**  
Trình bày & bìa: **Khánh Chi**

\*\*\*\*

Đối tác liên kết:  
**CÔNG TY TNHH VĂN HÓA PHÁT QUANG**  
26 Nguyễn Tử Nha, P.12, Q. Tân Bình, TP.HCM

\*\*\*\*

In 500 cuốn, khổ 19,5x26,5cm tại Công ty CP in Khuyến học phía Nam, Lô B5-8 đường D4, khu công nghiệp Tân Phú Trung, xã Tân Phú Trung, huyện Củ Chi, TP.HCM. Số 402/QĐ-NXBHĐ. Số QĐXB của NXB:3586-2023/CXBIPH/20-107/HĐ cấp ngày 18/10/2023. In xong và nộp lưu chiểu năm 2023. Mã số sách tiêu chuẩn quốc tế (ISBN) 978-604-482-182-5